CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở NHÀ MÁY DỆT VẢI LIAN – TA – HSING VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG N15, KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

Tây Ninh, tháng năm 2025

CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở NHÀ MÁY DỆT VẢI LIAN – TA – HSING VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG N15, KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

CHỦ CƠ SỞ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT
Tổng Giám đốc	Giám đốc
	Lê Thị Thoa

Tây Ninh, tháng năm 202

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT iv
DANH MỤC BẢNG v
DANH MỤC HÌNH vi
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1
1. Tên chủ cơ sở 1
2. Tên cơ sở 1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: 3
3.3. Sản phẩm của cơ sở: 8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 8
4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng cho Cơ sở 8
4.2. Nhu cầu sử dụng điện 10
4.3. Nhu cầu sử dụng nước 11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 14
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 21
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 21
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 21
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 23
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 23
1.1. Thu gom, thoát nước mưa: 23
1.2. Thu gom, thoát nước thải 24
1.3. Xử lý nước thải: 26
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 33
2.1. Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn dệt, tiền xử lý vải 34
2.2. Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất (quá trình pha hóa chất nhuộm) 36
2.3. Hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động lò hơi và lò dầu tải nhiệt 38
2.4. Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động xe ra vào cơ sở 41
2.4. Đối với mùi hôi từ xử lý nước thải tập trung 41
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 42
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt 42

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường 42
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH) 43
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 45
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 46
6.1. Phòng ngừa sự cố hóa chất 46
6.2. Công tác phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố 47
6.3. Biện pháp phòng chống tai nạn và bảo hộ lao động cho công nhân 48
6.4. Biện pháp giảm thiểu sự cố hệ thống xử lý nước thải 49
6.5. Biện pháp giảm thiểu sự cố hệ thống xử lý khí thải 50
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 51
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp 52
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học 53
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 54
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 54
1.1. Nội dung đề nghị cấp phép 54
1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải 54
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 56
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 58
Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 60
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải 60
1.1. Quan trắc định kỳ 60
1.2. Quan trắc tự động, liên tục 61
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải 61
2.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi 61
2.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải 62
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):**Error! Bookmark not defined.**
Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ... 67
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 67
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 67
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 67
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 68
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở ... 68

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm 68
Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....Error! Bookmark not defined.
Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 69
PHỤ LỤC 1: VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ 1
PHỤ LỤC 2: VĂN BẢN VỀ CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ TẠI CƠ SỞ 3
PHỤ LỤC 3: HỢP ĐỒNG VÀ MỘT SỐ VĂN BẢN KHÁC LIÊN QUAN.....4
PHỤ LỤC 4: VĂN BẢN THANH TRA KIỂM TRA 6
PHỤ LỤC 5: VĂN BẢN, TÀI LIỆU VỀ KCN PHƯỚC ĐÔNG.....8
PHỤ LỤC 6: CÁC BẢN VẼ 10

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTCT	: Bê tông cốt thép
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
DV	: Dịch vụ
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
KCN	: Khu công nghiệp
NĐ	: Nghị định
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân
XLNT	: Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Công suất sản xuất các sản phẩm của công ty 3
Bảng 1.2: Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất và nhiên liệu phục vụ sản xuất năm 2023 8
Bảng 1.3. Nhu cầu dùng điện của cơ sở 10
Bảng 1.4: Thống kê nhu cầu dùng nước và nước thải của cơ sở.....13
Bảng 1.5: Tổng lượng nước cấp tại cơ sở 14
Bảng 1.6. Bảng tọa độ địa lý giới hạn khu đất 16
Bảng 1.7. Các hạng mục công trình tại cơ sở.....16
Bảng 1.8: Danh sách máy móc thiết bị.....18
Bảng 3.1. Hạng mục công trình của HTXLNT tập trung công suất 4.000m^3/ngày.đêm 33
Bảng 3.2: Các loại chất thải nguy hại phát sinh năm 2023 43
Bảng 3.3: Giới hạn đối với mức ồn của Dự án.....46
Bảng 3.4: Giới hạn đối với độ rung của Dự án 46
Bảng 3.5: Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt 51
Bảng 4.1: Thông số ô nhiễm và giới hạn cho phép trong nước thải 54
Bảng 4.2: Thông số ô nhiễm và giới hạn cho phép trong khí thải 57
Bảng 5.1: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2023 60
Bảng 5.2: Giá trị quan trắc trung bình 1 giờ.....61
Bảng 5.3: Vị trí các điểm quan trắc bụi và khí thải.....61
Bảng 5.4: Tổng hợp kết quả quan trắc bụi năm 2023 62
Bảng 5.5: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2023 63
Bảng 6.1: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....68

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Quy trình sản xuất của nhà máy 4
Hình 1.2: Sản phẩm sản xuất tại cơ sở 8
Hình 1.3: Quy trình xử lý nước cấp phục vụ sản xuất tại cơ sở 12
Hình 1.4: Sơ đồ vị trí của cơ sở 15
Hình 1.5: Hiện trạng các công trình tại cơ sở 18
Hình 3.1: Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở 24
Hình 3.2: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải 25
Hình 3.3: Khu vực trạm quan trắc tự động nước thải tại cơ sở 25
Hình 3.4: Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn 27
Hình 3.5: Quy trình công nghệ xử lý nước thải công suất 4.000 m^3/ngày.đêm 28
Hình 3.6: Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải 33
Hình 3.7: Quạt hút thu gom bụi tại công đoạn dệt 34
Hình 3.8: Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi tại công đoạn kéo lông 34
Hình 3.9: Sơ đồ hệ thống xử lý bụi tại công đoạn kéo lông 35
Hình 3.10: Khu vực hệ thống xử lý bụi vải tại công đoạn kéo lông 36
Hình 3.11: Quy trình xử lý khí thải tại quá trình pha hóa chất nhuộm 36
Hình 3.12: Hệ thống chụp hút và đường ống khí thải 37
Hình 3.13: Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải tại quá trình pha hóa chất 38
Hình 3.14: Quy trình xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt 39
Hình 3.15: Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt 40
Hình 3.16: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt 40

Chương I.
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
- Địa chỉ văn phòng: Lô số 45-1, đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông KAO, WEN-CHENG
- Chức vụ: Tổng giám đốc
- Điện thoại: 0276 3837666; Fax: 0276 3768777
- E-mail: liandaxing619@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3901229591 đăng ký lần đầu ngày 30/8/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/8/2023.
- Mã số thuế: 3901229591.

2. Tên cơ sở

2.1 Tên cơ sở, địa điểm thực hiện:

- Tên cơ sở: NHÀ MÁY DỆT VẢI LIAN - TA - HSING VIỆT NAM.
- Địa điểm cơ sở: đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2.2 Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

- Giấy chứng nhận đầu tư số 7622344186, chứng nhận lần đầu ngày 22/8/2016, điều chỉnh lần thứ 7 ngày 10/8/2023 được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp.
- Giấy phép xây dựng số 17.016/GPXD ngày 20/9/2017 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam).
- Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC694781, DC694782, DC694783, DC694784 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 30/12/2021.

2.3 Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

- Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing tại xã KCN Phước Đông,

xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty TNHH Lian – Ta - Hsing.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 72000623.T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/10/2020.

2.4 Quy mô của cơ sở:

2.4.1 Quy mô cơ sở

Cơ sở có tổng vốn đầu tư: 1.125.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ đồng)*. Theo tiêu chí quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024, **cơ sở thuộc nhóm B** (quy định tại Khoản 4 Điều 9 của Nghị định này).

2.4.2 Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này:

Cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và **không có** yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về *sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*..

2.4.3 Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Cơ sở sản xuất vải dệt kim;

- Công suất: 10.000 tấn/năm tương đương 19.000.000 m^2 vải /năm.

2.4.4 Phân nhóm dự án đầu tư:

- Theo tiêu chí về môi trường để phân loại cơ sở, **cơ sở thuộc nhóm I** theo quy định tại Số thứ tự 3, Mục I, Điều 3 – Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về *sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*. Do đó, Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*Cơ sở, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí vê môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này*).

- Về thẩm quyền cấp giấy phép môi trường: căn cứ vào khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Về cấu trúc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường: Báo cáo được thực hiện theo cấu trúc hướng dẫn tại Phụ lục X - Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, KSX, KD, DV tập trung, CCN đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II *(ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).*

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công ty đã được Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7622344186 và cấp Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy dệt vải Lian – Ta – Hsing tại Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 25/5/2017.

Công suất sản xuất các sản phẩm hiện tại của công ty, cụ thể:

Bảng 1.1: Công suất sản xuất các sản phẩm của công ty

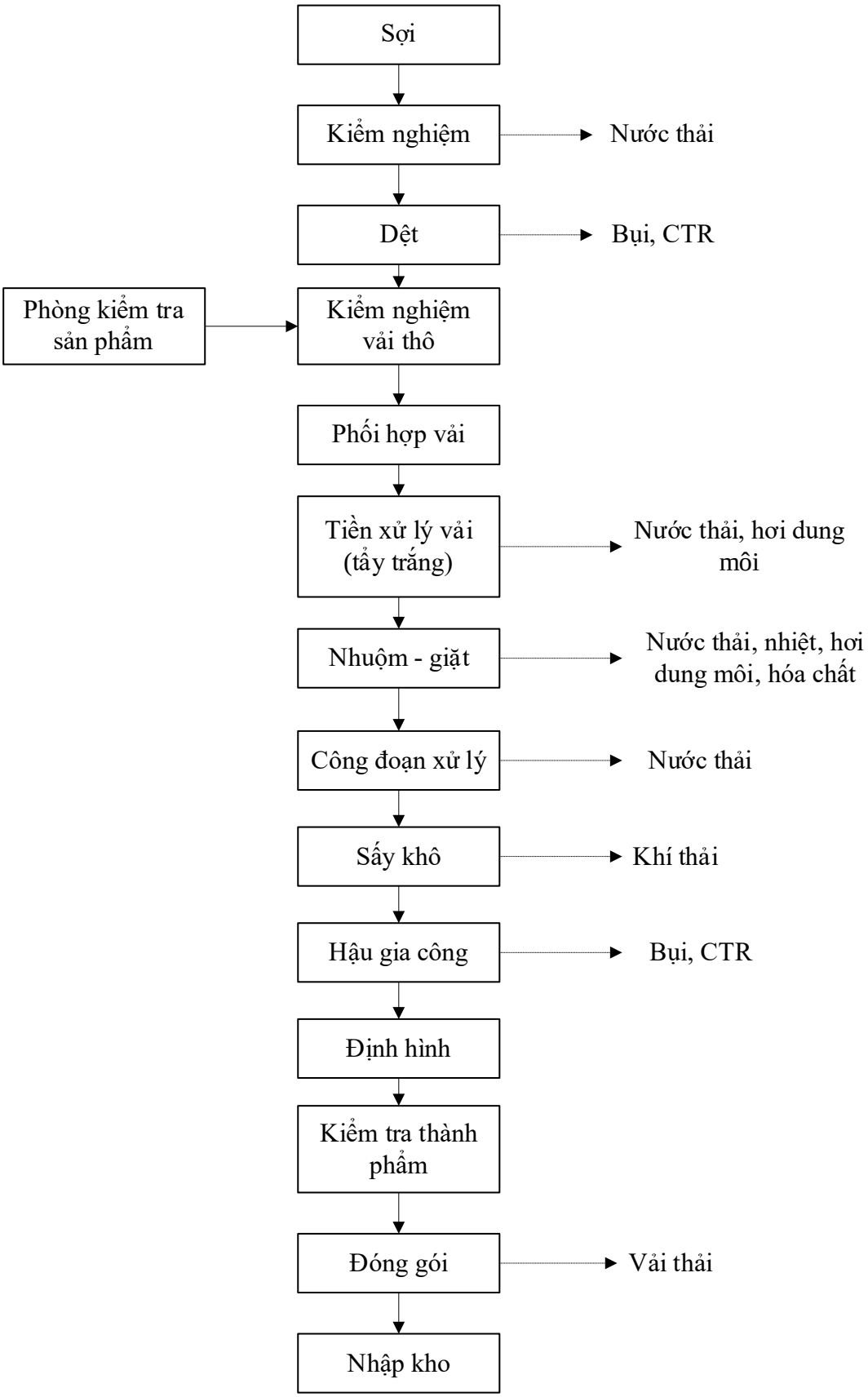
STT	Tên sản phẩm	Công suất sản xuất
1	Vải dệt kim	10.000 tấn/năm tương đương 19.000.000 m^2 vải /năm

(Nguồn: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), 2024)

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình sản xuất của nhà máy áp dụng theo quy trình sản xuất mới và hiện đại. Toàn bộ quy trình mang tính tự động và khép kín, sử dụng ít công nhân.

Quy trình sản xuất của nhà máy như sau:



Hình 1.1: Quy trình sản xuất của nhà máy

- ***Thuyết minh quy trình sản xuất:***

Nguyên liệu: *Nguyên liệu cho quá trình sản xuất của dự án là các loại sợi bông tại Việt Nam, Trung Quốc và Đài Loan, thuộc loại sợi thiên nhiên (thường gọi là sợi ngắn) hoặc sợi hóa học (thường gọi là sợi dài), hay hỗn hợp sợi thiên nhiên và sợi hóa học. Sau khi được bộ phận kiểm nghiệm kiểm tra lần lượt về các tiêu chí như chất lượng sợi, độ đồng đều, độ thấm đều màu, hạt bông, độ xoắn… nếu đạt chuẩn sẽ được nghiệm thu và đưa vào dây chuyền sản xuất. Dây chuyền sản xuất đầu tiên là quy trình dệt.*

✓ **Dệt**

Quy trình dệt gồm: hồ sợi (hồ sợi dọc) – mắc sợi lên khung – dệt. Tùy theo loại nguyên liệu và sản phẩm mà chọn các loại máy dệt khác nhau gồm máy dệt kim đan tròn và máy dệt kim phẳng. Các loại vải có tính co giãn được dệt bằng máy dệt kim phẳng để có thể ngăn chặn triệt để những khác thường ở giữa trong quá trình dệt. Các loại vải khác thì dùng máy dệt kim đan tròn. Ngoài ra, mỗi máy dùng có một khoang ngăn bằng thép nhẹ, để phòng ngừa ô nhiễm bụi và lọc bụi để hạn chế bụi nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động.

✓ **Kiểm tra vải thô**

Vải thô đã dệt được nhân viên lấy mẫu đến phòng kiểm tra sản phẩm, tiến hành cân trọng lượng, đánh số, kiểm tra chất lượng bề mặt vải, đồng thời sửa những chỗ bị lỗi giúp ổn định kích thước vải, giảm bớt việc bề mặt vải không bằng phẳng hoặc vấn đề "gãy chân chim" (những đường bị gấp nếp).

Sau khi kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn, thành phẩm vải thô được chuyển qua xưởng nhuộm để tiếp tục quy trình sản xuất. Quy trình sản xuất tiếp theo là phối hợp các vải thô lại với nhau, cụ thể như sau:

✓ **Phối hợp vải**

Khi đưa vải vào thì phải dùng máy may nối từng cuộn vải lại, đồng thời dùng máy thả vải, máy thả vải dựa vào chỉ dẫn trong thẻ quy trình sản xuất tiến hành phân công, phối hợp công việc. Sau công đoạn phối hợp vải, vải sẽ tiếp tục qua công đoạn tiền xử lý vải dựa vào các loại sợi khác nhau như poly, nylon, bông, rayon… và yêu cầu của công nghệ.

✓ **Tiền xử lý vải**

Các loại vải đã dệt còn chứa nhiều tạp chất. Vì vậy tất cả các sản phẩm dệt đều khô cứng khó thấm các dung dịch hóa chất khác, nên rất khó nhuộm màu, mặt khác vải chưa có độ trắng cần thiết nên cần xử lý vải trước khi nhuộm. Mục đích của công nghệ tiền

xử lý vải là làm sạch các tạp chất để tăng khả năng nhuộm màu, đảm bảo sản phẩm nhuộm được đều màu và màu được tươi. Máy định hình sẽ tiến hành định hình sơ vải thô cho các loại vải có chứa amoniac. Máy làm ẩm lại sẽ tiến hành làm ẩm vải, thả vải cho các loại vải sợi ngắn có chứa amoniac. Máy phòng co tiến hành khử dầu vải sợi dài. Ngoài ra, giai đoạn này dùng các loại phụ gia như NaOH, H_2O_2 và chất hoạt dộng bề mặt (chất nhũ hóa, chất thẩm thấu) …

Nhà máy sử dụng nguyên liệu là các loại sợi khác nhau, tuy nhiên sau khi qua công đoạn tiền xử lý vải và phối hợp vải để đưa vào công đoạn nhuộm thì các loại vải cần nhuộm tương đối giống nhau. Do đó chất thải phát sinh trong quá trình nhuộm đặc biệt là nước thải đối với từng loại nguyện liệu sợi là giống nhau.

- ✓ **Nhuộm – giặt**

Đây là quá trình chính, sử dụng thuốc nhuộm tạo màu cho vải. Vải được ngầm trong dung dịch nhuộm, các chất phụ gia, chất trợ nhuộm để tăng khả năng nhuộm màu… trong quá trình nhuộm công ty sử dụng các loại thuốc nhuộm không có độc tố như: thuốc nhuộm phân tán, thuốc nhuộm hoạt tính, thuốc nhuộm axit, thuốc nhuộm cation, phẩm nhuộm… tùy luyện, chất kháng khuẩn, chất chống độc… tại công đoạn này hơi nóng từ lò hơi được cấp vào nhằm tạo điều kiện thẩm thấu màu nhuộm tốt hơn.

Quy trình nhuộm màu được thực hiện trong thùng nhuộm tràn, có hơi nước với dung dịch tỷ thấp (tỷ lệ ngâm 1:4), dùng nước và hơi nước làm chất dẫn nhiệt để tiến hành nhuộm màu, đặc điểm của nhuộm màu là dùng vòi phun tràn, luồng không khí để dẫn chất, tùy thuộc vào thuốc nhuộm khác nhau mà lựa chọn công nghệ khác nhau.

Vải sau nhuộm được giặt tẩy, để loại bỏ tạp chất, màu dư trên vải. Các chất giặt tẩy thường dùng là natri cloxit ($NaClO_2$), natri hypoclorit (NaOCl) hoặc hydro peroxide (H_2O_2) cùng các chất phụ trợ.

Công đoạn nhuộm chỉ được thực hiện phục vụ quy trình sản xuất của dự án, không thực hiện gia công nhuộm cho các nhà máy khác.

Tháo nước: Vải sau khi nhuộm được xả nước để giúp sấy khô đạt được hiệu quả hơn.

Sau khi được nhuộm – giặt, vải được chuyển qua công đoạn xử lý tiếp theo.

- ✓ **Công đoạn xử lý**

Sau khi hoàn thành nhuộm màu, vải dệt kinh qua máy ép nước, vải sẽ ra khỏi máy nhuộm màu dưới dạng sợi thừng, sử dụng dụng cụ tách thừng để biến thành dạng khổ

mở đồng thời loại bỏ lượng nước thừa trên bề mặt vải, sau đó lại ngâm qua các máng trong máy định hình thường gọi là xử lý hóa học với các loại phụ gia chức năng như: làm mềm, làm nhẵn, dầu silicone, chất chống thấm…

✓ **Sấy khô**

Vải sau công đoạn xử lý được sấy khô trong máy sấy. Tại đây hơi nóng từ lò dầu tải nhiệt sẽ cấp hơi vào giúp quá trình sấy khô nhanh hơn.

✓ **Công đoạn hậu gia công**

Tùy theo yêu cầu của khách hàng mà dùng các phương pháp gia công xử lý khác nhau (thường gọi là xử lý cơ học) để cải thiện đặc điểm và cảm giác khi sờ bên ngoài của vải, nhằm nâng cao giá trị gia tăng và khả năng ứng dụng của vải. Các loại máy có thể dùng trong công đoạn này bao gồm:

+ Máy mài lông (chức năng dùng để mài vải): làm cho bề mặt vải có hiệu quả mềm mịn.

+ Máy kéo lông (chức năng làm dậy lông): những sợi lông cong trên bề mặt vải được móc lên dưới tác dụng của kim và hồ, đạt đến kết quả dậy lông như mong muốn, có tác động giữ ấm.

+ Máy cắt lông (chức năng cắt lông): dùng loại bỏ lông tơ và lông cục trên bề mặt vải giúp bề mặt vải sạch sẽ hơn.

+ Máy chải lông (chức năng là chải lông): vải sau khi qua máy kéo lông được chải ngược lên, giúp lông có thể dựng đứng và xử lý cắt lông, kết quả cho lông trên bề mặt vải dài ngắn đều nhau.

+ Máy kết hạt: lấy hàng dệt dài sau khi mài, chải, cắt đem thổi hơi nước và xử lý sấy vòng, làm lớp lông trên bề mặt vải kết lại thành hình dạng hạt và đạt hiệu quả chống bung lông.

✓ **Định hình**

Sau công đoạn hậu gia công, vải qua công đoạn định hình nhiệt độ cao, xử lý vải hoàn chỉnh để có thể đưa ra thị trường. Ví dụ muốn đảm bảo độ co và sức xoắn của hàng dệt vải ngắn, phải qua máy phòng co giảm độ co rút của vải mới có thể đảm bảo chất lượng sản phẩm.

✓ **Kiểm tra thành phẩm**

Vải thành phẩm chuyển qua khâu kiểm tra. Các sản phẩm bị lỗi sẽ được chuyển về các công đoạn trước để điều chỉnh.

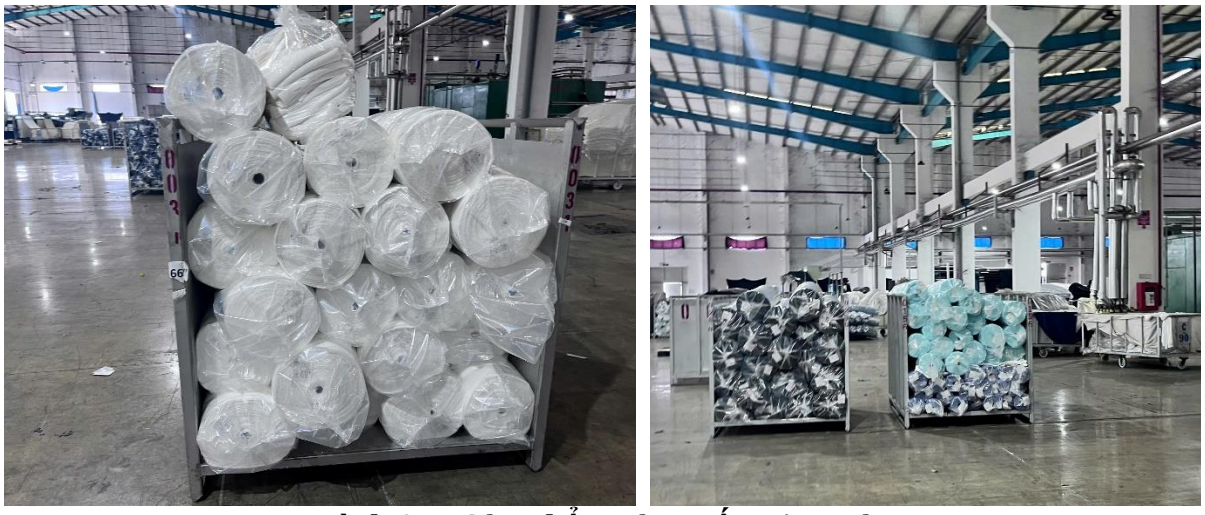
✓ **Đóng gói, nhập kho**

Sản phẩm sau khi kiểm tra chuyển qua khâu đóng gói, đóng thùng. Các thùng hàng được cho vào kho thành phẩm chờ xuất hàng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở là vải dệt kinh với công suất 10.000 tấn/năm.

Hình ảnh sản phẩm của cơ sở như sau:



Hình 0.1: Sản phẩm sản xuất tại cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng cho Cơ sở

Nguyên liệu, vật liệu, hóa chất phục vụ cho quá trình sản xuất của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.2: Nhu cầu nguyên liệu, hóa chất và nhiên liệu phục vụ sản xuất năm 2023

TT	Tên nguyên liệu, hóa chất và nhiên liệu	Khối lượng (tấn/năm)	Xuất xứ
I	**Nguyên liệu**		
1	Sợi cotton	410	Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan
2	Sợi CVC, T/C	85	
3	Sợi Polyester	85	
4	Sợi tổng hợp	54	
5	Sợi nhân tạo	730	
II	**Hóa chất**		
II.1	*Công đoạn nhuộm*		
1	Tẩy trắng huỳnh quang	20	Asia

TT	Tên nguyên liệu, hóa chất và nhiên liệu	Khối lượng (tấn/năm)	Xuất xứ
2	Thuốc nhuộm hoạt tính + Colvazol yellow CGB + Colvazol red CGB + Colvazol blue CGB	250	Đài Loan, Trung Quốc
3	Thuốc nhuộm phân tán + Lonsperse yellow LF-GY 100% + Lonsperse red LF-R 100% + Lonsperse blue LF-B 100%	200	Đài Loan
4	Chất thẩm thấu	200	Đài Loan
5	Chất giặt tẩy	100	Đài Loan
6	Sodium Hydroxide (NaOH)	40	Đài Loan
7	Acetic Acid (CH_2COOH)	10	Đài Loan
8	Sodium Sulfate (Na_2SO_4)	100	Đài Loan
9	Sodium Carbonate ($NaHCO_3$)	75	Đài Loan
10	Sodium Acetate ($C_2H_3NaO_2$)	2	Đài Loan
11	Glycerine ($C_3H_8O_3$)	130	Đài Loan
12	Sodium Metasilicate (Na_2O_3Si)	7	Đài Loan
13	Sodium Chloride (NaCl)	3	Đài Loan
14	Hydrogen Peroxide (H_2O_2)	50	Đài Loan
15	Citric Acid ($C_6H_8O_7$)	85	Đài Loan
16	Amoniac	4	Đài Loan
17	Cellulase	10	Đài Loan
18	Chelating Dispersant	18	Trung Quốc
19	Chất làm mềm	80	Trung Quốc
20	Peregal O	5	Trung Quốc
21	Bột giặt	1	Trung Quốc
II.2	*Công đoạn xử lý sau nhuộm*		
22	Chất chống tĩnh điện	3	Đài Loan
23	Chất chống tia cực tím	2	Trung Quốc
24	Chất chống thấm	3	Trung Quốc
25	Chất chống cháy	3	Trung Quốc
26	Chất làm bền màu	15	Trung Quốc
27	Chất tạo khuôn	2	Trung Quốc

TT	Tên nguyên liệu, hóa chất và nhiên liệu	Khối lượng (tấn/năm)	Xuất xứ
28	Dung dịch nhựa cây	2	Trung Quốc
29	Dung dịch Decolorizing	50	Trung Quốc
II.3	*Hóa chất xử lý nước cấp phục vụ sản xuất*		
30	PAC	72	Trung Quốc
31	NaOH	144	Việt Nam
32	Polymer A	3	Hàn Quốc
33	NaCl	10	Việt Nam
34	Phèn nhôm $Al_2(SO_4)_3$	360	Việt Nam
II.4	*Hóa chất xử lý nước thải*		
35	PAC	288	Trung Quốc, Việt Nam
36	CKM (chất khử màu)	216	Trung Quốc
37	$FeCl_2$	2.160	Việt Nam
38	H_2SO_4	144	Việt Nam
39	H_2O_2	216	Hàn Quốc, Bangladesh
40	NaOH	144	Việt Nam
41	Polymer A	3	Hàn Quốc
42	Polymer C	6	Hàn Quốc
43	Vôi CaO/$Ca(OH)_2$	1.440	Việt Nam
44	Javel (NaOCl)	288	Việt Nam
45	Phèn nhôm $Al_2(SO_4)_3$	432	Việt Nam
46	Phèn sắt $FeSO_4$	288	Trung Quốc
46	Than hoạt tính	72	Ấn Độ, Hàn Quốc
III	**Nhiên liệu**		
1	Than đá	6.800	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), 2024)

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cấp điện cho khu vực thuộc nguồn điện lưới quốc gia của Khu công nghiệp Phước Đông. Tại cơ sở không sử dụng máy phát điện.

- Theo thống kê của Công ty, tổng nhu cầu sử dụng điện trong 7 tháng năm 2024 của Công ty là 6.103.364 kWh, cụ thể tại bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu dùng điện của cơ sở

Tháng	Lượng điện tiêu thụ (KWh)
Tháng 3	1.067.729
Tháng 4	836.656
Tháng 5	775.635
Tháng 6	820.792
Tháng 7	847.327
Tháng 8	945.480
Tháng 9	809.745
Tổng cộng	**6.103.364**

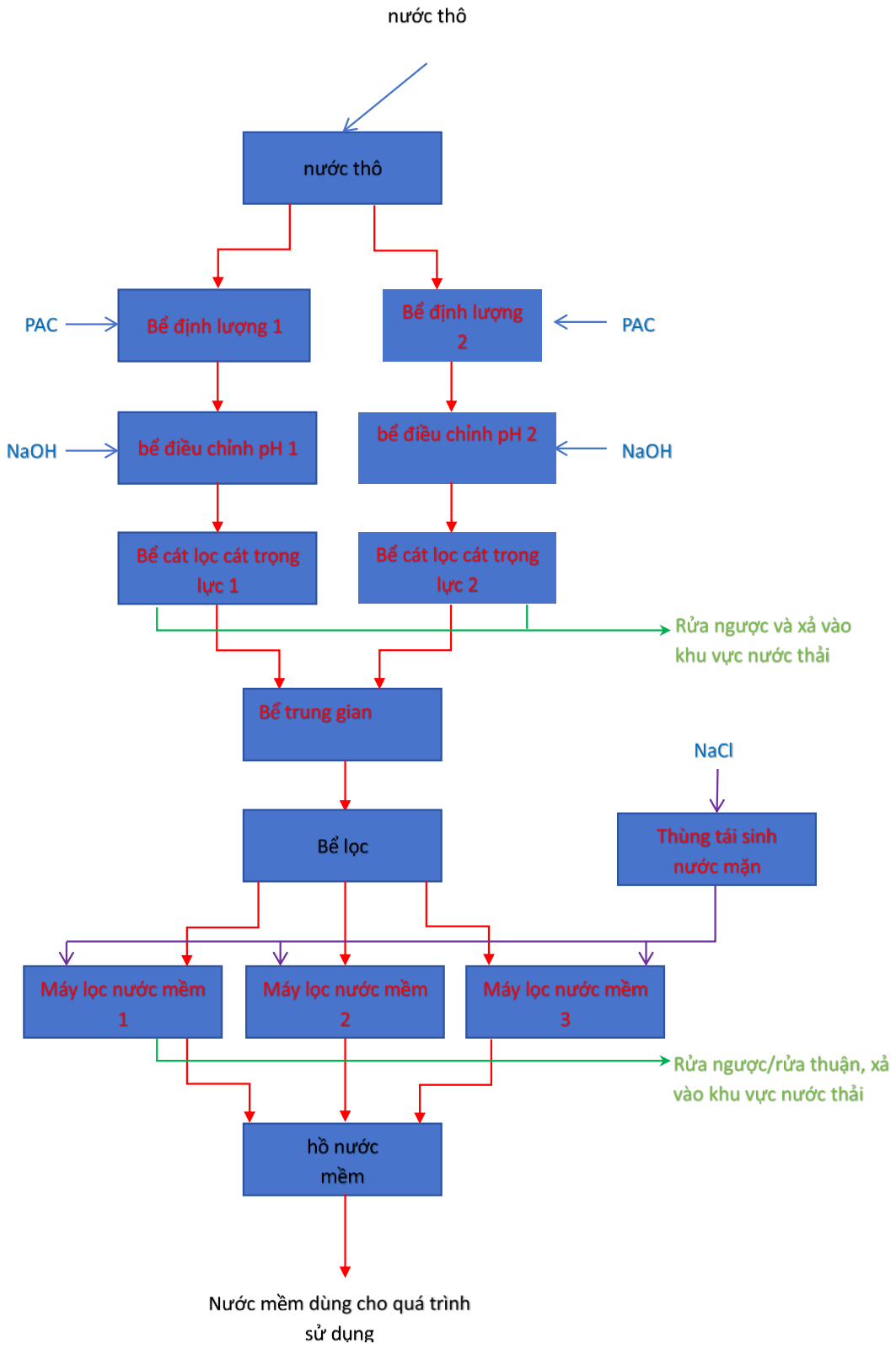
(Nguồn: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), 2024)

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cung cấp nước của cơ sở:

- Đối với nước cấp sinh hoạt: được cung cấp bởi nhà máy nước sạch của khu công nghiệp Phước Đông với tổng công suất 220.000 m^3/ngày.đêm, đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt tại cơ sở.

- Đối với nước cấp phục vụ sản xuất: nước thô được KCN Phước Đông cung cấp được lấy từ hồ Dầu Tiếng qua Kênh Đông. Công ty đã xây dựng và hoạt động ổn định hệ thống xử lý nước cấp công suất 5.000m^3/ngày phục vụ cho hoạt động sản xuất tại cơ sở. Quy trình xử lý nước cấp tại cơ sở như sau:



Hình 1.2: Quy trình xử lý nước cấp phục vụ sản xuất tại cơ sở

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở bao gồm các hạng mục: Cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên, hoạt động sản xuất, tưới cây, tưới đường, PCCC. Theo TCVN 13606:2023 – Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình, yêu cầu thiết kế và QCVN 01:2021/BXD được tính toán cụ thể tại bảng sau:

Bảng 1.4: Thống kê nhu cầu dùng nước và nước thải của cơ sở

TT	Nhu cầu dùng nước	Số lượng	Định mức	Lưu lượng nước cấp sử dụng	Lượng nước thải	Căn cứ định mức sử dụng nước
				(ĐVT: m^3/ngày.đêm)		
1	Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên	500 người	45 lít/ người.ngày	22,5	22,5	TCXDVN 13606:2023
2	Hoạt động sản xuất phục vụ xưởng nhuộm	12.000 tấn sợi/năm (Thời gian hoạt động là 300 ngày/năm)	101 m^3/tấn sợi	4.040	3.232	Số liệu định mức nước cấp cho sản xuất thực tế của nhà máy. Nước thải từ sản xuất bằng 80% lượng nước cấp
3	Hoạt động lò hơi	-	-	5	-	Số liệu định mức nước cấp cho sản xuất thực tế của nhà máy. Nước được tuần hoàn sử dụng, không thải ra ngoài
4	Tưới cây, thảm cỏ	63.879,81 m^2	3 lít/m^2	191,6	-	Theo: QCVN 01:2021/BXD. Chủ yếu sẽ bay hơi, được thấm xuống đất, một phần sẽ thoát vào hệ thống thoát nước mưa.
5	Rửa đường	23.651,7 m^2	0,4 lít/m^2/ lần tưới	9,5	-	
TỔNG				**4.268,6**	**3.254,5**	

Nước phòng cháy chữa cháy:

Ngoài nhu cầu sử dụng nước nêu trên thì Dự án còn sử dụng nước mục đích phòng cháy chữa cháy (PCCC). Lưu lượng cấp nước chữa cháy q = 15 l/s cho 01 đám cháy trong 3 giờ, số đám cháy xảy ra đồng thời 1 lúc là 1 đám cháy theo TCVN 2622:1995 – Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - yêu cầu thiết kế. Vậy lượng nước cần dự phòng cho chữa cháy là 216 m^3/ngày (3h). Nước sử dụng cho PCCC được lưu chứa trong hồ chứa nước có dung tích 1.500 m^3, đây là lượng nước cấp một lần dự trữ để chữa cháy khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

Theo thống kê của Công ty, trung bình nhu cầu sử dụng nước cấp cho cơ sở trong 7 tháng năm 2024 là 1.429 m^3/tháng, tương đương khoảng 55 m^3/ngày; lượng nước thô

cấp cho hệ thống xử lý nước tại cơ sở trung bình là 67.274 m^3/tháng, tương đương 2.587 m^3/ngày.

Bảng 1.5: Tổng lượng nước cấp tại cơ sở

Tháng	Lượng nước cấp phục vụ sinh hoạt (m^3/tháng)	Lượng nước thô cấp cho hệ thống xử lý nước cấp tại cơ sở phục vụ hoạt động sản xuất (m^3/tháng)
Tháng 03/2024	1.285	60.142
Tháng 04/2024	1.679	72.540
Tháng 05/2024	1.334	64.626
Tháng 06/2024	1.265	67.541
Tháng 07/2024	1.374	67.869
Tháng 08/2024	1.445	75.832
Tháng 09/2024	1.618	62.371
Tổng cộng	**10.000**	**470.921**

(Nguồn: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), 2024)

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.

Cơ sở không thuộc đối tượng.

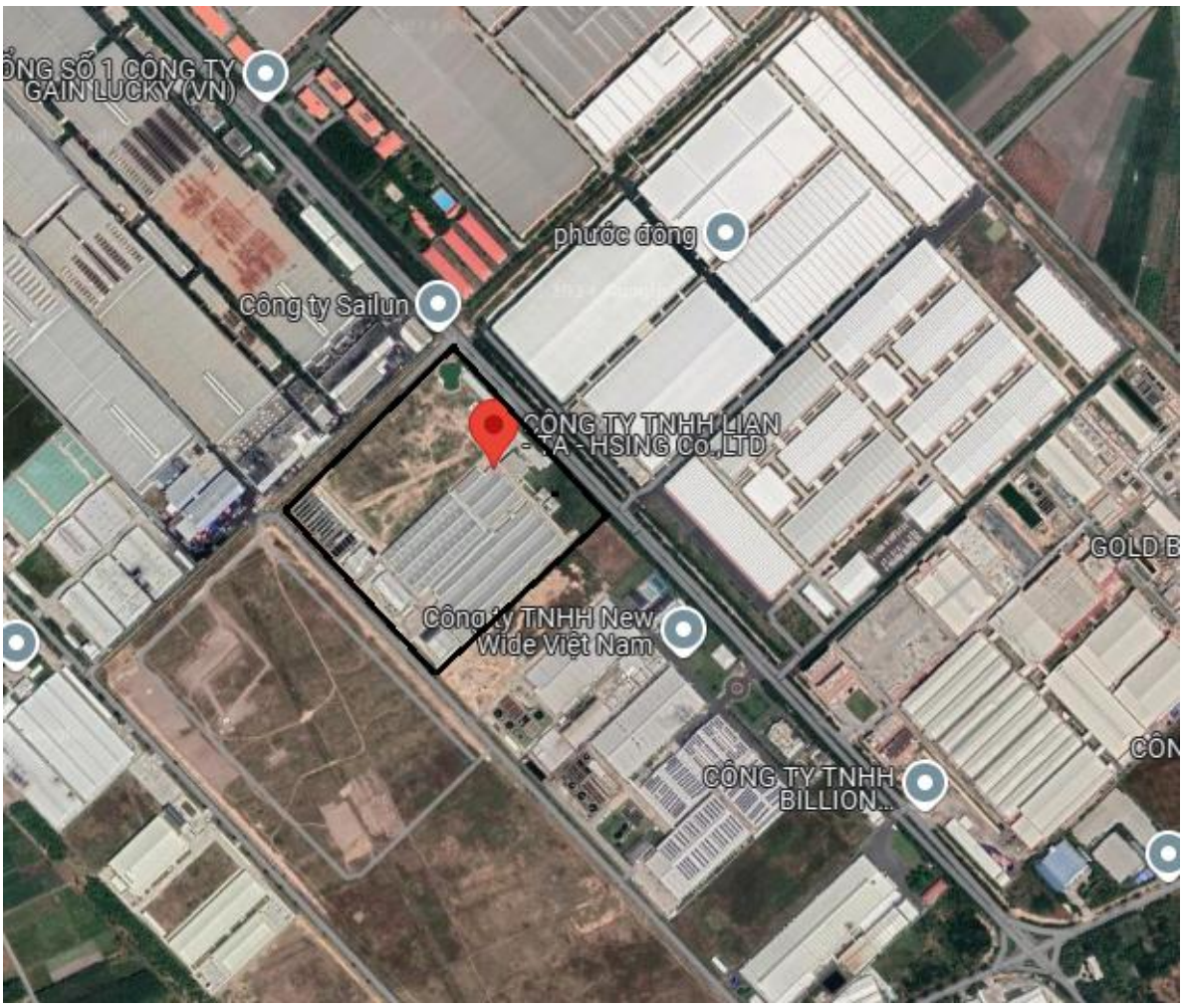
6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

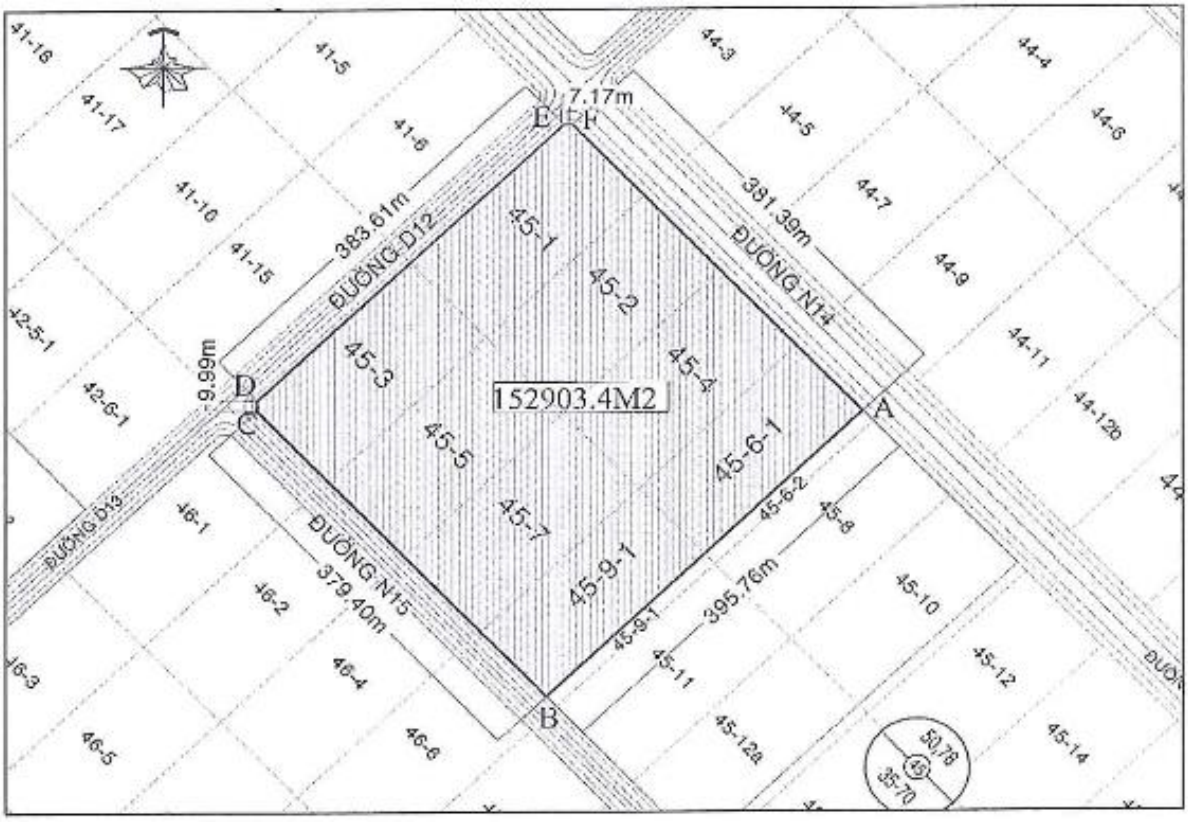
6.1. Vị trí cơ sở sản xuất

Khu đất nhà máy tại lô 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6, 45-7, 45-9-1, đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, với tổng diện tích khu đất là 152.903,4m^2. Giới hạn khu đất như sau:

- Phía Đông Bắc: giáp đường N14 Công ty TNHH Ganlucky
- Phía Tây Nam: giáp đường N15 và Công ty TNHH ACTR
- Phía Đông Nam: giáp công ty TNHH NewWide Việt Nam
- Phía Tây Bắc: giáp đường D12 và Công ty Sailun.

Vị trí cơ sở như hình sau:





Hình 1.3: Sơ đồ vị trí của cơ sở

Tọa độ địa lý giới hạn khu đất dự án thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.6. Bảng tọa độ địa lý giới hạn khu đất

Tên điểm	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105˚30’	
	X (m)	Y (m)
A	1231756.407	591353.543
B	1231483.698	591066.745
C	1231758.640	590805.310
D	1231768.630	590805.560
E	1232032.970	591083.560
F	1232032.790	591090.730

(Nguồn: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), 2024)

6.2. Các hạng mục công trình

Cơ sở đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đang sử dụng trên khu đất có tổng diện tích 152.903,4 m^2. Với các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Bảng 1.7. Các hạng mục công trình tại cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ diện tích (%)
I	**Các hạng mục công trình chính**		
1	Xưởng nhuộm - xưởng định hình	14.420	9,43
2	Xưởng phôi – phối vải	22.320	14,60
II	**Các hạng mục công trình phụ trợ**		
3	Kho thành phẩm	7.200	4,71
4	Nhà kho hóa chất – dung môi	1.223	0,80
5	Nhà lò hơi	3.162	2,07
6	Trạm cân 60T	62,56	0,04
7	Bể nước sạch	1.500	0,98
8	Nhà văn phòng	1.253,6	0,82
9	Nhà nghỉ giữa ca 1	344,7	0,23
10	Nhà nghỉ giữa ca 2	344,7	0,23
11	Nhà ăn	525	0,34
12	Nhà bảo vệ 1	20	0,01
13	Nhà bảo vệ 2	20	0,01
14	Nhà xe hơi	144	0,09
15	Nhà xe 02 bánh	1.040	0,68

16	Mái nối 1	2.158,25	1,41
17	Mái nối 2	128	0,08
18	Mái nối 3	720	0,47
19	Trạm điện 2	90	0,06
20	Trạm điện 1	370	0,24
21	Phòng bảo trì	238	0,16
22	Trạm bơm PCCC	32	0,02
23	Nhà vệ sinh	28	0,02
24	Nhà bấm thẻ	53	0,03
25	Cây xanh	63.879,81	41,78
26	Đường giao thông, sân bãi	23.651,7	15,47
III	**Các hạng mục về bảo vệ môi trường**		
27	Khu vực chứa rác sinh hoạt	40	0,03
28	Khu vực chứa rác công nghiệp không nguy hại	370	0,24
29	Khu vực chứa CTNH	50	0,03
30	Khu xử lý nước thải	7.483,74	4,89
31	Phòng quan trắc và kênh đo lưu lượng	31,14	0,02
	Tổng:	**152.903**	**100**

(Nguồn: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), 2024)

Hiện trạng sử dụng đất:

Về cơ sở hạ tầng nhà xưởng, văn phòng, đường nội bộ, hệ thống thoát nước mưa, nước thải… đã được xây dựng hoàn chỉnh và đi vào hoạt động ổn định.



Khu vực cổng vào cơ sở



Nhà văn phòng



Khu vực nhà xưởng nhuộm



Khu vực định hình vải



Khu vực máy dệt vải



Khu vực kéo lông



Khu chứa nguyên liệu



Mái nối

Hình 0.2: Hiện trạng các công trình tại cơ sở

6.3. Danh sách máy móc, thiết bị tại cơ sở

Bảng 1.8: Danh sách máy móc thiết bị

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng		Xuất xứ	Tình trạng hoạt động
		Theo ĐTM được duyệt	Thực tế tại nhà máy		
I	**Máy móc quy trình dệt kim**				
1	Máy dệt kim đan tròn	64	102	Đài Loan	Hoạt động tốt

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng		Xuất xứ	Tình trạng hoạt động
		Theo ĐTM được duyệt	Thực tế tại nhà máy		
2	Máy dệt kim phẳng	64	(Do nhu cầu của đơn hàng, công ty chỉ sử dụng máy dệt kim tròn)	Đài Loan	Hoạt động tốt
3	Máy quấn cuộn	01	-	Đài Loan	Hoạt động tốt
4	Máy kiểm tra vải	04	01	Đài Loan	Hoạt động tốt
II	**Máy móc quy trình nhuộm**				
5	Máy xếp vải	10	-	Đài Loan	Hoạt động tốt
6	Máy ráp vải tự động	06	-	Đài Loan	Hoạt động tốt
7	Máy thư giãn vải	02	01	Đài Loan	Hoạt động tốt
8	Máy nhuộm dòng nước	20	23	Trung Quốc	Hoạt động tốt
9	Máy nhuộm áp suất cao	14	14	Đài Loan	Hoạt động tốt
10	Hệ thống pha chế thuốc nhuộm tự động	03	03	Đài Loan	Hoạt động tốt
11	Máy kiểm vải thùng tròn	11	8	Đài Loan	Hoạt động tốt
12	Thiết bị kiểm tra vải bằng tay	01	01	Đài Loan	Hoạt động tốt
13	Máy mài lông cacbon	02	-	Đài Loan	Hoạt động tốt
14	Máy mài lông giấy nhám	02	-	Đài Loan	Hoạt động tốt
15	Máy định hình	02	03	Trung Quốc	Hoạt động tốt
16	Máy làm ẩm	02	02	Đài Loan	Hoạt động tốt
17	Máy phòng co	10	-	Đài Loan	Hoạt động tốt
18	Máy ép nước xả vải	04	-	Đài Loan	Hoạt động tốt
III	**Máy móc, thiết bị khác**				
19	Máy kéo lông	01	-	Đài Loan	Hoạt động tốt
20	Máy cắt lông	02	01	Đài Loan	Hoạt động tốt
21	Máy chải lông	01	01	Đài Loan	Hoạt động tốt
22	Máy nén khí	03	03	Việt Nam	Hoạt động tốt

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng		Xuất xứ	Tình trạng hoạt động
		Theo ĐTM được duyệt	Thực tế tại nhà máy		
23	Máy sấy tension	02	01	Đài Loan	Hoạt động tốt
24	Máy sấy Hydro	03	05	Đài Loan	Hoạt động tốt
25	Máy vắt sổ	01	-	Đài Loan	Hoạt động tốt
26	Máy đóng gói	02	02	Đài Loan	Hoạt động tốt
27	Máy căn viền và cắt tự động	01	-	Đài Loan	Hoạt động tốt
28	Máy may	01	01	Đài Loan	Hoạt động tốt
29	Máy mài lông	02	07	Đài Loan	Hoạt động tốt
30	Máy kết hạt	10		Đài Loan	Hoạt động tốt
31	Máy kéo vải	01	02	Đài Loan	Hoạt động tốt
32	Hệ thống xử lý nước thải	01	01	-	
33	Hệ thống xử lý nước cấp	01	01	-	
34	Hệ thống lò hơi đốt than, công suất 15 tấn hơi/giờ	01	01	Đài Loan	Hoạt động tốt
35	Hệ thống lò hơi dầu tải nhiệt, công suất 6 triệu kcal/giờ	01	01	Đài Loan	Hoạt động tốt
36	Trạm điện	02		Việt Nam	Hoạt động tốt
37	Máy giặt công nghiệp	-	03	Việt Nam	Hoạt động tốt
38	Máy cắt và xả xoắn vải	-	03	Việt Nam	Hoạt động tốt

(Nguồn: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), 2024)

6.4. Nhu cầu lao động

- Nhu cầu lao động bao gồm nhân viên văn phòng và công nhân: 500 người.

- Thời gian làm việc: 03 ca/ngày; 8 tiếng/ca.

Chương II.
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) được Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 7622344186 chấp thuận địa điểm đầu tư và diện tích 152.903,4 m^2 và thực hiện dự án đầu tư sản xuất vải dệt kim, vải đan móc, vải không dệt khác và hoàn thiện sản phẩm dệt tại KCN Phước Đông, xã Phước đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Công ty được Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp Giấy phép xây dựng số 17.016/GPXD ngày 20/9/2017 được phép xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing (Việt Nam).

Cơ sở nằm tại thửa đất số 68 tờ bản đồ số 51 tại xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Khu đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 694781 ngày 30/12/2021 với diện tích khu đất là 152.903,4 m^2 với mục đích sử dụng đất là đất khu công nghiệp. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 29/12/2058.

Hiện nay, CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) đang hoạt động ổn định tại khu đất nêu trên, cơ sở luôn đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh với các khu vực lân cận. Do đó địa điểm của cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của tỉnh Tây Ninh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Về nước thải: Nước thải phát sinh tại cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên và nước thải sản xuất tại khu vực nhà xưởng. Công ty đã xây dựng HTXLNT công suất 4.000 m^3/ngày đêm gồm cụm xử lý hóa lý và cụm xử lý sinh học cuối để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở. Nước thải sản xuất và sinh hoạt sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q=0,9, k_f = 0,9) trước khi xả vào hồ sinh thái của Khu công nghiệp.

Về môi trường không khí: Hiện tại không khí tại khu vực thực hiện cơ sở chưa có dấu hiệu ô nhiễm, đồng thời khi cơ sở đi vào hoạt động, khí thải cũng phát sinh từ các

phương tiện xe ra vào cơ sở và lưu lượng khí thải phát sinh nằm trong mức cho phép theo quy chuẩn nên các tác động đến môi trường không khí từ cơ sở là không đáng kể.

Về chất thải rắn: CTRSH, CTRCNTT, CTNH được quản lý theo đúng quy định, hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom định kỳ.

Chương III.
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

1.1.1 Công trình thu gom nước mưa

Nguồn phát sinh nước mưa:

+ Nguồn số 1: Nước mưa từ tầng mái nhà xưởng, văn phòng, nhà kho

+ Nguồn số 2: Nước mưa chảy tràn trong khu vực sân đường nội bộ của cơ sở

Hệ thống thu gom nước mưa đã được tách riêng với nước thải, đường thoát nước mưa đã được xây dựng theo quy hoạch thoát nước chung ra hố ga thoát nước mưa hiện hữu của khu vực.

Nước mưa tầng mái các khu văn phòng được thu gom chảy qua ống dẫn nước mái xuống mặt đất cùng toàn bộ nước mưa chảy tràn trên bề mặt mặt đường nội bộ chảy tự nhiên đến song chắn rác thông qua các rãnh thu nước mưa nội bộ.

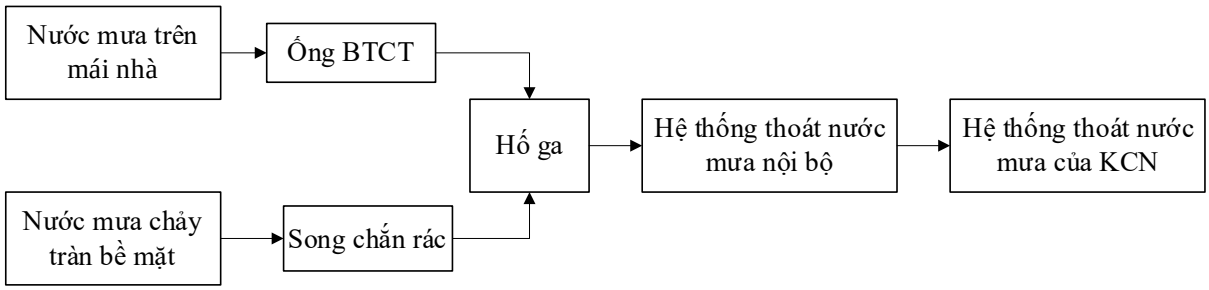
1.1.2 Công trình thoát nước mưa

Nước mưa phát sinh từ mái nhà xưởng, văn phòng, nhà kho và nước mưa chảy tràn theo hệ thống thu gom và thoát nước mưa của công ty, theo đường ống BTCT, D800 và D1200, chiều dài 11.000m; sau đó thoát ra hố ga và chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp qua 04 điểm xả (gồm 02 điểm trên đường N14 và 02 điểm trên đường N15). Hố ga BTCT mac 200, có kích thước 1,4mx1,4m và 1,8mx1,8m bố trí dọc đường N14 và N15 của KCN.

Bên cạnh đó, Công ty đã bê tông hóa toàn bộ sân bãi, đường nội bộ, thường xuyên cử người dọn dẹp, thu gom trên bề mặt sân bãi để tránh nước mưa cuốn theo nguyên vật liệu xuống hệ thống cống.

1.1.3 Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa

Đính kèm Bản vẽ thoát nước mưa tại phụ lục báo cáo.



Hình 0.1: Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại văn phòng và khu nhà xưởng

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình nhuộm, hoạt động lò hơi và vệ sinh nhà xưởng.

1.2.1 Công trình thu gom nước thải

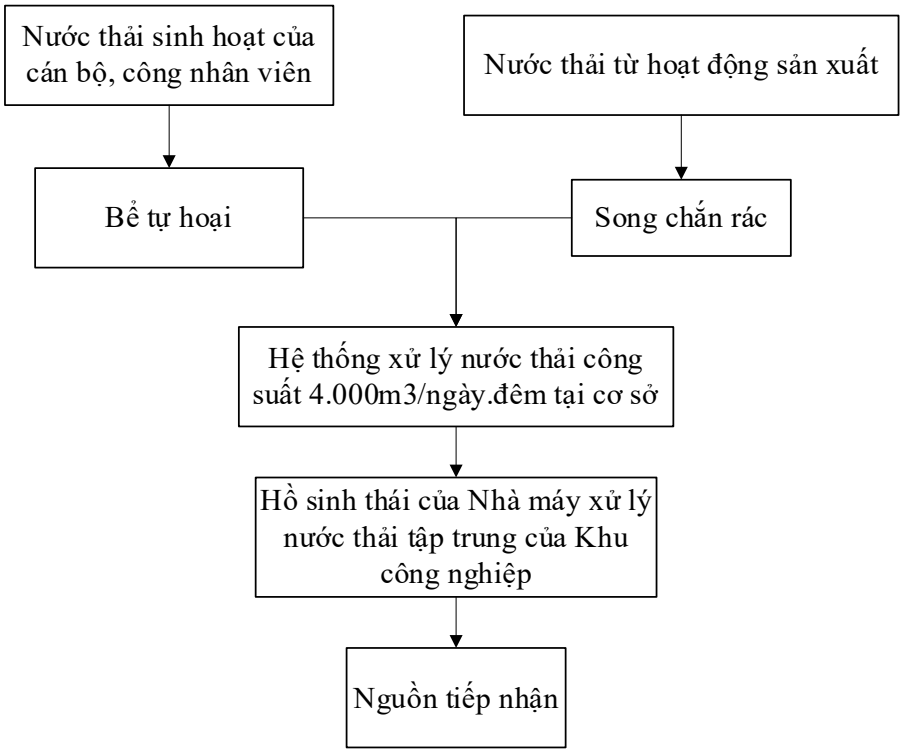
- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, bồn rửa của cán bộ, công nhân viên tại khu nhà xưởng và văn phòng được thu gom về 02 bể tự hoại 3 ngăn theo đường ống uPVC D220, D240 và D300 để tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4.000m^3/ngày.đêm của cơ sở, sau đó xả vào vào hồ sinh thái của Nhà máy xử lý nước thải KCN.

- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất từ xưởng nhuộm, hoạt động lò hơi và vệ sinh nhà xưởng thu gom theo đường ống BTCT, D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4.000m^3/ngày.đêm của cơ sở, sau đó xả vào vào hồ sinh thái của Nhà máy xử lý nước thải KCN trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

1.2.2 Công trình thoát nước thải

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q=0,9; k_f=0,9) được xả vào hệ thống XLNT tập trung của KCN theo đường ống HDPE, D315, chiều dài 1.400m của tuyến thoát nước.

1.2.3 Mạng lưới thu gom nước thải



Hình 0.2: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải



Hình 0.3: Khu vực trạm quan trắc tự động nước thải tại cơ sở

Toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất sau khi được xử lý theo quy định sẽ qua khu vực mương quan trắc tự động trước khi được xả vào hồ sinh thái của hệ thống XLNT tập trung của KCN.

- Vị trí nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước thải nội bộ dẫn vào hồ sinh thái của hệ thống XLNT tập trung của KCN. Tọa độ vị trí xả thải:

X(m) = 1 231 485,147; Y(m) = 591 065,369.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày đêm).

- Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức, xả ngầm.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 4.000 m^3/ngày.đêm; tương đương 167 m^3/giờ.

1.3. Xử lý nước thải:

1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải của công nhân viên phát sinh tại dự án ước tính 22,5 m^3/ngày (theo tính toán tại bảng 1.4) sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn có 01 ngăn chứa và 2 ngăn lắng, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4.000m^3/ngày.đêm của cơ sở, sau đó xả vào hồ sinh thái của Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

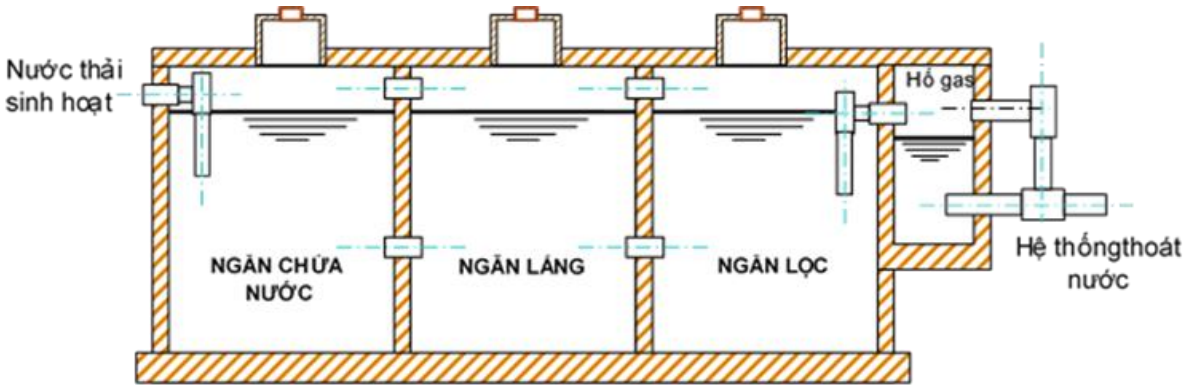
Hiện nay, tại dự án đã có 02 bể tự hoại 03 ngăn, kết cấu BTCT với dung tích mỗi bể 50m^3/ngày, tại khu vực văn phòng và khu vực nhà xưởng sản xuất. Theo thiết kế tổng thể tích xử lý của hầm tử hoại là 100m^3/ngày đảm bảo xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.

Công trình bể tự hoại đồng thời thực hiện hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong hầm từ (3-6) tháng, dưới hoạt động sống của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ tạo ra các chất khí và các chất vô cơ hoà tan. Phần cặn lắng, theo định kỳ chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- Chất thải được đưa tới từ các đường ống dẫn chất thải được thu gom lại xả trực tiếp vào bể chứa. Các chất thải hydro cacbon, đạm, chất béo… được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men trong bể phốt làm giảm bớt mùi hôi, giảm bớt thể tích chuyển hóa thành dần thành bùn cặn.
- Tại bể chứa, các chất không tan sẽ chuyển dần thành chất tan đi tiếp qua bể lắng để chuyển thành chất khí như CH_4, CO_2, H_2S, NH_3… Các yếu tố ảnh hưởng tới sự chuyển hóa này là nhiệt độ, lưu lượng dòng nước thải, thời gian lưu nước, tải trọng chất bẩn, dinh dưỡng người sử dụng, cấu tạo bể.
- Tại bể lắng sẽ có đường ống dẫn nước đã được xử lý qua bể lọc, khi nước chảy qua ngăn lọc các cặn nhỏ còn lại sẽ được giữ lại giữa các khe hở của vật liệu lọc ở đây do sự hoạt động của các vi khuẩn hiếu khí các chất hữu cơ bị oxy hóa, nước thải được làm sạch.

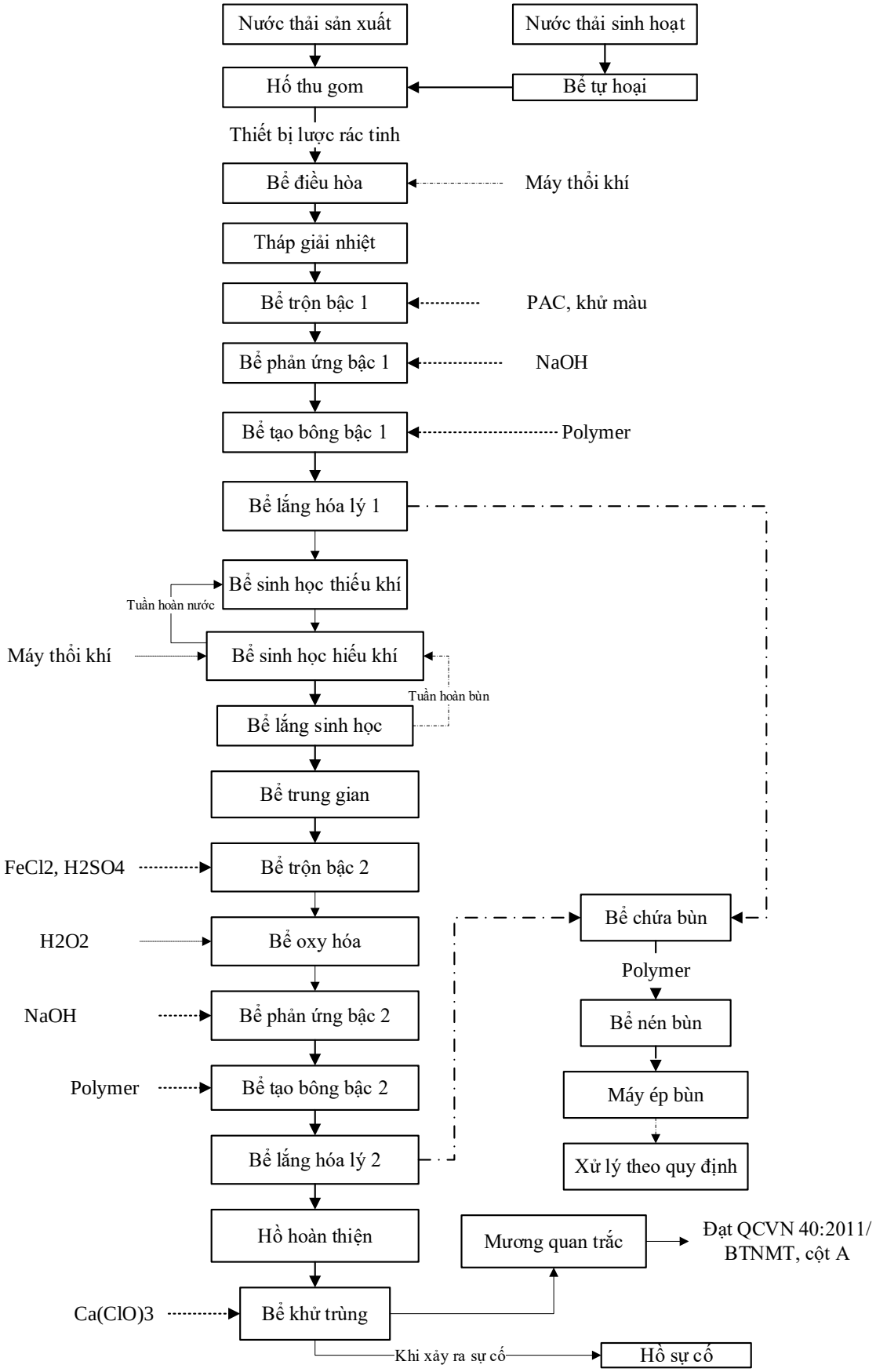
Công trình xử lý nước thải sinh hoạt hiện hữu của dự án đang hoạt động ổn định và đảm bảo công suất xử lý tại cơ sở.



Hình 0.4: Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

1.3.2. Xử lý nước thải sản xuất

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất (phát sinh từ xưởng nhuộm, hoạt động lò hơi và vệ sinh nhà xưởng) khoảng 3.240 m^3/ngày.đêm (tính toán theo bảng 1.4) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 4.000m^3/ngày.đêm để xử lý. Công ty đã hoàn thành và vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải với công suất 4.000 m^3/ngày.đêm. Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau:



Hình 0.5: Quy trình công nghệ xử lý nước thải công suất 4.000 m^3/ngày.đêm

Thuyết minh công nghệ:

Hố thu gom: có chức năng tập trung nước thải sau đó bơm qua tháp giải nhiệt.

Thiết bị lược rác tinh: Tại hố thu gom, nước thải sẽ được bơm lên thiết bị lược rác tinh loại bỏ các chất rắn có kích thước nhỏ có trong nước thải. Sau đó, nước thải chảy qua bể điều hòa.

Bể điều hòa: có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải một cách ổn định trước khi đưa vào các công trình đơn vị phía sau, đặc biệt là cụm bể sinh học giúp cho các vi sinh có thể thích nghi với nước thải trong điều kiện ổn định, tránh được tình trạng vi sinh bị sốc tải. Bên cạnh đó, bể điều hòa lưu lượng và nồng độ giúp cho các quá trình sử dụng hóa chất cũng như chế độ hoạt động của các thiết bị cơ khí như bơm, máy thổi khí được duy trì ổn định. Bể điều hòa được máy thổi khí cấp khí liên tục, nhằm xáo trộn để giải phóng lượng clo dư sinh ra do công tác vệ sinh khử trùng, đồng thời phân hủy một phần chất hữu cơ trong nước thải. Sục khí làm thoáng sơ bộ, tránh phân hủy kỵ khí gây mùi hôi. Nước thải sau khi điều hòa được bơm chìm lên tháp giải nhiệt.

Tháp giải nhiệt: nước thải được bơm lên qua tháp giải nhiệt để giảm nhiệt độ của nước thải xuống giới hạn cho phép trước khi được qua các công đoạn xử lý tiếp theo. Nước thải sau khi được giảm nhiệt sẽ tự chảy vào bể xử lý tiếp theo.

Bể trộn bậc 1: hóa chất keo tụ (PAC) và hóa chất phá màu được cho vào để xử lý độ màu (một thành phần ô nhiễm đặc trưng của nước thải dệt nhuộm).

Bể phản ứng bậc 1: với tính chất nước thải dệt nhuộm thường mang theo thành phần chất hữu cơ khó phân hủy sinh học cao (tỷ lệ BOD/COD thấp), do đó cần thiết sử dụng hóa chất để giảm nồng độ chất hữu cơ khó phân hủy, tạo môi trường thuận lợi để vào công trình xử lý sinh học. Các chất hữu cơ khó phân hủy tồn tại dưới dạng keo, huyền phù phân tán trong môi trường nước. Các hạt keo này có kích thước rất nhỏ từ 0,01 – 0,1 μm và lơ lửng trong môi trường nước. Nhìn chung, sự lơ lửng của các hạt keo này đủ bền để dưới tác dụng của trọng lực vẫn không thể khiến chúng lắng hoặc nổi. Do đó, dưới những điều kiện thông thường, các hạt keo này rất khó xử lý nếu như không có tác nhân xúc tác.

Tại bể phản ứng hóa lý bậc 1, hóa chất NaOH được châm vào bể. Khi các tác nhân xúc tác là hóa chất keo tụ và phá màu, các phản ứng dễ dàng được diễn ra trong thời gian ngắn. Sự hỗ trợ của motor khuấy cũng là một yếu tố quyết định đến hiệu quả của quá trình. Tại bể keo tụ hóa lý bậc 1, hóa chất keo tụ được bổ sung vào nhằm thực hiện quá trình nén điện tích các hạt keo trong nước thải, nhằm liên kết chúng lại với nhau.

Bể tạo bông bậc 1: để tạo điều kiện cho quá trình tạo bông cặn được diễn ra nhanh và hiệu quả hơn, tại bể tạo bông hóa chất polymer anion được châm vào, đóng vai trò là một chất keo tụ giúp cho kích thước các bông cặn lớn hơn và dễ dàng lắng xuống. Ngược lại với quá trình keo tụ, quá trình tạo bông hiệu quả hơn với thời gian phản ứng lâu hơn và tốc độ khuấy của motor chậm hơn. Vì nếu motor khuấy quá trình sẽ làm vỡ các bông cặn vừa được hình thành.

Bể lắng hóa lý bậc 1: nước thải sau khi qua bể tạo bông bậc 1 sẽ chảy qua bể lắng hóa lý bậc 1. Tại đây, các bông cặn với kích thước lớn được hình thành sẽ lắng xuống đáy bể. Lượng bùn lắng hóa lý sẽ được thường xuyên bơm vào bể nén bùn hóa lý vì nếu lượng lắng hóa lý được lưu quá lâu sẽ trở nên mịn và dễ dàng gây đục nước.

Bể sinh học thiếu khí: Bể Anoxic bao gồm 2 chu trình cơ bản. Mục đích chính của hệ thống anoxic xử lý nước thải là xử lý N và P. Cụ thể như sau:

Photphorin hóa của bể Anoxic trong xử lý nước thải: Photpho trong chất thải tồn tại dưới 3 dạng bao gồm: photphat đơn (PO43-), polyphotphat (P2O7) và hợp chất hữu cơ chứa photphat. Tại chu trình này, chủng vi sinh vật tham gia chủ yếu là Acinetobacter. Tại đây, các chất hữu cơ trong nước thải sẽ được phân hủy, chuyển hoá thành hợp chất không chứa photpho.

Khử Nitrat là quá trình chuyển hoá các hợp chất nitơ thành nitơ dạng phân tử. Những chủng vi sinh đảm nhiệm nhiệm vụ này được gọi là Denitrifier.

Trong đó có tới 14 chủng vi sinh vật có thể khử nitrat. Điển hình bao gồm: Bacillus, Pseudomonas, Paracoccus, Spirillum, Thiobacillus... Đa số đều thuộc nhóm tùy nghi. Do đó, có thể sử dụng oxy, Nitrat, Nitrit để làm chất oxy hoá.

Quá trình khử Nitrat diễn ra theo 4 bậc liên tiếp với mức độ hoá trị giảm cân từ +5 về +3; +2; +1 và cuối cùng về hoá trị 0. Cụ thể như sau:

$NO_3^- \rightarrow NO_2^- \rightarrow NO$ (khí) $\rightarrow N_2O$ (khí) $\rightarrow N_2\uparrow$ (khí)

Các chất hữu cơ mà vi sinh vật sử dụng để khử nitrat cực kỳ đa dạng. Ví dụ như: axeton, axit axetic, etanol, metanol, đường glucose, mật rỉ đường. Trong đó, methanol (CH3OH) hay axit axetic là hai chất quan trọng và thường được ưu tiên để sử dụng. Điều kiện để xảy ra qua trình nitrat hoá là phải có nitrat (NO_3^-) mới có thể diễn ra phản ứng hoá học.

Bể sinh học hiếu khí: các chất hữu cơ trong nước thải sẽ được xử lý. Máy thổi khí được vận hành liên tục nhằm cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động. Trong

điều kiện thổi khí liên tục, quần thể vi sinh vật hiếu khí sẽ phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong nước thải thành các hợp chất vô cơ đơn giản như CO_2, H_2O… theo phản ứng sau:

Chất hữu cơ + Vi sinh vật hiếu khí + O_2 → H_2O + CO_2 + sinh khối mới

Bể lắng sinh học

Nước thải sau khi ra khỏi bể sinh học hiếu khí sẽ chảy tràn qua bể lắng. Tại đây, xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại phần bùn (vi sinh vật). Phần bùn lắng này chủ yếu là vi sinh vật trôi ra từ bể hiếu khí. Phần bùn sau lắng được dẫn về bể nén bùn, một lượng bùn được bơm bùn bơm về bể sinh học nhằm duy trì nồng độ bùn trong bể.

Phần bùn dư còn lại sẽ được bơm vào bể nén bùn để giảm độ ẩm vì bùn vừa bơm từ bể lắng thường chứa độ ẩm khá lớn. Bùn sau khi về bể nén bùn được bơm vào máy ép bùn.

Bể trung gian: chứa nước thải sau khi qua bể lắng sinh học. Tại bể này có lắp đặt bơm chìm để bơm nước thải qua bể trộn bậc 2.

Bể trộn bậc 2: nước thải sau khi được xử lý sinh học hầu hết các chất ô nhiễm trong nước thải đã được xử lý. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép thì cụm xử lý hóa lý bậc 2 là cần thiết. Do đó, tại bể trộn bậc 2 hóa chất keo tụ được tiếp tục bổ sung vào giúp keo tụ các chất ô nhiễm còn lại trong nước thải.

Bể oxy hóa: dung dịch phát màu được bơm định lượng châm vào nhằm loại bỏ lượng màu còn lại trong nước thải.

Bể phản ứng bậc 2: dung dịch kiềm được châm vào nhằm đẩy nhanh quá trình tạo bông.

Bể tạo bông bậc 2: quá trình tạo bông hiệu quả hơn với thời gian phản ứng lâu hơn và tốc độ khuấy của motor chậm hơn. Vì nếu motor khuấy quá nhanh sẽ làm vỡ các bông cặn vừa được hình thành.

Bể lắng hóa lý bậc 2: các bông cặn được hình thành sẽ có khối lượng riêng lớn hơn khối lượng riêng của nước và được lắng xuống đáy bể lắng hóa lý bậc 2.

Hồ hoàn thiện: có chức năng giống bể trung gian, chứa nước sau bể lắng hóa lý bậc 2. Tại đây, có lắp đặt bơm chìm để bơm nước thải qua bể khử trùng.

Bể khử trùng: phần nước sau hồ hoàn thiện sẽ tự chảy vào bể khử trùng đồng thời hóa chất khử trùng được bơm vào để tiêu diệt các vi trùng gây bệnh như E.Coli,

Coliform…có trong nước thải trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và thoát ra mương quan trắc.

Hồ sự cố: Chứa nước thải khi hệ thống xử lý không đạt hiệu quả và được đưa về đầu hệ thống để xử lý lại trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Mương quan trắc: nước thải được định kỳ quan trắc để kiểm tra quá trình xử lý nhằm giảm những biến đổi, kiểm soát ô nhiễm trong nước thải. Chủ cơ sở đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục với các thông số bao gồm: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, độ màu và Amoni.

Bể chứa bùn: quá trình xử lý sinh học hiếu khí sẽ làm tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về bể nén bùn sinh học. Một phần bùn sẽ được bơm tuần hoàn về bể sinh học hiếu khí. Phần còn lại được bơm về bể chứa bùn.

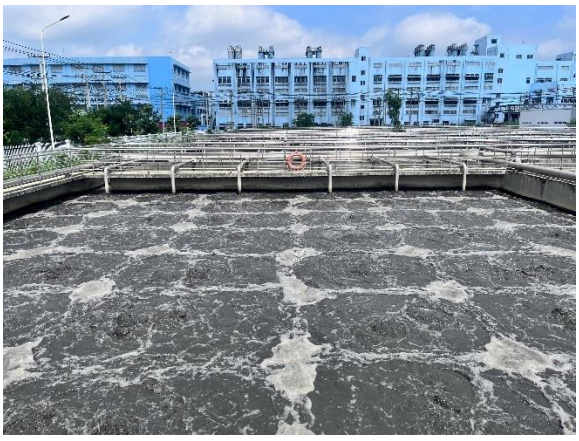
Ngoài lượng bùn vi sinh phát sinh trong quá trình xử lý sinh học, quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp hóa lý (keo tụ - tạo bông – lắng) cũng phát sinh một lượng bùn đáng kể (còn gọi là bùn hóa lý). Lượng bùn này được thu gom và đưa về bể nén bùn.

Bể nén bùn: giúp cô đặc bùn, giảm khối lượng thể tích của bùn khi chứa nước trước khi qua máy ép bùn.

Máy ép bùn: sử dụng máy ép bùn băng tải giúp tạo bùn khô, tỷ lệ chất rắn được giữ lại cao, sử dụng năng lượng vừa phải, chi phí vận hành và đầu tư thấp. Tại máy ép bùn, bùn sẽ được bơm thêm hóa chất polymer cation tạo điều kiện kết dính bùn với nhau. Bùn sau ép được mang đi xử lý theo quy định, phần nước tách pha từ bể nén bùn và máy ép bùn được dẫn về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

Một số hình ảnh của Hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở:








Hình 0.6: Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3.1. Hạng mục công trình của HTXLNT tập trung công suất 4.000m^3/ngày.đêm

Stt	Hạng mục	Vật liệu	Kích thước (dài x rộng x cao)	Thể tích (m^3)
1	Hố thu gom	BTCT	3,35 x 3,35 x 4,0m	44,9
2	Bể điều hòa	BTCT	24,5 x 16,3 x 4,0m	1.597,4
3	Bể trộn hóa lý bậc 1	BTCT	3,35 x 3,35 x 4,0m	44,9
4	Bể phản ứng hóa lý bậc 1	BTCT	3,35 x 3,35 x 4,0m	44,9
5	Bể tạo bông hóa lý bậc 1	BTCT	6,7 x 6,7 x 4,0m	179,6
6	Bể lắng hóa lý bậc 1	BTCT	16,35 x 16,35 x 4,0m	1.069,3
7	Bể sinh học thiếu khí	BTCT	8,175 x 8,175 x 4,0m	267,3
8	Bể sinh học hiếu khí	BTCT	16,35 x 16,35 x 4,0m	1.069,3
9	Bể lắng sinh học	BTCT	16,35 x 16,35 x 4,0m	1.069,3
10	Bể trung gian	BTCT	6,7 x 3,65 x 4,0m	97,8
11	Bể trộn bậc 2	BTCT	3,35 x 3,35 x 4,0m	44,9
12	Bể phản ứng hóa lý bậc 2	BTCT	3,35 x 3,35 x 4,0m	44,9
13	Bể tạo bông hóa lý bậc 2	BTCT	6,7 x 6,7 x 4,0m	179,6
14	Bể lắng hóa lý bậc 2	BTCT	16,35 x 16,35 x 4,0m	1.069,3
15	Hồ hoàn thiện	BTCT	6,7 x 5,2 x 4,0m	139,4
16	Bể khử trùng	BTCT	20,0 x 3,5 x 3,3m	224,4
17	Hồ sự cố	BTCT	8,175 x 8,175 x 4,0m	267,3
18	Bể chứa bùn	BTCT	6,7 x 6,7 x 4,0m	179,6

(Nguồn: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), 2024)

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nguồn phát sinh khí thải bao gồm:

- Bụi tại công đoạn công đoạn dệt, tiền xử lý vải
- Khí thải phát sinh từ khu vực pha hóa chất nhuộm.
- Khí thải lò hơi và lò dầu tải nhiệt.

2.1. Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn dệt, tiền xử lý vải

2.1.1. Bụi phát sinh từ công đoạn dệt

Công ty đã bố trí các máy dệt vải trong từng phòng riêng biệt, khép kín và lắp đặt tại mỗi phòng 01 quạt hút để thu bụi từ máy dệt về túi vải (Hình 3.7).

Tại túi vải, bụi được giữ lại bên trong thành túi vải, khí tiếp tục đi qua thành túi vải để phát tán ra môi trường (không có ống thải khí sau xử lý). Lượng bụi được giữ lại trong túi vải được thu gom đưa về khu vực chứa chất thải rắn.

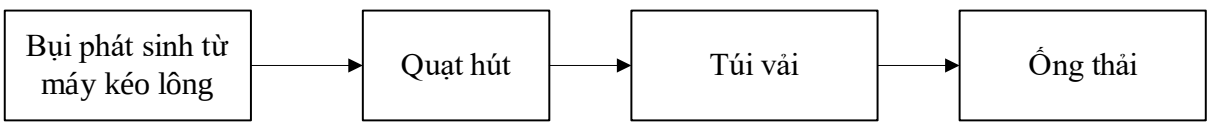


Hình 0.7: Quạt hút thu gom bụi tại công đoạn dệt

2.1.2. Bụi phát sinh tại công đoạn tiền xử lý vải

Hiện nay, nhà máy không sử dụng máy mài lông (phục vụ cho công đoạn tiền xử lý vải). Vì vậy, công ty không lắp đặt hệ thống thu gom xử lý bụi tại công đoạn này.

2.1.3. Bụi phát tại công đoạn hậu gia công



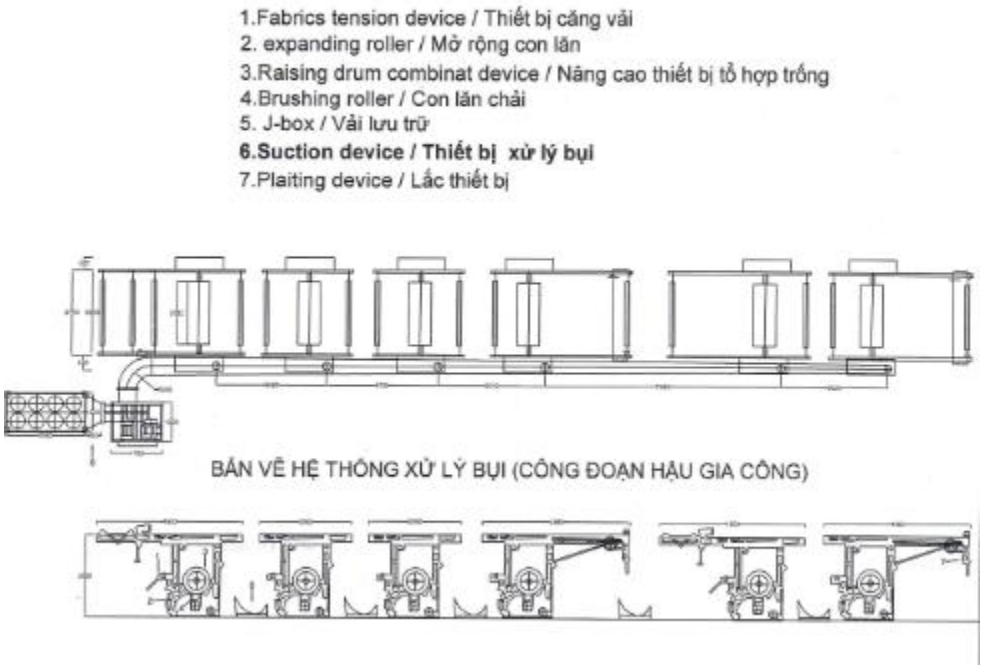
Hình 0.8: Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi tại công đoạn kéo lông

Thuyết minh công nghệ xử lý:

Không khí chứa bụi được quạt hút vào các túi vải qua hệ thống ống dẫn. Tại túi vải, bụi được giữ lại bên trong thành túi vải, khí sau xử lý đi qua thành túi vải và thoát ra ngoài qua ống thải. Lượng bụi được giữ lại trong túi vải được thu gom đưa về khu chứa chất thải rắn tại nhà máy.

Nguyên lý lọc bụi như sau: không khí lẫn bụi đi qua tấm vải lọc, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ bị giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc, lớp màng này giữ được cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ.

Bụi sau khi được giữ lại và thu hồi từ 12 máy mài lông tại công đoạn hậu gia công, không khí sạch được thải ra môi trường qua 04 ống khói, vật liệu bằng thép, ống khói phòng số 1 có đường kính 60 cm, cao 1,8m; ống khói phòng số 2 và 3 có đường kính 45cm, cao 1,8m; ống khói phòng số 4 đường kính 45 cm, cao 1,9m; công suất mỗi quạt hút Q = 18.000 m^3/h). Bụi vải rơi xuống được thu gom với tần suất 4 lần/ngày.



Hình 0.9: Sơ đồ hệ thống xử lý bụi tại công đoạn kéo lông

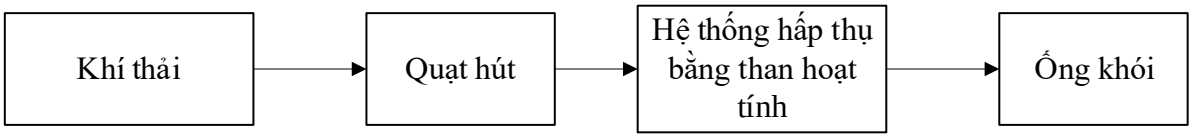


Hình 0.10: Khu vực hệ thống xử lý bụi vải tại công đoạn kéo lông

Các biện pháp hạn chế bụi phát sinh khác:

- Tại công đoạn dệt, được lắp đặt hệ máy móc, thiết bị hiện đại, có trang bị hệ thống hút bụi đi kèm máy, do đó lượng bụi phát sinh được thu gom, không để phát tán ra khu vực xung quanh.
- Thực hiện nghiêm túc chế độ vận hành máy móc, chấp hành đúng quy trình công nghệ nhằm đảm bảo an toàn sản xuất, giảm thiểu chất thải phát sinh tại khu vực nhà xưởng.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp. Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân viên nhà máy.

2.2. Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất (quá trình pha hóa chất nhuộm)



Hình 0.11: Quy trình xử lý khí thải tại quá trình pha hóa chất nhuộm

Thuyết minh công nghệ xử lý:

Bụi và hơi hóa chất phát sinh từ phòng pha hóa chất đi vào đường ống thu gom qua các chụp hút.

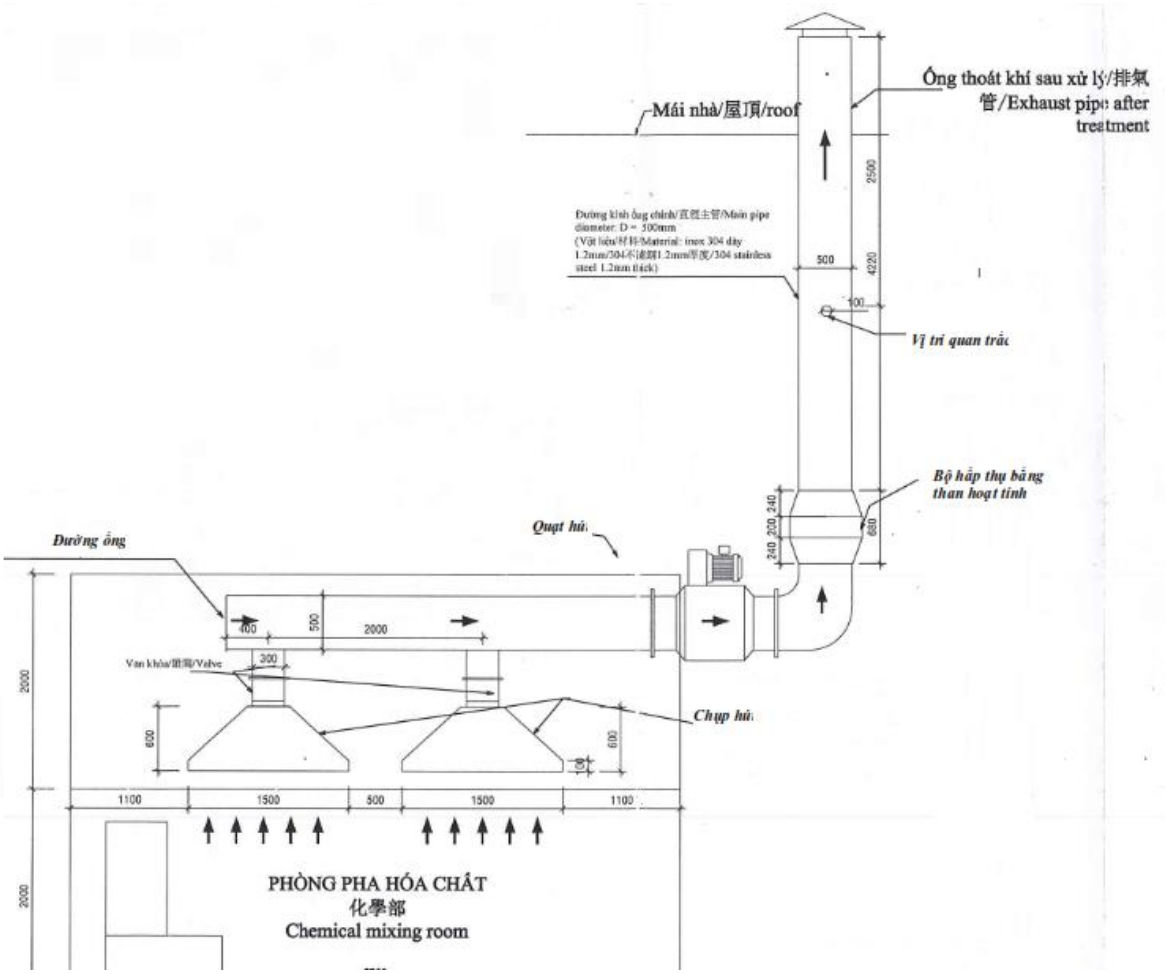
Chụp hút là bộ phận đầu tiên trong quá trình làm sạch khí thải. Chụp hút có dạng hình thang, kích thướng 1,5x0,6x0,6m, vật liệu inox 304 dày 1,5mm chống gỉ sét và chống ăn mòn tốt.



Hình 0.12: Hệ thống chụp hút và đường ống khí thải

Ống dẫn khí thải là bộ phận trung gian nối liền giữa chụp hút và quạt ly tâm. Ống dẫn khí thải có tác dụng dẫn hơi, bụi từ phòng hóa chất đến bộ phận xử lý. Ống dẫn khí thải có đường kính D = 500mm, vật liệu inox 304 giúp ống không bị gỉ sét.

Quạt hút ly tâm, lưu lượng: 15.000m^3/h là bộ phận giúp hút sạch bụi và hơi hóa chất thông qua chụp hút. Dòng khí thải sẽ được dẫn qua thiết bị hấp thụ than hoạt tính. Tại đây khí thải qua lớp than hoạt tính để loại bỏ bụi và hơi hóa chất trước khi qua ống thải ra ngoài. Sau thời gian thì lớp vật liệu hấp thụ sẽ bão hòa và không hấp thụ thêm được nữa, sẽ cần thay mới. Khí thải sau xử lý qua một ống thải bằng thép cao 5m, vượt mái 01m và thoát ra ngoài.



Hình 0.13: Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải tại quá trình pha hóa chất

<u>Các biện pháp hạn chế tác động của khí thải trong khu vực sản xuất:</u>

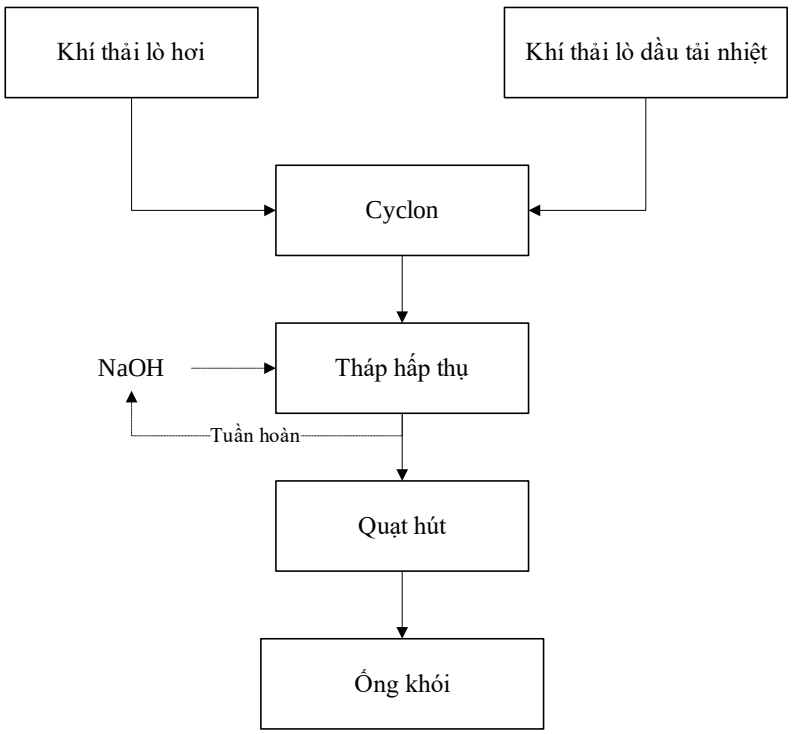
- Trang bị hệ thống quạt thông gió trong nhà xưởng
- Vệ sinh nhà xưởng thường xuyên
- Trang bị bảo hộ lao động gồm khẩu trang, quần áo bảo hộ, găng tay… cho công nhân làm việc trực tiếp, nhằm hạn chế tác động khí thải đến sức khỏe người lao động.

2.3. Hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động lò hơi và lò dầu tải nhiệt

Chủ cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi, công suất 15 tấn/giờ và 01 hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt, công suất 6 triệu kcal/giờ; nhiên liệu sử dụng là Than cám Indonesia, Biomass (trấu viên, trấu rời, gỗ tạp, củi băm, viên nén củi…), toàn bộ khí thải sau xử lý được thải ra 01 ống khói chung.

Công ty đã thu gom toàn bộ lượng khí thải phát sinh qua hệ thống dẫn khí thải và quạt hút tại mỗi điểm phát sinh từ mỗi lò hơi và lò dầu về tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải chung. Khí thải sau xử lý được thải ra môi trường qua ống khói bằng thép cao 24 m, đường kính 1450 mm và công suất quạt hút của lò hơi $Q_{lò\ hơi}$ = 37.500 m^3/h; công suất quạt hút của lò dầu tải nhiệt $Q_{lò\ dầu}$ = 27.000 m^3/h.

Quy trình xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt chung như sau:



Hình 0.14: Quy trình xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

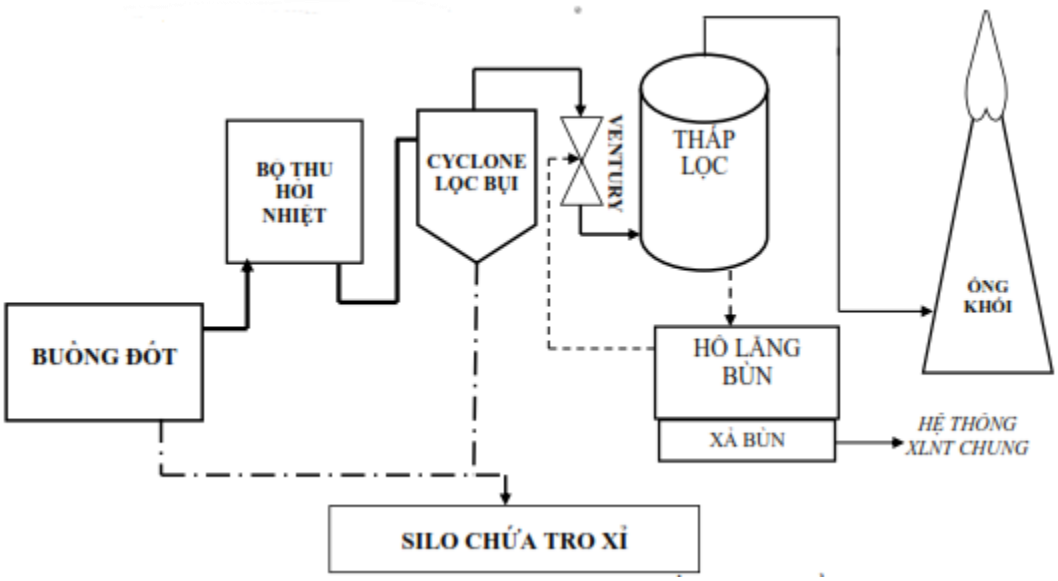
Khí thải sau khi ra khỏi buồng đốt, truyền nhiệt qua các vùng bức xạ, đối lưu, vẫn còn nhiệt độ cao (250-350ºC), sẽ dẫn qua các bộ thu hồi nhiệt, khí thải sẽ giảm xuống khoảng 150ºC.

Sau khi qua bộ thu hồi nhiệt sẽ được dẫn qua hệ thống Cyclon chùm, được cấu tạo gồm nhiều Cyclon con lắp song song với nhau. Hiệu suất lọc bụi sau khi qua Cyclon chùm đạt được khoảng 70% đối với cỡ bụi δ = 5µm, 93-95% đối với cỡ bụi δ = 10µm, 99-99,5% đối với cỡ bụi δ = 20µm.

Tiếp theo dòng khói được dẫn qua hệ ventury, được lắp đặt trên cửa ra vào của tháp lọc ướt. Ventury được thiết kế theo dạng hình trụ, với một đoạn thay đổi tiết diện đột ngột với mục đích tăng tốc dòng khí thải, đồng thời bố trí hệ thống phun nước xung quanh. Khí thải với vận tốc lớn xé màng nước, các hạt bụi có kích thước khác nhau sẽ va đập và bị cuốn theo dòng nước. Khi đó, bụi sẽ tách ra khỏi dòng khói rơi xuống đáy tháp theo lượng nước phun vào tạo thành hỗn hợp nước bùn và chảy ra hồ lắng. Hiệu suất lọc bụi của hệ thống ventury đạt trên 80% đối với các hạt bụi tinh (cỡ hạt δ < 5µm). Ngoài ra, trong quá trình va đập màng nước trong hệ ventury còn xảy ra quá trình hấp thụ một lượng chất ô nhiễm, hiệu suất hấp thụ một lượng chất ô nhiễm, hiệu suất hấp thụ có thể đạt 30% đối với SO_2 và 20% đối với NO_x (tính theo NO_2).

Trong hồ lắng, bùn và nước chuyển động với tốc độ thấp – theo phương nằm ngang làm cho các hạt bụi lắng xuống đáy. Để tăng hiệu suất lắng bụi bằng cách làm các vách ngăn trong hồ, có các cửa tràn đan chéo nhau, nhằm làm cho dòng chuyển động của nước bùn bị thay đổi đột ngột, làm các hạt bụi va vào thành của các vách ngăn bị giảm động năng rồi rơi xuống đáy. Hỗn hợp nước bùn sau khi được lắng bụi qua nhiều ngăn thì đến ngăn cuối cùng bụi đã được lọc khoảng 80%. Tại đây, nước này lại được bơm vào tháp lọc để thu bụi, lấy bụi ra ngoài, mỗi ngăn của hồ lắng gắn một van để xả. Định kỳ, mở các van này để xả bùn ra một hồ chứa bùn để lắng và thu gom.

Khói thải sau khi qua ventury, sẽ được hút qua tháp lọc. Tại đây, dòng khói chuyển động theo phương xoắn ốc từ dưới lên, các hạt bụi ẩm còn lại theo quán tính sẽ va đập vào thành tháp rơi xuống đáy. Sau đó, khí sạch theo ống khói phát tán ra môi trường xung quanh.



Hình 0.15: Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt



Hình 0.16: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt

2.4. Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động xe ra vào cơ sở

- Có bảng hướng dẫn, quy định các loại phương tiện giao thông khi đi vào khu vực cơ sở: xuống xe, tắt máy khi vào khu vực, để đúng nơi quy định đối với xe máy và giảm tốc độ đối với ô tô.
- Đường nội bộ, sân bãi được đổ bê tông.
- Thường xuyên quét dọn, phun nước trên bề mặt sân để hạn chế bụi do các phương tiện ra vào gây ra.
- Trong quá trình vận chuyển sợi vải được cho vào bao kín, xe được phủ bạt nhằm hạn chế rơi vãi trên đường cũng như phát tán bụi vào môi trường xung quanh.
- Bố trí cây xanh tạo cảnh quan, điều hòa không khí tại cơ sở.

2.4. Đối với mùi hôi từ xử lý nước thải tập trung

Mùi hôi phát sinh chủ yếu từ các đơn nguyên mà tại đó có xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí. Các công trình đơn vị có thể phát sinh mùi hôi như bể điều hòa, bể sinh học. Các khí thải gây ô nhiễm mùi phát sinh như NH_3, H_2S, CH_4, trong đó H_2S và Mercaptane là các chất gây mùi nhất.

Nhìn chung, mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải là điều khó tránh khỏi. Tuy nhiên, Chủ cơ sở xây dựng hệ thống tại khu vực phù hợp để hạn chế đáng kể mùi hôi phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh khu vực.

Để giảm thiểu phát tán các khí gây mùi từ hệ thống thoát nước và từ hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng hệ thống thoát nước kín. Định kỳ 01 lần/năm (hoặc khi cần thiết) tiến hành nạo vét bùn cặn trên toàn bộ hệ thống thoát nước để hạn chế hiện tượng tích tụ cặn bùn, vừa hạn chế được mùi hôi, vừa đảm bảo thoát nước tốt.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo quản hệ thống phân phối khí và sục khí ở các bể để duy trì điều kiện hiếu khí, giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi như H_2S, NH_3^+…
- Công trình đơn vị của hệ thống xử lý nước thải có phát sinh mùi sẽ được xây tách biệt, đồng thời kết hợp áp dụng các biện pháp quản lý nội vi nhằm hạn chế mức thấp nhất mức độ tác động của mùi hôi.
- Lắp đặt hệ thống thoát nước ngầm. Tại các hố ga thoát nước đều có nắp đậy. Lắp đặt ống thoát hơi cho hố ga thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý.
- Nạo vét hệ thống cống thoát nước thường xuyên theo định kỳ tránh tình trạng không tiêu thoát nước và gây mùi hôi thối, bổ sung chế phẩm sinh học trong đường ống để

ngăn chặn sự hình thành H_2S.

- Đối với công nhân trực tiếp vận hành hệ thống sẽ được tập huấn an toàn và trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ (quần áo bảo hộ, nón bảo hộ, khẩu trang, găng tay) để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Theo số liệu thống kê của cơ sở năm 2023, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 161,8 m^3/năm (*Nguồn: Báo cáo công tác BVMT của cơ sở, năm 2023*).

Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở sẽ thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt phát sinh thành 03 loại, cụ thể:

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: gồm tạp chí, giấy báo các loại; các vật liệu bằng nhựa; vỏ bao bì kim loại; túi nhựa mỏng các loại, vỏ chai bia, nước ngọt, chai đựng thực phẩm,…

+ Chất thải thực phẩm: gồm thức ăn thừa và các loại thực phẩm hết hạn sử dụng; lá thực vật, hoa các loại; bã trà, bã cà phê; rau, củ, quả, trái cây các loại và các phần thải bỏ từ việc sơ chế, chế biến; thịt và các sản phẩm từ thịt, trứng, xác gia cầm, gia súc; thịt và vỏ của thuỷ sản,…

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác: gồm tủ, bàn ghế hỏng; cành cây, cỏ, hoa; vỏ các loại hạt…

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở sẽ được phân loại thành 03 loại, đựng trong bao bì theo quy định và được thu gom vào 06 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, thể tích 120 lít. Các thùng rác được tập trung tại khu vực có diện tích 4,5 m^2; đặt tại khu vực có nền bê tông và chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển 02 ngày/lần.

- Chủ dự án ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG – CN Tây Ninh theo hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt số 57/2021/HĐ-SVI ngày 15/4/2021 để tiến hành thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại dự án đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất chủ yếu gồm: các sợi vụn, sợi bị lỗi chưa nhuộm và bụi vải được thu gom từ công đoạn dệt vải, tro, xỉ than, bùn thải....

Lượng rác thải phát sinh từ hoạt động của khu vực sản xuất, theo thống kê khoảng 574.190 kg/năm và tro, xỉ than làm vật liệu xây dựng là 567.700 kg/năm ((*Nguồn: Báo cáo công tác BVMT của cơ sở, năm 2023*). Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được thu gom và tập kết về khu vực kho chứa chất thải công nghiệp của dự án với diện tích 220 m^2, nằm phía Tây Nam của khu đất. Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa kho: nền kho bê tông, tường xây bê tông, mái tôn, kín, có cửa ra ngoài, có biển báo theo quy định.

Các loại chất thải có khả năng tái chế như giấy vụn, giấy carton được chuyển giao đơn vị thu gom và vận chuyển đi xử lý và tái chế. Đối với bùn thải được hợp đồng với Công ty TNHH Thành Thiên Phúc theo hợp đồng số 01/HĐ/LT.HSING-TTP.24 ngày 01/04/2024 để vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại theo đúng quy định. Và hợp đồng số 052024/HĐKT/LTH-THE-AHT ngày 18/52024 với Công ty Cổ phần Thuận Hải Energy về việc thu gom, vận chuyển tái sử dụng tro, xỉ than không nguy hại làm vật liệu xây dựng.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

Chất thải nguy hại trong giai đoạn này bao gồm: bóng đèn hỏng có chứa thủy ngân, pin, bình acquy, dầu mỡ thải... Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở năm 2023 trong giai đoạn này được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3.2: Các loại chất thải nguy hại phát sinh năm 2023

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Đơn vị tiếp nhận
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	08 01 01	-	- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xử lý Môi trường Khải Tiến Phát. - Công ty TNHH Môi trường Chân Lý.
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	-	
3	Phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	10 02 02	350	
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	10 02 03	-	
5	Dung dịch thải có các thành phần nguy hại từ quá trình nhuộm	Lỏng	10 02 04	-	
6	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 03	-	

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Đơn vị tiếp nhận
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	-	
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	35	
9	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	-	
10	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	100	
11	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01		
12	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	11.600	
13	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	260	
14	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	240	
15	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	105	
16	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	-	
Tổng cộng				**12.690**	

(Nguồn: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), 2024)

Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại của cơ sở như sau:

- CTNH được lưu chứa trong các thùng chứa có dán nhãn chất thải nguy hại, được bố trí lại khu vực kho chứa có diện tích 80m^2, có nền đá bê tông kín khít, có gờ chống tràn không bị thẩm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có trần BTCT kiên cố, cách nhiệt nên che nắng, che mưa, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ. Khu vực lưu chứa CTNH phát sinh, đảm bảo được các yêu cầu chung như sau:

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Mỗi loại chất thải nguy hại của dự án sẽ được lưu giữ trong các thùng chứa riêng biệt, cơ sở trang bị các thùng chứa bằng nhựa, dung tích 60L có nắp đậy, có dán mã số CTNH, không trộn lẫn các loại chất thải nguy hại với nhau.

+ Có tường bao quanh, có cửa đóng mở, sàn được tráng bê tông, xây các rãnh nước quanh khu vực lưu trữ, các thùng chứa được đặt thẳng đứng trên sàn, xây gờ chống tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

+ Khu vực lưu trữ CTNH có trang bị bình PCCC, trang bị vật liệu hấp thụ để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

+ Có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009. Bên ngoài khu vực lưu trữ chất thải nguy hại được gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm.

- Việc dán nhãn CTNH bao gồm các thông tin sau:

+ Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH.

+ Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa,…).

+ Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Công ty đã đăng ký Sổ chủ nguồn thải CTNH với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh, mã số QLCTNH: 72000623.T, cấp lần đầu ngày 16/10/2020.

- Chủ dự án ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Chân Lý theo hợp đồng số 1872023/HĐXL.CL-LIAN ngày 21/12/2023 để tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xử lý Môi trường Khải Tiến Phát theo hợp đồng số 1104-2024/LIAN TA HSING-KTP/HĐXL ngày 11/03/2024 về việc thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định về chất thải nguy hại.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do hoạt động của máy móc trong nhà xưởng (máy dệt, máy mài,…), các phương tiện giao thông vận tải ra vào cơ sở, ngoài ra còn một số loại phương tiện vận tải qua lại khác, các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau.

Tiếng ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân như gây mất ngủ, mệt mỏi, tâm lý khó chịu. Tiếng ồn còn làm giảm năng suất lao động của công nhân trong khu vực làm việc, làm kém tập trung tư tưởng, có thể dẫn đến tai nạn lao động. Các biện pháp giảm tiếng ồn và chấn động ngay tại nguồn phát sinh như sau:

- Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn ngay khi lắp đặt các máy móc thiết bị;
- Bố trí máy móc thiết bị và dây chuyền sản xuất hợp lý, tránh để các máy gây ồn cùng một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn;
- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, phát hiện và sửa chữa, thay thế kịp thời các chi tiết rơ dão gây tiếng ồn lớn;
- Cách ly tiếng ồn, tránh nổ máy nhiều xe cùng lúc gây cộng hưởng tiếng ồn;
- Hạn chế bóp còi trong khu vực cơ sở;
- Cây xanh, thảm cỏ được trồng xung quanh, xây tường bao xung quanh cơ sở để giảm tiếng ồn phát tán ra xung quanh.
- Các giải pháp cục bộ bảo vệ công nhân: phương tiện chống ồn cho công nhân, mũ bịt tai, bông gòn;
- Công nhân làm việc tại các nơi gây ồn nhiều sẽ được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và bố trí ca, kíp luân phiên hợp lý bảo đảm điều kiện làm việc tốt.
- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng 3.3: Giới hạn đối với mức ồn của Dự án

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

Bảng 3.4: Giới hạn đối với độ rung của Dự án

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phòng ngừa sự cố hóa chất

Nhà máy luôn luôn bảo đảm việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau:

- Khi thực hiện thiết kế các bồn chứa hóa chất, căn cứ vào đặc điểm hóa lý của lưu chất chứa trong bồn mà có sự lựa chọn vật liệu chế tạo phù hợp loại trừ hiện tượng ăn mòn. Vật liệu chế tạo phải có chứng nhận của nhà sản xuất;

- Hàng năm, lập kế hoạch và thực hiện đầy đủ việc bảo trì, bảo dưỡng tất cả máy móc, thiết bị trong nhà máy; Lập kế hoạch kiểm định, thực hiện kiểm định tất cả các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;
- Để giảm thiểu lượng khí độc phát tán ra môi trường xung quanh và nhằm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải ở các công đoạn phát sinh. Định kỳ công ty liên hệ các đơn vị có chức năng đến đo, giám sát môi trường theo đúng yêu cầu pháp luật và theo ĐTM của công ty. Từ đó lên kế hoạch sửa chữa, khắc phục bổ sung các hệ thống, các vị trí sản xuất có các chỉ tiêu môi trường vượt ngưỡng cho phép;
- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải, lượng nước sau xử lý phải đạt chuẩn tiếp nhận của KCN Phước Đông. Lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng để hệ thống luôn hoạt động ổn định.
- Huấn luyện, đào tạo, tuyên truyền về công tác ATVSLĐ – PCCC nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong việc phát hiện, khắc phục hoặc ngăn ngừa các sự cố có thể xảy ra;
- Đánh giá và quản lý các rủi ro;
- Kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ: Công ty lập bảng kế hoạch kiểm tra, giám sát các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra, theo dõi các vị trí dễ phát sinh sự cố và nguyên nhân bên trong cũng như tác động từ bên ngoài có thể dẫn đến tình huống sự cố, đồng thời hướng dẫn các biện pháp xử lý tức thời để hạn chế tối thiểu các thiệt hại khi xảy ra sự cố.

6.2. Công tác phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố

Cháy, nổ là sự cố mà không chỉ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh lo ngại mà còn là mối quan tâm của toàn xã hội vì khi có sự cố cháy nổ xảy ra nó không chỉ gây thiệt hại tài sản của doanh nghiệp đó mà còn để lại hậu quả cho những người lao động, cho chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đó định vị. Do đó, Chủ dự án luôn quan tâm và thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy.

Hệ thống báo cháy tự động:

- Hệ thống báo cháy là hệ thống khép kín, quản lý thiết bị đầu vào và đầu ra cũng như hệ thống dây truyền tín hiệu một cách chặt chẽ bất kỳ một sự cố nào đều được báo kịp thời và chính xác. Khi có đám cháy xảy ra, nhiệt độ tăng cao, lửa phát ra các thiệt bị đầu báo cho từng loại này cảm nhận được các tín hiệu điện truyền về trung tâm báo cháy chính và phát ra tín hiệu báo cháy (alarm) ở các thiết bị đầu ra (loa, chuông màn hình LCD).
- Truyền báo tín hiệu phát hiện có cháy thành tín hiện báo động rõ ràng để những người xung quanh có thể thực hiện ngay các biện pháp xử lý thích hợp.

- Phát hiện cháy nhanh chóng theo các chức năng đã được đề ra.
- Có khả năng chống nhiễu tốt
- Báo hiệu nhanh chóng, rõ ràng các sự cố làm ảnh hưởng đến độ chính xác của hệ thống.
- Không bị ảnh hưởng bởi các hệ thống khác lắp đặt chung quanh hoặc riêng lẻ.
- Không bị tê liệt một phần hay toàn bộ do cháy gây ra trước khi phát hiện cháy.
- Không xảy ra tình trạng báo giả do chất lượng đầu báo kém hoặc sụt áp bộ nguồn trung tâm không tải được.

6.3. Biện pháp phòng chống tai nạn và bảo hộ lao động cho công nhân

Để hạn chế các rủi ro xảy ra, công ty đã thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau nhằm quản lý chặt chẽ việc thực hiện các quy định an toàn lao động, các biện pháp đó là:

- Tuân thủ nghiêm ngặt Quy chế quản lý kỹ thuật an toàn đối với các máy, thiết bị có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp.
- Quan tâm ngay từ khâu lựa chọn thiết bị. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về đăng ký, kiểm định máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định. Không đưa thiết bị vào vận hành khi chưa được kiểm định hoặc quá thời hạn kiểm định.
- Tiến hành tuyên truyền, huấn luyện cho công nhân nhằm phổ biến chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn vệ sinh lao động. Tiến hành đo đạc các yếu tố độc hại trong môi trường lao động, theo dõi sức khỏe và có biện pháp chăm sóc sức khỏe người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.
- Xây dựng nội quy sản xuất, quy tắc an toàn lao động.
- Để tránh những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra, công nhân không được phép uống rượu, bia khi đang làm việc.
- Bảo trì, tu sửa máy móc thiết bị vào những ngày nghỉ hàng tuần.
- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.
- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

- Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ dự án thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động (khẩu trang chuyên dụng, găng tay cao su, ủng cao su, tạp dề nylon chống ướt…) cho công nhân đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.

6.4. Biện pháp giảm thiểu sự cố hệ thống xử lý nước thải

Để phòng chống sự cố về hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án đã thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau:

6.4.1. Đối với bể tự hoại

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:
- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
- Bể tự hoại đầy tiến hành hút hầm cầu.

6.4.2. Biện pháp giảm thiểu đối với hệ thống xử lý nước thải

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;
- Khi các tiêu chuẩn phân tích vượt quy chuẩn mà nguyên nhân vượt quá khả năng tự điều chỉnh, khắc phục của nhân viên kỹ thuật hoặc sự cố cần có thời gian khắc phục kéo

dài như ống bị nghẹt, bị bể, … công ty sẽ có công văn thông báo tình hình sự cố hiện đang xảy ra đến cơ quan chức năng để được hỗ trợ về thời gian khắc phục.

6.4.3. Ứng phó phòng ngừa sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải

Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý nước thải.
- Bố trí 01 cán bộ có chuyên môn vận hành trạm xử lý nước thải. Trạm xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy định vận hành đã được hướng dẫn của đơn vị thiết kế hệ thống xử lý nước thải.
- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân tại hệ thống XLNT kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.
- Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải.

Ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Khi có sự cố xảy ra, Chủ đầu tư sử dụng thiết bị dự phòng để quá trình xử lý không bị gián đoạn.
- Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống XLNT hoạt động trở lại.
- Tuy nhiên trong quá trình vận hành có thể do lỗi vận hành của công nhân dẫn đến đầu ra của hệ thống xử lý không đạt. Chủ dự án sẽ kết hợp với các đơn vị có chuyên môn, chức năng trong việc đào tạo, hướng dẫn công nhân vận hành và giải quyết các hậu quả do sự cố xảy ra.

6.5. Biện pháp giảm thiểu sự cố hệ thống xử lý khí thải

- Thường xuyên tiến hành bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, hệ thống quạt hút, đường ống thu gom… cũng như thay thế các thiết bị hư hỏng để hệ thống xử lý khí thải luôn hoạt động ổn định;
- Thường xuyên, tiến hành quan trắc môi trường các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy định, để đảm bảo các hệ thống xử lý khí thải luôn hoạt động hiệu quả.
- Tạm ngưng hoạt động khu vực sản xuất có hệ thống xử lý khí thải bị hư hỏng để tiến hành khắc phục sự cố.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Không có.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các nội dung thay đổi so với các quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở như sau:

Bảng 3.5: Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt

Stt	Nội dung thay đổi	Theo đề xuất trong Báo cáo ĐTM được phê duyệt	Phướng án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
1	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn dệt, tiền xử lý vải và hậu gia công	Hệ thống phun sương → công đoạn dệt, tiền xử lý vải → bụi vải lắng xuống	- **Bụi tại công đoạn dệt**: Bố trí các máy dệt vải trong từng phòng riêng biệt và lắp đặt mỗi phòng 01 quạt hút để thu bụi từ máy dệt về túi vải. Tại túi vải, bụi được giữ lại bên trong thành túi vải, khí tiếp tục qua thành túi vải để phát tán ra môi trường (không có ống thải khí). Lượng bụi được giữ lại trong túi vải được thu gom đưa về khu vực lưu chứa chất thải rắn. - **Bụi tại công đoạn tiền xử lý vải**: hiện nay, tại công đoạn tiền xử lý vải, dự án không sử dụng máy mài lông. Vì vậy, công ty không lắp đặt hệ thống xử lý bụi tại công đoạn này. - **Bụi tại công đoạn**

			hậu gia công: Bụi phát sinh từ máy mài lông → đường ống hút bụi → quạt hút → thiết bị lọc bụi túi vải → ống thải.
2	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt	Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống khói	Khí thải → Cyclon → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống khói ⇨ Bổ sung thêm Cyclon, nhằm đảm bảo quá trình xử lý bụi, khí thải đạt hiệu quả cao.
3	Hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở	Nước thải → Mương dẫn + Song chắn rác → Hố thu gom → Tháp giải nhiệt → Bể điều hòa → Bể trộn bậc 1 → Bể phản ứng bậc 1 → Bể tạo bông bậc 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể sinh học hiếu khí giá thể lơ lửng MBBR → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trộn bậc 2 → Bể phản ứng bậc 2 → Bể tạo bông bậc 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Mương quan trắc.	Nước thải → Hố thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt → Bể trộn bậc 1 → Bể phản ứng bậc 1 → Bể tạo bông bậc 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể trộn bậc 2 → Bể oxy hóa → Bể phản ứng bậc 2 → Bể tạo bông bậc 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể trung gian → Bể khử trùng → Mương quan trắc. ⇨ Điều chỉnh quy trình công nghệ nhằm đảm bảo công tác vận hành và xử lý được hiệu qảu hơn, cụ thể: không sử dụng giá thể MBBR, bổ sung bể trung gian, bể sinh học thiếu khí và bể oxy hóa.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Cơ sở xin cấp phép lần đầu nên không có bất kỳ sự thay đổi, điều chỉnh nào so với giấy phép môi trường được cấp.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học.

Chương IV:
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nội dung đề nghị cấp phép

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại và nước thải sản xuất sẽ được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở trước khi xả vào hồ sinh thái của hệ thống thu gom nước thải của KCN Phước đông; toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở không xả thải trực tiếp ra môi trường).

Theo Hợp đồng xử lý nước thải số 227/2020/HĐ-SVI ngày 07/7/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG - chi nhánh Tây Ninh và CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM): nước thải sau xử lý cục bộ và đạt tiêu chuẩn đấu nối của KCN, sẽ được Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG tiếp nhận và đấu nối vào hệ thống đường ống thu gom nước thải dẫn về hồ sinh thái trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phước Đông.

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại văn phòng và khu nhà xưởng

+ Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình nhuộm, hoạt động lò hơi và vệ sinh nhà xưởng.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 4.000 m^3/ngày.đêm.

- Dòng nước thải: Toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất và sinh hoạt được xử lý tại trạm xử lý nước thải của cơ sở với công suất 4.000m^3/ngày.đêm và theo đường cống HDPE, D315 và chiều dài 1.400m chạy hệ thống thu gom, nước thải sau xử lý chảy vào nguồn tiếp nhận là hồ sinh thái của Nhà máy xử lý nước thải KCN

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Dòng nước thải của cơ sở đã được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số k_q = 0,9; k_f = 0,9. Vì vậy, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của cơ sở được trình bày chi tiết tại Bảng sau:

Bảng 4.1: Thông số ô nhiễm và giới hạn cho phép trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A; Kq=0,9; Kf=0,9)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	^oC	**40**	03 tháng/lần	Thông số bao gồm: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, độ màu và Amoni
2	Màu	Pt/Co	**40,5**		
3	pH	mg/l	**6 - 9**		
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	**24,3**		
5	COD	mg/l	**60,75**		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	**40,5**		
7	Asen	mg/l	**0,04**		
8	Thủy ngân	mg/l	**0,004**		
9	Chì	mg/l	**0,081**		
10	Cadimi	mg/l	**0,04**		
11	Crom (VI)	mg/l	**0,04**		
12	Crom (III)	mg/l	**0,162**		
13	Đồng	mg/l	**1,62**		
14	Kẽm	mg/l	**2,43**		
15	Niken	mg/l	**0,162**		
16	Mangan	mg/l	**0,405**		
17	Sắt	mg/l	**0,81**		
18	Tổng Xianua	mg/l	**0,057**		
19	Tổng phenol	mg/l	**0,081**		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	**4,05**		
21	Sunfua	mg/l	**0,162**		
22	Florua	mg/l	**4,05**		
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	**4,05**		
24	Tổng Nito	mg/l	**16,2**		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	**3,24**		
26	Clorua	mg/l	**405**		
27	Clo dư	mg/l	**0,81**		
28	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	**4,05**		
29	Tổng PCB	mg/l	**0,002**		
30	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	**3.000**		

-Vị trí, phương thức xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải

+ Vị trí xả thải: Vị trí đấu nối nước thải của cơ sở với hệ thống XLNT của khu công nghiệp có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105º30', múi chiếu 3°): X (m): 1231485,147 ; Y (m): 591065,369.

+ Phương thức xả thải: liên tục, bơm.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hồ sinh thái của Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Phước Đông.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 1,2,3, 4,5 và 6.

+ Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 7,8 và 9.

+ Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 10, 11.

+ Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 12.

+ Nguồn số 05: Khí thải từ dây chuyền sản xuất (tại công đoạn pha chế hóa chất nhuộm)

+ Nguồn số 06: Khí thải từ hoạt động lò hơi và lò dầu tải nhiệt

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 1,2,3, 4,5 và 6; lưu lượng lớn nhất 18.000 m^3/giờ.

+ Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 7,8 và 9; lưu lượng lớn nhất 18.000 m^3/giờ.

+ Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 10, 11; lưu lượng lớn nhất 18.000 m^3/giờ.

+ Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 12; lưu lượng lớn nhất 18.000 m^3/giờ.

+ Nguồn số 05: Khí thải từ dây chuyền sản xuất, lưu lượng lớn nhất 15.000 m^3/giờ.

+ Nguồn số 06: Khí thải từ hoạt động lò hơi và lò dầu tải nhiệt, lưu lượng lớn nhất 64.500 m^3/giờ.

- Dòng khí thải:

+ Dòng khí thải số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 2, tọa độ X (m) = 1231.696,4; Y (m) = 591.120,5.

+ Dòng khí thải số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 3, tọa độ X (m) = 1231.685,9; Y (m) = 591.108,7.

+ Dòng khí thải số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 4, tọa độ X (m) = 1231.693,8; Y (m) = 591.111,9.

+ Dòng khí thải số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn hậu gia công tại máy mài lông số 5, tọa độ X (m) = 1231.674,8; Y (m) = 591.084,9.

+ Dòng khí thải số 05: Khí thải từ dây chuyền sản xuất tại khu vực pha hóa chất, tọa độ X (m) = 1231.771,5; Y (m) = 591.080,6.

+ Dòng khí thải số 06: Khí thải từ hoạt động lò hơi và lò dầu tải nhiệt, tọa độ X (m) = 1231.605,9; Y (m) = 590.987,0.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kp =1,0; Kv= 1,0): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Bảng 4.2: Thông số ô nhiễm và giới hạn cho phép trong khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	**Dòng thải số 1, 2, 3, 4**				
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	**200**	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
II	**Dòng khí thải số 5**				
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	**200**	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	CO	mg/Nm^3	**1.000**		
3	SO_2	mg/Nm^3	**500**		
4	NO_x	mg/Nm^3	**850**		
5	Clo	mg/Nm^3	**10**		

6	Hydro sunphua, H_2S	mg/Nm^3	**7,5**		
7	Fomaldehyt	mg/Nm^3	**20**	6 tháng/lần	
8	Anilin	mg/Nm^3	**19**		
III	**Dòng khí thải số 6**				
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	**200**	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	NO_x	mg/Nm^3	**850**		
3	SO_2	mg/Nm^3	**500**		
4	CO	mg/Nm^3	**1.000**		

- Phương thức xả khí thải: xả liên tục.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống lò hơi, lò dầu tải nhiệt

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực xưởng sản xuất

+ Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tọa độ của các nguồn phát sinh tiếng ồn (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°) như sau:

+ Nguồn số 01: Tọa độ X (m) =1231.628,8; Y (m) = 590.986,4.

+ Nguồn số 02: Tọa độ X (m) = 1231.704,2; Y (m) = 591.082,1.

+ Nguồn số 03: Tọa độ X (m) = 1231.820,7; Y (m) = 591.229,3.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

+ Tiếng ồn:

TT	**Giới hạn tối đa cho phép**		**Tần suất quan trắc định kỳ**	**Ghi chú**
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	không	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	**Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB**		**Tần suất quan trắc định kỳ**	**Ghi chú**
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	không	Khu vực thông thường

Chương V:
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

2.1. Quan trắc định kỳ

- Vị trí các điểm quan trắc (01 vị trí): Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải công suất 4.000m^3/ngày.đêm.

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1: Ngày 17/03/2023

+ Đợt 2: Ngày 20/6/2023

+ Đợt 3: Ngày 12/9/2023

+ Đợt 4: Ngày 01/12/2023.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A).

Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ nước thải định kỳ tại cơ sở được thể hiện chi tiết trong các bảng dưới đây:

Bảng 5.1: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả quan trắc				QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH	-	7,41	7,33	6,73	7,17	6-9
2	Nhiệt độ	^oC	30,2	28,5	32,0	30,2	40
3	Độ màu	Pt-Co	KPH	KPH	KPH	KPH	50
4	BOD_5	mg/L	14	16	21	18	30
5	TSS	mg/L	18,5	21	38,8	21	50
6	COD	mg/L	36	32	47	46	75
7	Clo dư	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	1
8	Tổng N	mg/L	9,81	11,5	13,4	11,0	20
9	Tổng P	mg/L	0,67	0,62	0,88	0,53	4
10	Fe tổng	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	1
11	CN	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,07
12	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	-
13	Crom VI	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05
14	Crom III	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,2
15	Đồng	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	2
16	Colifom	MPN/ 100ml	425	550	700	930	3.000

Nhận xét: Qua tổng hợp kết quả chất lượng nước thải quan trắc định kỳ năm 2023 cho thấy các thông số quan đều nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn kỹ thuật

môi trường áp dụng đối với nước thải sau xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Như vậy, hệ thống xử lý nước thải đang hoạt động hiệu quả, ổn định.

2.2. Quan trắc tự động, liên tục

- Thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, độ màu và Amoni.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, k_q=k_f=0,9).

- Kết quả quan trắc: tinh toán giá trị quan trắc trung bình 1 giờ, tần suất dữ liệu 5 phút/lần và so sánh giá trị quan trắc trung bình 1 giờ so với QCVN.

Bảng 5.2: Giá trị quan trắc trung bình 1 giờ

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị trung bình 1 giờ	QCVN 40:2022/BTNMT, cột A
1	pH	-	7,95	6-9
2	COD	mg/l	9,22	75
3	TSS	mg/l	19,63	50
4	Độ màu	Pt/Co	8,71	50
5	Amoni	mg/l	0,53	5

Nguồn: Theo Báo cáo công tác BVMT của công ty năm 2023.

Nhận xét:

- Dữ liệu công ty nhận được chỉ ở mức khá đầy đủ.
- Các thông số bị lỗi dữ liệu và có giá trị bất thường vượt QCVN tương đối ít.

- Các thông số hầu hết đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

3.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi

Chủ cơ sở cũng đã thực hiện quan trắc định kỳ đối với bụi và khí thải. Thông tin chi tiết như sau:

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1: Ngày 17/3/2023

+ Đợt 2: Ngày 28/6/2023

+ Đợt 3: Ngày 12/9/2023

+ Đợt 4: Ngày 01/12/2023.

- Vị trí các điểm quan trắc:

Bảng 5.3: Vị trí các điểm quan trắc bụi và khí thải

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc

1	Sau HTXL bụi bằng túi vải ống thải 1	Bụi tổng, lưu lượng
2	Sau HTXL bụi bằng túi vải ống thải 2	Bụi tổng, lưu lượng
3	Sau HTXL bụi bằng túi vải ống thải 3	Bụi tổng, lưu lượng
4	Sau HTXL bụi bằng túi vải ống thải 4	Bụi tổng, lưu lượng
5	Sau HTXL bụi bằng túi vải ống thải 5	Bụi tổng, lưu lượng
6	Sau HTXL khí thải từ công đoạn pha hoá chất	Lưu lượng

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNTMT, cột B (k_p = 0,9; k_v = 1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ bụi năm 2023 được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 5.4: Tổng hợp kết quả quan trắc bụi năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc				QCVN 19:2009/BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	Sau HTXL bụi bằng túi vải ống thải 1						
-	Bụi tổng	mg/Nm^3	61,5	61	53,7	60,4	200
-	Lưu lượng	m^3/h	11.950	11.495	12.307	12.399	-
2	Sau HTXL bụi bằng túi vải ống thải 2						
-	Bụi tổng	mg/Nm^3	59,7	58	75,1	62,8	200
-	Lưu lượng	m^3/h	15.575	15.171	15.284	16.130	-
3	Sau HTXL bụi bằng túi vải ống thải 3						
-	Bụi tổng	mg/Nm^3	60,1	52	70	66,4	200
-	Lưu lượng	m^3/h	13.653	13.812	13.630	13.905	-
4	Sau HTXL bụi bằng túi vải ống thải 4						
-	Bụi tổng	mg/Nm^3	57,4	56	52,6	69,2	200
-	Lưu lượng	m^3/h	14.421	14.204	10.880	14.860	-
5	Sau HTXL bụi bằng túi vải ống thải 5						
-	Bụi tổng	mg/Nm^3	56,2	-	-	59,7	200
-	Lưu lượng	m^3/h	11.644	-	-	12.023	-
6	Sau HTXL khí thải từ công đoạn pha hóa chất						
-	Lưu lượng	m^3/h	9.596	9.314	11.356	-	-

Nhận xét: Qua tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ bụi năm 2023, các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

3.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1: Ngày 24/2/2023

+ Đợt 2: Ngày 25/5/2023

+ Đợt 3: Ngày 18/8/2023

+ Đợt 4: Ngày 23/11/2023.

- Vị trí các điểm quan trắc: Sau HTXL khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNTMT, cột B (k_p = 0,9; k_v = 1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ khí thải năm 2023 được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 5.5: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	Lưu lượng	m^3/h	23.524	24.972	25.722	22.202	-
2	Nhiệt độ	ºC	52,5	67,4	86,3	99,37	-
3	Bụi tổng	mg/Nm^3	161,6	142,1	156,3	83,5	**180**
4	CO	mg/Nm^3	335	308	86	584	**900**
5	NO_x	mg/Nm^3	51	36	143	48	**765**
6	SO_2	mg/Nm^3	< 1	< 1	102	4	**450**

Nhận xét: Qua tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ khí thải năm 2023, các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải):

Cơ sở không thuộc đối tượng.

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất):

Cơ sở không thuộc đối tượng.

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

6.1 Tình hình phát sinh, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Theo số liệu thống kê của cơ sở năm 2023, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 161,8 m^3/năm (*Nguồn: Báo cáo công tác BVMT của cơ sở, năm 2023*).

6.2 Tình hình phát sinh, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Lượng rác thải phát sinh từ hoạt động của khu vực sản xuất, theo thống kê khoảng 574.190 kg/năm và tro, xỉ than làm vật liệu xây dựng là 567.700 kg/năm ((*Nguồn: Báo cáo công tác BVMT của cơ sở, năm 2023*). Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được thu gom và tập kết về khu vực kho chứa chất thải công nghiệp của dự án với diện tích 220 m^2,

nằm phía Tây Nam của khu đất. Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa kho: nền kho bê tông, tường xây bê tông, mái tôn, kín, có cửa ra ngoài, có biển báo theo quy định.

6.3 Tình hình phát sinh, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại trong giai đoạn này bao gồm: bóng đèn hỏng có chứa thủy ngân, pin, bình acquy, dầu mỡ thải... Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở năm 2023 trong giai đoạn này được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3.6: Các loại chất thải nguy hại phát sinh năm 2023

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Đơn vị tiếp nhận
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	08 01 01	-	- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xử lý Môi trường Khải Tiến Phát. - Công ty TNHH Môi trường Chân Lý.
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	-	
3	Phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	10 02 02	350	
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	10 02 03	-	
5	Dung dịch thải có các thành phần nguy hại từ quá trình nhuộm	Lỏng	10 02 04	-	
6	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 03	-	
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	-	
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	35	
9	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	-	
10	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	100	
11	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01		
12	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	11.600	
13	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả	Rắn	18 01 02	260	

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Đơn vị tiếp nhận
	bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn				
14	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	240	
15	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	105	
16	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	-	
Tổng cộng				**12.690**	

(Nguồn: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), 2024)

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, một số nội dung kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở, cụ thể như sau:

Ngày 09/6/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh có Thông báo số 4066/TB-STNMT về Kết quả kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM), cụ thể như sau:

a. Kết quả thực hiện:

Bên cạnh những mặt làm được, công ty vẫn còn tồn tại về công tác bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty tiếp tục khắc phục những nội dung sau:

- Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường gửi cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt theo quy định.
- Cung cấp biên bản giao nhận, chứng từ xử lý, hồ sơ năng lực các đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định.
- Công khai kết quả quan trắc môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

b. Kết luận, kiến nghị:

Yêu cầu Công ty khắc phục các tồn tại nêu trên trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo này ký ban hành, báo cáo kết quả khắc phục bằng văn bản (kèm giấy tờ, hình ảnh) về Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu sau thời hạn nêu trên Công ty chưa thực hiện các biện pháp khắc phục thì Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ phúc tra, xử lý nghiêm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Ngày 21/6/2023, CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) có Báo cáo

số 2106/2023/BC-LTH về việc Khắc phục một số tồn tại về công tác bảo vệ môi trường theo thông báo số 4066/TB-STNMT ngày 09/6/2023, cụ thể như sau:

- CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) nđã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 và được cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 536/GXN-STNMT ngày 20/01/2022. Vì vậy, theo điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường 2020, công ty xin phép được thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp GPMT gửi cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt sau khi hết thời hạn quy định tại giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

- Công ty xin gửi bổ sung biên bản giao nhận, chứng từ xử lý, hồ sơ năng lực các đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại kèm theo công văn.

- Do công ty hiện không có trang thông tin điện tử riêng, vì vậy chúng tôi chưa thể thực hiện việc công khai kết quả quan trắc môi trường trên trang thông tin điện tử của công ty như yêu cầu. Hiện tại, công ty có thực hiện việc niêm yết kết quả quan trắc môi trường hàng quý trên bảng thông tin nội bộ công ty.

- Công ty đã tiến hành lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và đã gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 29/12/2022.

(Nội dung chi tiết được thể hiện tại Biên bản làm việc, văn bản liên quan và được đính kèm tại phần phụ lục của báo cáo).

Chương VI.
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

**** Chương trình quan trắc định kỳ chất lượng nước thải***

- Vị trí quan trắc: 01 điểm quan trắc nước thải sau xử lý.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q=0,9 và K_f=0,9) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, BOD_5, Tổng N, Tổng P, Coliform, Độ màu, Chất hoạt động bề mặt, Nhiệt độ, Clo dư, Xyanua (CN^-), Fe, Cu, Cr(VI), Cr(III).

* ***Quan trắc định kỳ bụi, khí thải công nghiệp:***

- Vị trí quan trắc: 06 vị trí quan trắc

+ 04 vị trí tại 04 ống khói của 04 hệ thống xử lý bụi bằng túi vải của 12 máy mài lông (tại công đoạn hậu gia công).

+ 01 vị trí tại ống xả sau hệ thống xử lý khí thải của công đoạn pha chế hóa chất.

+ 01 vị trí tại ống khói xả thải chung của hệ thống lò hơi và lò dầu tải nhiệt

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, k_p=0,9; k_v=1,0 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi đối với một số chất hữu cơ.
- Thông số quan trắc:

+ Đối với 04 vị trí tại ống khói của 04 hệ thống xử lý bụi bằng túi vải của 12 máy mài lông, quan trắc các thông số: Bụi, lưu lượng.

+ Đối với hệ thống xử lý khí thải của công đoạn pha chế hóa chất, quan trắc các thông số: Lưu lượng, n-Butyl acetat, Fomaldehyt.

+ Đối với ống khói xả thải chung của hệ thống lò hơi và lò dầu tải nhiệt, quan trắc các thông số: Lưu lượng, Bụi tổng, SO_2, NO_x, CO.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục nước thải

- Quan trắc nước thải:

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, độ màu và Amoni.

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q=0,9 và K_f=0,9) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc chất thải tự động, liên tục đối với khí thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

**** Giám sát chất thải rắn (chất thải rắn thông thường, CTNH):***

- Chủ cơ sở sẽ giám sát: khối lượng, thành phần và chứng từ chuyển giao.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Quản lý chất thải rắn của chủ cơ sở sẽ được định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý môi trường.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm của dự án như sau:

Bảng 6.1: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

TT	Công việc thực hiện	Chi phí (VNĐ)
1	Quan trắc chất lượng nước thải	50.000.000
2	Quan trắc chất lượng khí thải	120.000.000
3	Giám sát chất thải rắn	50.000.000
	Tổng	**220.000.000**

Chương VII.
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) cam kết:

- Tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường:

+ Đối với khí thải phát sinh từ cơ sở được thu gom, xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B, hệ số K_p = 0,9 và K_v = 1,0 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi đối với một số chất hữu cơ.

+ Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải;

+ Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường;

+ Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh bụi, khí thải khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đã khắc phục xong;

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường:

+ Nước thải phát sinh từ cơ sở được thu gom, xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q=0,9 và K_f=0,9).

+ Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom và xử lý nước thải đạt giới hạn cho phép trước khi xả thải ra môi trường;

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành;

- Đảm bảo yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

+ Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường;

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ;

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình hệ thống xử lý khí thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

+ Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy;

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở.
- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan nhà nước kiểm tra.

PHỤ LỤC 1: VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

Stt	Tài liệu đính kèm
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3901229591 đăng ký lần đầu ngày 30/8/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/8/2023
2	Giấy chứng nhận đầu tư số 7622344186, chứng nhận lần đầu ngày 22/8/2016, điều chỉnh lần thứ 7 ngày 10/8/2023 được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp
3	Giấy phép xây dựng số 17.016/GPXD ngày 20/9/2017 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp cho CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
4	Thông báo số 415/TB-BQLKKT ngày 19/10/2021 về Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng
5	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC694781, DC694782, DC694783, DC694784 được Sở Tài nguyên và Môi trường đất tỉnh Tây Ninh cấp ngày 30/12/2021
6	Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing tại xã KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
7	Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 72000623.T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/10/2020

PHỤ LỤC 2: VĂN BẢN VỀ CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ TẠI CƠ SỞ

Stt	Tài liệu đính kèm
1	Biên bản nghiệm thu, bàn giao của hệ thống xử lý bụi của công đoạn hậu gia công tại 12 máy mài lông đã được đầu tư và đính kèm bản vẽ hoàn công
2	Biên bản nghiệm thu, bàn giao của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn pha chế hóa chất đã được đầu tư và đính kèm bản vẽ hoàn công
3	Biên bản nghiệm thu, bàn giao của hệ thống xử lý khí thải lò hơi và lò dầu tải nhiệt đã được đầu tư và đính kèm bản vẽ hoàn công
4	Biên bản nghiệm thu, bàn giao hệ thống nước thải công suất 4.000m^3/ngày.đêm và đính kèm bản vẽ hoàn công
5	Giấy chứng nhận số 186/TDPCCC của Phòng CS PCCC và CNCH – Công an tỉnh Tây Ninh về việc thẩm duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy nhà máy.
6	Hợp đồng xử lý nước thải số 227/2020/HĐ-SVI ngày 07/7/2020

PHỤ LỤC 3: HỢP ĐỒNG VÀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNHH KỲ

Stt	Tài liệu đính kèm
1	Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt số 57/2021/HĐ-SVI ngày 15/4/2021
2	Hợp đồng số 1872023/HĐXL.CL-LIAN ngày 21/12/2023 với Công ty TNHH Môi trường Chân Lý để tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và chứng từ nguy hại kèm theo.
3	Hợp đồng số 1104-2024/LIAN TA HSING-KTP/HĐXL ngày 11/03/2024 với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xử lý Môi trường Khải Tiến Phát về việc thu gom và xử lý chất thải nguy hại và chứng từ nguy hại kèm theo.
4	Hợp đồng số 01/HĐ/LT.HSING-TTP.24 ngày 01/04/2024 để vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại và Biên bản bàn giao kèm theo.
5	Hợp đồng số 052024/HĐKT/LTH-THE-AHT ngày 18/52024 với Công ty Cổ phần Thuận Hải Energy về việc thu gom, vận chuyển tái sử dụng tro, xỉ than không nguy hại làm vật liệu xây dựng và Biên bản bàn giao kèm theo.
6	Phiếu kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2023.

PHỤ LỤC 4: VĂN BẢN THANH TRA KIỂM TRA

Stt	Tài liệu đính kèm
1	Thông báo số 4066/TB-STNMT ngày 09/6/2023 của Sở TNMT về Kết quả kiểm tra việc vận hành chấp hành quy định của pháp luật về BVMT và Báo cáo số 2106/2023/BC-LTH ngày 21/6/2023 của CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) về việc khắc phục một số tồn tại về công tác BVMT theo thông báo số 4066/TB-STNMT ngày 09/6/2023.
2	Biên bản làm việc ngày 23/6/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh phối hợp Phòng TNMT huyện Gò Dầu.
3	Biên bản làm việc ngày 14/5/2024 của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh

PHỤ LỤC 5: VĂN BẢN, TÀI LIỆU VỀ KCN PHƯỚC ĐÔNG

Stt	Tài liệu đính kèm
1	Giấy phép môi trường số 430/GPMT-BTNMT ngày 31/10/2023

PHỤ LỤC 6: CÁC BẢN VẼ

Stt	Tài liệu đính kèm
1	Mặt bằng tổng thể toàn bộ cơ sở
2	Hệ thống thu gom thoát nước mưa đã xây dựng của cơ sở
3	Hệ thống thu gom thoát nước thải đã xây dựng của cơ sở
4	Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc định kỳ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 3901229591

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 08 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 02 tháng 08 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIAN-TA-HSING (VIET NAM) CO., LTD
Tên công ty viết tắt: LIAN-TA-HSING (VIET NAM)

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô số 45-1, Đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: *0276.3837666* Fax: *0276.3768777*
Email: *liandaxing619@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 810.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám trăm mười tỷ đồng

Tương đương 36.000.000 USD

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD
Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *177981*
Ngày cấp: *14/01/2016* Nơi cấp: *Cơ quan đăng ký doanh nghiệp kinh doanh quốc tế, nước Cộng Hòa Seychelles*
Địa chỉ trụ sở chính: *1st Floor, #5 DEKK House, De Zippora Street, Providence Industrial Estate, Mahé, Seychelles*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 1673 quyển số 01 SCT/BS
Ngày 16 tháng 11 năm 2023
CHỦ TỊCH

* Họ và tên: KAO, WEN-CHENG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc

Sinh ngày: *11/12/1970* Dân tộc: *Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *308939142*

Ngày cấp: *18/03/2014* Nơi cấp: *Ministry of Foreign Affairs of R.O.C*

Địa chỉ thường trú: *No. 21, Sec. 47, Zuntougu Rd, Zuntou Village Neighborhood 7, Dayuan Dist, Taoyuan, Trung Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Lô số 45-1, đường N15, khu công nghiệp Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Hồng Thắm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1155 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 25 tháng 5 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam do Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing Việt Nam làm Chủ dự án

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam do Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing Việt Nam làm Chủ dự án họp vào ngày 22 tháng 3 năm 2017 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 05/CV ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 2276/TTr-STNMT ngày 12 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam tại Lô số 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6, 45-7, 45-9, đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh do Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing Việt Nam thực hiện (Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Sản xuất vải dệt kim với quy mô 10.000 tấn/năm, công đoạn hoàn thiện sản phẩm dệt có công đoạn nhuộm, không nhuộm gia công.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và đưa dự án đi vào hoạt động phải đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải được thu gom, xử lý triệt để, đáp ứng các yêu cầu được quy định tại các Quy chuẩn Việt Nam (QCVN):

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom xử lý nước thải; Chủ dự án phải thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với các hệ số Kq = 0,9, Kf = 0,9 trước khi thải vào hồ sinh thái của Khu công nghiệp Phước Đông, lắp đặt hệ thống quan trắc tự động truyền dữ liệu về Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn VRG giám sát.

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom và xử lý khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, QCVN 20:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường, lắp đặt hệ thống quan trắc tự động truyền dữ liệu về Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn VRG giám sát.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải trong giai đoạn xây dựng và đưa Dự án đi vào hoạt động sản xuất đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT.

- Trong quá trình thực hiện việc xây dựng và đưa Dự án vào hoạt động phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn và độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Đảm bảo diện tích đất trồng cây xanh theo đúng quy định của pháp luật.

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công xây dựng và đưa Dự án đi vào hoạt động theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2.3 Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường. Thực hiện đầy đủ các chương trình giám sát môi trường như đã trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

Điều 2. Chủ đầu tư có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Lập phương án bảo vệ môi trường lưu giữ tại Nhà máy để cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thanh, kiểm tra.

5. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- UBND huyện Gò Dầu;
- Cty cp đầu tư Sài Gòn VRG;
- BQL KKT;
- Lưu: VT

12

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 7622344186

Chứng nhận lần đầu: ngày 22 tháng 8 năm 2016

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ: 7 ngày 10 tháng 8 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7622344186 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh chứng nhận thay đổi lần thứ: 6, ngày 06 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam) nộp ngày 03 tháng 8 năm 2023,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH TÂY NINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY DỆT VẢI LIAN -TA-HSING VIỆT NAM; mã số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 7622344186 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh chứng nhận thay đổi lần thứ: 6, ngày 06 tháng 01 năm 2021; được đăng ký điều chỉnh: tăng vốn góp vào dự án, cập nhật tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO.,LTD; Quyết định thành lập số: 177981 cấp ngày 14/01/2016 tại Cơ quan đăng ký doanh nghiệp kinh doanh quốc tế, nước Cộng Hòa Seychelles; trụ sở đăng ký tại 1st Floor, #5 DEKK House, De Zippora Street, Providence Industrial Estate, Mahé, Republic of Seychelles. Điện thoại: (886) 3856715; Email: landasing888@gmail.com.

Đại diện bởi: Ông Kao, Wen-Cheng; sinh ngày 11/12/1970; quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số 308939142 cấp ngày 18/3/2014 tại Ministry of Foreign Affairs of R.O.C; địa chỉ thường trú tại No.21, Sec.47, Zuntougu Rd, Zuntou Village Neighborhood 7, Dayuan Dist., Taoyuan City, Taiwan (R.O.C); chỗ

ở hiện nay tại No.21, Sec.47, Zuntougu Rd, Zuntou Village Neighborhood 7, Dayuan Dist., Taoyuan City, Taiwan (R.O.C); chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901229591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh chứng nhận thay đổi lần: 6, ngày 02/8/2023 (đăng ký lần đầu: ngày 30/08/2016); Mã số thuế: 3901229591.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư.

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY DỆT VẢI LIAN-TA-HSING VIỆT NAM

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC (*)
1	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Sản xuất vải dệt kim (quy trình sản xuất này không có công đoạn nhuộm)	1391	
2	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: Hồ vải, tẩy, hấp, nhuộm, làm co, chống co, ngâm kiềm sản phẩm vải dệt kim (Công đoạn nhuộm chỉ phục vụ cho việc sản xuất vải dệt kim của dự án, không đơn thuần thực hiện công đoạn nhuộm, không nhuộm gia công).	1313	
3	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641	
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669	

3. Quy mô dự án:

- Sản xuất vải dệt kim với quy mô 10.000 tấn/năm.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hoá với mã HS như sau: 52052400, 52061200, 54052300, 54023300, 54024700, 55095100, 60011000, 60041090, 60062100, 60069000 với doanh thu hoạt động thương mại: 2.000.000 USD/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6, 45-7, 45-9-1 đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

5. Diện tích mặt đất: 152.903,4 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.125.000.000.000 VNĐ (một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ đồng), tương đương 50.000.000 USD (năm mươi triệu đô la Mỹ). Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là 810.000.000.000 VNĐ (tám trăm mười tỷ đồng), tương đương 36.000.000 USD (ba mươi sáu triệu đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 72% tổng vốn đầu tư. lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO.,LTD	810.000.000.000	36.000.000	100	Bằng tiền	Đã góp đủ 36.000.000 USD

- Vốn huy động: 315.000.000.000 VNĐ (ba trăm mười lăm tỷ đồng), tương đương 14.000.000 USD (mười bốn triệu đô la Mỹ).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 42 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu cho đến hết ngày 29/12/2058.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: Đã góp đủ 36.000.000 USD.

- Tiến độ huy động các nguồn vốn: Đến 30/3/2025.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Tiến độ xây dựng cơ bản: Từ tháng 03/2018 - tháng 03/2020;

- Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào hoạt động: Tháng 04/2020.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 3. Các quy định đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam) có trách nhiệm:

1. Đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và thực hiện báo cáo thông qua Hệ thống theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai thực hiện dự án theo nội dung được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, môi trường, xây dựng, an toàn hóa chất, lao động và pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7622344186 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh chứng nhận thay đổi lần thứ: 6, ngày 06 tháng 01 năm 2021.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam) được cấp 01(một) bản; 01 (một) bản lưu tại: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu: VT.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH TÂY NINH

Lê Thanh Kiệt

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ
KHU KINH TẾ TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 20 tháng 9 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

SỐ: 17.016 /GPXD
(Sử dụng cấp cho dự án)

1. Cấp cho: **Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam).**
   - Địa chỉ:**Đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.**
2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: **Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam.**

   - Tổng số công trình (n): **15 công trình** *(Chi tiết từng công trình theo danh mục đính kèm)*
     + Theo thiết kế có ký hiệu: **Theo hồ sơ thiết kế.**
     + Do: **Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Ức Phát.** Lập: **Tháng 03 năm 2017**

     + Gồm các nội dung sau:
       * Diện tích xây dựng (chiếm đất): **62.855,26** m2
       * Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): **51.826,58** m2
       * Tổng diện tích sàn: **51.826,58** m2
       * Chiều cao công trình **Max = 15,60** m , Số tầng: **Max = 01 tầng**
       * Trên lô đất: **SKK 68** , Diện tích: **152.903,40** m2
       * Loại công trình: **Công nghiệp.** , Cấp công trình: **Cấp III.**
       * Cốt nền xây dựng công trình: Theo hồ sơ Quy hoạch.
       * Mật độ xây dựng: Theo hồ sơ Quy hoạch; Hệ số sử dụng đất: Theo hồ sơ Quy hoạch.
       * Chỉ giới đường đỏ: Theo hồ sơ Quy hoạch; Chỉ giới xây dựng: Theo hồ sơ Quy hoạch.
       * Màu sắc công trình: Theo hồ sơ thiết kế.
       * Các nội dung khác: **Thông báo kết quả TĐTK số:2478/SXD-QLXD ngày 06/9/2017.**
     - Dự án đặt tại: **KCN Phước Đông** Đường: **Đường N15.**
     - Phường (Xã): **Phước Đông.** Quận (Huyện): **Gò Dầu.**
     - Tỉnh (Thành phố): **Tây Ninh.**
3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: **Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CE 979013 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam).**
4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:
   Công trình: .../.../...
   Công trình: .../.../...
5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- Lưu : VP, QHXD.

KT .TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Phạm Văn Sơn

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤP PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của Giấy phép:

Tây Ninh, ngày tháng năm

KT TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 5 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

6./ Xưởng phối vải:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (163,78m x 90m) = 14.740,20 m^2.

. Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): (163,78m x 90m) = 14.740,20 m^2.

.Tổng diện tích sàn: (163,78m x 90m) = 14.740,20 m^2.

. Chiều cao công trình: 11,10m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 5a trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

7./ Xưởng nhuộm + xưởng định hình:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (160m x 90m) = 14.400 m^2.

. Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): (160m x 90m) = 14.400 m^2.

.Tổng diện tích sàn: (160m x 90m) = 14.400 m^2.

. Chiều cao công trình: 15,60m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 6 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

8./ Nhà kho + bể nước ngầm (20m X 30m):

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (60m x 60m) = 3.600 m^2.

. Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): (60m x 60m) = 3.600 m^2.

.Tổng diện tích sàn: (60m x 60m) = 3.600 m^2.

. Chiều cao công trình: 11,10m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 7 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

9./ Kho thành phẩm:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (90m x 80m) = 7.200 m^2.

. Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): (90m x 80m) = 7.200 m^2.

.Tổng diện tích sàn: (90m x 80m) = 7.200 m^2.

. Chiều cao công trình: 9,50m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 8 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

10./ Khu xử lý nước thải:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (33,05m x 49,4m) + (41,225m x 49,4m) + (39,75m x 49,4m) + (6,5m x 49,4m) + (20,6m x 10,3m) + (15,5m x 9m) + (16m x 5m) + (14m x 5m) + (24m X 5m) + (17,7m x 39,4m) + (15m x 6,5m) = 7.370,50 m^2.

. Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): (15,5m x 9m) + (16m x 5m) + (14m x 5m) + (24m X 5m) + (17,7m x 39,4m) + (15m x 6,5m) = 1.204,38 m^2.

.Tổng diện tích sàn: (15,5m x 9m) + (16m x 5m) + (14m x 5m) + (24m X 5m) + (17,7m x 39,4m) + (15m x 6,5m) = 1.204,38 m^2.

. Chiều cao công trình: 11,40m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH

(Kèm theo giấy phép số: 17.016 /GPXD ngày 20 tháng 09 năm 2017)

Dự án: Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam).

1./ Nhà bảo vệ 1:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (4m x 5m) = 20 m^2.

. Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): (4m x 5m) = 20 m^2.

.Tổng diện tích sàn: (4m x 5m) = 20 m^2.

. Chiều cao công trình: 4,85m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 1 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

2./ Nhà xe 02 bánh:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (13m x 100m) = 1.300 m^2.

. Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): (13m x 100m) = 1.300 m^2.

.Tổng diện tích sàn: (13m x 100m) = 1.300 m^2.

. Chiều cao công trình: 4,15m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 2 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

3./ Nhà xe hơi:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (6m x 24m) = 144 m^2.

. Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): (6m x 24m) = 144 m^2.

.Tổng diện tích sàn: (6m x 24m) = 144 m^2.

. Chiều cao công trình: 4,15m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 3 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

4./ Bể nước sạch:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: 1.500 m^2.

. Chiều cao công trình: 0,30m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 4 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

5./ Xưởng phôi:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (102,2m x 90m) = 9.198 m^2.

. Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): (102,2m x 90m) = 9.198 m^2.

.Tổng diện tích sàn: (102,2m x 90m) = 9.198 m^2.

. Chiều cao công trình: 11,10m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 9 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

11./ Trạm cân 60 tấn:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (3,4m X 18,4m) = 62,56 m^2.

. Chiều cao công trình: 0,10m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 10 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

12./ Nhà bảo vệ 2:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (4m x 5m) = 20 m^2.

. Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): (4m x 5m) = 20 m^2.

.Tổng diện tích sàn: (4m x 5m) = 20 m^2.

. Chiều cao công trình: 4,85m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 11 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

13./ Mái nối 1:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (160m X 15m) = 2.400 m^2.

. Chiều cao công trình: 8,80m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 12 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

14./ Mái nối 2:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (15m X 9m) = 135 m^2.

. Chiều cao công trình: 8,80m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 13 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

15./ Mái nối 3:

. Diện tích xây dựng chiếm đất: (90m X 8,5m) = 765 m^2.

. Chiều cao công trình: 7,60m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm ở vị trí số 14 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

Số: 415 /TB-BQLKKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 19 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam).

Căn cứ Nghị định số: 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số: 17.016/GPXD ngày 20/9/2017 và Điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 10/02/2021 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam);

Căn cứ Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 07/01/2021 do phòng CS.PCCC&CNCH Công an tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam);

Căn cứ Văn bản số: 05/PC07-CTPC ngày 08/01/2021 do phòng CS.PCCC&CNCH Công an tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam) về việc nghiệm thu phòng cháy;

Căn cứ Quyết định số: 1155/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy dệt vải Lian – Ta – Hsing Việt Nam do Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam) làm chủ dự án;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam);

Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng ngày 28/12/2018 được ký kết giữa các đơn vị có liên quan Chủ đầu tư: Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam), Đơn vị thi công: Công ty TNHH TM DV Xây Dựng Ức Phát, Đơn vị giám sát: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Trung Trung Nam;

Căn cứ Thông báo số: 413/TB-BQLKKT ngày 12/10/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế về kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng;

Căn cứ Giấy mời số: 101/GM-BQLKKT ngày 12/10/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế về kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 14/10/2021 kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của dự án Nhà máy dệt vải Lian – Ta – Hsing Việt Nam;

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình thuộc dự án Nhà máy dệt vải Lian – Ta – Hsing Việt Nam để đưa vào sử dụng đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình.

a) Tên công trình/hạng mục công trình: Theo Giấy phép xây dựng số: 17.016/GPXD ngày 20/9/2017 và Điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 10/02/2021 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam).

b) Địa điểm xây dựng: Lô 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6, 45-7, 45-9, Diện tích: 152.903,40 m^2, Đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

c) Loại và cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.

d) Mô tả các thông số chính của công trình: Theo hồ sơ thiết kế được cấp phép xây dựng tại Giấy phép xây dựng số: 17.016/GPXD ngày 20/9/2017 và Điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 10/02/2021 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam).

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt.

- Các yêu cầu khác:

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo phụ lục VIb (Ban hành kèm theo Nghị định số: 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng).

+ Chủ đầu tư và các Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm về an toàn chịu lực, chất lượng công trình thuộc dự án Nhà máy dệt vải Lian – Ta – Hsing Việt Nam.

+ Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trên đây là Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng đến Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam) để làm cơ sở cho các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: QHXD, VP.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH TÂY NINH

Hà Văn Cung

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

25672210156 82

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3901229591
Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 01 năm 2020
Địa chỉ: Lô số 45-1, đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

DC 694781

CH 09682
4330

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **68** , tờ bản đồ số: **51**

b) Địa chỉ: xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

c) Diện tích: 152.903,4m², (bằng chữ: Một trăm năm mươi hai nghìn chín trăm linh ba phẩy bốn mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29 tháng 12 năm 2058

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp

2. Nhà ở: *-/-.*

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam

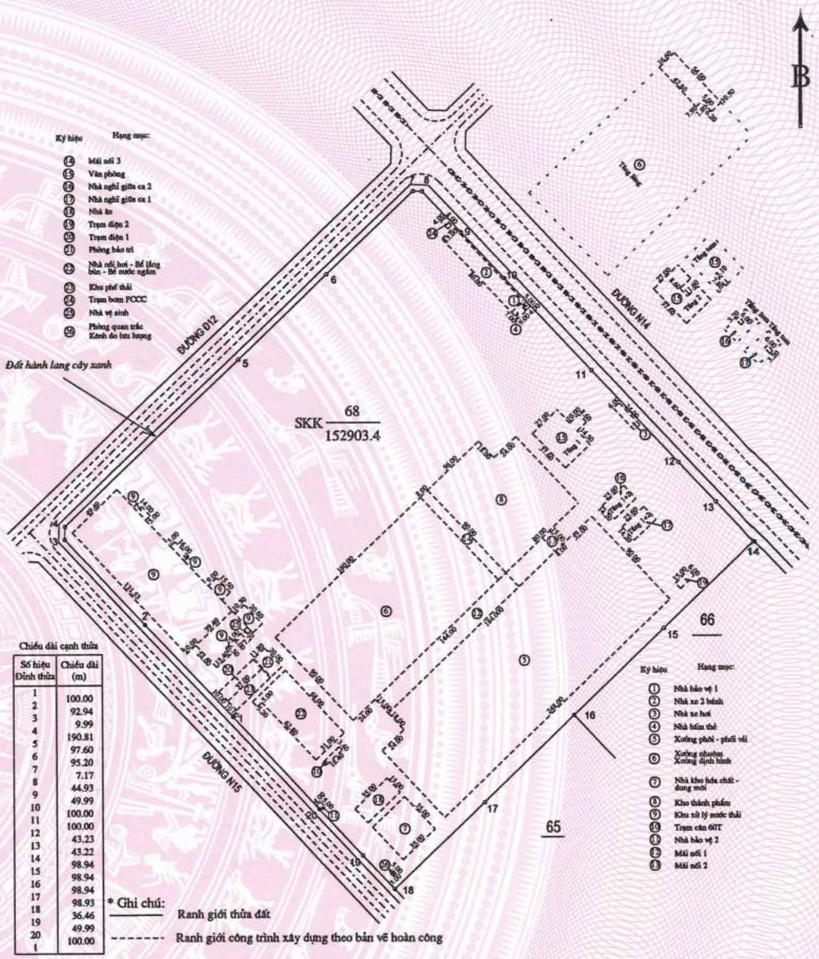
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn (m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà bảo vệ 1	20	20	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà xe 2 bánh	1040	1040	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Nhà xe hơi	144	144	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà bấm thẻ	63	63	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Xưởng phôi và xưởng phối vải	21888	21888	Sở hữu riêng	Cấp 2	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: *-/-.*

5. Cây lâu năm: *-/-.*

6. Ghi chú: *Không.*

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2021

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Kiều Công Minh

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT04220

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

2 5 6 7 2 2 1 0 1 5 6 8 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3901229591
Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 01 năm 2020
Địa chỉ: Lô số 45-1, đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

DC 694783

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất: Thông tin về thửa đất được quyền sử dụng thể hiện trên Giấy chứng nhận có seri số DC 694781

2. Nhà ở: *-/-.*

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam

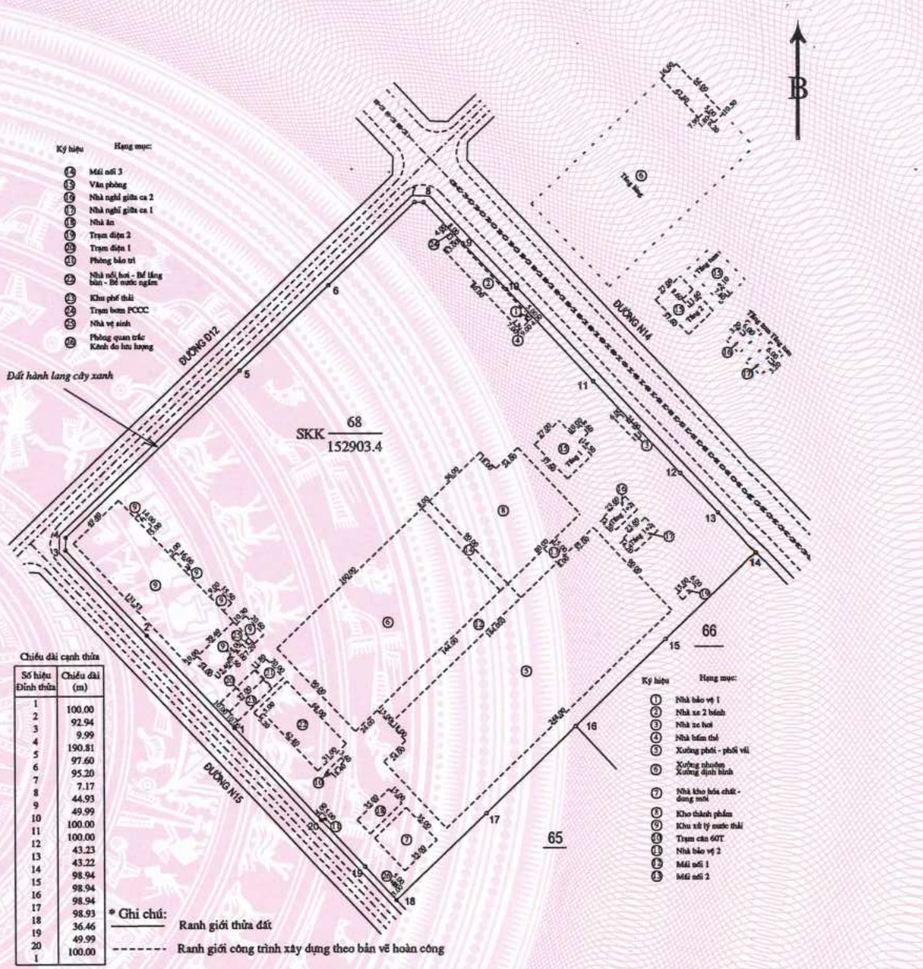
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn (m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Mái nối 2	120	-/-	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Mái nối 3	720	-/-	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Nhà văn phòng	1101,20	2040,82	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Nhà nghỉ giữa ca 1	335,12	689,44	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Nhà nghỉ giữa ca 2	335,12	689,44	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Nhà ăn	525	525	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Trạm điện 1	370	370	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: *-/-.*

5. Cây lâu năm: *-/-.*

6. Ghi chú: *Không*

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2021

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Kiều Công Minh

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT04222

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

25672210156 86

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3901229591
Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 01 năm 2020
Địa chỉ: Lô số 45-1, đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

DC 694782

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất: Thông tin về thửa đất được quyền sử dụng thể hiện trên Giấy chứng nhận có seri số DC 694781

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam

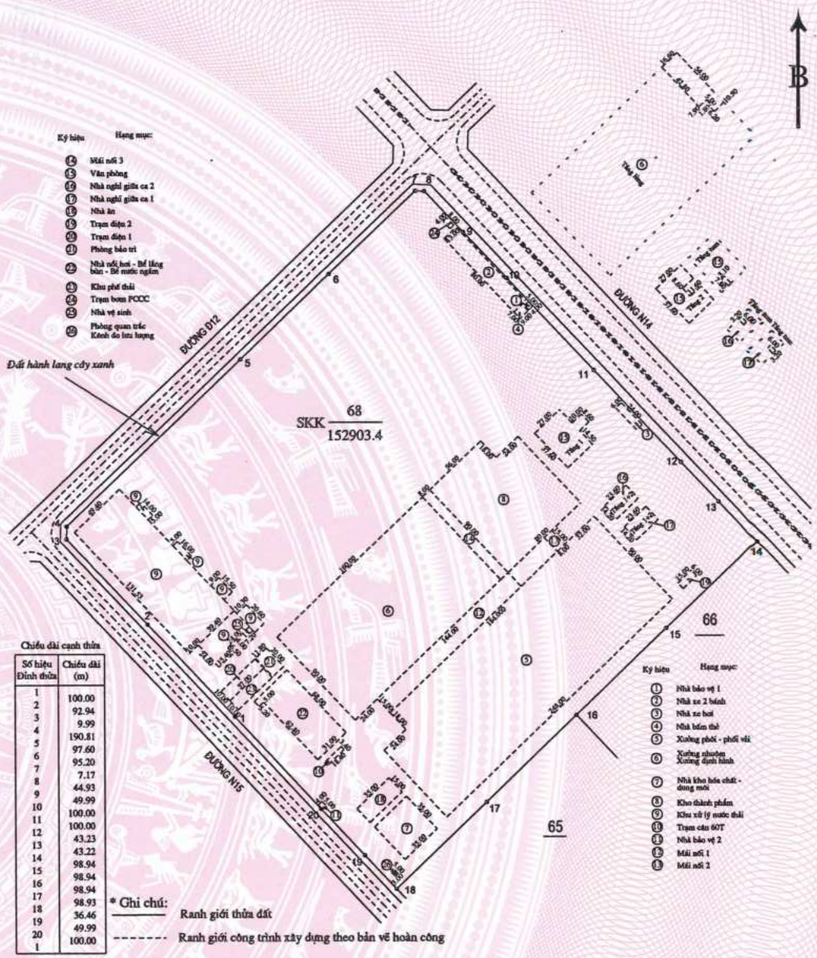
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Xưởng nhuộm-xưởng định hình	14400	15218,72	Sở hữu riêng	Cấp 2	-/-
Nhà kho hóa chất - dung môi	1225	1225	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Kho thành phẩm	6768	6768	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Khu xử lý nước thải	7788,62	1084,35	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Trạm cân 60 tấn	62,56	62,56	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà bảo vệ 2	20	20	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Mái nối 1	2160	-/-	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: *Không*

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2021

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Kiều Công Minh

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT04221

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

25672210156 88

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3901229591
Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 01 năm 2020
Địa chỉ: Lô số 45-1, đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

DC 694784

0156 4223

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất: Thông tin về thửa đất được quyền sử dụng thể hiện trên Giấy chứng nhận có seri số DC 694781

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam

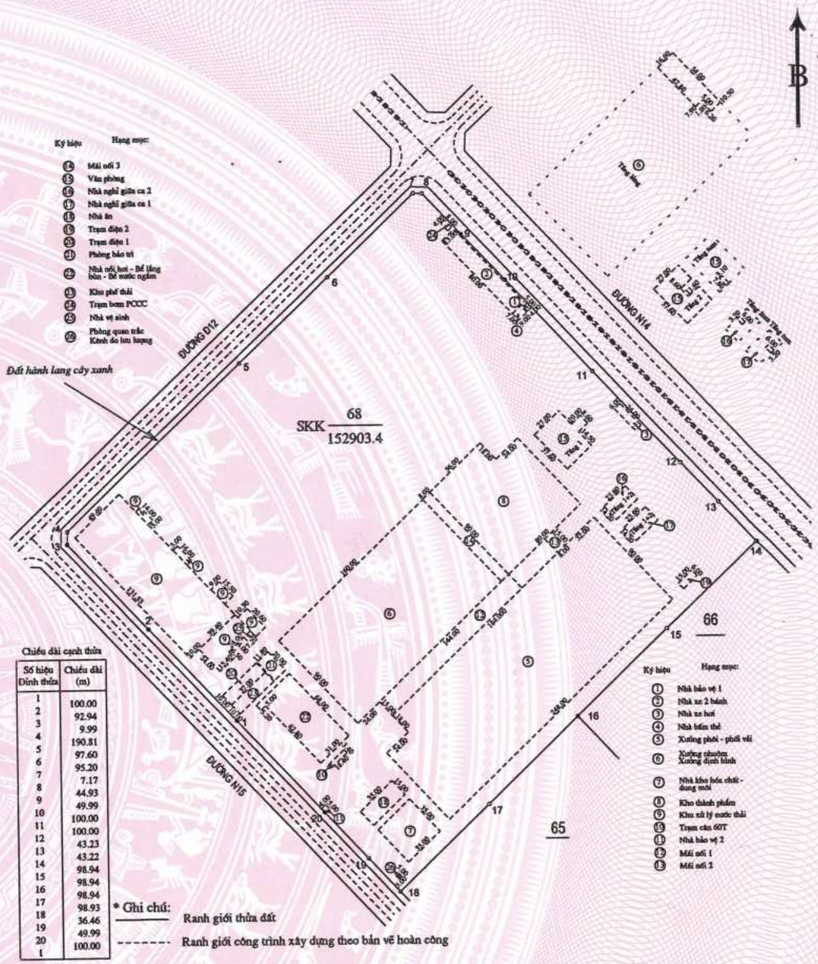
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Trạm điện 2	90	90	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Phòng bảo trì	236	236	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà nồi hơi, bể lắng bùn, bể nước ngầm	2134	2134	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Khu phế thải	370	370	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Trạm bơm	32	32	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà vệ sinh	28,80	28,80	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Phòng quan trắc kênh đo lưu lượng	15	15	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: *Không*

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2021

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Kiều Công Minh

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT04223

Vietnam Rubber Group
SAIGON VRG
Your trusted partner always

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

Số:19/SVI.HD.2016

Giữa

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG

và

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING

(VIỆT NAM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vietnam Rubber Group
SAIGON VRG
Your trusted partner always

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

Số: 19./SVI.HĐ.2016

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG

Và

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

Năm 2016

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/SVI.HĐ.2016

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2016

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Bộ Luật dân sự đã được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định 29/2008/NĐ-CP ban hành ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 07/HĐ-TĐ ngày 21/12/2011 giữa Ủy Ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG;
- Căn cứ vào Thỏa thuận thuê lại đất số 17/SVI.TT.2016 ngày 17/5/2016 giữa LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD và Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG.

ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH:

Trong hợp đồng này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- **"Hợp Đồng"** là Hợp đồng Thuê lại đất này;
- **"Ngày làm việc"** là ngày thứ Hai đến ngày thứ Bảy trừ các ngày lễ và ngày nghỉ theo quy định của Luật Lao Động;
- **"Khu đất"** là khu đất có diện tích **152.903,4 m²** tại **lô 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6, 45-7, 45-9, đường N15** của bản đồ phân lô khu công nghiệp Phước Đông, thể hiện tại Phụ lục A đính kèm (Bản đồ vị trí khu đất);
- **"Giấy phép"** là Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- **"Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và tiện ích công cộng"** là phí mà Bên B phải trả cho Bên A trong thời hạn của Hợp Đồng này, Bên A sử dụng phí này cho công tác quản lý, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong Khu Công Nghiệp bao gồm: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cây xanh, thảm cỏ, hệ thống chiếu sáng đường giao thông và vệ sinh Khu Công Nghiệp;
- **"Bên"** là Bên A hoặc Bên B và **"Hai Bên"** có nghĩa là Bên A và Bên B;

- **"Mục đích sử dụng được phép"** bao gồm việc xây dựng và điều hành nhà máy và văn phòng theo các điều khoản của Hợp Đồng này, Nội quy, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B và pháp luật Việt Nam;
- **"Tiền thuê"** là tiền thuê đất thô mà Bên B phải thanh toán cho Bên A theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này;
- **"Thời hạn"** có nghĩa là khoảng thời gian từ ngày ký Hợp Đồng Thuê lại đất đến ngày 29/12/2058.
- **"Thuế GTGT"** là bất cứ loại thuế giá trị gia tăng nào (hoặc thuế tiêu thụ hay thuế tương tự được áp dụng bổ sung hoặc thay thế cho thuế giá trị gia tăng) phải trả tại Việt Nam cho việc cung ứng hoặc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc lợi ích đối với tài sản;
- **"TANIZA"** là Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh.
- Tỷ giá tại ngày ký Hợp đồng này là: 22.500 VND/USD.

Hôm nay, tại văn phòng Công ty Cổ phần đầu tư Sài Gòn VRG, Hai Bên ký Hợp Đồng thuê lại đất gồm có:

BÊN CHO THUÊ (Dưới đây được gọi tắt là Bên A)

- Tên Đơn Vị	**: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG**
- Người đại diện	: **Ông TRẦN CÔNG KHA,** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ	: Lô TT2-1, Đường D4, KCN Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi
- Số tài khoản	: VND 102010001082168 hoặc USD 102020000161966. Mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn.
- Swift Code	: ICBVVNVX946
- Mã số thuế	: 0305268812
- Điện thoại	: 08. 38479273 Fax: 08. 38479272
- Email	: info@saigonvrg.com.vn Website: http:// www.saigonvrg.com.vn

BÊN THUÊ (Dưới đây được gọi tắt là **Bên B**)

- Tên Đơn Vị	**: CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)**
- Người đại diện	: **Ông KAO, WEN-CHENG** Chức vụ: Chủ Tịch Công Ty
- Địa chỉ	: Lô **45-6** đường N15, Khu Công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện Thoại	: ..... Fax: .....
- Mã số thuế	: 3901229591
- Email	: landasing888@gmail.com

Hai Bên đồng ý ký Hợp Đồng Thuê lại đất (dưới đây được gọi tắt là "Hợp Đồng") bao gồm những điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung

Bên A cho Bên B thuê khu đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng tại **lô 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6, 45-7, 45-9, đường N15** tại Khu Công Nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, với tổng diện tích **152.903,4 m^2** theo Bản đồ vị trí khu đất đính kèm (Phụ lục A) để triển khai dự án để triển khai dự án "Nhà máy dệt vải". Dự án này không có gia công nhuộm.

Điều 2. Thời hạn thuê lại đất

Thời hạn thuê lại đất đến hết **ngày 29 tháng 12 năm 2058**.

Điều 3. Tiền thuê đất thô *(Chưa bao gồm thuế GTGT)*

3.1. Đơn giá thuê đất thô: **1.364,5 đồng/ m^2/năm** (Đơn giá thuê đất thô này ổn định đến 29/12/2058).

3.2. Tiền thuê đất thô hàng năm:

1.364,5 đồng/m^2/năm x 152.903,4 m^2 = 208.636.689,30 đồng/năm.

3.3. Tiền thuê đất thô năm đầu tiên và năm cuối cùng được tính như sau:

$$\text{Tiền thuê đất thô} = \frac{\text{Đơn giá thuê đất Nhà nước x 152.903,4 } m^2}{\text{365 ngày}} \times \text{Số ngày thuê đất thực tế}$$

- Số ngày thuê đất thực tế trong công thức trên được tính từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 31/12 của năm đầu tiên và từ ngày 01/01 của năm cuối cùng đến kết thúc Hợp đồng.

3.4. Tiền thuê đất thô sẽ được Bên B thanh toán trong vòng mười lăm (15) ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm theo thông báo đề nghị thanh toán của Bên A. Bên B thanh toán tiền thuê đất thô năm đầu tiên cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất này.

3.5. Nếu Bên B lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền một lần thì đơn giá thuê đất thô được xác định như đơn giá thuê đất thu một lần theo quy định của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 4. Phí sử dụng hạ tầng *(Chưa bao gồm thuế GTGT).*

4.1. Đơn giá phí sử dụng hạ tầng: **877.500 đồng/m^2 đến 29/12/2058 (tương đương 39 đô la Mỹ/m^2)**

4.2 Phí sử dụng hạ tầng:

877.500 đồng/m^2 x 152.903,4 m^2 = 134.172.733.500 đồng.

4.3 Thanh toán phí sử dụng hạ tầng: Bên B thanh toán phí sử dụng hạ tầng cho Bên A như sau:

4.3.1 **Đợt 1**: Bên B đã chuyển cho Bên A số tiền đặt cọc theo Thỏa thuận thuê lại đất số 17/SVI.TT.2016 ngày 17/5/2016 là 14.654.009.456 đồng tương đương 655.953,87 đô la Mỹ. Sau khi Ban quản lý khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Bên B thì số tiền này sẽ trở thành tiền thanh toán đợt 1 cho Bên A.

4.3.2 **Đợt 2**: Trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày Bên B được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A tương đương hai mươi phần trăm (20%) phí sử dụng hạ tầng với số tiền là 26.631.796.792 đồng tương đương 1.192.646,52 đô la Mỹ.

4.3.3 **Đợt 3**: Phí sử dụng hạ tầng còn lại 93.920.913.450 đồng tương đương 4.174.262,82 đô la Mỹ được thanh toán trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Bên A và Pháp nhân mới Bên B ký Hợp đồng thuê lại đất.

Trường hợp đã quá sáu mươi (60) ngày mà Pháp nhân mới Bên B không thanh toán cho Bên A thì pháp nhân mới Bên B phải thanh toán phí sử dụng hạ tầng còn lại nêu trên cho Bên A trong vòng một (01) năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê lại đất với lãi suất 6%/năm.

Điều 5. Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và tiện ích công cộng (Phí duy tu hạ tầng & TICC) hàng năm *(Chưa bao gồm thuế GTGT)*

5.1. Đơn giá Phí duy tu hạ tầng & TICC: **9.000 đồng/m²/năm (tương đương 0,4 USD/ m²/năm)**. Mức phí này được điều chỉnh mỗi ba (03) năm một lần theo chu kỳ của KCN Phước Đông, mỗi lần tăng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với mức phí áp dụng liền kề trước đó.

5.2. Phí duy tu hạ tầng & TICC được tính như sau:

5.2.1. Phí duy tu hạ tầng & TICC trong một (01) năm:

9.000 đồng/m²/năm x 152.903,4 m² = 1.376.130.600 đồng/năm.

5.2.2. Phí duy tu hạ tầng và TICC năm đầu tiên và năm cuối cùng được tính như sau:

$$\textbf{Phí duy tu hạ tầng \& TICC} = \frac{\textbf{Đơn giá Phí duy tu hạ tầng x 152.903,4 m}^2}{\textbf{365 ngày}} \times \textbf{Số ngày thuê lại đất thực tế}$$

- Số ngày thuê lại đất thực tế trong công thức trên được tính từ ngày hai Bên ký Biên bản bàn giao đất đến ngày 31/12 của năm đầu tiên và từ ngày 01/01 của năm cuối cùng đến kết thúc Hợp đồng.

5.3. Phương thức thanh toán phí duy tu hạ tầng & TICC:

5.3.1. Bên B phải thanh toán Phí duy tu hạ tầng và TICC cho Bên A một lần trong vòng mười lăm (15) ngày đầu của tháng Một hàng năm theo thông báo đề nghị thanh toán của Bên A.

5.3.2. Phí duy tu hạ tầng & TICC của năm đầu tiên: Bên B phải thanh toán cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hai Bên ký Biên bản bàn giao đất.

5.4 Phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng và tiện ích công cộng trong giai đoạn thi công: kể từ ngày bên A bàn giao lô đất cho bên B hoặc đơn vị thi công của bên B đến khi việc thi công hoàn thành, phí duy tu tái tạo cơ sở hạ tầng và tiện ích công cộng áp dụng ở mức 788 đồng/m²/tháng do đơn vị thi công bên B thanh toán.

Điều 6. Thuế, Phí

Bên B sẽ thanh toán tất cả các loại thuế, phí, lệ phí, phí chứng từ bắt buộc, thuế giá trị gia tăng tính trên tiền thuê lại đất và trên phí dịch vụ được áp dụng trong Hợp Đồng này trong suốt thời hạn thuê.

Điều 7. Phương thức thanh toán

7.1 Các khoản thanh toán tại Điều 4 và Điều 5 sẽ được điều chỉnh tại mỗi đợt thanh toán nếu tỷ giá bán ra của VND/USD của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hồ Chí Minh (VCB – HCM) công bố vào ngày thanh toán có chênh lệch tăng hoặc giảm so với tỷ giá tại ngày ký Hợp đồng thuê lại đất này. Giá trị phải thanh toán được điều chỉnh vào ngày thanh toán được xác định cụ thể là bằng giá trị thanh toán của các khoản phải thanh toán chia cho Tỷ giá vào ngày ký Hợp đồng thuê lại đất và nhân với Tỷ giá bán ra của VND/USD tại ngày thanh toán do VCB – HCM công bố. Bên B sẽ phải chịu chi phí chuyển khoản cho tất cả các khoản thanh toán được thực hiện bởi bên B cho bên A.

7.2. Phạt chậm thanh toán: Bên A không chấp nhận bất kỳ lý do nào mà Bên B nêu ra để chậm thanh toán các khoản thanh toán đến hạn theo Hợp đồng này, ngoại trừ sự chậm trễ do lỗi hoặc vi phạm của Bên A gây ra. Trường hợp Bên B chậm thanh toán tiền cho Bên A theo thời hạn qui định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 thì Bên A có quyền tính tiền lãi trên khoản tiền trả chậm mà không cần thông báo bằng văn bản cho Bên B theo lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5 lần mức lãi suất vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Bên A có tài khoản được ghi trên Hợp đồng này, tính trên số tiền vi phạm nghĩa vụ thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Thời gian chậm thanh toán không quá một (01) tháng, nếu việc thanh toán chậm quá thời hạn một (01) tháng thì Bên A có quyền ngưng cung cấp tất cả các dịch vụ điện, nước,... cho Bên B.

7.3. Ngoài ra, Bên B chịu trách nhiệm thanh toán tiền điện, nước, nước thải, phí thu gom rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp và các dịch vụ khác cho Bên A (các hợp đồng cung cấp dịch vụ nêu trên sẽ được ký kết riêng ngoài Hợp Đồng này).

Điều 8. Trách nhiệm của Bên A

8.1. Bên A cam kết dành cho Bên B trọn quyền sử dụng Khu đất thuê để thực hiện dự án theo đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quyền này không bị tước đoạt dưới bất cứ hình thức nào; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B sử dụng mặt bằng hiệu quả.

8.2. Bên A bàn giao cho Bên B Khu đất thuê là đất trống đã được giải tỏa.

8.3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bên A nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên B, Bên A phải đảm bảo việc cấp điện và nước phục vụ thi công tại ranh giới Khu đất thuê cho Bên B.

8.4. Bên A có trách nhiệm từng bước xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động của xí nghiệp trong Khu công nghiệp Phước Đông và đảm bảo cung cấp đầy đủ điện và nước phục vụ cho hoạt động sản xuất của Bên B.

8.5. Bên A có trách nhiệm sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống phân phối điện, nước, nước thải, hệ thống đường giao thông và các công trình công cộng nằm ngoài phạm vi khu đất thuê của Bên B.

8.6. Khi Bên B thanh toán 100% phí sử dụng hạ tầng, Bên A cam kết thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết theo qui định của Nhà nước để Bên B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp Bên B lựa chọn hình thức trả tiền thuê lại đất như mục 3.1 thì Bên

B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức thuê lại đất trả tiền thuê lại đất hàng năm, trường hợp Bên B lựa chọn hình thức trả tiền thuê lại đất như mục 3.5 thì Bên B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức thuê lại đất trả tiền thuê lại đất một lần.

8.7. Bên A tôn trọng quyền sở hữu tài sản của Bên B trên Khu đất thuê theo qui định của pháp luật.

8.8. Bên A giao cho Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG _ chi nhánh Tây Ninh chịu trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT cho Bên B.

Điều 9. Trách nhiệm của Bên B

9.1. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất này, bên B phải tiến hành xây dựng, thực hiện triển khai dự án đầu tư, nếu quá thời gian này mà bên A không nhận được bất kỳ lý do chính đáng liên quan đến việc chưa thực hiện triển khai dự án của bên B, thì bên A sẽ tiến hành đơn phương chấm dứt hợp đồng, thu hồi lô đất đã cho thuê mà không phải bồi hoàn bất kỳ chi phí nào.

9.2. Trong mọi trường hợp, Bên B phải đảm bảo mật độ xây dựng không được dưới 35% và không vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) tổng diện tích Khu đất thuê. Các kiến trúc không được xây trên phần hành lang an toàn của Khu Đất. Diện tích trồng cây xanh, thảm cỏ phải chiếm ít nhất hai mươi phần trăm (20%) tổng diện tích Khu đất và Bên B phải tiến hành trồng cây trong vòng sáu (06) tháng kể từ lúc xây dựng xong nhà xưởng.

Bên B phải đảm bảo tiến hành xây dựng nhà xưởng, hàng rào và các kiến trúc khác phù hợp với quy định xây dựng – môi trường – an toàn phòng cháy chữa cháy và đấu nối hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Phước Đông.

Nếu kế hoạch đầu tư của Bên B được thực hiện trong nhiều giai đoạn, thì diện tích xây dựng ở giai đoạn đầu có thể dưới mức năm mươi phần trăm (50%) được quy định; nhưng tiến trình xây dựng và tỉ lệ diện tích xây dựng phải được ghi rõ trong Kế Hoạch Sử Dụng Đất.

9.3. Bên B có trách nhiệm bảo dưỡng các công trình công cộng ở trên và dưới mặt đất thuộc phạm vi khu đất thuê. Bất kỳ sự hư hỏng nào do Bên B gây ra, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trong vòng 10 ngày làm việc và bằng chi phí và phí tổn riêng của mình sửa chữa những hư hỏng này; hoặc có trách nhiệm bồi thường cho Bên A những tổn thất của những hư hỏng mà Bên A sửa chữa.

9.4. Bảo vệ môi trường:

Bên B cam kết thực hiện theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam và của Khu công nghiệp Phước Đông. Hệ thống thoát nước mưa và nước thải bên trong nhà máy của Bên B phải được xây dựng riêng biệt và chịu sự kiểm soát của Bên A trong quá trình xây dựng.

Bên B chịu trách nhiệm xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ và đảm bảo nước thải sau khi tự xử lý sẽ đạt giới hạn cho phép theo Quy định điều kiện xả thải của Khu công nghiệp Phước Đông và tuân thủ Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.

Việc xử lý nước thải của Bên B sẽ chịu sự quản lý, kiểm tra của Bên A và các cơ quan quản lý môi trường của tỉnh Tây Ninh.

Khối lượng nước thải tính phí được tính bằng tám mươi phần trăm (80%) lượng nước sạch sử dụng trong tháng. Việc xử lý nước thải sẽ được hai bên thảo luận và thể hiện trong một Hợp đồng riêng.

9.5. Bên B sẽ sử dụng đất vào mục đích như quy định tại Giấy chứng chận đăng ký đầu tư do TANIZA cấp và tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam cũng như các điều khoản trong Bản Hợp đồng này. Trường hợp Bên B được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thay đổi mục đích sử dụng đất thì Hai Bên sẽ thảo luận để sửa đổi Hợp Đồng hay ký kết lại Hợp đồng mới.

9.6. Bên B có thể bán toàn bộ hay một phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trên Khu đất thuê trên cơ sở tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam.

9.7. Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên B bị phân chia, sáp nhập, chuyển nhượng tài sản cho tổ chức, cá nhân khác hoặc hình thành pháp nhân mới thì pháp nhân mới phải ký hợp đồng mới với Bên A. Thời hạn thuê đối với pháp nhân mới là thời hạn còn lại của Hợp đồng này. Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh và pháp nhân mới phải tuân thủ các điều khoản của Hợp đồng này.

9.8. Bên B phải nộp cho Bên A các bản vẽ thiết kế xây dựng nhà máy sau đây:

- Mặt bằng tổng thể công trình,
- Bản vẽ thiết kế tường rào, nhà bảo vệ,
- Thiết kế san nền,
- Hệ thống thoát nước mưa,
- Hệ thống thoát nước thải,
- Mặt bằng cấp điện,
- Mặt bằng cấp nước.

Các bản vẽ này phải được sự chấp thuận của Bên A trước khi đưa đi thẩm định thiết kế và xin Giấy phép xây dựng.

9.9. Bên B cam kết tuân thủ đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.

9.10. Bên B không được đào, khoan giếng trong phạm vi khu đất thuê hay tại bất kỳ vị trí nào trong Khu công nghiệp khi không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

9.11. Bên B cam kết trong quá trình xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh trên Khu đất thuê sẽ không làm hư hại hay ảnh hưởng xấu tới bất cứ một tài sản, công trình nào thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp. Bên B chịu trách nhiệm và sẽ bồi thường về các tổn hại về hạ tầng Khu công nghiệp với bất cứ lý do nào phát sinh do việc làm cố ý hay không cố ý của Bên B hay nhân viên hoặc người thừa hành của Bên B gây ra.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

10.1. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

10.1.1 Vào cuối thời hạn thuê như đã nói tại Điều 2, Hợp đồng này được chấm dứt.

10.1.2 Bên B bị thu hồi giấy phép hoạt động trước thời hạn.

10.1.3 Bên B bị giải thể trước thời hạn hoặc bị phá sản.

10.1.4 Hợp đồng chấm dứt theo Điều 9.1.

10.2. Khi chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 10.1.1, 10.1.2, 10.1.3, Bên B cam kết ngừng hoạt động và dọn dẹp các công trình kiến trúc, thiết bị và vật liệu ra khỏi Khu đất

thuê trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày hết thời hạn thuê bằng chi phí và phí tổn của mình, đồng thời giao lại đất đã được dọn sạch cho Bên A.

10.3. Bên B phải thanh toán tất cả các khoản nợ phát sinh cho Bên A bao gồm tiền thuê lại đất đến hạn, tiền điện nước và bất kỳ khoản nợ nào khác trước khi di chuyển các phương tiện thiết bị trong nhà máy ra khỏi khu đất thuê. Trong trường hợp quá ba (03) tháng kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng như vừa nêu mà Bên B vẫn không thanh toán nợ cho Bên A, Bên A có quyền đem nhà xưởng và thiết bị của Bên B ra bán đấu giá rộng rãi; số tiền thu được từ việc bán đấu giá trước tiên sẽ được ưu tiên dành cho việc thanh toán nợ cho Bên A, sau khi thanh toán xong nợ cho Bên A, số tiền còn dư sẽ hoàn lại cho Bên B.

Điều 11. Các điều khoản chung

11.1 Bên B xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn A theo quy định của Nhà nước (Kq=0,9 và Kf=0,9) đồng thời phải tự xây dựng lắp đặt đường ống xả nước thải về hồ sinh thái của bên A. Chi phí xử lý nước thải là 0,1 đô la Mỹ/m^3 (Mức phí này được điều chỉnh mỗi ba (03) năm một lần theo chu kỳ của KCN Phước Đông, mỗi lần tăng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với mức phí áp dụng liền kề trước đó. Lượng nước thải của bên B dự kiến là 4.000m^3/ngày.

11.2 Chi phí nước thô: 5.000 VNĐ/ m^3 (chưa bao gồm VAT 5%). Mức phí này đã bao gồm thuế tài nguyên môi trường (không bao gồm phí bảo vệ môi trường rừng). Trong trường hợp Nhà nước Việt Nam điều chỉnh tăng giá nước, phí tài nguyên nước hoặc tăng thêm các khoản chi phí khác liên quan đến việc sử dụng tài nguyên nước thì giá nước thô này sẽ được tăng tương ứng. Mức phí này được điều chỉnh mỗi ba (03) năm một lần theo chu kỳ của KCN Phước Đông, mỗi lần tăng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với mức phí áp dụng liền kề trước đó.

11.3 Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong Hợp Đồng. Trong suốt quá trình thực hiện, nếu bất kỳ bên nào vi phạm các điều khoản trong Hợp Đồng hoặc gặp khó khăn gì thì Hai Bên sẽ bàn bạc cách giải quyết trên tinh thần bình đẳng, Hai Bên cùng có lợi. Nếu Hai Bên không tự giải quyết được thì đưa ra tòa án kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh giải quyết, phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc Hai Bên phải thực hiện.

11.4 Mọi tài liệu, thông báo, yêu cầu, và thông tin có liên quan đến việc thi hành Hợp Đồng này phải được gửi đến các địa chỉ sau đây:

(i) Địa chỉ của Bên A: Lô TT2-1 Đường D4, KCN Đông Nam, xã Hòa Phú, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(ii) Địa chỉ của Bên B: Lô 45-6 đường N15, Khu Công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

11.5 **Bản phụ lục A** (Bản đồ Vị Trí Khu Đất) là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này.

11.6 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành mười bốn (14) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mười (10) bản tiếng Việt, bốn (04) bản tiếng Hoa. Bên A giữ sáu (06) bản tiếng Việt và hai (02) bản tiếng Hoa, Bên B giữ hai (02) bản tiếng Việt và hai (02) bản tiếng Hoa đồng thời gởi Sở Tài nguyên Môi trường và Ban quản lý Khu Kinh Tế mỗi nơi một (01) bản tiếng Việt. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Hoa và tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ được lấy làm căn cứ.

Cả Hai Bên đã đọc các nội dung của Hợp Đồng này, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là các nội dung đó đã thể hiện đúng ý định của mình.

BÊN B	BÊN A
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG
Chủ Tịch Công Ty	Tổng giám đốc
KAO, WEN-CHENG	TRẦN CÔNG KHA

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG
越南橡膠集團
西貢VRG投資控股公司

Phụ lục A
附錄A

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT/地塊位置地圖

(Đính kèm hợp đồng thuê lại đất số 12./SVI.HĐ.2016 ngày 12./9./2016)

(附上2016.9.12..簽署編號..12./SVI.HĐ.2016土地轉租合同）)

- Tên lô đất – 地段: 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6, 45-7, 45-9.
- Địa chỉ: đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- 地址：越南西甯省娥油縣福東社福東工業區N15路。
- Diện tích tổng cộng – 總面積: 152903,4 m^2



- Ranh lô đất – 地界:

Bảng tọa độ ranh khu đất (VN2000) - 地界坐標表(VN2000)

Tên điểm – 點	X	Y
A	1231756.407	591353.543
B	1231483.698	591066.745
C	1231758.640	590805.310
D	1231768.630	590805.560
E	1232032.970	591083.560
F	1232032.790	591090.730

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG
越南橡膠集團
西貢 VRG 投資控股公司

Số 編號: 19/SVI.HĐ.2016.PL01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnhphúc
越南社會主義共和國
獨立-自由-幸福

Tây Ninh, ngày ... tháng ... năm 2016
西寧省, 2016 年...月...日

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT
土地轉租合同附錄

- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 19/SVI.HĐ.2016 ngày 12/9/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG và Công Ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam)
  根據西貢 VRG 投資控股公司與連大興（越南）責任有限公司於 2016/9/12 日簽訂 19/SVI.HĐ.2016 號之土地轉租合同；
- Căn cứ vào nhu cầu của các bên.
  根據雙方需求

Hôm nay, tại văn phòng Công Ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG, Hai Bên gồm có:
今日，于西貢 VRG 投資控股公司辦公室，雙方包括：

BÊN CHO THUÊ (Dưới đây được gọi tắt là Bên A)

- **Tên ĐơnVị** : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG**
- Người đại diện : **Ông TRẦN MẠNH HÙNG** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ : Lô TT2-1, Đường D4, KCN Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, TP. HCM
- Số tài khoản : VND 102010001082168 hoặc USD 102020000161966. Mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn; Swift Code: ICBVVNVX946
- Mã số thuế : 0305268812
- Điện thoại : 08. 38479273 Fax: 08. 38479272
- Email : info@saigonvrg.com.vn
- Website : www.saigonvrg.com.vn

轉租方：（以下簡稱爲甲方）

- *單位名稱* : ***西貢 VRG 投資控股公司***
- *代表* : ***陳孟雄先生*** *職務：總經理*
- *地址* : *胡志明市，古芝縣，和富社，東南工業區 D4 路 TT2-1 地段*
- *賬號* : *VND 102010001082168 或 USD 102020000161966 - Viet Nam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - East SaiGon Branch; Swift Code: ICBVVNVX946*
- *稅號* : *0305268812*

- *電話* : *08.38479273* *傳真：08.38479272*
- *Email* : *info@saigonvrg.com.vn*
- *Website* : *http://www.saigonvrg.com.vn*

BÊN THUÊ (Dưới đây được gọi tắt là **Bên B**)

- **Tên Đơn Vị** : **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)**
- Người đại diện : **Ông KAO, WEN-CHENG** Chức vụ: Chủ tịch công ty
- Địa chỉ : Lô **45-6** đường N15, Khu Công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- ĐiệnThoại : Fax:
- Email : landasing888@gmail.com

承租方：（以下簡稱爲乙方）

- *單位名稱* : *連大興（越南）責任有限公司*
- *代表人* : *高文政先生* *職務：公司主席*
- *地址* : *西寧省鵝油縣福東社福東工業區 N15 路 45-6 地塊.*
- *電話* : *傳真：*
- *電子郵件* : *landasing888@gmail.com*

Hai Bên đồng ý ký Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất (dưới đây được gọi tắt là "Phụ lục") bao gồm những điều khoản sau:

雙方同意按照以下各項條款簽訂本土地轉租合同附錄（以下簡稱爲"附錄"）：

Điều 1. Nội dung

1.1 Điều chỉnh số hiệu lô đất trong mục "Khu Đất" phần ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH và Điều 1 trong Hợp đồng thuê lại đất số 19/SVI.HĐ.2016 ngày 12/9/2016 thành: **lô 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6-1, 45-7, 45-9-1, đường N15, Khu Công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.**

1.2 Điều chỉnh địa chỉ của Bên B trong mục thông tin Bên Thuê và trong mục (ii) Điều 11.4 trong Hợp đồng thuê lại đất số 19/SVI.HĐ.2016 ngày 12/9/2016 thành: **Lô 45-1 đường N15, Khu Công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.**

第一條：內容

*1.1 調整 2016 年 9 月 12 日簽訂之 19/SVI.HĐ.2016 號土地轉租合同中定義和解釋中的"地塊"及第一條的地段編號成：西寧省鵝油縣福東社福東工業區 **N15** 路 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6-1, 45-7, 45-9-1 號地段。*

1.2 調整 2016 年 9 月 12 日簽訂之 19/SVI.HĐ.2016 號土地轉租合同中承租方及第 11.4 條的（ii）項乙方之地址成：西寧省鵝油縣福東社福東工業區 N15 路 45-1 地塊。

Điều 2: Điều khoản chung

2.1 Bản phụ lục A1 (Bản đồ Vị Trí Khu Đất) là bộ phận không thể tách rời của Phụ lục Hợp đồng này.

2.2 Nếu những điều khoản, quy định trong bản phụ lục này có nội dung khác với các điều khoản, quy định trong Hợp đồng thuê lại đất số 19/SVI.HĐ.2016 ngày 12/9/2016 thì căn cứ vào bản phụ lục này; các điều khoản khác trong Hợp đồng thuê lại đất số

19/SVI.HĐ.2016 ngày 12/9/2016 nếu không có sự khác biệt với bản Phụ Lục này sẽ vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

2.3 Nếu có bất kỳ tranh chấp gì xảy ra trong quá trình thực hiện Phụ Lục này, hai bên sẽ thảo luận để cùng giải quyết vướng mắc trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi và theo đúng pháp luật Việt Nam.

第二條：共同條款

2.1 附錄A1（地塊位置圖）是本合同附錄不可分割的一部分。

2.2 本附錄各項條款跟 2016/9/12 日簽訂 19/SVI.HĐ.2016 號之土地轉租合同之條款有不一致之情況下則按照本附錄。2016/9/12 日簽訂19/SVI.HĐ.2016 號之土地轉租合同之其他條款跟本附錄一致則保留其法律價值。

2.3 執行本附錄過程中若發生任何糾紛，雙方應以遵照法律規定及本著互利原則進行談判解決。

Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành bốn (04) bản song ngữ Việt – Hoa có giá trị pháp lý ngang nhau. Bên A giữ hai (02) bản, Bên B giữ hai (02) bản.

本合同附錄自簽訂日起生效，越 – 中雙語一式肆份，具有同等法律效力。甲方保留 2(貳)份，乙方保留 2(貳)份。

Cả Hai Bên đã đọc các nội dung của Phụ lục Hợp đồng này, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là các nội dung đó đã thể hiện đúng ý định của mình.

雙方均已審閱本合同附錄的各項條款，完全理解和承認這些條款內容均准確體現了本方意願。

BÊN B - *乙方*	**BÊN A – *甲方***
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)	**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG**
連大興（越南）責任有限公司	***西貢 VRG 投資控股公司***
Chủ tịch công ty – *公司主席*	**Tổng giám đốc *總經理***
KAO, WEN-CHENG *高文政*	**TRẦN MẠNH HÙNG *陳孟雄***

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG
越南橡膠集團
西貢 VRG 投資控股公司

Phụ lục A1
附錄 A1

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT/地塊位置圖

(Đính kèm Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số 19/SVI.HĐ.2016.PL01 ngày 29/10/2016)
（附上 2016.10.29 簽署編號 19/SVI.HĐ.2016.PL01 土地轉租合同附錄）

- Tên lô đất – 地段: 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6-1, 45-7, 45-9-1.
- Địa chỉ: đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- 地址：越南西寧省鵝油縣福東社福東工業區 N15 路。
- Diện tích tổng cộng – 總面積: 152903,4 **m²**



- Ranh lô đất – 地界:

Bảng tọa độ ranh khu đất (VN2000) - 地界坐標表(VN2000)

Tên điểm – 點	X	Y
A	1231756.407	591353.543
B	1231483.698	591066.745
C	1231758.640	590805.310
D	1231768.630	590805.560
E	1232032.970	591083.560
F	1232032.790	591090.730

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2020

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: **72000623.T**

(Cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing (Việt Nam).

Địa chỉ văn phòng: Lô 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276.3837666 Fax: 0276.3768777 Email: liandaxing619@gmail.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp 3901229591, đăng ký lần đầu ngày 30/8/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/01/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:
- Như phần I;
- Lưu.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TÂY NINH

Trần Minh Sơn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 72000623.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 2020)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Nhà máy dệt vải Liân – Ta – Hsing Việt Nam.

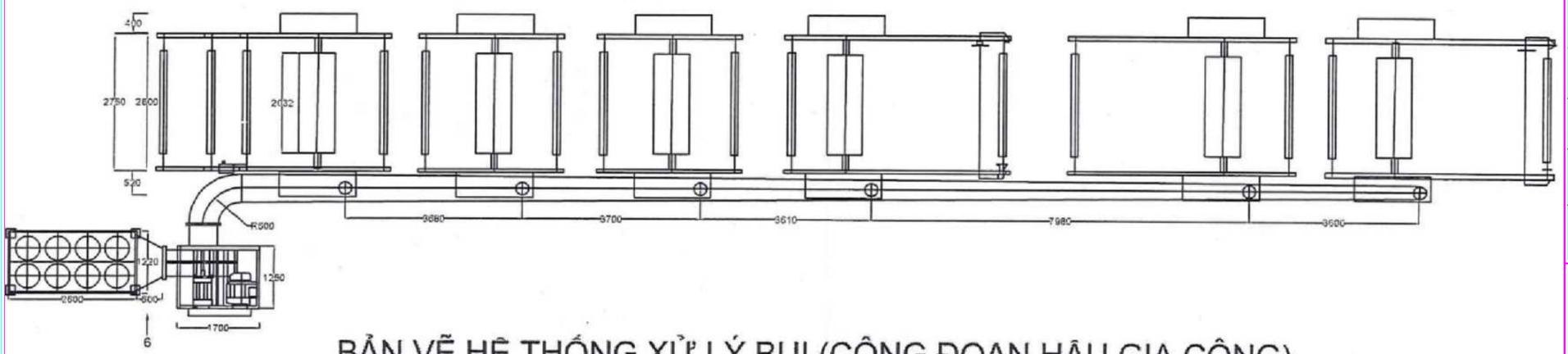
Địa chỉ: Lô 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276.3837666 Fax: 0276.3768777 Email: liandaxing619@gmail.com

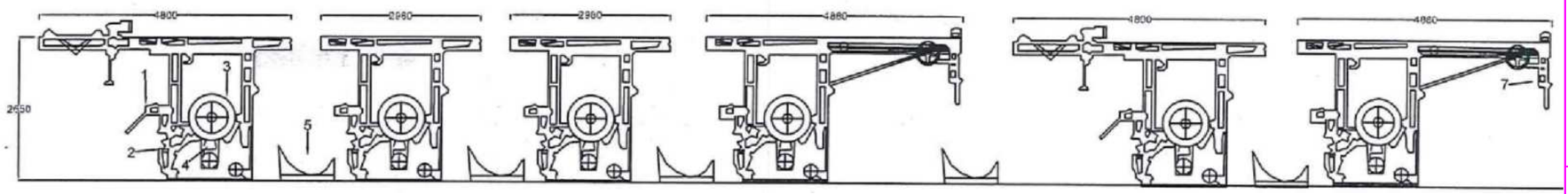
2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	100.000	08 01 01
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	100	08 02 04
3	Phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	500	10 02 02
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	800.000	10 02 03
5	Dung dịch thải có các thành phần nguy hại từ quá trình nhuộm	Lỏng	5.000	10 02 04
6	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	1.000	12 01 03
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	400	12 01 04
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	60	16 01 06
9	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	100	16 01 13
10	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	200	17 02 04
11	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	200	17 06 01
12	Bao bì mềm thải	Rắn	120.000	18 01 01
13	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	400	18 01 02
14	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	400	18 01 03
15	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	200	18 02 01
16	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	10	19 06 01
	Tổng số lượng		**1.028.570**	

1.Fabrics tension device / Thiết bị căng vải
2. expanding roller / Mở rộng con lăn
3.Raising drum combinat device / Nâng cao thiết bị tổ hợp trống
4.Brushing roller / Con lăn chải
5. J-box / Vải lưu trữ
6.Suction device / Thiết bị xử lý bụi
7.Plaiting device / Lắc thiết bị



BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI (CÔNG ĐOẠN HẬU GIA CÔNG)



Mục đích phát hành / Issued for	
Thiết kế sơ bộ / Preliminary Design	☐
Trình duyệt / Browser	☐
Thi công / Construction	☐
Hiệu chỉnh / Correction	☐
Hiện trạng / Condition	☑

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

NHÀ THẦU - CONTRACTOR
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT
TOAN VIET ENVIRONMENTAL ENGINEERING CO., LTD

TV ENV ENGIN CO.,LTD
Web site : www.moitruongtoanviet.vn
Email : info@moitruongtoanviet.vn
Add : 04 Lê Liễu, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM
Tel : 028.62767340 - 09068000091

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR **KS. LÊ VĂN TOÀN**	
THIẾT KẾ CN / TECHNOLOGY DESIGN **KS. NGUYỄN NGUYÊN BẢO**	Bao
THIẾT KẾ BẢN VẼ / DRAWING DESIGN **KS. NGUYỄN NGUYÊN BẢO**	Bao
KIỂM TRA / CHECK BY **KS. TRẦN TRỊNH ANH BẰNG**	

CÔNG TRÌNH - PROJECT
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

HẠNG MỤC - ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI
(CÔNG ĐOẠN HẬU GIA CÔNG)

TÊN BẢN VẼ - DWG.TITLE
QUY TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI (CÔNG ĐOẠN HẬU GIA CÔNG)

TỶ LỆ - SCALE	1:100
NGÀY - DATE	25/09/2024
SỐ DỰ ÁN- PROJECT NO.	2509 - TV24
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO.	01/15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

Hạng mục công trình: Hệ thống xử lý khí thải hấp phụ bằng than hoạt tính

Địa chỉ : Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

1. Thành phần thực hiện nghiệm thu:
   a. Đại diện bên A: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)**
      Ông/Bà: WU CHIA WEI..... Chức vụ: Phó tổng giám đốc
      Ông/Bà: Đoàn Thị Ngọc Hương..... Chức vụ: Nhân viên môi trường
   b. Đại diện bên B: **CN CÔNG TY TNHH XD DV MT NGUỒN SỐNG XANH**
      Ông/Bà: Lê Thị Hải .....Chức vụ: Giám đốc chi nhánh
      Ông/Bà: Trần Ngô Thắng.....Chức vụ: Kỹ thuật thi công
2. Thời gian nghiệm thu:
   Bắt đầu: 08 giờ 00 ngày 12 tháng 07 năm 2021
   Kết thúc: 17 giờ 00 ngày 12 tháng 07 năm 2021
   Tại: CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

Địa điểm: Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

3. Đánh giá máy móc thiết bị:
a. Về tài liệu căn cứ nghiệm thu: Hợp đồng số **332/21/HĐDV-CN** *ký ngày .../.../2021.*
b. Về số lượng máy móc thiết bị: Đầy đủ thiết bị chính theo hợp đồng.
4. Về chất lượng máy móc thiết bị: Đạt yêu cầu theo hợp đồng.
5. Khối lượng máy móc đã lắp đặt:

TT 序號	Tên hàng hóa 貨物名稱	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm 產品編碼、標誌	Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)	Số lượng 數量	Đơn vị tính 計算單位	GHI CHÚ 筆記
BỒN HẤP PHỤ - 吸收池						
1	Chụp hút *抽罩*	Kiểu : hình thang 型號：梯形 Kích thước : Lx B x H = 1.5x 0.6x 0.6m 尺寸： Lx B x H = 1.5x 0.6x 0.6m Vật liệu : 304, dày 1.34mm 材料： 304,厚度 1.34mm (chi tiết xem bản vẽ đính kèm) 詳見所附圖紙	Greenlife - Việt Nam	2	cái 個	ĐÃ LẮP ĐẶT
2	Quạt hút khí *抽氣風機*	Kiểu : quạt ly tâm gián tiếp 型號：間接離心風機 Vật liệu : Thân + cánh quạt + khung toàn bộ vật liệu bằng inox 304 材料：身體+ 螺旋槳+全框材料 304 不銹鋼 Cột áp 壓力柱 (m) : 3000 pa Lưu lượng 流量 (m3/h) : 15.000 Điện áp 電壓: 3 相 pha/380V/50Hz/3Hp Motor :Teco - Đài Loan 馬達: 台灣 Teco	Việt Nam 越南	1	cái 個	ĐÃ LẮP ĐẶT

3	*Đường ống thu gom & thoát khí thải* *收氣及排氣管道*	Vật liệu: inox 304 dày 1.2mm 材料：304 不鏽鋼 1.2mm 厚度 Đường kính ống chính: D = 500mm 主管直徑： D = 500mm	Greenlife - Việt Nam 越南-綠色生活資源	9	m	ĐÃ LẮP ĐẶT
4	*Đường ống thu gom & thoát khí thải* *收氣及排氣管道*	Vật liệu: inox 304 dày 1.2mm 材料：304 不鏽鋼 1.2mm 厚度 Đường kính ống chính: D = 300mm 主管直徑： D = 300mm	Greenlife - Việt Nam 越南-綠色生活資源	1	m	ĐÃ LẮP ĐẶT
5	*Co ống thoát khí* *排氣縮管器*	Vật liệu: inox 304 dày 1.1mm 材料： 1.1mm 厚度 304 不鏽鋼 Đường kính 直徑: D = 500mm	Greenlife - Việt Nam 越南-綠色生活資源	1	cái 個	ĐÃ LẮP ĐẶT
6	*Van khóa ống thoát khí* *排氣管鎖閥*	Vật liệu: inox 304 dày 1.1mm 材料： 1.1mm 厚度 304 不鏽鋼 Đường kính 直徑: D = 300mm	Greenlife - Việt Nam 越南-綠色生活資源	2	cái 個	ĐÃ LẮP ĐẶT
7	*Bộ hấp phụ bằng than hoạt tính* *活性炭吸收塔*	Kiểu : tròn đứng 型號：立式圓 Kích thước : H x D = 680 x 680mm 尺寸： H x D = 680 x 680mm Vật liệu : inox 304, dày 1.5mm 材料：材料： 304, 厚度 1.5mm (chi tiết xem bản vẽ	Greenlife - Việt Nam 越南-綠色生活資源	1	cái 個	ĐÃ LẮP ĐẶT

		đính kèm) 詳見所附圖紙				
8	*Than hoạt tính* *活性煤片*	Kiểu: hình trụ 型號：圓柱型 Kích thước 尺寸： Ø1.5-9.0mm Giá trị Iot (mg/g): 800-1200 碘值 (毫克/克): 800-1200 Độ ẩm 潮氣 (%): 6 Mật độ (g/l) : 450-650 密度 (克/升): 450-650	Việt Nam 越南	100	Kg	ĐÃ LẮP ĐẶT
9	*Phụ kiện & vật tư phụ* *配件及輔助物資*	Ke pát đỡ, cáp, mặt bít, bulong inox 304 支持架、電纜線、法蘭、304 不鏽鋼螺栓	Việt Nam 越南	1	hệ 個	ĐÃ LẮP ĐẶT
10	*Tủ điện điều khiển* *控制電櫃*	Vỏ tủ 櫃殼: Vật liệu 材料: Tủ nhựa 塑櫃 Linh kiện 零件: - MCB	Việt Nam, Hàn Quốc, Đài Loan 越南、韓國、台灣	1	cái 台	ĐÃ LẮP ĐẶT
11	*Dây cáp điện* *電纜線*	Vật liệu : Dây vỏ bọc - Cadivi 材料-包殼線	Việt Nam 越南	1	hệ 個	ĐÃ LẮP ĐẶT

6. Kết luận:
   - Hai bên chấp nhận nghiệm thu hoàn thành lắp đặt đưa vào sử dụng. Cho phép tiến hành các thủ tục thanh quyết toán hợp đồng.
   - Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bản 04 trang, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

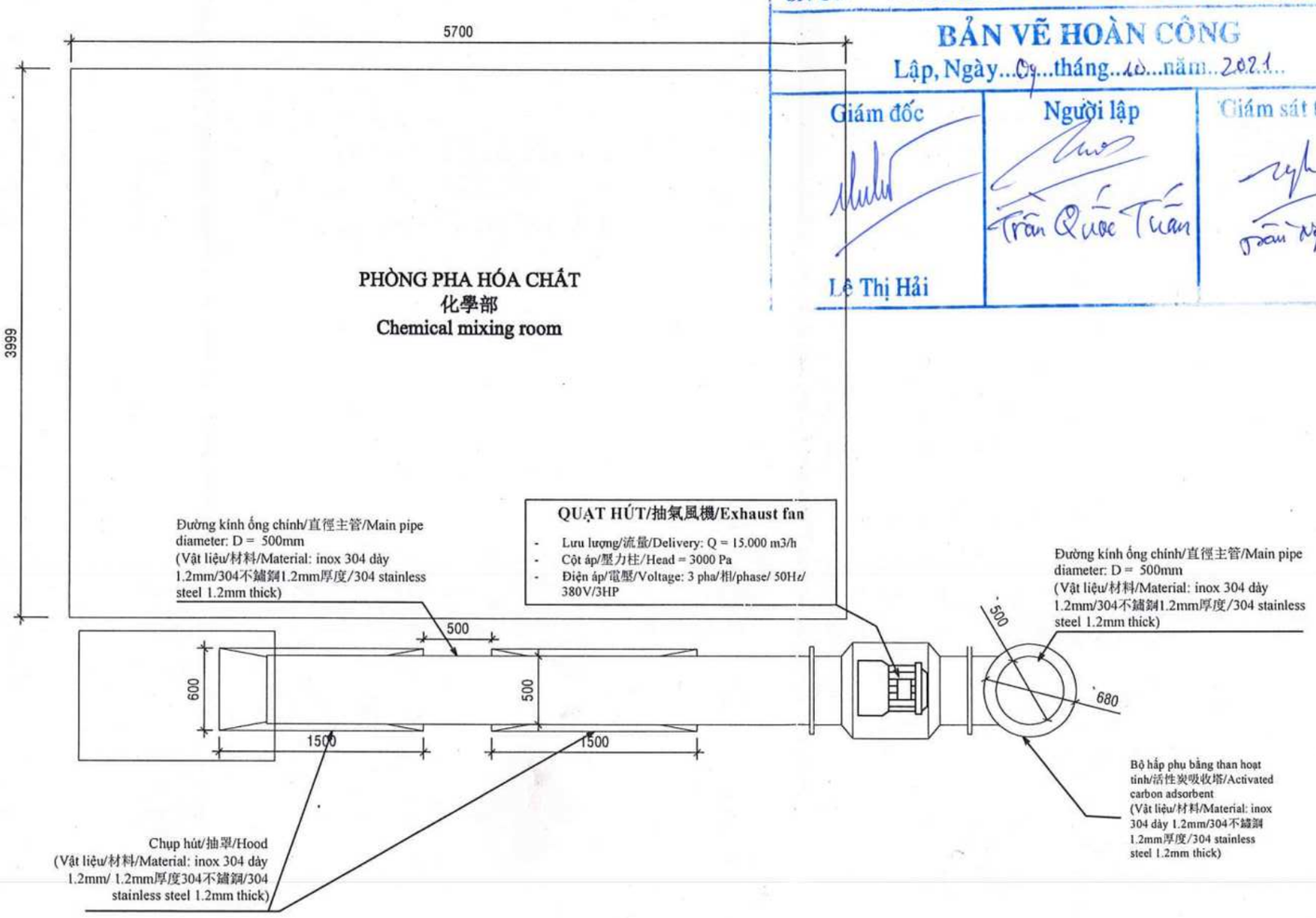
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

ĐẠI DIỆN BÊN B
CN CÔNG TY TNHH XD DV MT NGUỒN SỐNG XANH

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUỒN SỐNG XANH

GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hải

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



CN CÔ... TNHH XD DV MÔI TRƯỜNG NGUỒN SỐNG XA...

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, Ngày...09...tháng...10...năm...2021...

Giám đốc	Người lập	Giám sát thi công
Lê Thị Hải	Trần Quốc Tuấn	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ :

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh

GIÁM ĐỐC :

NHÀ THẦU :

CN CÔNG TY TNHH XD - DV - MT NGUỒN SỐNG XANH

Đ/c : 53A, NƠ TRANG LONG PHƯỜNG 7 QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM, VN

GIÁM ĐỐC :

M.S.C.N: 3702300962 - 002 - C.T.N.H.H - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUỒN SỐNG XANH - Q. BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

KS. LÊ THỊ HẢI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BẰNG HẤP THỤ THAN HOẠT TÍNH

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG

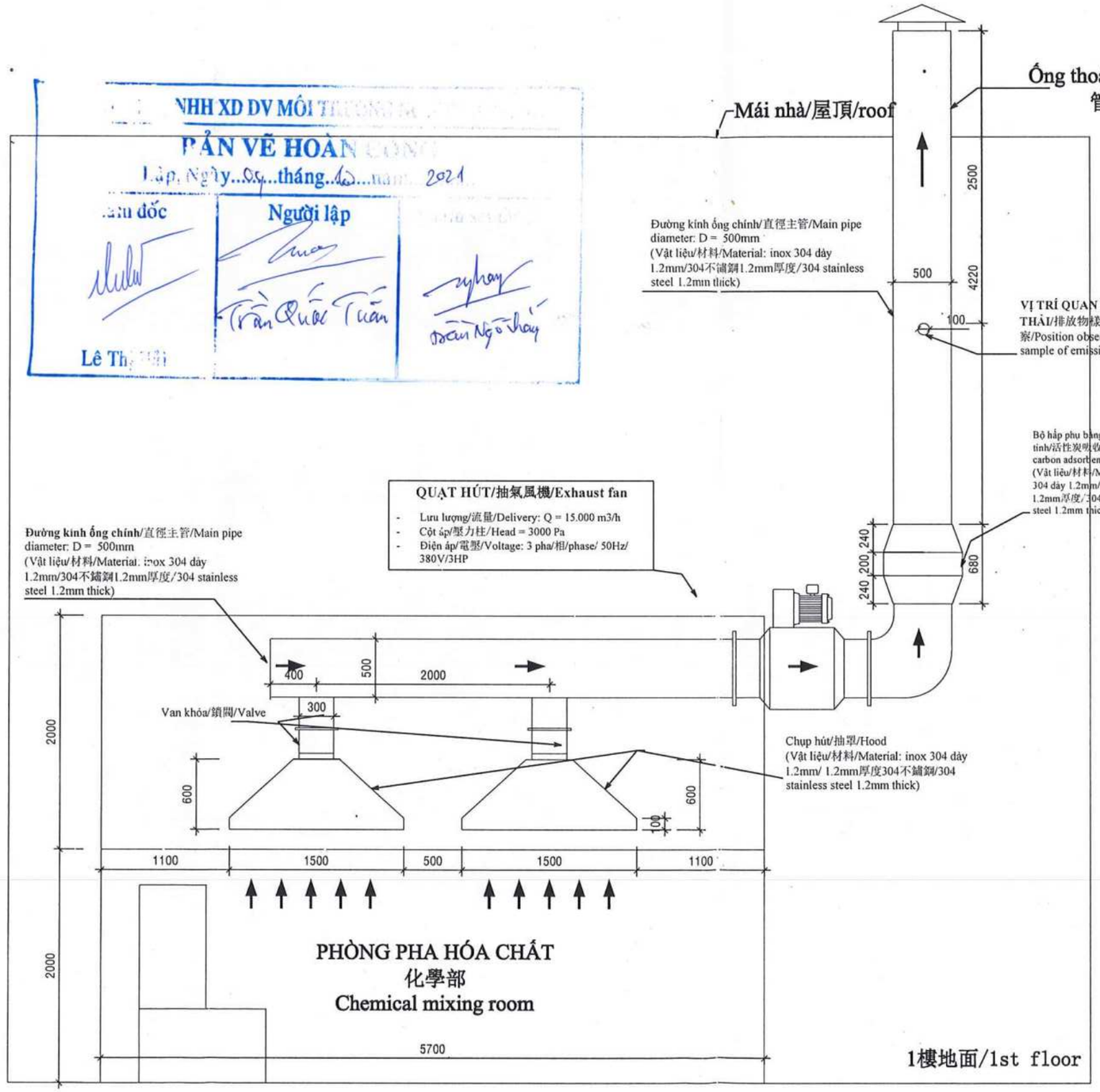
QLKT: KS - TRẦN NGÔ THẮNG	
CHỦ TRÌ: KS - HOÀNG NGỌC THÔNG	
THIẾT KẾ: KS - TRẦN QUỐC TUẤN	
VẼ : KS - TRẦN QUỐC TUẤN	
NGÀY PHÁT HÀNH NĂM 2021	BVTK - TC TT 01/04

NHH XD DV MÔI TRƯỜNG ...

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập, Ngày..05..tháng..10...năm 2021

...ám đốc	Người lập	
Lê Thị ...	Trần Quốc Tuấn	Đoàn Ngô Thắng



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ :

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh

GIÁM ĐỐC :

NHÀ THẦU :

CN CÔNG TY TNHH XD - DV - MT NGUỒN SỐNG XANH

Đ/c : 53A, NƠ TRANG LONG PHƯỜNG 7 QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM, VN

GIÁM ĐỐC :

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUỒN SỐNG XANH

KS. LÊ THỊ HẢI

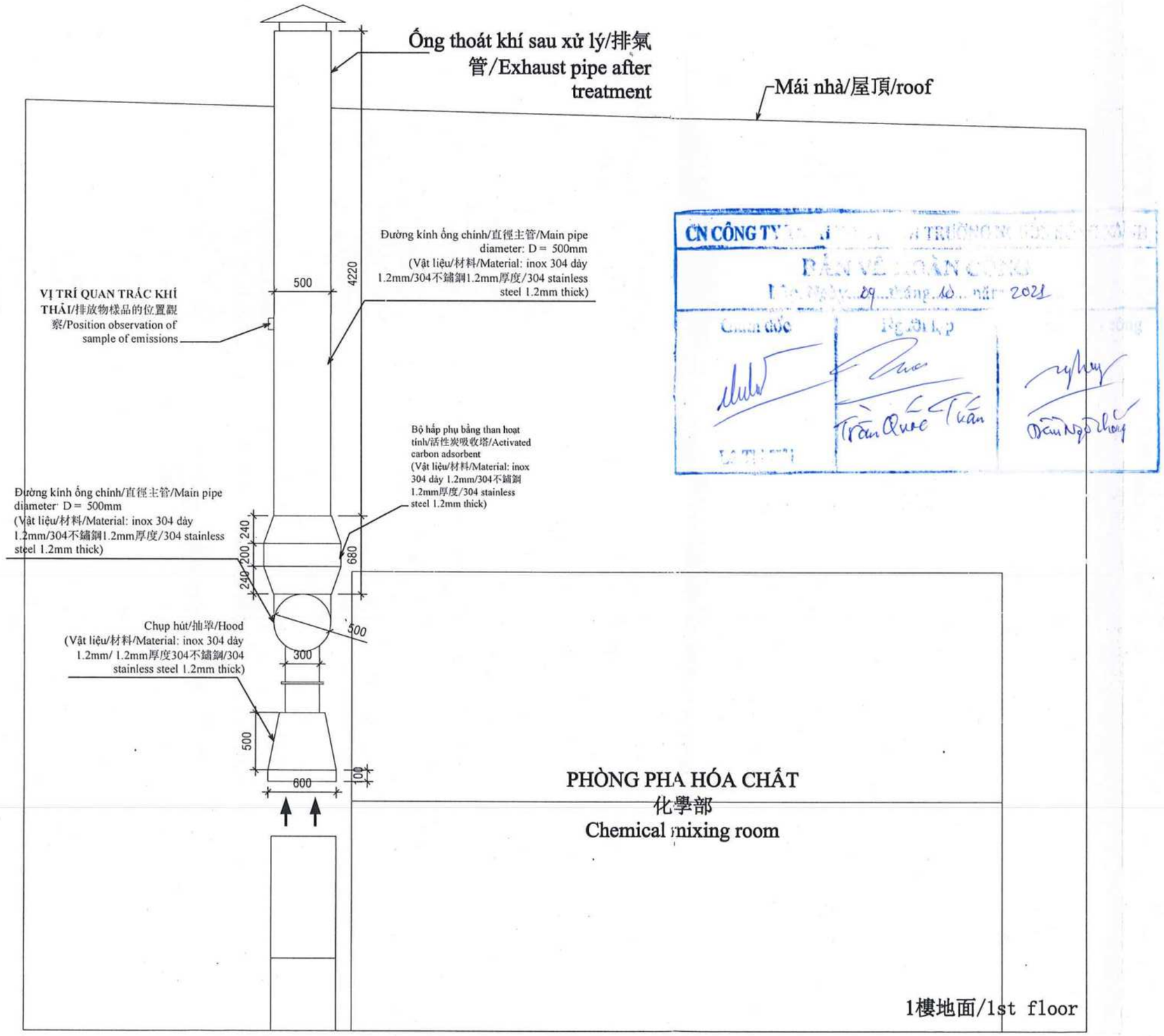
HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BẰNG HẤP THỤ THAN HOẠT TÍNH

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT ĐỨNG

QLKT: KS - TRẦN NGÔ THẮNG	
CHỦ TRÌ: KS - HOÀNG NGỌC THÔNG	
THIẾT KẾ: KS - TRẦN QUỐC TUẤN	
VẼ : KS - TRẦN QUỐC TUẤN	
NGÀY PHÁT HÀNH NĂM 2021	BVTK - TC TT 02/04



CN CÔNG TY ... TRƯỜNG ...
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 09 tháng 10 năm 2021
Giám đốc | Thiết kế | Trần Quốc Tuấn | Đàm Ngọc Thắng

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ :

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh

GIÁM ĐỐC :

NHÀ THẦU :

CN CÔNG TY TNHH XD - DV - MT NGUỒN SỐNG XANH

Đ/c : 53A, NƠ TRANG LONG PHƯỜNG 7 QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM, VN

GIÁM ĐỐC :

M.S.C.N: 3702300962 - 002 - C.T.N.H.H - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUỒN SỐNG XANH - Q.BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

KS. LÊ THỊ HẢI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BẰNG HẤP THỤ THAN HOẠT TÍNH

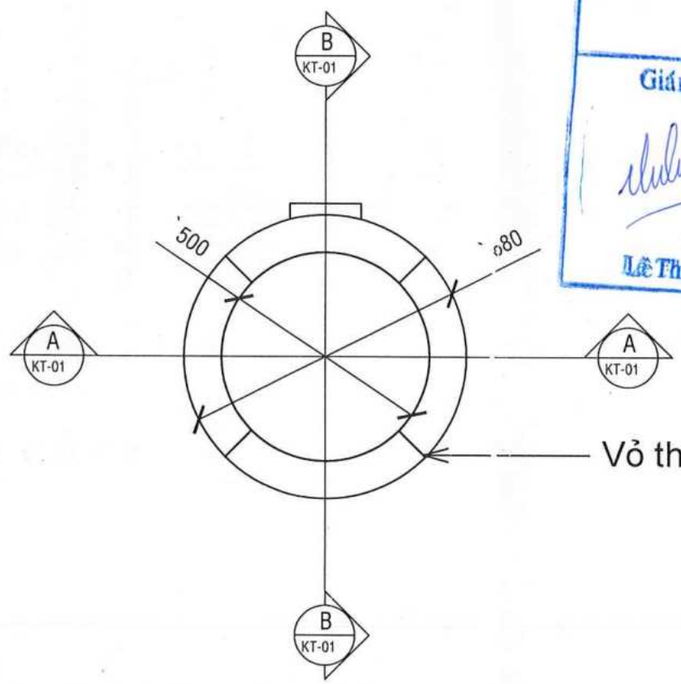
TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẠNH BÊN

QLKT: KS - TRẦN NGÔ THẮNG	
CHỦ TRÌ: KS - HOÀNG NGỌC THÔNG	
THIẾT KẾ: KS - TRẦN QUỐC TUẤN	
VẼ : KS - TRẦN QUỐC TUẤN	
NGÀY PHÁT HÀNH NĂM 2021	BVTK - TC
	TT 03/04

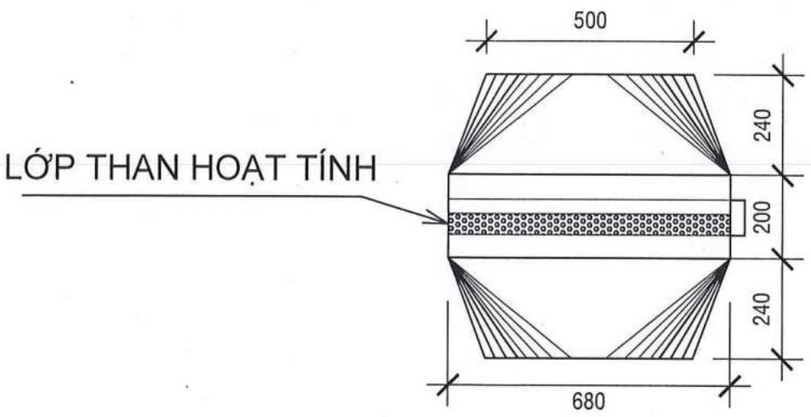
CHI TIẾT BỘ XỬ LÝ BẰNG THAN HOẠT TÍNH

MẶT BẰNG

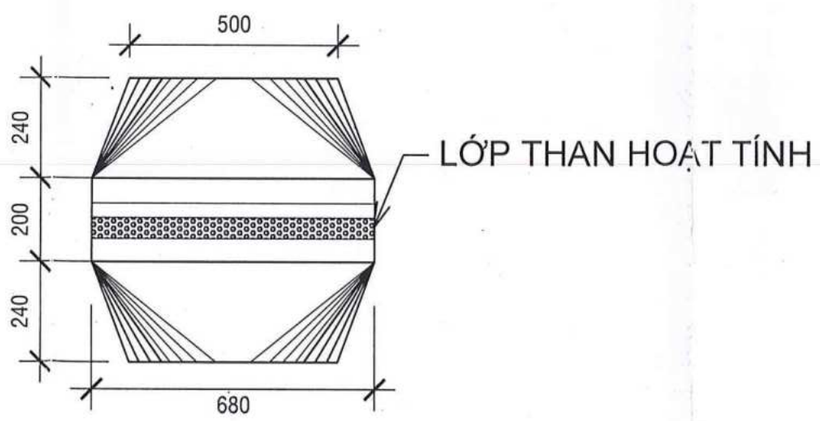


CN CÔNG TY TNHH XD DV MÔI TRƯỜNG NGUỒN SỐNG XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập, Ngày..09...tháng..10...năm..2021.
Giám đốc: Lê Thị Hải
Người lập: Trần Quốc Tuấn
Giám sát thi công: Trần Ngô Thắng

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ :

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh

GIÁM ĐỐC :

NHÀ THẦU :

CN CÔNG TY TNHH XD - DV - MT NGUỒN SỐNG XANH

Đ/c : 53A, NƠ TRANG LONG PHƯỜNG 7 QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM, VN

M.S.C.N: 3702300982 - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUỒN SỐNG XANH - BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC :
KS. LÊ THỊ HẢI

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BẰNG HẤP THỤ THAN HOẠT TÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT BỘ XỬ LÝ BẰNG THAN HOẠT TÍNH

QLKT: KS - TRẦN NGÔ THẮNG	
CHỦ TRÌ: KS - HOÀNG NGỌC THÔNG	
THIẾT KẾ: KS - TRẦN QUỐC TUẤN	
VẼ : KS - TRẦN QUỐC TUẤN	
	BVTK - TC
NGÀY PHÁT HÀNH NĂM 2021	TT 04/04

HUY HOANG
Environmental Technology

Tây Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN BÀN GIAO
HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH & CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Công trình: Hệ thống Xử lý Khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt - Nhà máy dệt vải Lian - Ta - Hsing Việt Nam

Địa chỉ: KCN Phước Đông, Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

1. Đối tượng bàn giao: Hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ Hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt – Nhà máy dệt vải Lian - Ta - Hsing Việt Nam tại KCN Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Thành phần trực tiếp bàn giao:

a. Đại diện chủ đầu tư: **Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing Việt Nam**

Ông: Phùng Lý Phúc Chức vụ: Trưởng vụ trưởng

Ông: ..... Chức vụ: .....

Ông: ..... Chức vụ: .....

b. Đại diện nhà thầu: **Công ty TNHH TB và Công nghệ Môi trường Huy Hoàng**

Ông: Phạm Xuân Bích Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

Ông: Võ Nguyễn Thanh An Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : 9h ngày 25 tháng 03 năm 2020

Kết thúc : 11h ngày 25 tháng 03 năm 2020

Tại: Công trình Xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt Nhà máy dệt vải Lian – Ta – Hsing Việt Nam, KCN Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

4. Đánh giá chất lượng công việc thực hiện:

a. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Bản vẽ hoàn công
- Tài liệu hướng dẫn vận hành

b. Đánh giá chất lượng công việc thực hiện:

.....

.....

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG
Địa chỉ: Số 22 đường 30, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Tp.HCM
Điện thoại: (08). 3743 8578 Fax: (08). 3743 8578
Website: www.huyhoangenvitech.com.vn

HUY HOANG
Environmental Technology

Nhận xét:

.....

.....

c. Các ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

5. Kết luận :

☑ Đồng ý nhận bàn giao, vận hành và chuyển giao công nghệ

☐ Không đồng ý bàn giao

Các bên tham gia nghiệm thu:

Đại diện chủ đầu tư	**Đại diện nhà thầu**
Phong Lý Phúc	Phạm Xuân Bích.

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG
Địa chỉ: Số 22 đường 30, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Tp.HCM
Điện thoại: (08). 3743 8578 Fax: (08). 3743 8578
Website: www.huyhoangenvitech.com.vn

HUY HOANG
Environmental Technology

Tây Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

(V/v Nghiệm thu hoàn thành hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt)

Công trình: Hệ thống Xử lý Khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt - Nhà máy dệt vải Lian - Ta - Hsing Việt Nam

Địa chỉ: KCN Phước Đông, Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

1. Đối tượng nghiệm thu: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt – Nhà máy dệt vải Lian - Ta - Hsing Việt Nam tại KCN Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a. Đại diện chủ đầu tư: **Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing Việt Nam**

Ông: ...KAO...WEN - CHENG... Chức vụ: ....Chủ tịch HĐQT.....

Ông: ...Phong Ly Phúc..... Chức vụ: .....Tổng Vụ trưởng.....

Ông: ..... Chức vụ: .....

Ông: ..... Chức vụ: .....

b. Đại diện nhà thầu: **Công ty TNHH TB và Công nghệ Môi trường Huy Hoàng**

Ông: Lê Quang Huy Chức vụ: Phó Giám đốc kỹ thuật

Ông: Phạm Xuân Bích Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : ....10h..... ngày..30..tháng..03..năm..2020

Kết thúc : ....12h..... ngày..30..tháng..03.năm.2020

Tại: Công trình Xử lý khí thải lò hơi, lò dầu tải nhiệt – Nhà máy dệt vải Lian – Ta – Hsing Việt Nam, KCN Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

4. Đánh giá chất lượng công việc thực hiện:

a. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Biên bản bàn giao hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ;
- Bản vẽ hoàn công;
- Tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo trì;

b. Đánh giá chất lượng công việc thực hiện:

.....

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG
Địa chỉ: Số 22 đường 30, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Tp.HCM
Điện thoại: (08). 3743 8578 Fax: (08). 3743 8578
Website: www.huyhoangenvitech.com.vn

HUY HOANG
Environmental Technology

.....

.....

Nhận xét:

.....

.....

a. Các ý kiến khác (nếu có):

.....

5. Kết luận :

☑ Đồng ý nghiệm thu và đưa vào sử dụng

☐ Không đồng ý nghiệm thu

Các bên tham gia cùng thống nhất nghiệm thu. Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản.

Đại diện chủ đầu tư ✓	**Đại diện nhà thầu**
KAO, WEN - CHENG	Lê Quang Huy

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG
Địa chỉ: Số 22 đường 30, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Tp.HCM
Điện thoại: (08). 3743 8578 Fax: (08). 3743 8578
Website: www.huyhoangenvitech.com.vn

MARTECH BOILER
The Energy Solutions
CÔNG TY TNHH MÁC TÍCH
Đường số 2, KCN Nhơn Trạch II - Giai đoạn 2
Xã Long Tho, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại: (+84) - 251 - 3566 345 / 342 / 343 / 345 / 349
Fax: (+84) - 251 - 3566344 Email: sir@martech.com.vn

BẢN VẼ THI CÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG ĐƯỜNG ỐNG

LÒ DẦU 6M KCAL/H

LÒ HƠI 15 T/H

***** *****

Dự án: LTS-31-18

Scanned with CamScanner

MARTECH BOILER
The Energy Solutions
CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH
ĐC: Đường Số 2, KCN Nhơn Trạch 3,Giai Đoạn 2
X. Long Thọ, H. Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam
ĐT: 0251 - 356 6345, 356 6346, 356 6347, 356 6348
Fax: 0251 - 356 6344 Email: info@martech.com.vn

BẢNG LIỆT KÊ BẢN VẼ

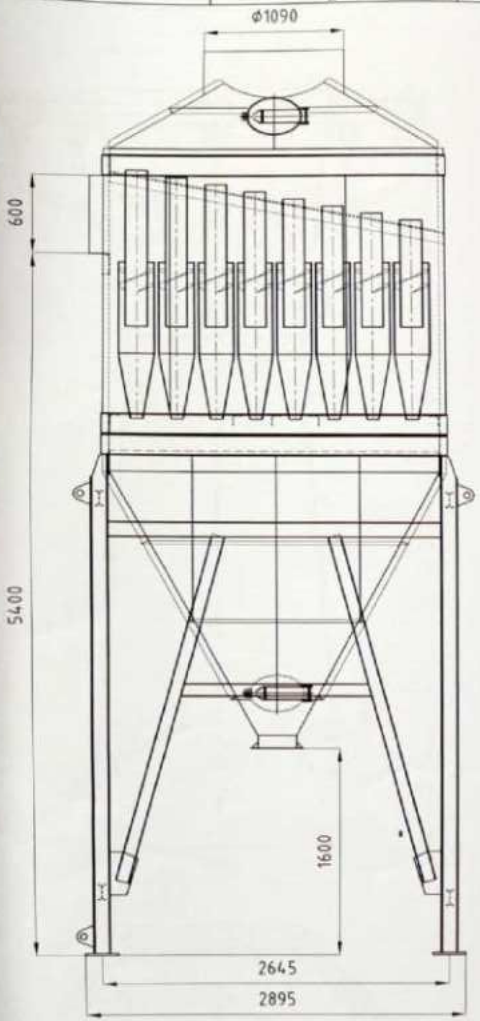
Hạng mục : LÒ HƠI GHI XÍCH - 6KCAL/H

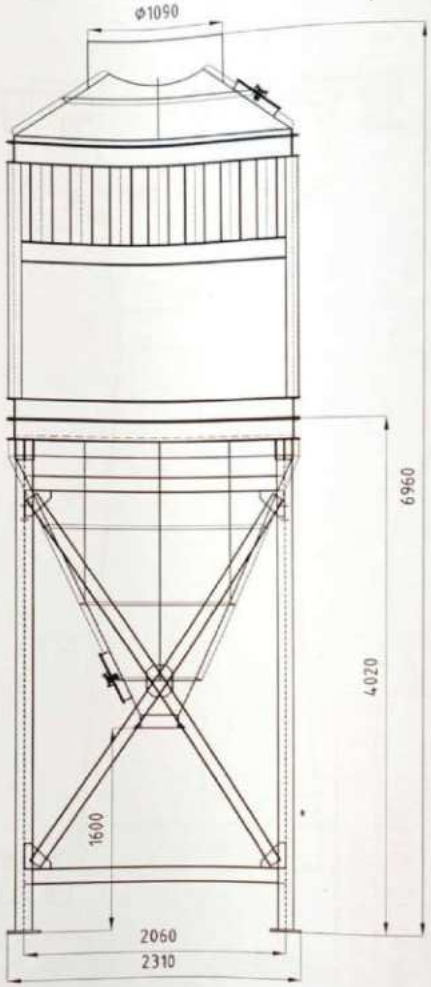
Dự án : LTS-31-18-6M

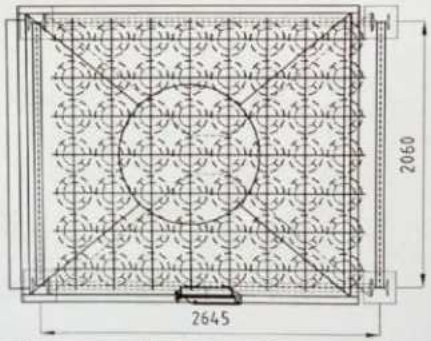
Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING

STT	TÊN BẢN VẼ	TRANG	GHI CHÚ
1	Cyclone đa cấp	1	
2	Ventury	2	
3	Chi tiết kết nối	3	

Scanned with CamScanner







LTS-31-18-6M-O-19

MULTI CYCLONE 6M

- Lưu lượng: 27000 m^3/hr
- Nhiệt độ hoạt động: <500°C
- Trở lực : 280 Pa
- Hiệu suất lọc 85%, với kích thước hạt bụi >20µm
- Khối lượng khung chân: 774Kg
-Diện tích sơn khung chân: 24 m^2
- Khối lượng thân+phễu+chóp: 2857 Kg
-Diện tích sơn thân+phễu+chóp (Mặt ngoài): 64 m^2
-Diện tích sơn thân+phễu+chóp (Mặt trong): 93m^2
- Số lượng cyclone con: 56
-Khối lượng cyclone con: 2548 Kg
- Diện tích sơn cyclone con: 64 m^2
-Kích thước vận chuyển: 2310x2845x6960
Khối lượng cẩu: 6180 kg

CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
Đặng Văn Hiệp	Phạm Như Hưng	

No	Date	Revision	Name
03			
02			
01			

FILE NAME	CYCLONE ĐA CẤP	SCALE FIT	EQUIPMENT: CYCLONE ĐA CẤP / COMPONENT: CYCLONE ĐA CẤP
SIZE	A4	REV. 01	
DRAWN	26/12/18	Nguyễn Thiên Hùng	
CHECK	26/12/18	Phạm Như Hưng	
APPR.	26/12/18	Lê Anh Tuấn	
ISSUED	26/12/18	Lê Anh Tuấn	
PROJECT NO.	18-202/CV(01)	PANEL NO. 2325	

BẢN VẼ LẮP

MARTECH BOILER ENGINEERING

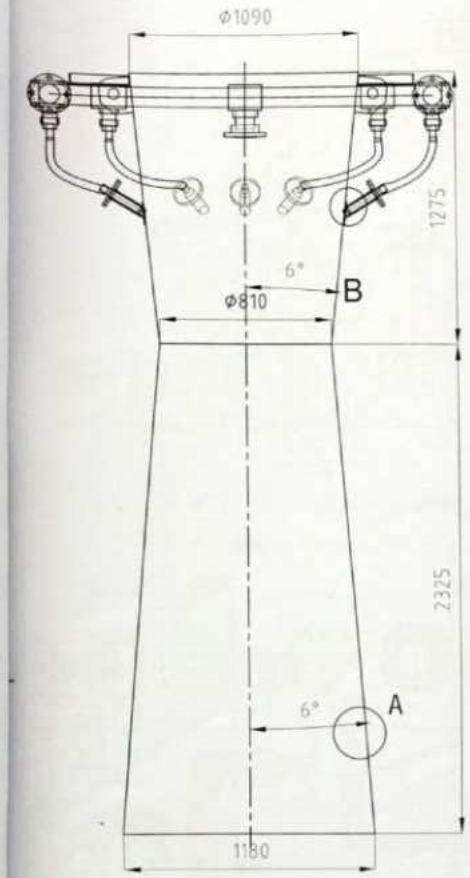
LTS-31-18-6M

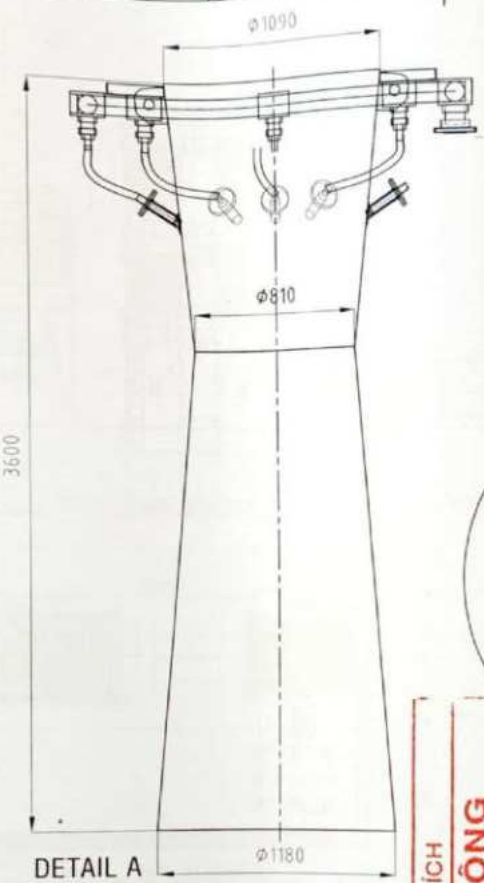
LÒ DẦU 6M

DWG NO 01 | TOTAL DWG. 03

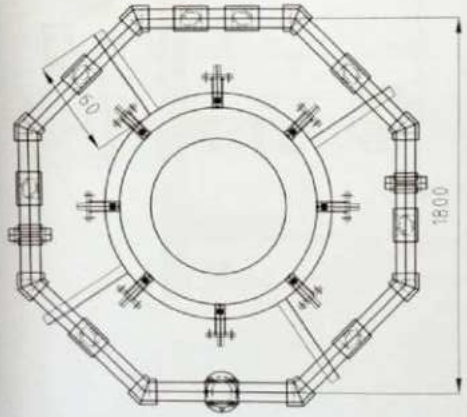
Scanned with CamScanner

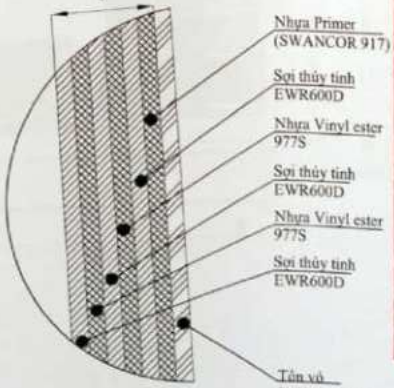
LTS-31-18-6M-O-22



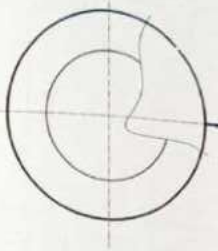


DETAIL A
SCALE: 6:1

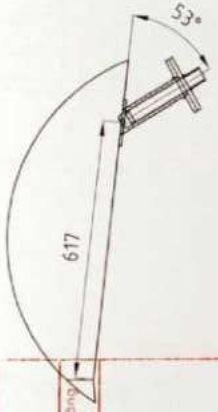




Vị trí hàn Pass móc cẩu



Lắp béc phun



VENTURY 6M
- Lưu lượng: 27000 m^3/hr
- Nhiệt độ hoạt động: <180°C
- Trở lực : 200 Pa
- Lưu lượng bơm: 650 lít/p
- Model bơm cấp tháp: HVS 280- 1 2.2 2
- Khối lượng: 530 Kg
- DT sơn: 11,05 m^2

STT	TÊN GỌI	Đ.V.T	SL	GHI CHÚ
1	Thân ventury	Cái	01	SUS304-5mm
2	Vòng nhựa Ø90	Cái	01	PPR
3	Béc phun	Cái	08	SUS304
4	T nhựa Ø90	Cái	01	PPR
5	Mặt bích	Cặp	01	PPR
6	Pass móc cẩu	Cái	02	SUS304-10mm
7	V50x460: pass đỡ	Đoạn	04	
8	Măng xông ren ngoài M34	Cái	08	PPR
9	Mặt bích ống nhựa Ø90	Cái	08	PPR
10	Ống nhựa mềm Ø34	Đoạn	08	
11	Cùm ống chữ U: Ø90	Cái	04	

CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công

Người giám sát thi công của chủ đầu tư

Người lập

No	Date	Revision	Name
03			
02			
01			

FILE NAME VENTURY | SCALE FIT | EQUIPMENT VENTURY | COMPONENT VENTURY

SIZE	A4	REV.	01
DRAWN	13/12/18	Nguyễn Thiên Hùng	
CHECK	13/12/18	Phạm Như Hưng	
APPR.	13/12/18	Lê Anh Tuấn	
ISSUED	13/12/18	Lê Anh Tuấn	
PROJECT NO.	18-202/CV(01)	MANU NO.	2325

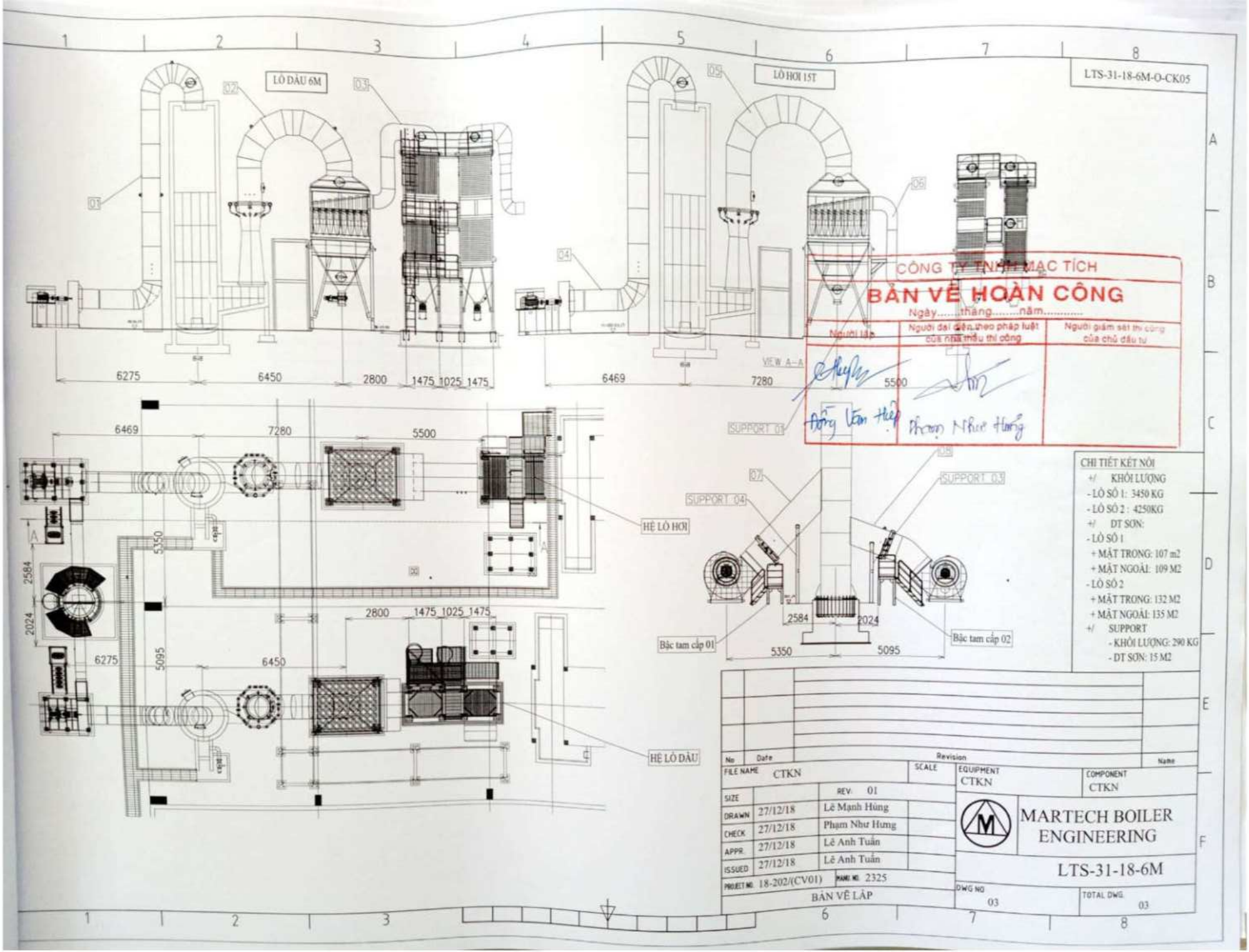
BẢN VẼ LẮP

MARTECH BOILER ENGINEERING

LTS-31-18-6M
LÒ DẦU 6M

DWG NO 02 | TOTAL DWG. 03

Scanned with CamScanner



Scanned with CamScanner

MARTECH BOILER
The Energy Solutions
CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH
ĐC: Đường Số 2, KCN Nhơn Trạch 3,Giai Đoạn 2
X. Long Thọ, H. Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam
ĐT: 0251 - 356 6345, 356 6346, 356 6347, 356 6348
Fax: 0251 - 356 6344 Email: info@martech.com.vn

BẢNG LIỆT KÊ BẢN VẼ

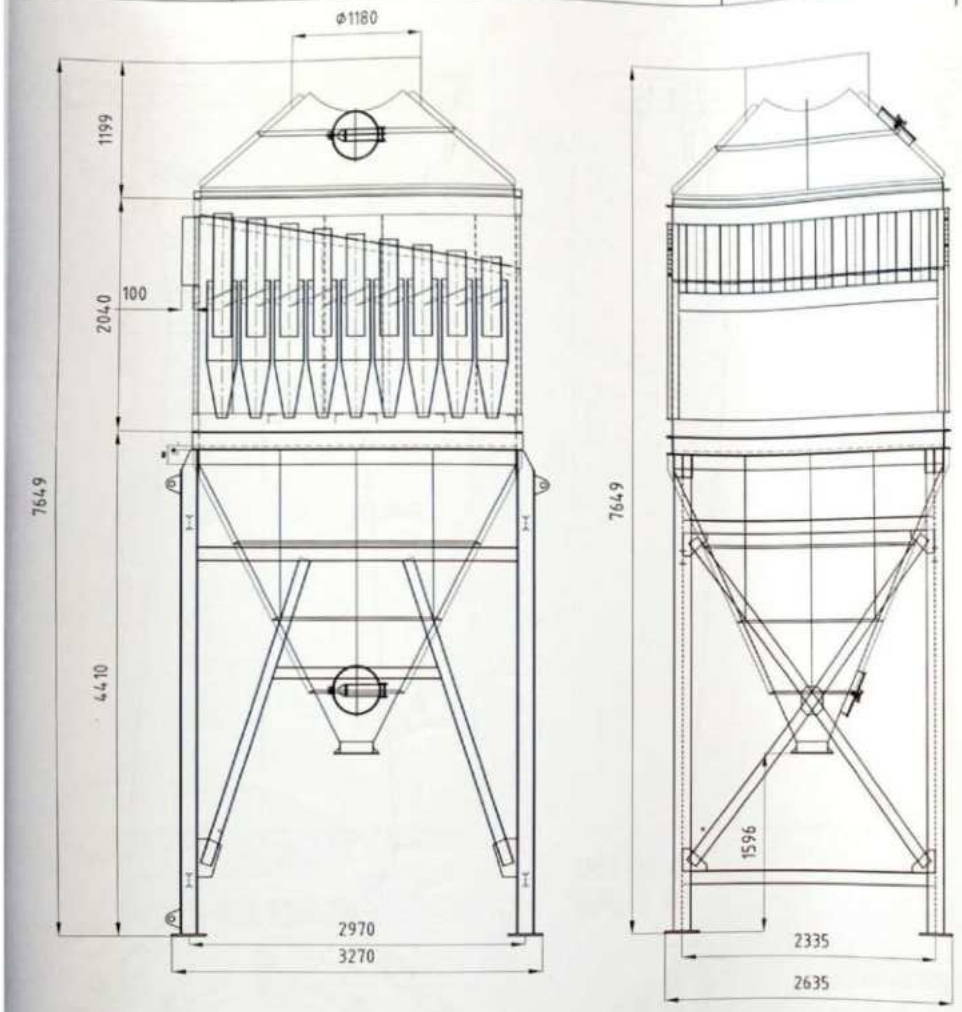
Hạng mục : LÒ HƠI GHI XÍCH - 15 T/H

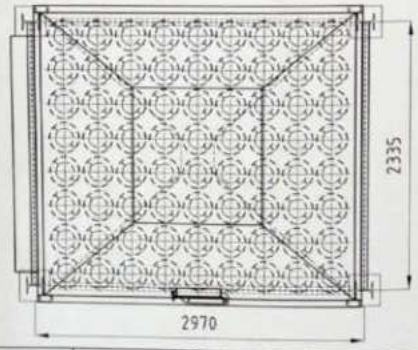
Dự án : LTS-31-18-15T

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING

STT	TÊN BẢN VẼ	TRANG	GHI CHÚ
1	Cyclone đa cấp	1	
2	Ventury	2	
3	Ống khói + STT Ống khói	3-4	
4	Chi tiết kết nối	5	

Scanned with CamScanner





LTS-31-18-15T-B-19

MULTI CYCLONE 15T

- Lưu lượng: 37500 m^3/hr
- Nhiệt độ hoạt động: <500°C
- Trở lực : 300 Pa
- Hiệu suất lọc 85%, với kích thước hạt bụi >20µm
- Khối lượng khung chân: 992 Kg
-Diện tích sơn khung chân: 34 m^2
- Khối lượng thân+phễu+chóp: 3052 Kg
-Diện tích sơn thân+phễu+chóp (Mặt ngoài): 59 m^2
-Diện tích sơn thân+phễu+chóp (Mặt trong): 99 m^2
- Số lượng cyclone con: 72
-Khối lượng cyclone con: 3158 Kg
- Diện tích sơn cyclone con: 169m^2

Tổng khối lượng cẩu: 7202kg

CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
Đặng Văn Hiệp	Phạm Như Hưng	

No	Date	Revision	Name
03			
02			
01			

FILE NAME	CYCLONE ĐA CẤP	SCALE	FIT
SIZE	A4	REV.	01
DRAWN	22/12/18	Nguyễn Thiên Hùng	
CHECK	22/12/18	Phạm Như Hưng	
APPR.	22/12/18	Lê Anh Tuấn	
ISSUED	22/12/18	Lê Anh Tuấn	
PROJECT NO.	18-202/CV(01)	NAME NO.	2324

BẢN VẼ LẮP

EQUIPMENT	CYCLONE ĐA CẤP
COMPONENT	CYCLONE ĐA CẤP

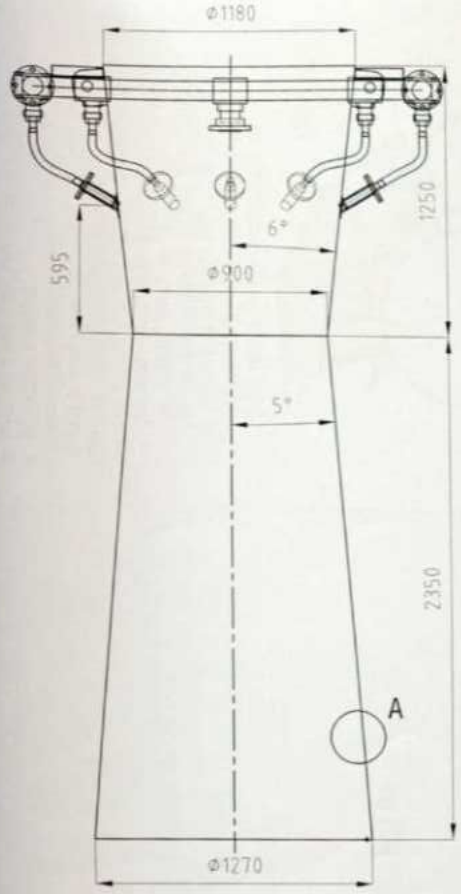
MARTECH BOILER ENGINEERING

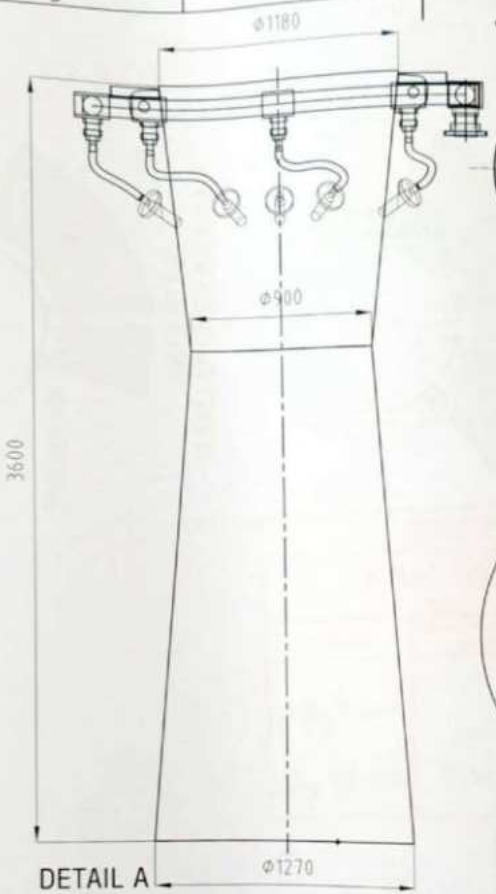
LTS-31-18-15T

LÒ HƠI 15T

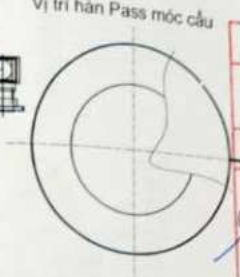
DWG NO	01
TOTAL DWG	05

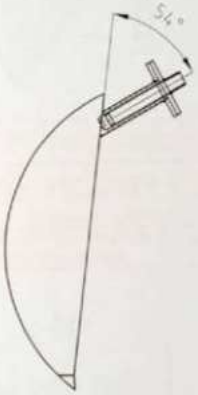
Scanned with CamScanner

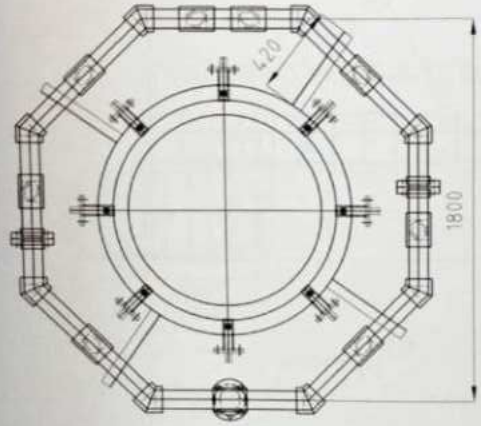


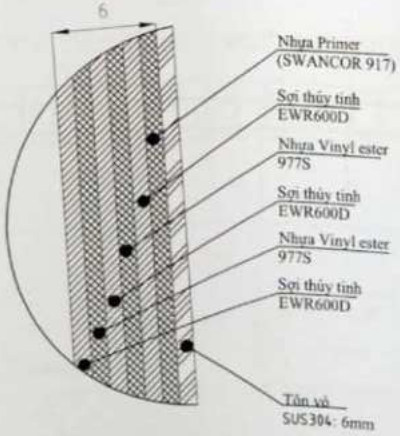


DETAIL A
SCALE: 6:1









CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH

LTS-31-18-15T-B-22

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người lập	Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công	Người giám sát thi công của chủ đầu tư
Đặng Văn Hiệp	Phạm Như Hưng	

VENTURY
- Khối lượng: 476 Kg
- DT sơn: 12.075 m^2

STT	TÊN GỌI	Đ.V.T	SL	GHI CHÚ
1	Thân ventury	Cái	01	SUS304-5mm
2	Vòng nhựa Ø90	Cái	01	PPR
3	Béc phun	Cái	08	SUS304
4	T nhựa Ø90	Cái	01	PPR
5	Mặt bích	Cặp	01	PPR
6	Pass móc cẩu	Cái	02	SUS304-10mm
7	V50x420: pass đỡ	Đoạn	04	
8	Mặt bích ống nhựa Ø90	Cái	08	PPR
9	Ống nhựa mềm Ø34	Đoạn	08	
10	Cùm ống chữ U: Ø90	Cái	04	

No	Date	Revision	Name
03			
02			
01			

FILE NAME	VENTURY	SCALE	FIT
SIZE	A4	REV.	01
DRAWN	11/12/18		Nguyễn Thiên Hùng
CHECK	11/12/18		Phạm Như Hưng
APPR.	11/12/18		Lê Anh Tuấn
ISSUED	11/12/18		Lê Anh Tuấn
PROJECT NO.	18-202CV(01)	NAME NO.	2324
	BẢN VẼ LẮP		

EQUIPMENT	VENTURY
COMPONENT	VENTURY
	MARTECH BOILER ENGINEERING
	LTS-31-18-15T LÒ HƠI 15T
DWG NO	02
TOTAL DWG.	05

Scanned with CamScanner

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

LTS-31-18-15T-B-29

- CHIỀU CAO: 24040 mm
- ĐƯỜNG KÍNH: 1450 mm
- SỐ ĐOẠN: 2 ĐOẠN

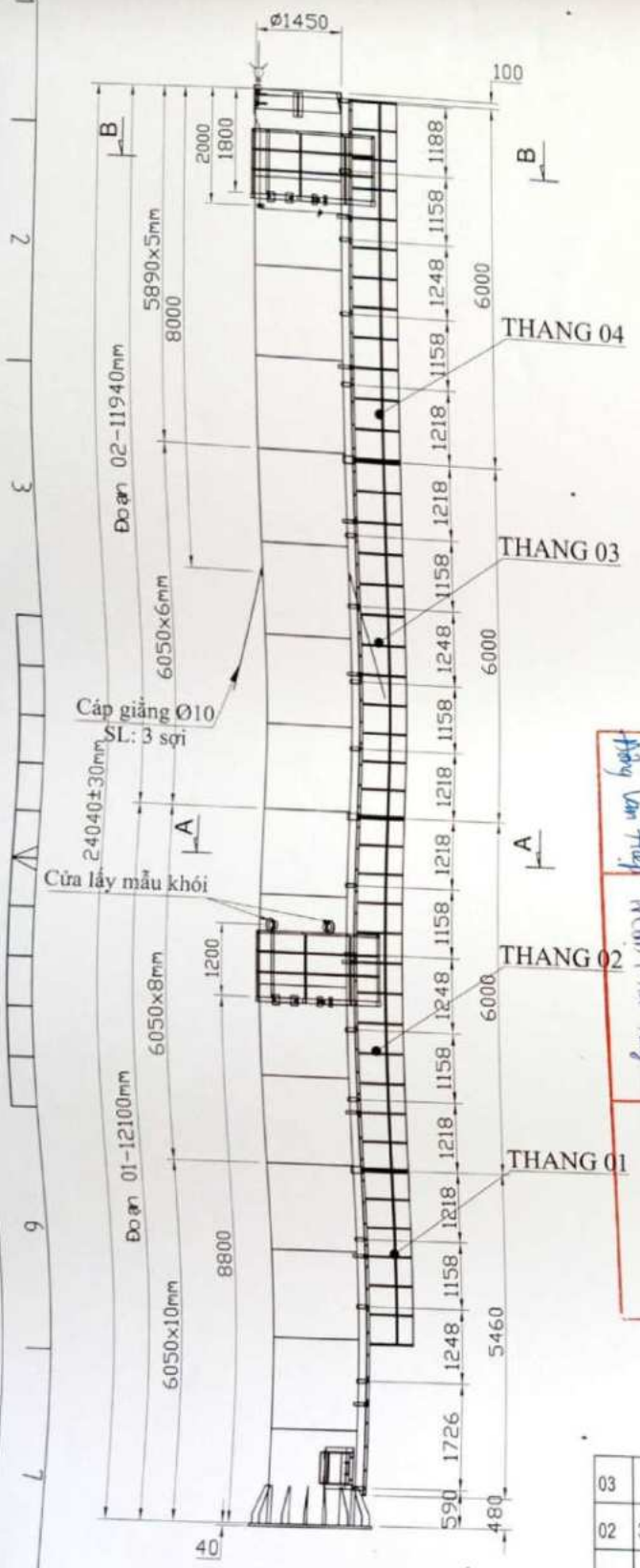
- ĐOẠN 1: 12100 mm
- ĐOẠN 2: 11940 mm

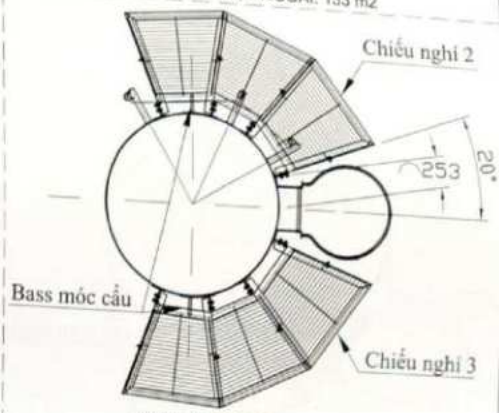
TỔNG KL THÂN ỐNG KHÓI: 8424Kg

- KL Đoạn 01: 4712.5 Kg
- KL Đoạn 02: 2769.8 Kg
- KL TẤM ĐẾ: 600.7 Kg
- KL Gia cường: 341 Kg

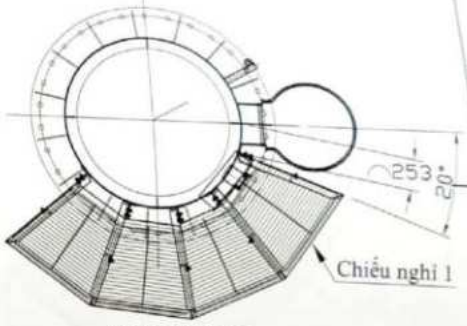
TỔNG DIỆN TÍCH SƠN: 277 m2

- DIỆN TÍCH SƠN MẶT TRONG: 144 m2
- DIỆN TÍCH SƠN MẶT NGOÀI: 133 m2

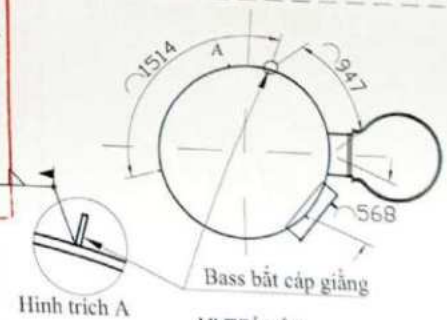




MẶT CẮT B-B
VỊ TRÍ LẮP CHIẾU NGHỈ 2 & 3

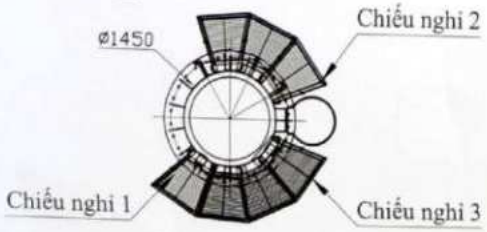


MẶT CẮT A-A
VỊ TRÍ LẮP CHIẾU NGHỈ 1



Hình trích A

VỊ TRÍ LẮP
BASS BẮT CÁP GIẰNG



CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập: Đồng Văn Hiệp

Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công: Phạm Như Hưng

Người giám sát thi công của chủ đầu tư

No	Date	Revision	Name
03			
02	30/01/2019	Thay thế bản vẽ 02/21 ban hành ngày 12/12/2018 bằng bản vẽ này. Bổ sung KL+DTS khung gia cường Ống khói.	Đ.V.Hiệp
01	12/12/2018		Đ.V.Hiệp

FILE NAME	ỐNG KHÓI LTS-31-18-15T	SCALE FIT	EQUIPMENT ỐNG KHÓI / COMPONENT THÂN ỐNG KHÓI
SIZE	A4	REV: 02	
DRAWN	30/01/2019	Đồng Văn Hiệp	
CHECK	30/01/2019	Phạm Như Hưng	
APPR.	30/01/2019	Lê Anh Tuấn	
ISSUED	30/01/2019	Lê Anh Tuấn	
PROJECT NO.	18-202/CV(01)	MANU. NO. 2314	

MARTECH BOILER ENGINEERING

LTS-31-18-15T
(LÒ 15T + 6M)

BẢN VẼ LẮP TỔNG

DWG NO 03

TOTAL DWG. 05

Scanned with CamScanner

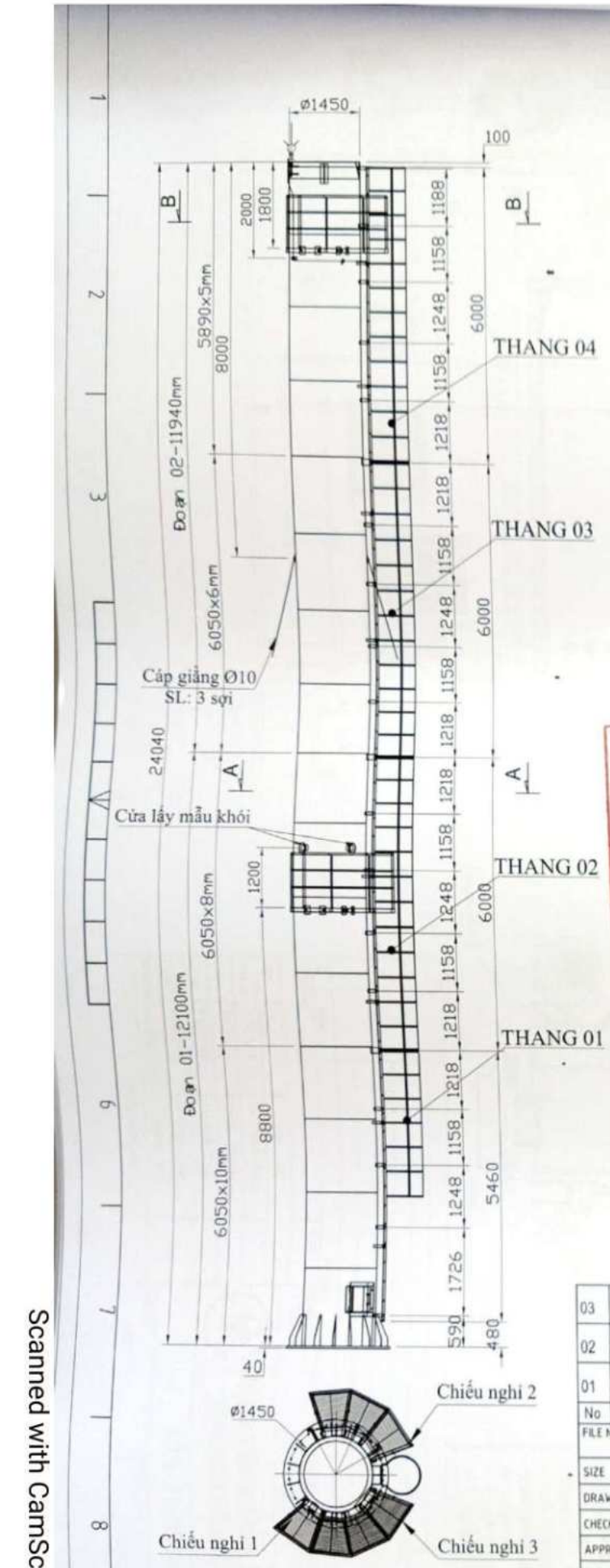
THÔNG SỐ KỸ THUẬT

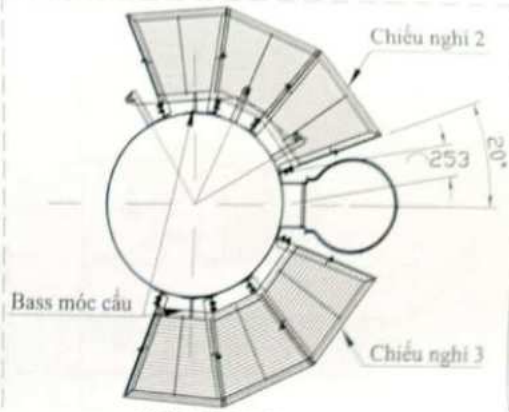
LTS-31-18-15T-B-ST29

- CHIỀU CAO: 24040 mm
- ĐƯỜNG KÍNH: 1450 mm
- SỐ ĐOẠN: 2 ĐOẠN

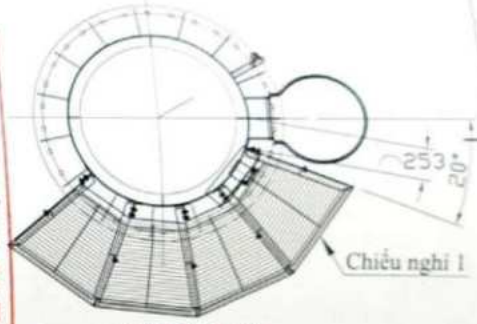
- ĐOẠN 1: 12100 mm
- ĐOẠN 2: 11940 mm

1. TỔNG KL STT: 863 Kg
   - KL SÀN + TL: 698 Kg
   - KL GRATING: 165 Kg
2. TỔNG DTS STT: 48 m2
   - DTS SÀN + TL: 38 m2
   - DTS GRATING: 10 m2





MẶT CẮT B-B
VỊ TRÍ LẮP CHIẾU NGHỈ 2 & 3



MẶT CẮT A-A
VỊ TRÍ LẮP CHIẾU NGHỈ 1

CÔNG TY TNHH MẠC TÍCH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập: Đặng Văn Hiệp

Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thi công: Phạm Như Hưng

Người giám sát thi công của chủ đầu tư:

No	Date	Revision	Name
03			
02			
01			

FILE NAME	STT ỐNG KHÓI LTS-31-18-15T	SCALE	FIT
SIZE	A4	REV.	01
DRAWN	12/12/2018	Đồng Văn Hiệp	
CHECK	12/12/2018	Phạm Như Hưng	
APPR.	12/12/2018	Lê Anh Tuấn	
ISSUED	12/12/2018	Lê Anh Tuấn	
PROJECT NO.	18-202/CV(01)	MANU NO.	2314

BẢN VẼ LẮP TỔNG

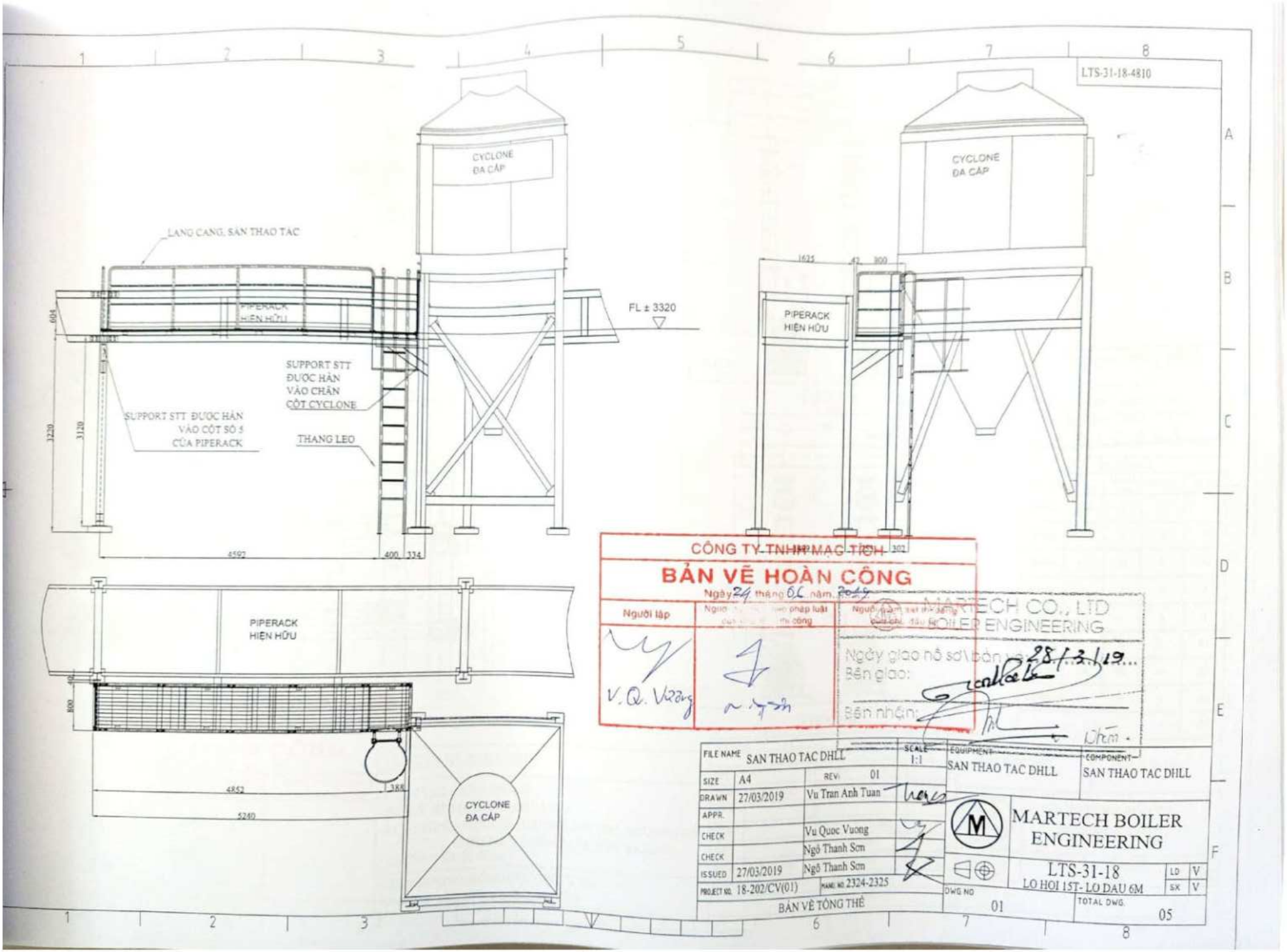
EQUIPMENT	STT ỐNG KHÓI
COMPONENT	STT ỐNG KHÓI

MARTECH BOILER ENGINEERING

LTS-31-18-15T
(LÒ 15T + 6M)

DWG NO	TOTAL DWG
04	05

Scanned with CamScanner



Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN BÀN GIAO HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH & CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Công trình : **Nhà máy dệt vải Lian - Ta - Hsing Việt Nam**

Hạng mục : **Hệ thống xử lý nước thải**

Địa chỉ : **đường N15, KCN Phước Đông, Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh**

1. Đối tượng bàn giao: Hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ Hệ thống xử lý nước thải – Nhà máy dệt vải Lian - Ta - Hsing Việt Nam tại KCN Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Thành phần trực tiếp bàn giao:

2.1. Đại diện chủ đầu tư:

Công ty TNHH Lian – Ta – Hsing Việt Nam

- Ông (Bà): Phong Lý Phúc Chức vụ: Tổng Vụ trưởng
- Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....
- Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....
- Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

2.2. Đại diện nhà thầu:

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ & Công trình Môi trường XIE YAH

- Ông (Bà): Văn Kim Yến Chức vụ: Giám Đốc
- Ông (Bà): Lê Tấn Thành Chức vụ: Kỹ Thuật
- Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

3. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : 8h ngày 23 tháng 03 năm 2020

Kết thúc : 11h ngày 23 tháng 03 năm 2020

Tại: Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy dệt vải Lian – Ta – Hsing Việt Nam, KCN Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Đánh giá chất lượng công việc thực hiện:

4.1. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Bản vẽ hoàn công

- Tài liệu hướng dẫn vận hành

4.2. Đánh giá chất lượng công việc thực hiện:

.....

.....

Nhận xét:

.....

.....

4.3. Các ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

5. Kết luận :

☑ Đồng ý nhận bàn giao, vận hành và chuyển giao công nghệ

☐ Không đồng ý bàn giao

Các bên tham gia nghiệm thu:

Đại diện chủ đầu tư	**Đại diện đơn vị thi công**
郭浚淇	Văn Kim Yến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH VÀ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình : **Nhà máy dệt vải Lian – Ta – Hsing Việt Nam**

Hạng mục : **Cung cấp và lắp đặt thiết bị Hệ thống xử lý nước thải**

Địa chỉ : **đường N15, KCN Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh**

1. **Đối tượng nghiệm thu:** Hệ thống xử lý nước thải

2. **Thành phần trực tiếp nghiệm thu:**

2.1. Đại diện chủ đầu tư:

Công ty TNHH Lian –Ta – Hsing Việt Nam

- Ông (bà): KAO,WEN-CHENG Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông (bà): Phùng Lý Phúc Chức vụ: Tổng Vụ Trưởng
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

2.2. Đại diện nhà thầu:

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ & Công trình Môi trường XIE YAH

- Ông (bà): Văn Kim Yến Chức vụ: Giám Đốc
- Ông (bà): Lê Tấn Thành Chức vụ: Kỹ Thuật
- Ông (bà): Lê Thanh Hải Chức vụ: .....

3. **Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu: 10h ngày 31 tháng 03 năm 2020

Kết thúc: 11h ngày 31 tháng 03 năm 2020

Tại: Hệ thống xử lý nước thải – Nhà máy Dệt vải Lian – Ta – Hsing Việt Nam, KCN Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Đánh giá chất lượng công việc thực hiện:

4.1. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận;
- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng:

  + Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính Phủ: Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng

  + TCVN 4086 - 1985: An toàn điện trong xây dựng. Yêu cầu chung;

  + TCVN 5308 - 1991: Quy trình kỹ thuật an toàn trong xây dựng;

  + TCVN 5637 - 1991: Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản

  + TCVN 3255 - 1986: An toàn cháy nổ - Yêu câu chung;

  + TCVN 5301 - 1991: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng;

  + TCVN 4055 - 2012: Tổ chức thi công;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, qui định hiện hành

  + TCVN 5576 - 1991: Hệ thống cấp thoát nước. Quy phạm quản lý kỹ thuật.

  + TCVN 5638 - 1991: Đánh giá chất lượng công tác xây lắp.

  + TCVN 3989 - 2012: Hệ thống tài liệu trong thi công cấp thoát nước

  + TCVN 4519 - 1988: Hệ thống tiêu chuẩn về thi công và nghiệm thu về cấp thoát nước.
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Biên bản bàn giao hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ
- Bản vẽ hoàn công;
- Tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo trì;

4.2. Đánh giá chất lượng:

<u>Nhận xét:</u>

.....

.....

.....

.....

.....

4.1. Các ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

5. Kết luận:

☑ Đồng ý nghiệm thu và đưa vào sử dụng

☐ Không đồng ý nghiệm thu

Các bên tham gia nghiệm thu:

Đại diện chủ đầu tư ✓	**Đại diện đơn vị thi công**
M.S.D.N: 3901229591 - C.T.T.N.H.H * CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) * H.GÒ DẦU - T.TÂY NINH *	M.S.D.N: 3603[illegible] - C.T.T.N.H.H * CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & CÔNG TRÌNH MÔI TRƯỜNG XIE YAH * H.LONG THÀNH - T.ĐỒNG NAI *
KAO, WEN - CHENG	Văn Kim Yến

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ CÔNG TRÌNH MÔI TRƯỜNG
XIE YAH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT - CÔNG SUẤT 4.000M³/NGÀY.ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CHỦ ĐẦU TƯ ✓

KAO, WEN,- CHENG

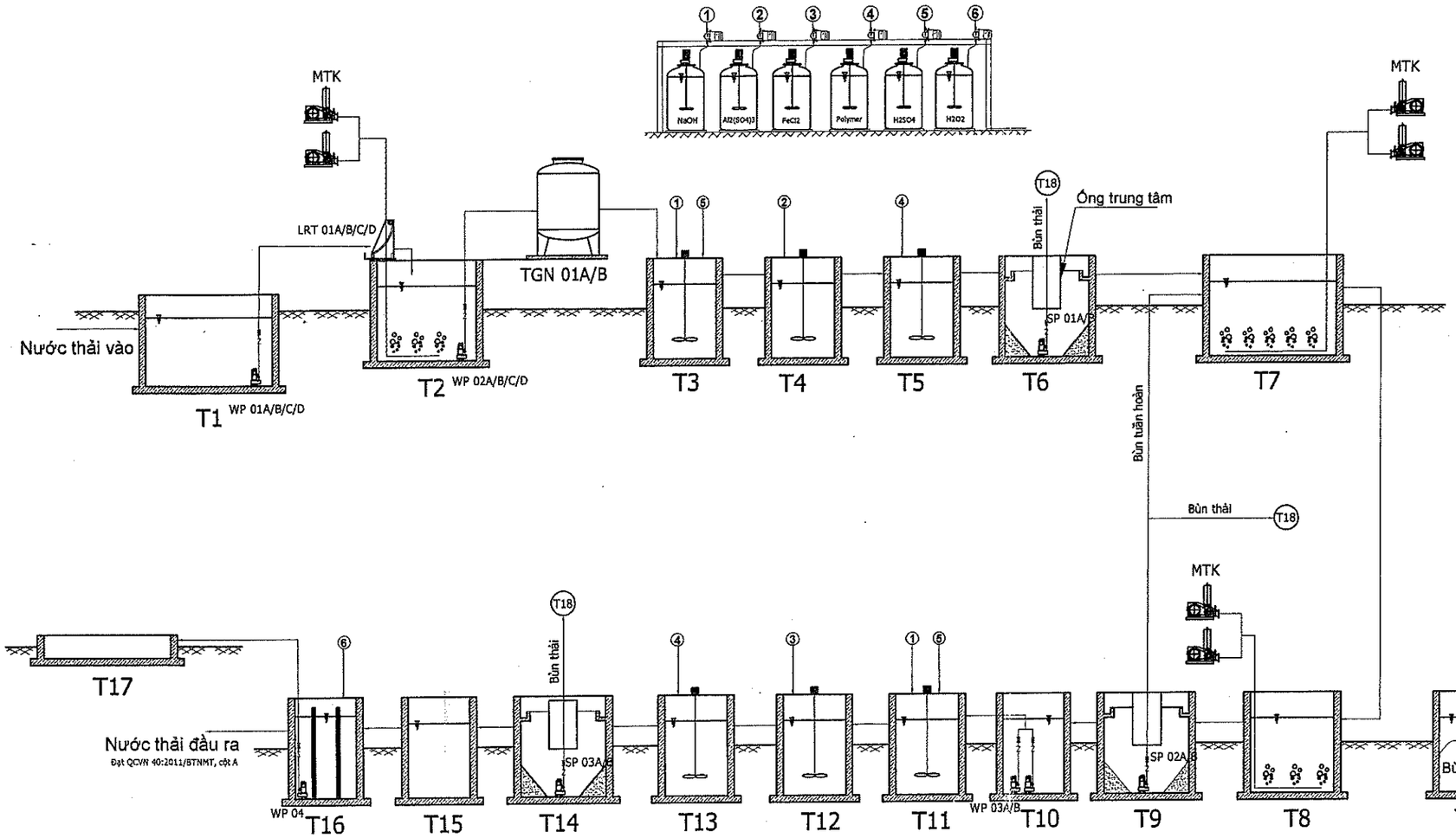
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

Văn Kim Yến

THÁNG 03-2020

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT - CÔNG SUẤT 4.000m³/ngày



GHI CHÚ					
STT	Kí hiệu	Tên/Hạng mục	STT	Kí hiệu	Tên/Hạng mục
1	T1	Bể thu gom	13	T13	Bể tạo bông bậc 2
2	T2	Bể điều hòa	14	T14	Bể lắng hóa lý bậc 2
3	T3	Bể trộn bậc 1	15	T15	Hồ hoàn thiện
4	T4	Bể phản ứng bậc 1	16	T16	Bể khử trùng
5	T5	Bể tạo bông bậc 1	17	T17	Hồ sự cố
6	T6	Bể lắng hóa lý bậc 1	18	T18	Bể nén bùn
7	T7	Bể sinh học MBBR	19	LRT	Lược rác tinh
8	T8	Bể sinh học hiếu khí	20	TGN	Tháp giải nhiệt
9	T9	Bể lắng sinh học	21	MTK	Máy thổi khí
10	T10	Bể trung gian	22	MNK	Máy nén khí
11	T11	Bể trộn bậc 2	23	MB	Máy nén bùn
12	T12	Bể phản ứng bậc 2	24	BHC	Bồn hóa chất

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. N.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD
LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N18, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN - HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N18, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

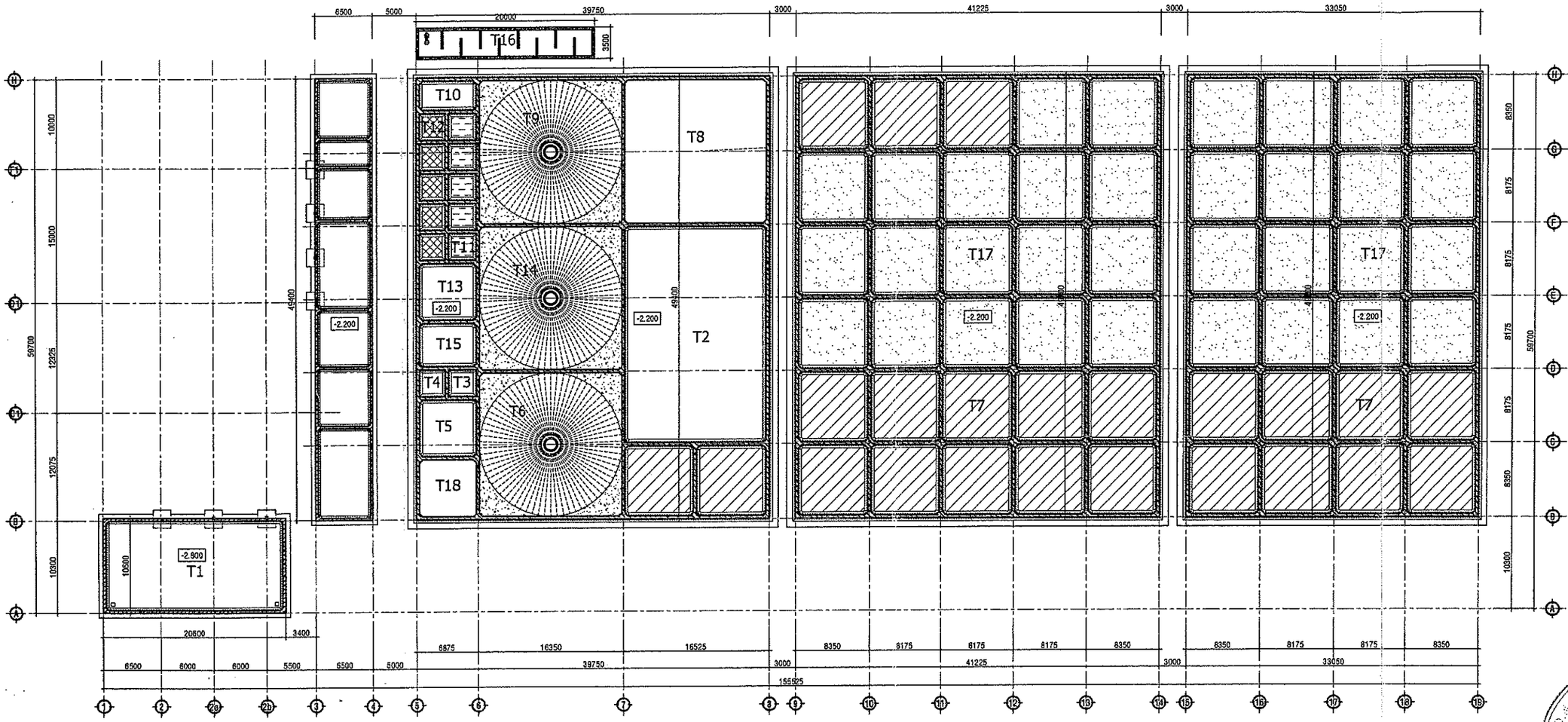
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ HOÀN CÔNG (As- Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-01 | TỈ LỆ- SCALE:

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



MẶT BẰNG ĐÁY BỂ

TỶ LỆ : 1/100

GHI CHÚ					
STT	Kí hiệu	Tên/Hạng mục	STT	Kí hiệu	Tên/Hạng mục
1	T1	Bể thu gom	13	T13	Bể tạo bông bậc 2
2	T2	Bể điều hòa	14	T14	Bể lắng hóa lý bậc 2
3	T3	Bể trộn bậc 1	15	T15	Hồ hoàn thiện
4	T4	Bể phản ứng bậc 1	16	T16	Bể khử trùng
5	T5	Bể tạo bông bậc 1	17	T17	Hồ sự cố
6	T6	Bể lắng hóa lý bậc 1	18	T18	Bể nén bùn
7	T7	Bể sinh học MBBR	19	LRT	Lược rác tinh
8	T8	Bể sinh học hiếu khí	20	TGN	Tháp giải nhiệt
9	T9	Bể lắng sinh học	21	MTK	Máy thổi khí
10	T10	Bể trung gian	22	MNK	Máy nén khí
11	T11	Bể trộn bậc 2	23	MB	Máy nén bùn
12	T12	Bể phản ứng bậc 2	24	BHC	Bồn hóa chất

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRÍ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

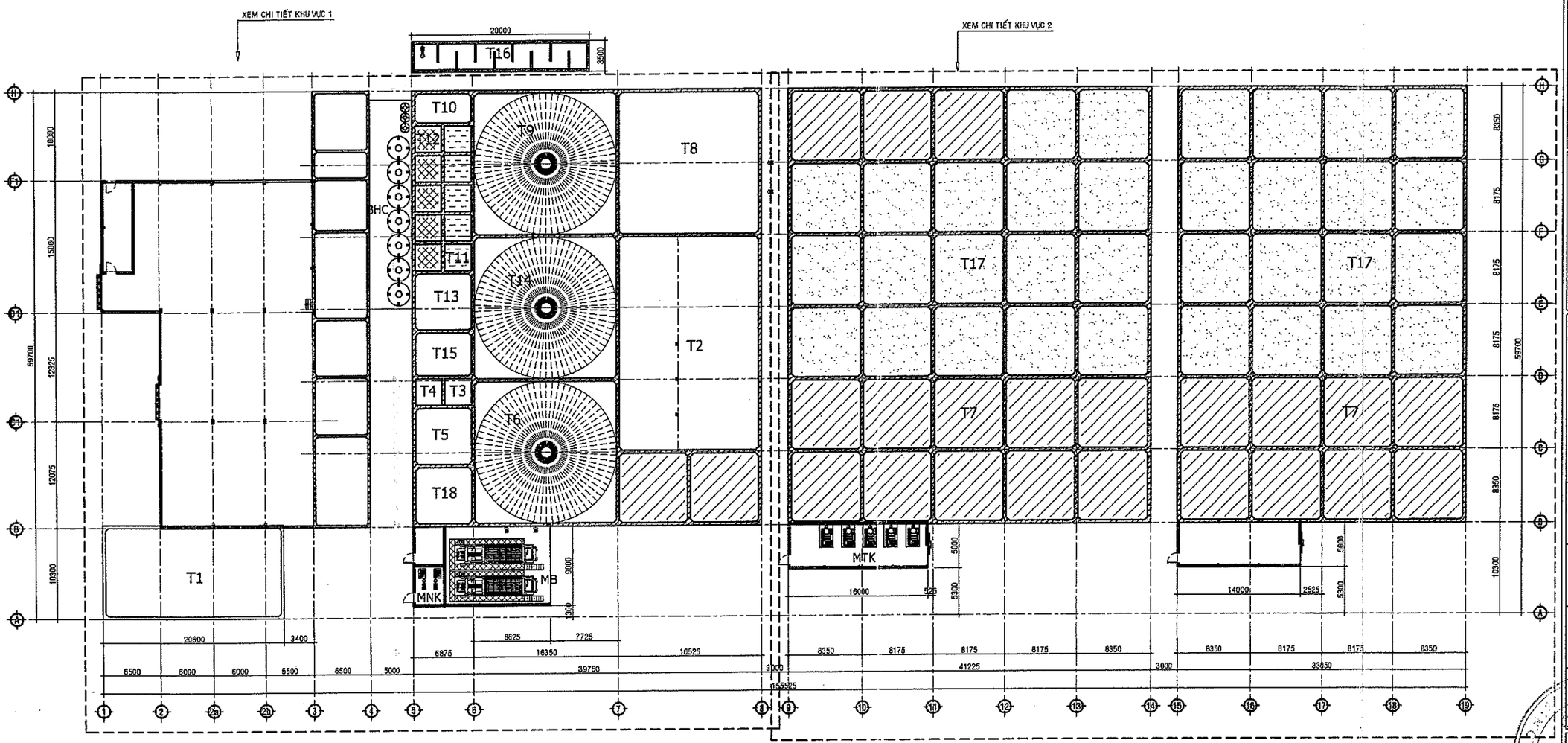
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ HOÀN CÔNG (As- Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MẶT BẰNG ĐÁY BỂ

KH BẢN VẼ-DRAWING NO: KT XLNT 02 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



MẶT BẰNG BỂ NƯỚC CAO ĐỘ +0.200

TỶ LỆ : 1/100

GHI CHÚ					
STT	Ki hiệu	Tên/Hạng mục	STT	Kí hiệu	Tên/Hạng mục
1	T1	Bể thu gom	13	T13	Bể tạo bông bậc 2
2	T2	Bể điều hòa	14	T14	Bể lắng hóa lý bậc 2
3	T3	Bể trộn bậc 1	15	T15	Hồ hoàn thiện
4	T4	Bể phản ứng bậc 1	16	T16	Bể khử trùng
5	T5	Bể tạo bông bậc 1	17	T17	Hồ sự cố
6	T6	Bể lắng hóa lý bậc 1	18	T18	Bể nén bùn
7	T7	Bể sinh học MBBR	19	LRT	Lược rác tinh
8	T8	Bể sinh học hiếu khí	20	TQN	Tháp giải nhiệt
9	T9	Bể lắng sinh học	21	MTK	Máy thổi khí
10	T10	Bể trung gian	22	MNK	Máy nén khí
11	T11	Bể trộn bậc 2	23	MB	Máy nén bùn
12	T12	Bể phản ứng bậc 2	24	BHC	Bồn hóa chất

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
CÔNG TY LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN HUYỆN LONG THÀNH- TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỰ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

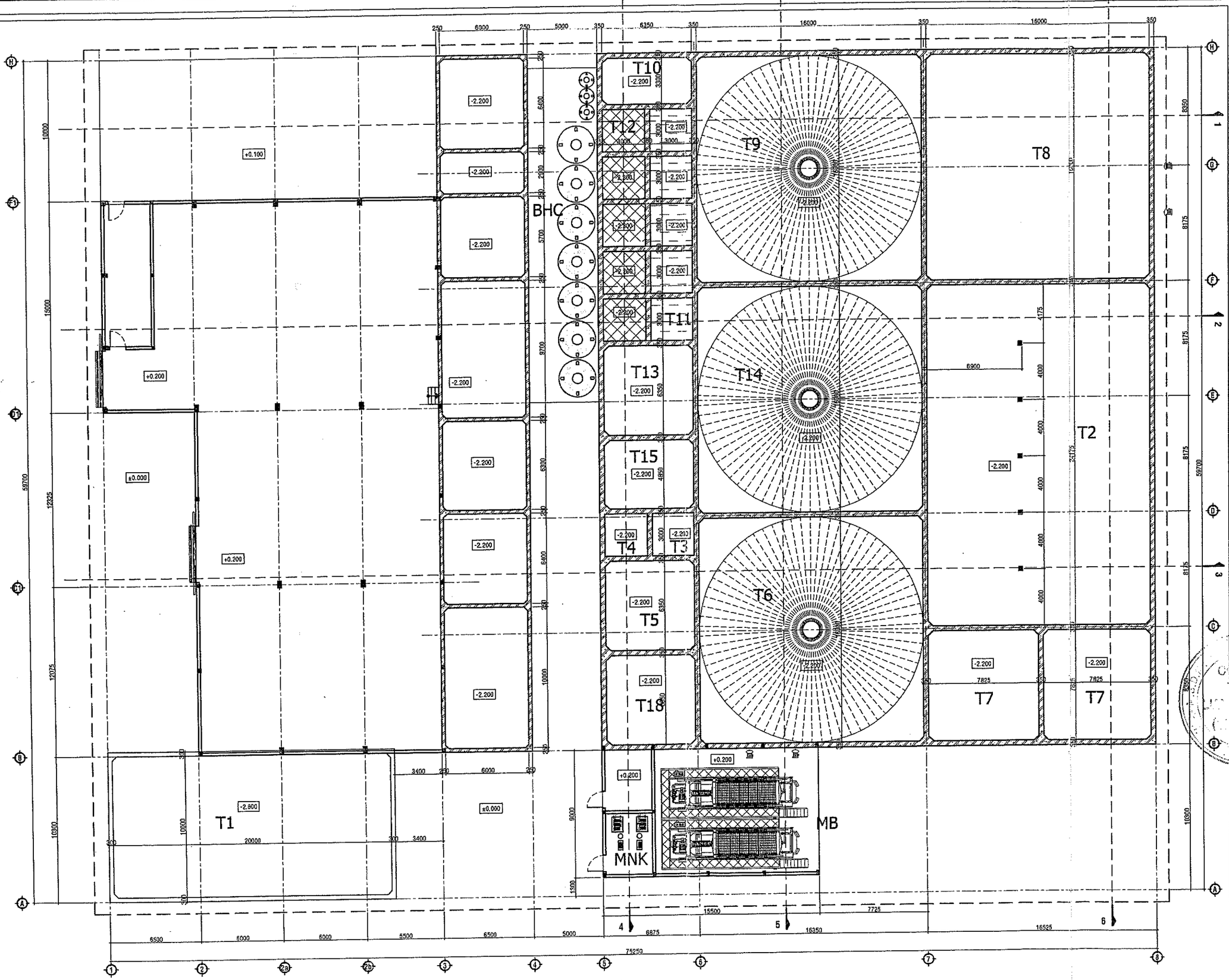
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☒ HOÀN CÔNG (As- Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MẶT BẰNG BỂ NƯỚC CAO ĐỘ +0.200

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-03 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



CHI TIẾT KHU VỰC 1 - CAO ĐỘ +0.200

TỶ LỆ : 1/50

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

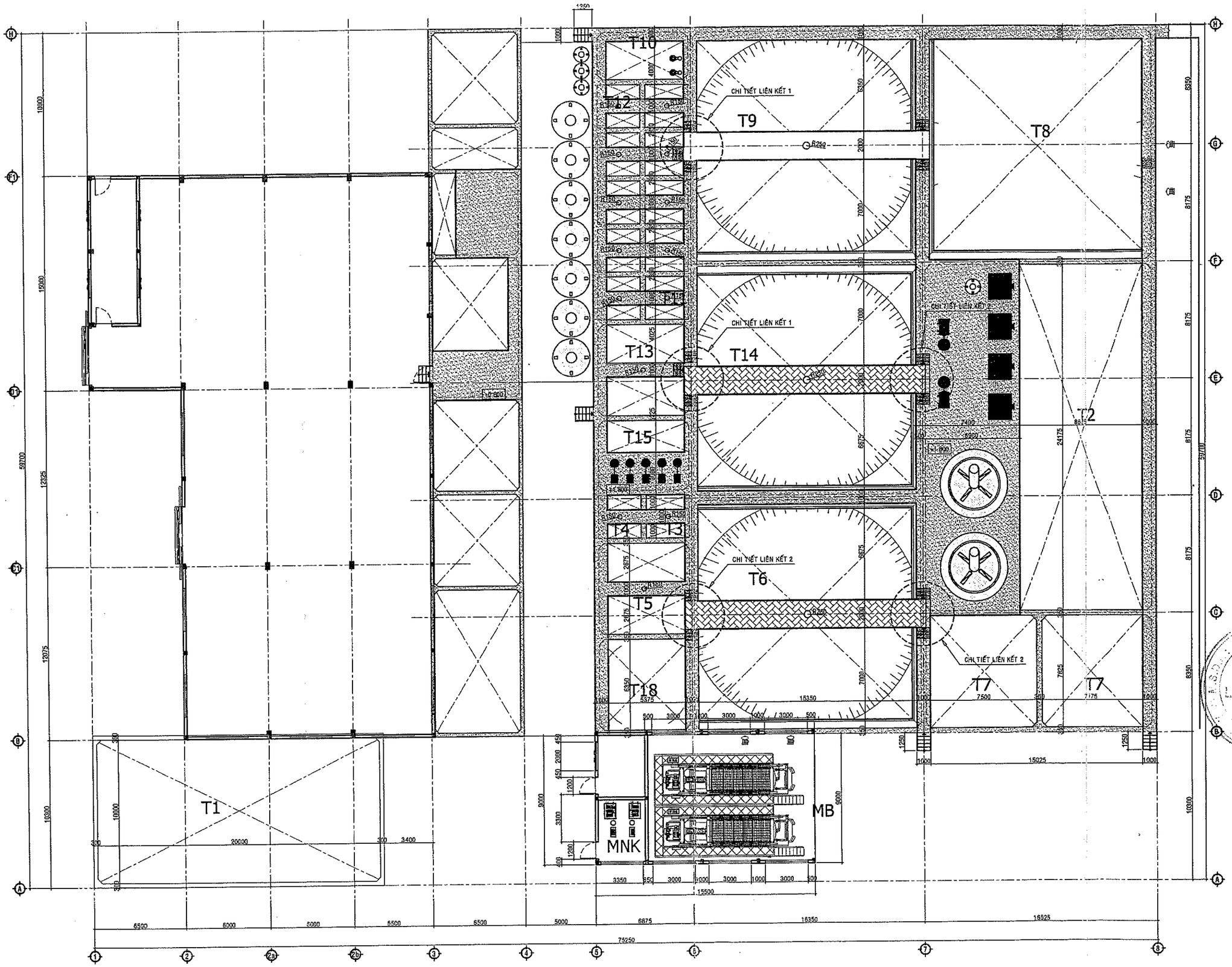
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☒ HOÀN CÔNG (As- Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
CHI TIẾT KHU VỰC 1 - CAO ĐỘ +0.200

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-05 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



CHI TIẾT KHU VỰC 1 - CAO ĐỘ +1.800

TỶ LỆ : 1/50

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. KÝ.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH- TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

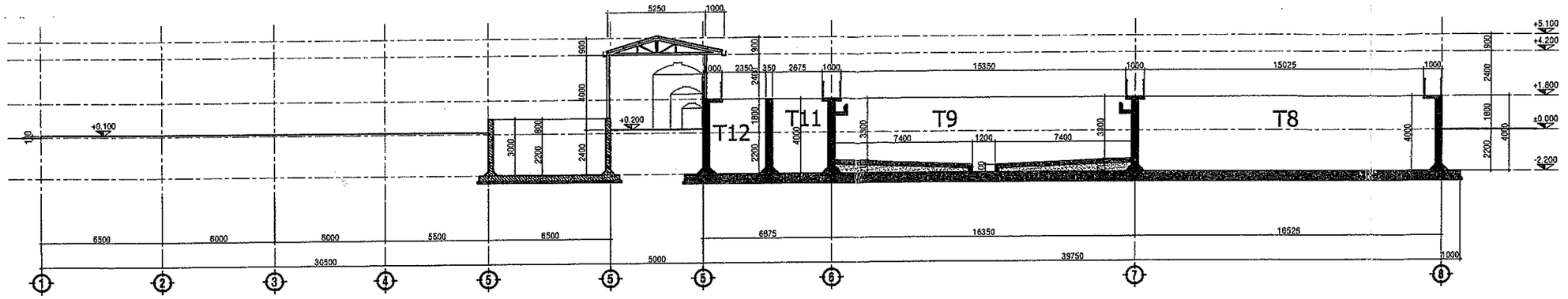
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ - THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ - THAM KHẢO (For consult)
- ☐ - THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ - THI CÔNG (For Construction)
- ☐ - TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ - HOÀN CÔNG (As- Built)

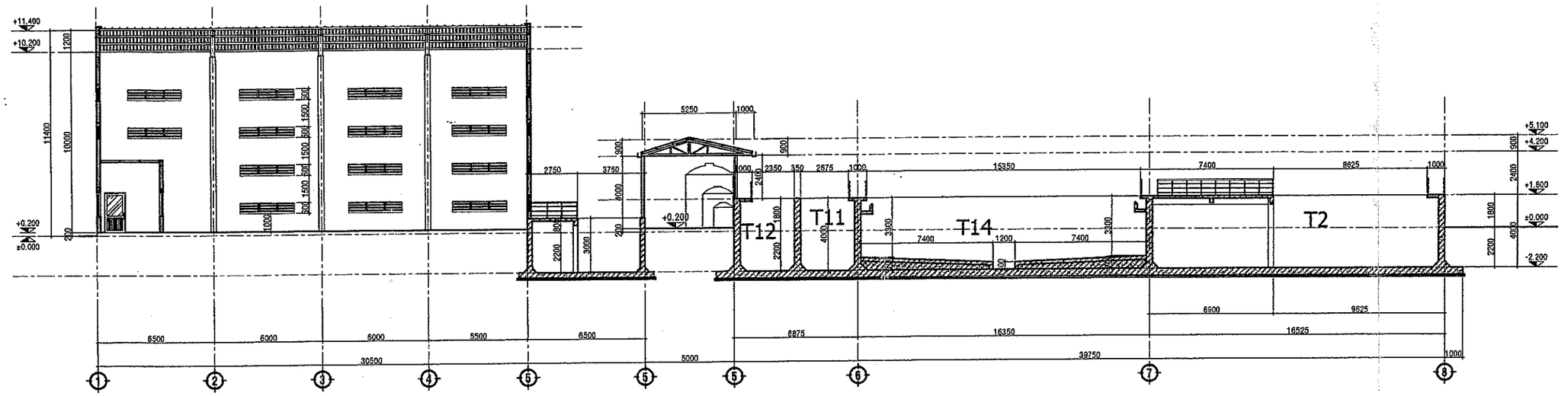
TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
CHI TIẾT KHU VỰC 1 - CAO ĐỘ +1.800

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-06 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

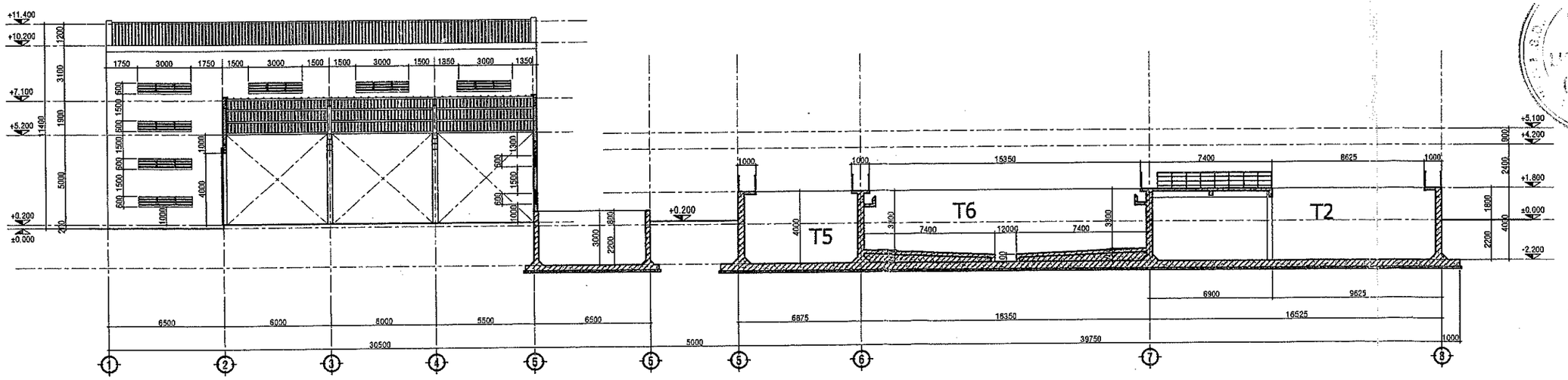
NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/50



MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/50



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/50

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

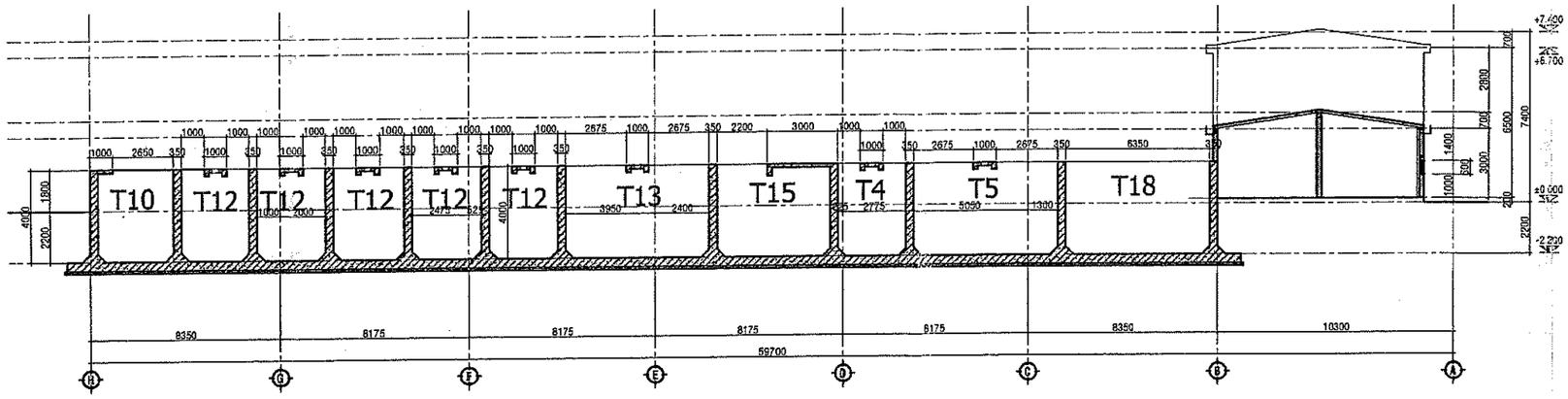
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ HOÀN CÔNG (As- Built)

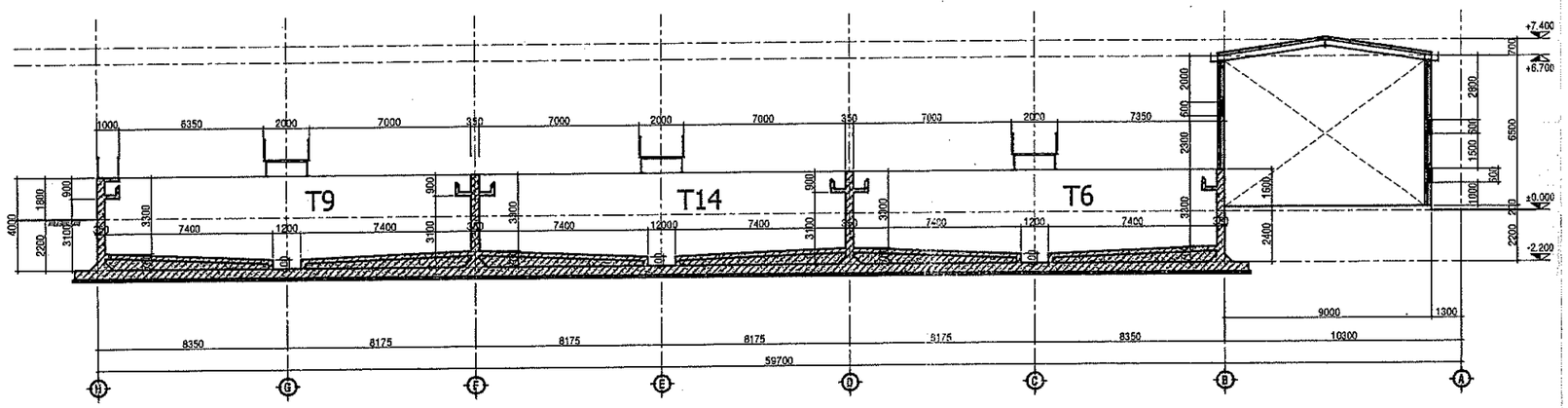
TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MẶT CẮT 1-1; 2-2; 3-3

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-07 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

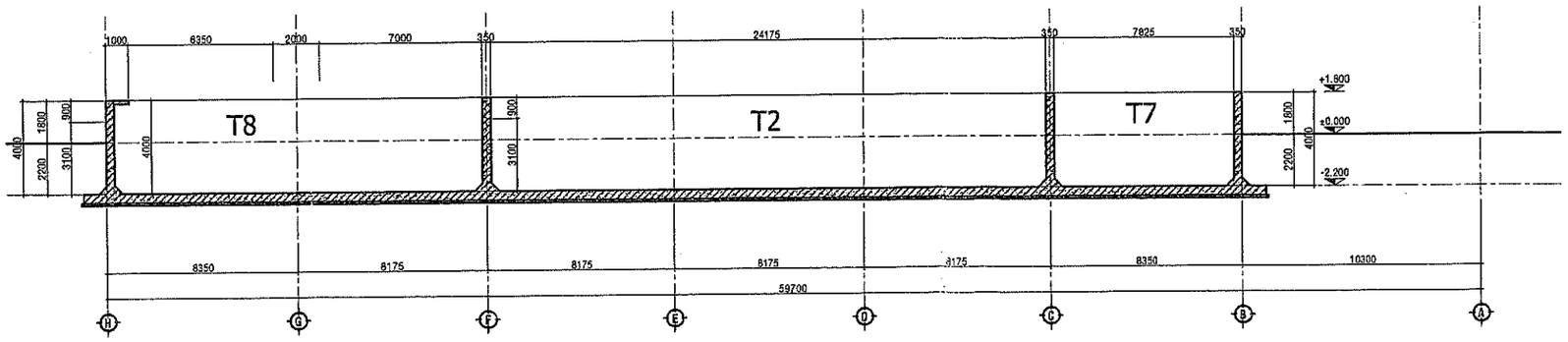
NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/50



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/50



MẶT CẮT 6-6
TỶ LỆ : 1/50

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH- TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ HOÀN CÔNG (As- Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MẶT CẮT 4-4; 5-5; 6-6

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-08 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



CHI TIẾT KHU VỰC 2 - CAO ĐỘ +0.200

TỶ LỆ : 1/50

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT

XIE YAH

ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY

KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY

KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER

KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

HẠNG MỤC - ITEM:

KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

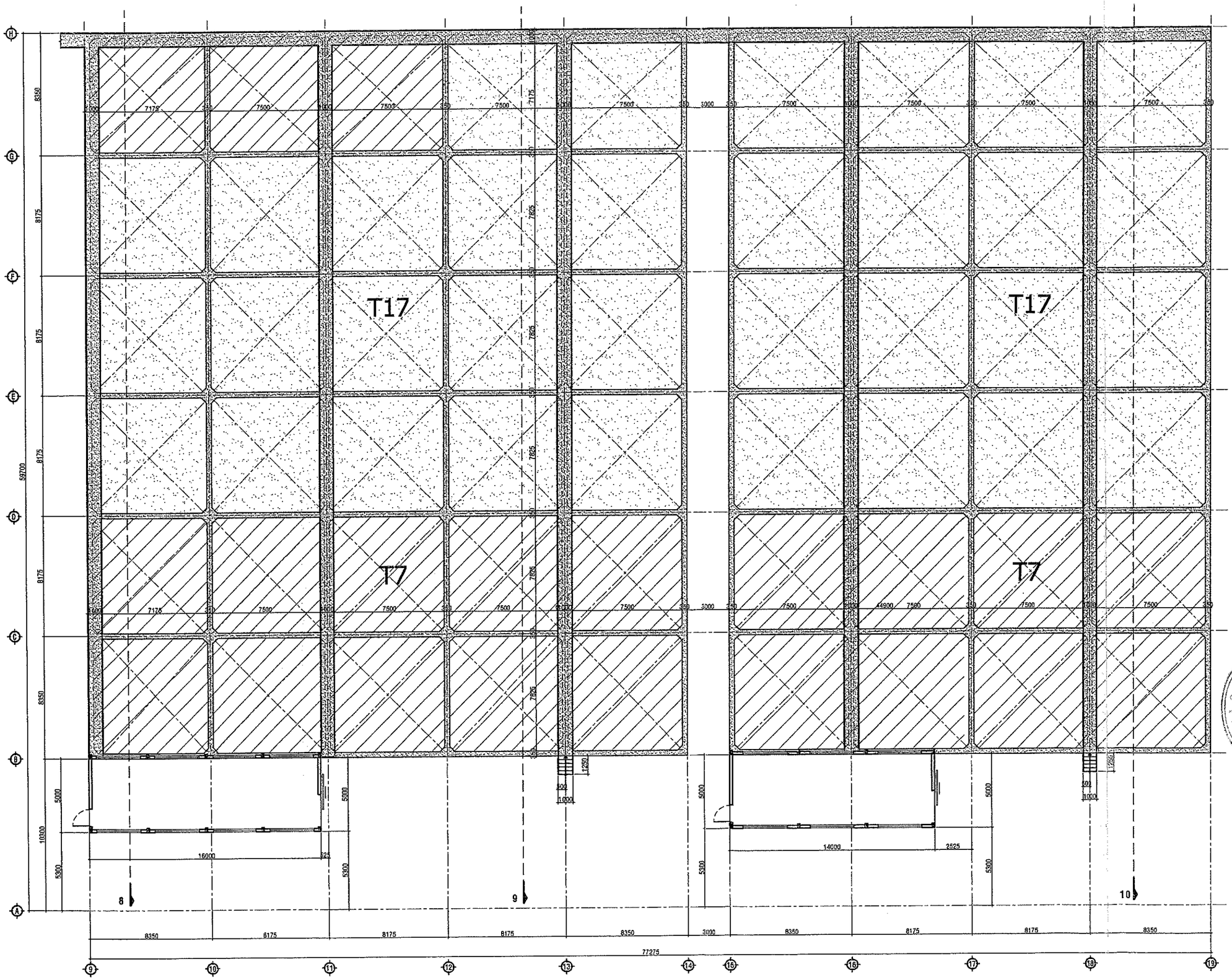
- ☐ - THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ - THẨM KHẢO (For consult)
- ☐ - THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permision)
- ☐ - THI CÔNG (For Construction)
- ☐ - TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ - HOÀN CÔNG (As- Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

CHI TIẾT KHU VỰC 2 - CAO ĐỘ +0.200

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-09	TỈ LỆ- SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



CHI TIẾT KHU VỰC 2 - CAO ĐỘ +1.800

TỶ LỆ : 1/50

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH- TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

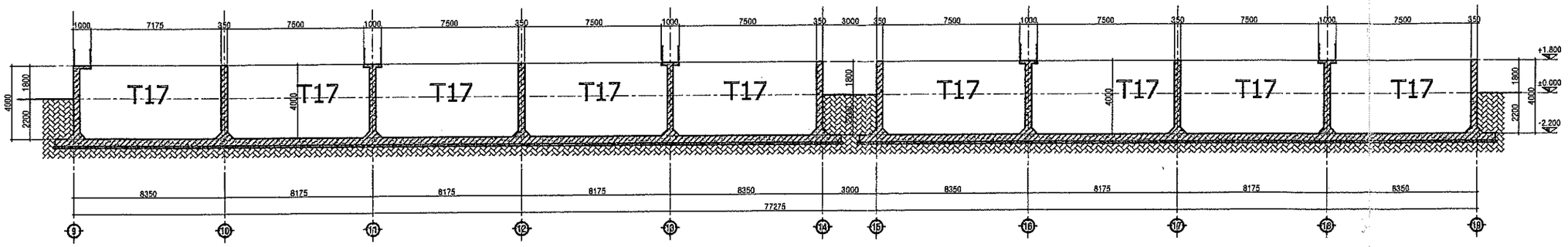
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ - THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ - THẨM KHẢO (For consult)
- ☐ - THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ - THI CÔNG (For Construction)
- ☐ - TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ - HOÀN CÔNG (As-Built)

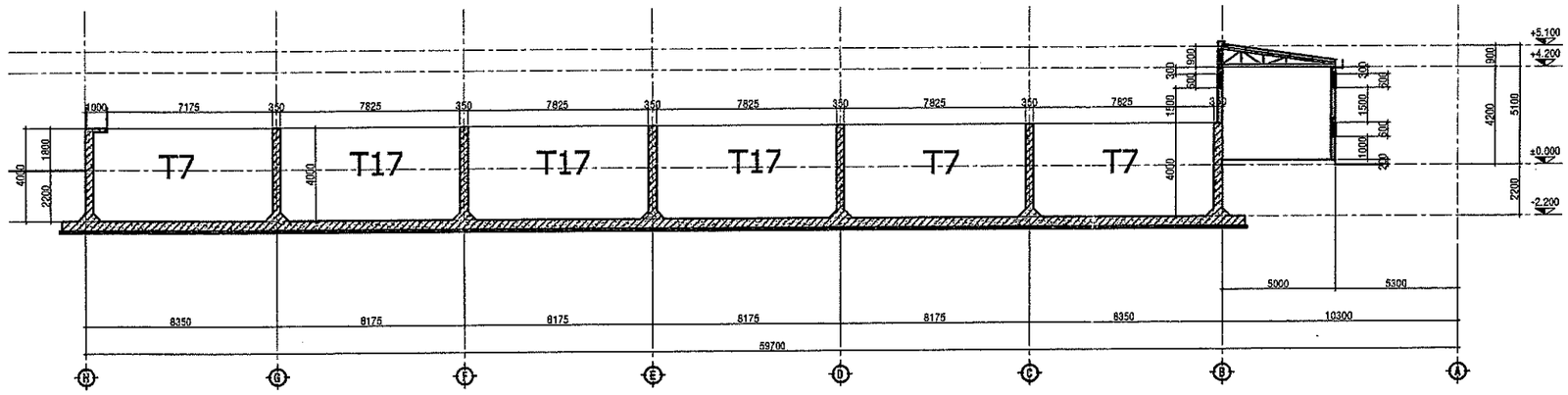
TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
CHI TIẾT KHU VỰC 2 - CAO ĐỘ +1.800

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-10 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

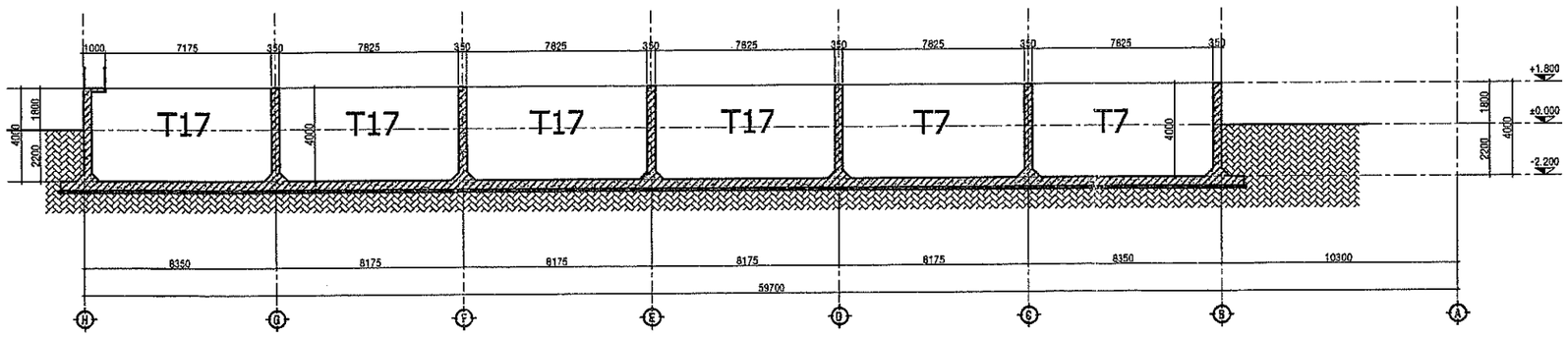
NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



MẶT CẮT 7-7
TỶ LỆ : 1/50



MẶT CẮT 8-8
TỶ LỆ : 1/50



MẶT CẮT 9-9, 10-10
TỶ LỆ : 1/50

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

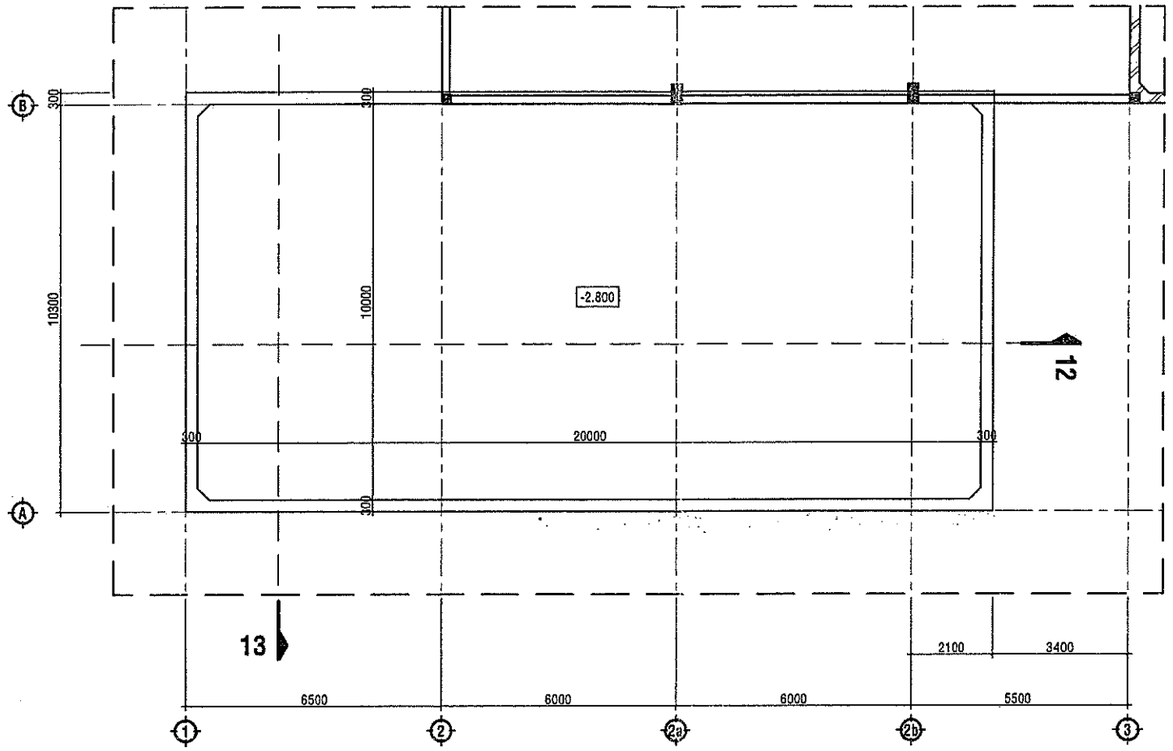
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ HOÀN CÔNG (As- Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MẶT CẮT 7-7; 8-8; 9-9; 10-10

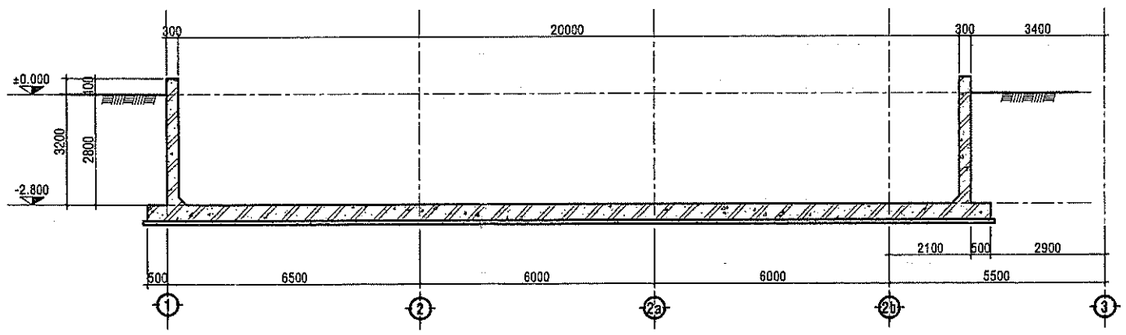
KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-11 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



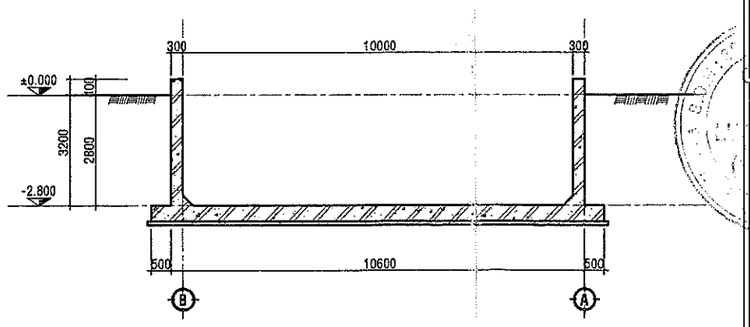
CHI TIẾT A

TỶ LỆ : 1/50



MẶT CẮT 12-12

TỶ LỆ : 1/50



MẶT CẮT 13-13

TỶ LỆ : 1/50

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH- TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRU

GÓNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

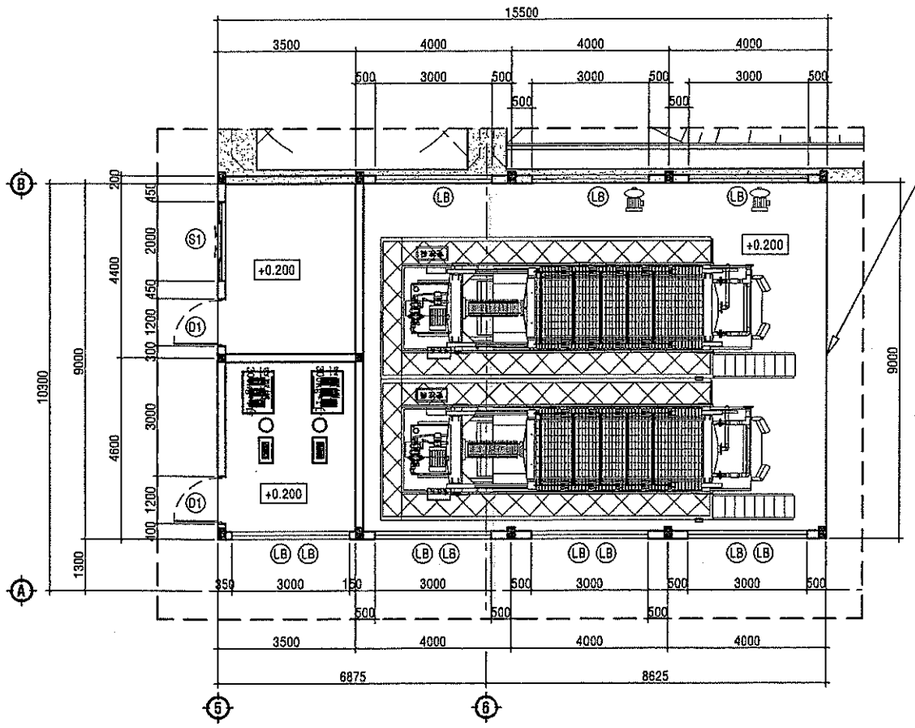
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ HOÀN CÔNG (As- Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
CHI TIẾT A

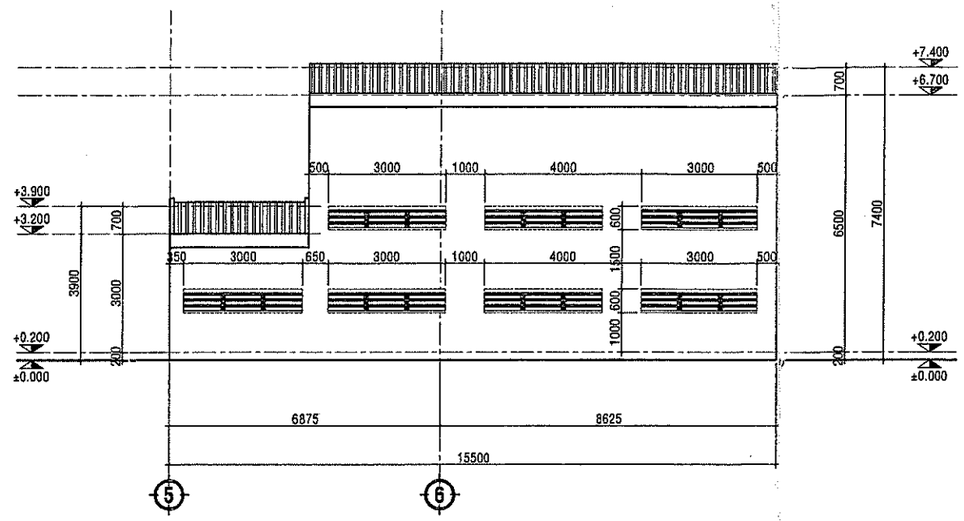
KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-12 | TỈ LỆ- SCALE: 1/50

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



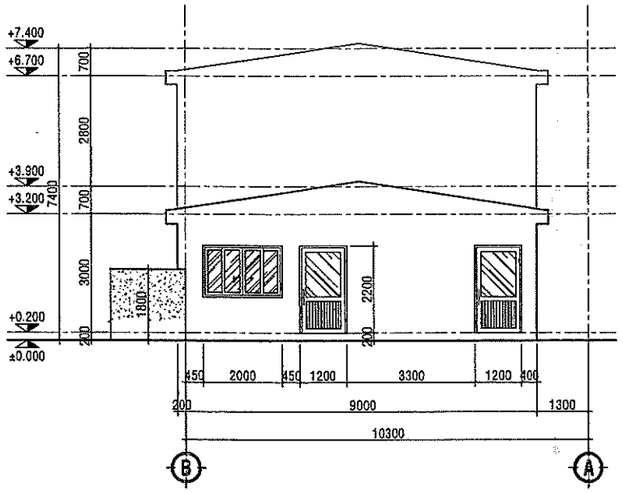
CHI TIẾT B

TỶ LỆ : 1/50



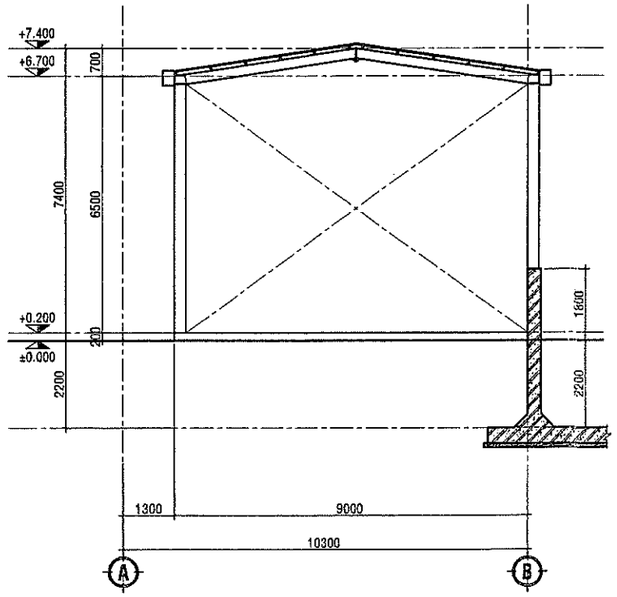
MẶT ĐỨNG TRỤC 5-6

TỶ LỆ : 1/50



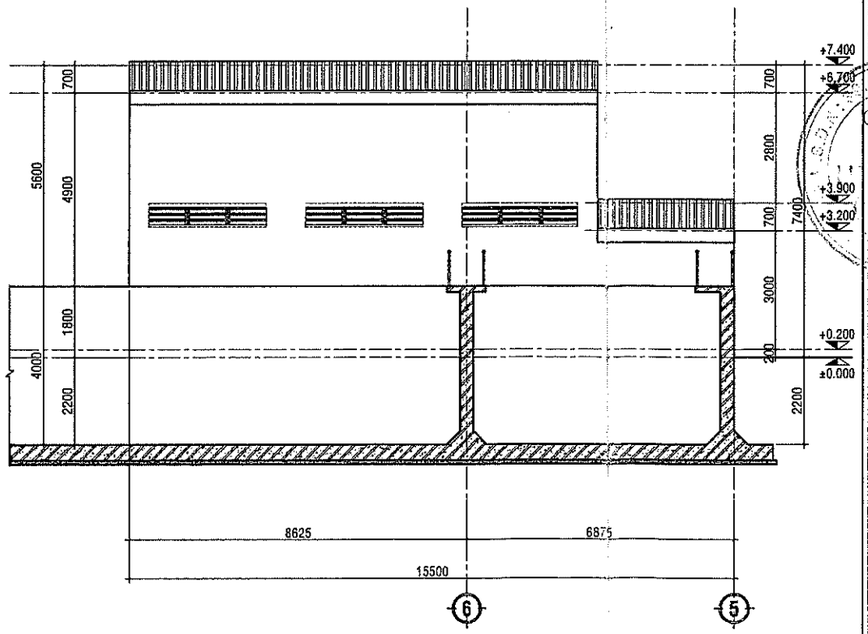
MẶT ĐỨNG TRỤC B-A

TỶ LỆ : 1/50



MẶT ĐỨNG TRỤC A-B

TỶ LỆ : 1/50



MẶT ĐỨNG TRỤC 6-5

TỶ LỆ : 1/50

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. KÝ.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

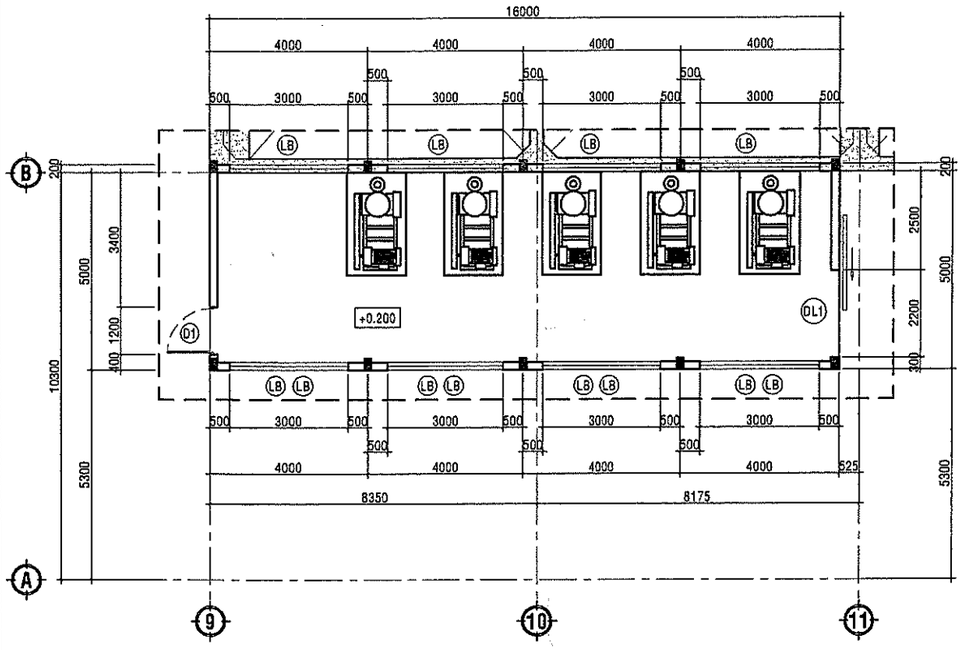
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ HOÀN CÔNG (As- Built)

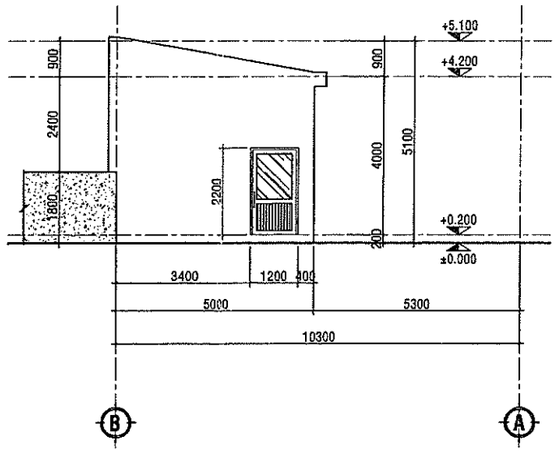
TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
CHI TIẾT B

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XI NT-13 | TỈ LỆ- SCALE: 1/50

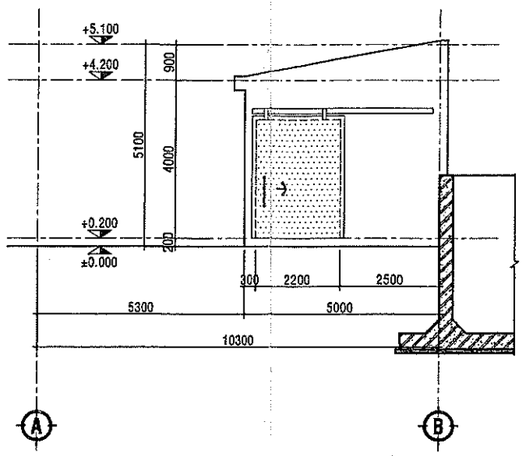
NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



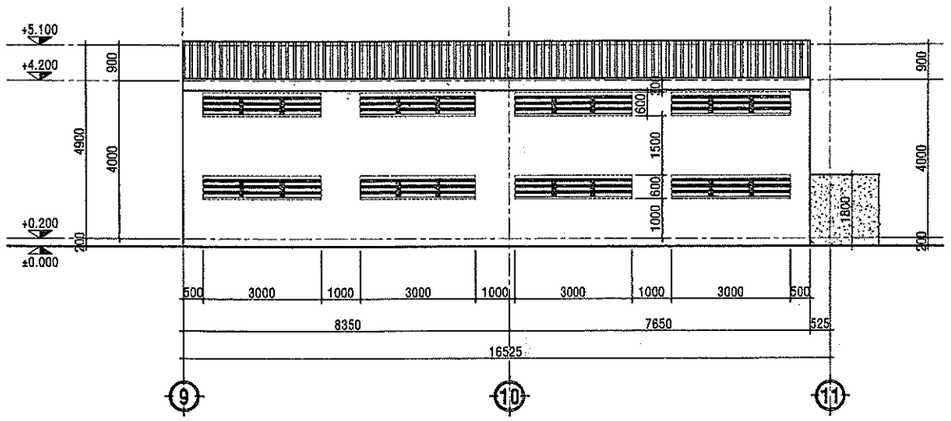
CHI TIẾT C
TỶ LỆ : 1/50



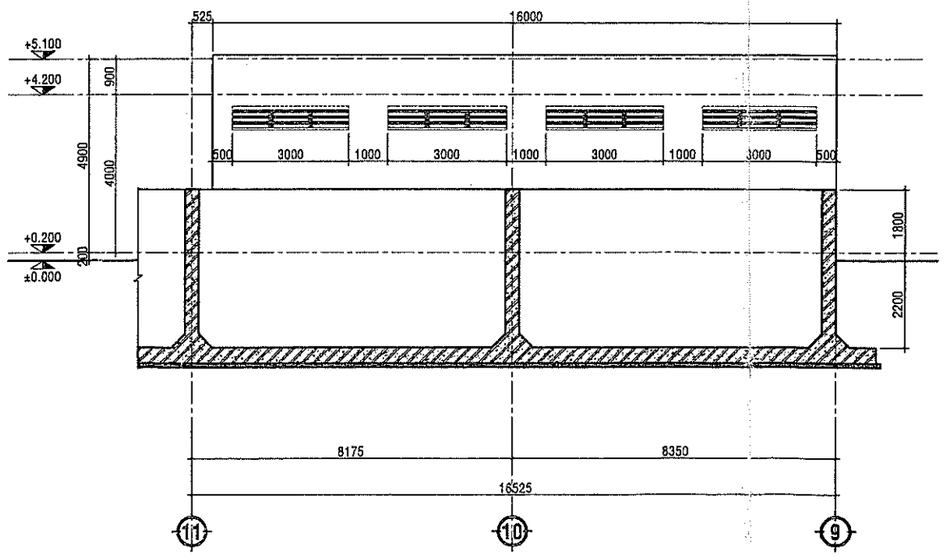
MẶT ĐỨNG TRỤC B-A
TỶ LỆ : 1/50



MẶT ĐỨNG TRỤC A-B
TỶ LỆ : 1/50



MẶT ĐỨNG TRỤC 9-11
TỶ LỆ : 1/50



MẶT ĐỨNG TRỤC 11-9
TỶ LỆ : 1/50

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAN
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH- TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

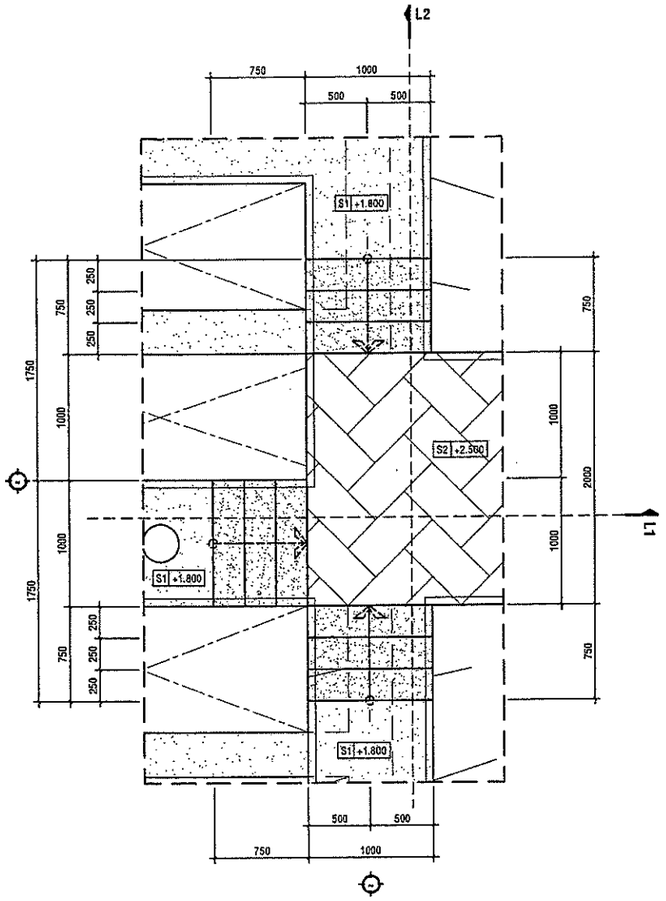
HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ HOÀN CÔNG (As-Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
CHI TIẾT C

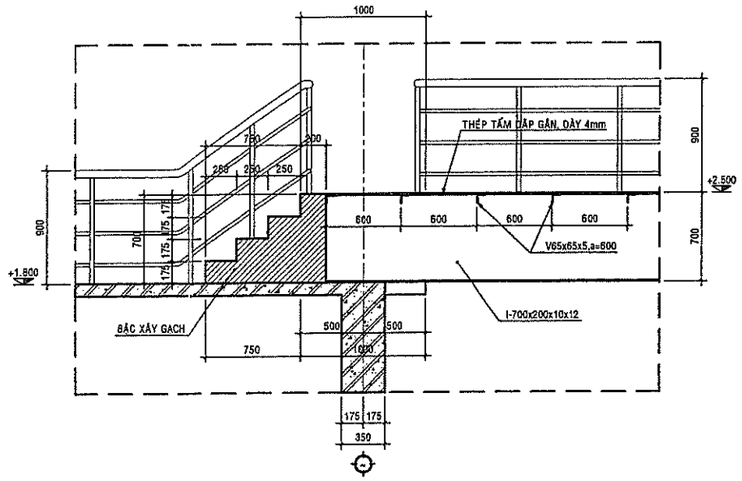
KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-14 | TỈ LỆ- SCALE: 1/50

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020



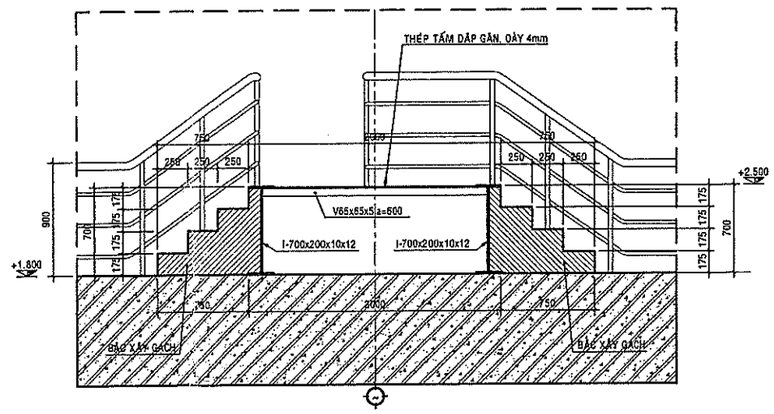
CHI TIẾT LIÊN KẾT 1

TỶ LỆ : 1/25



MẶT CẮT L1-L1

TỶ LỆ : 1/25



MẶT CẮT L2-L2

TỶ LỆ : 1/25

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT

XIE YAH

ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH- TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY

KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY

KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER

KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :

LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

HẠNG MỤC - ITEM:

KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):

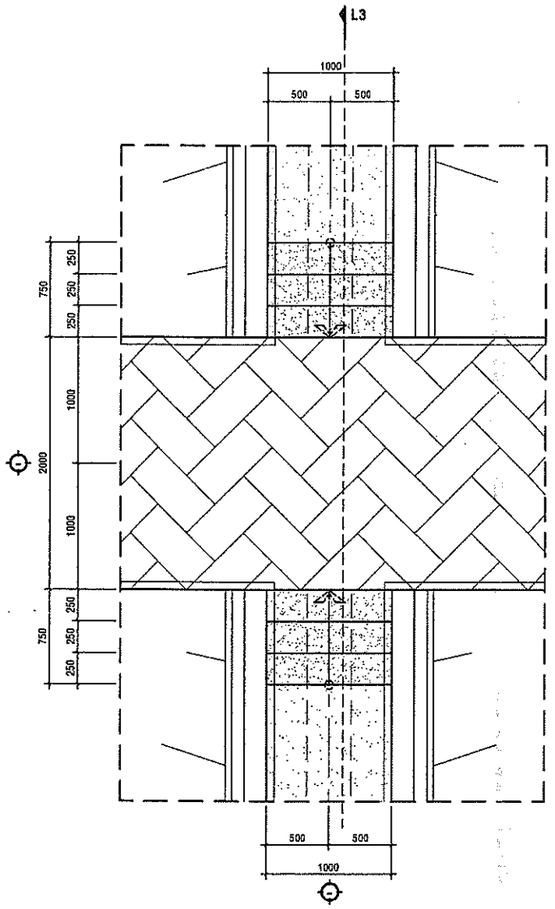
- ☐ - THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ - THAM KHẢO (For consult)
- ☐ - THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ - THI CÔNG (For Construction)
- ☐ - TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ - HOÀN CÔNG (As-Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :

CHI TIẾT LIÊN KẾT 1

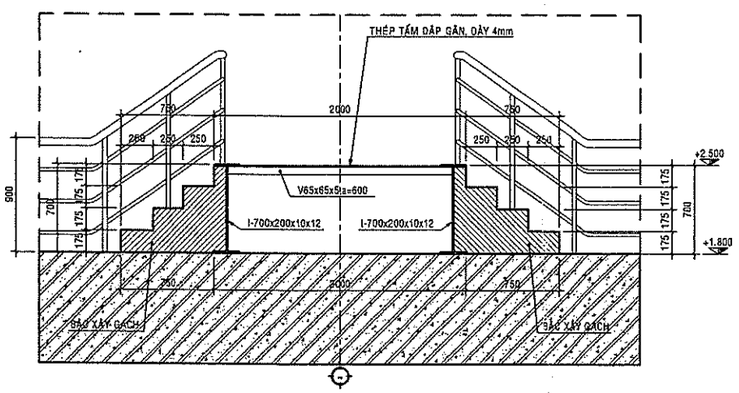
KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-15	TỈ LỆ- SCALE: 1/50

NG. HOÀN THÀNH- COMPLETION DATE : 03-2020



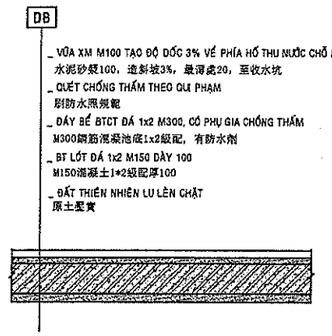
CHI TIẾT LIÊN KẾT 2

TỶ LỆ : 1/25

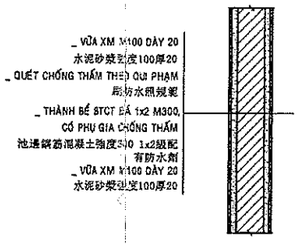


MẶT CẮT L3-L3

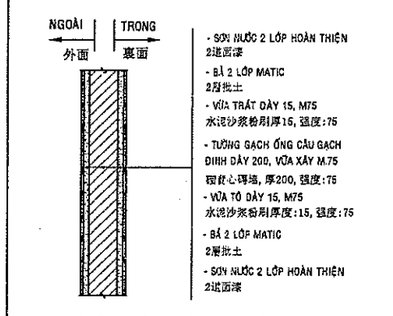
TỶ LỆ : 1/25



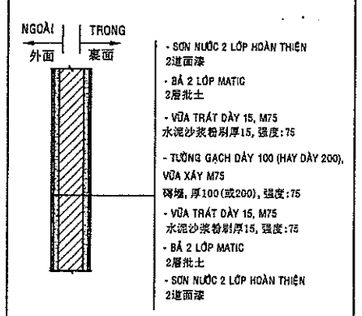
CẤU TẠO ĐÁY BỂ



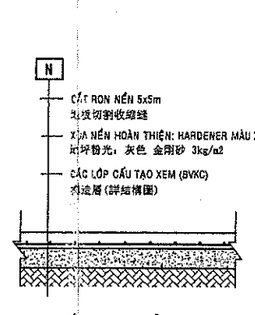
CẤU TẠO VÁCH BỂ



TƯỜNG NGOÀI



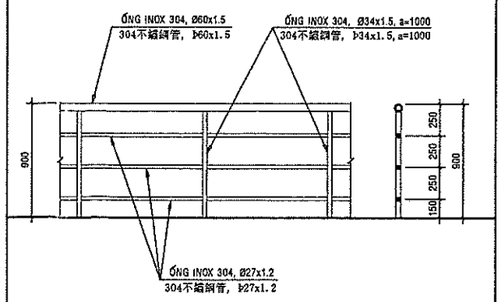
TƯỜNG TRONG



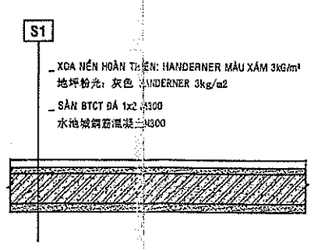
CẤU TẠO NỀN



CHI TIẾT MÁI



CHI TIẾT LAN CAN INOX



CHI TIẾT SÀN MÁY VÀ LỐI ĐI

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APPRV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR:
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG,
HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN
HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG,
HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THẨM KHẢO (For consult)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ HOÀN CÔNG (As- Built)

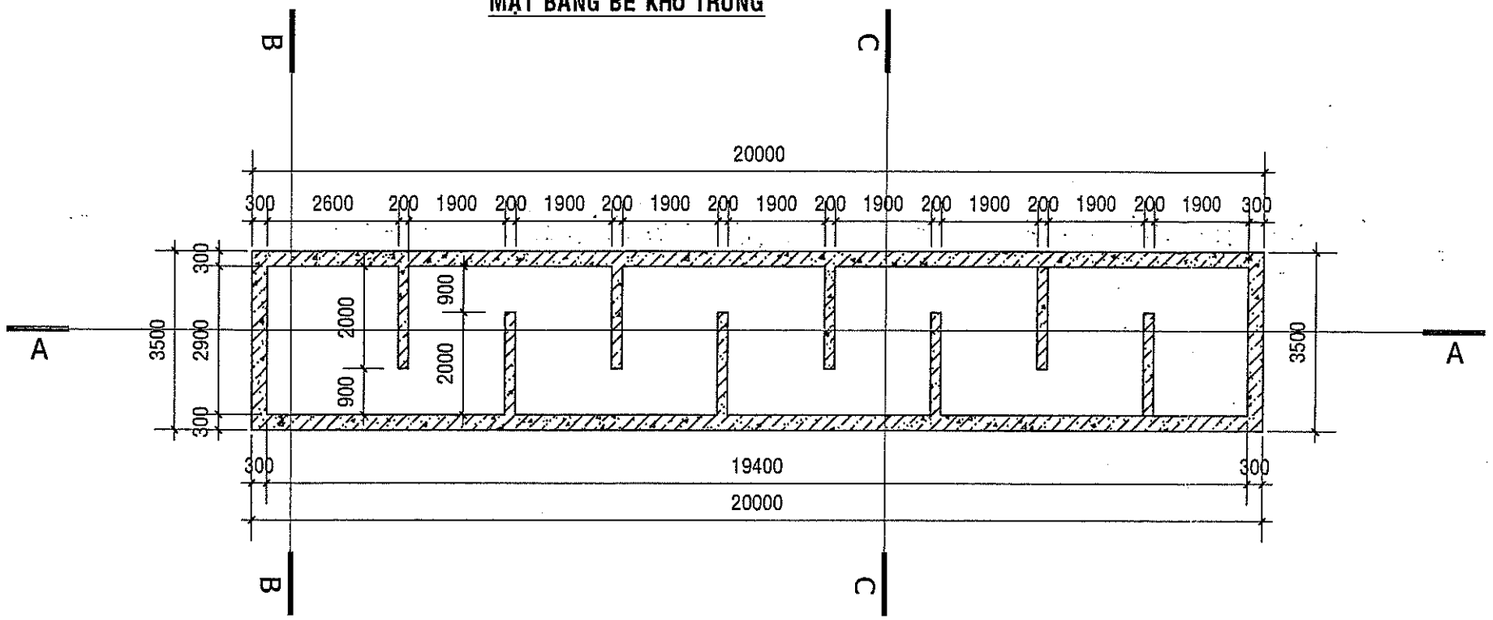
TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
CHI TIẾT LIÊN KẾT 2

KH-BẢN VẼ DRAWING NO: KT XLNT 16 | TỈ LỆ- SCALE: 1/50

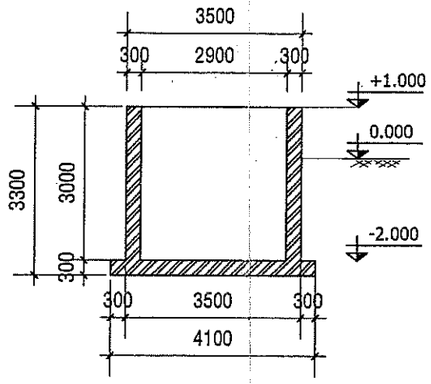
NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020

CHI TIẾT BỂ KHỬ TRÙNG

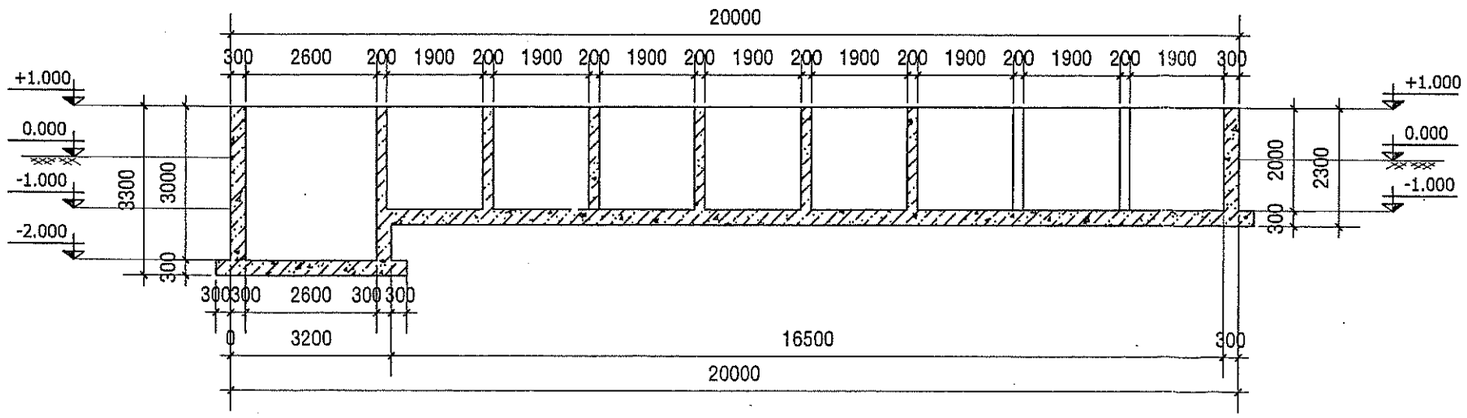
MẶT BẰNG BỂ KHỬ TRÙNG



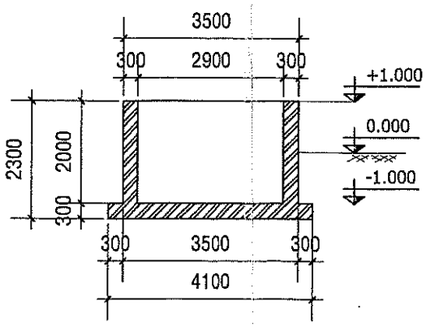
MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT C-C



THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV. H.CH	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAW. NG.VẼ	CHECK KIỂM	APP'NV. DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TMDV & CTMT
XIE YAH
ĐC : QUỐC LỘ 51 - XÃ LỘC AN - HUYỆN LONG THÀNH- TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRU

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

HẠNG MỤC - ITEM:
KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☒ HOÀN CÔNG (As-Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
CHI TIẾT BỂ KHỬ TRÙNG

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: KT-XLNT-17 | TỈ LỆ- SCALE. 1/50

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 03-2020

Mới

CÔNG AN TỈNH TÂY NINH
PHÒNG CS.PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

Số: 186 /TDPCCC-.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ....**Đơn**... ngày...01/...11/...2018..của:.....**Công ty TNHH LIAN-TA-HSING (Việt Nam)**.....

Người đại diện là ông/bà:.....**KAO, WEN-CHENG**.....Chức danh:.....**Tổng giám đốc**....

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

.....**Nhà máy dệt vải LIAN-TA-HSING (Việt Nam)** **(điều chỉnh thiết kế)**.....

Địa điểm xây dựng:...Đường N14, KCN Phước Đông, Phước Đông, Gò Dầu, Tây Ninh.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện:...Công ty TNHH LIAN-TA-HSING (Việt Nam).....

Đơn vị lập dự án/thiết kế:...Công ty TNHH TM DV XD Ức Phát + Công ty TNHH MTV Nguyên Vũ Corp.....

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

...Bậc chịu lửa; Lối thoát nạn; Giao thông và khoảng cách an toàn PCCC; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà; Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà; Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler; Hệ thống màn ngăn nước Drencher; Hệ thống chống sét.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Tây Ninh, ngày 06 tháng ...11... năm 2018

Nơi nhận:
- Công ty TNHH LIAN-TA-HSING (Việt Nam);
- Lưu Đội CS.PCCC&CNCH kv Bến Cầu – Gò Dầu.

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Nguyễn Văn To

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số: ..... TDPCCC-.....
Ngày ..... Tháng ..... Năm .....)

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1.	- Mặt bằng tổng thể	MBTT-01 – MBTT-02	
2.	- Xưởng phôi – phối vải	KT-XP-01 – KT-XP-17	
3.	- Xưởng nhuộm – định hình	KT-XN-01 – KT-XN-12	
4.	- Kho thành phẩm	KT-KTP-01 – KT-KTP-12	
5.	- Nhà kho hóa chất	KT-NK-01 – KT-NK-08	
6.	- Văn phòng	KT-VP-01 – KT-VP-16	
7.	- Nhà nghỉ giữa ca 1	KT-NN1-01 – KT-NN1-12	
8.	- Nhà nghỉ giữa ca 2	KT-NN2-01 – KT-NN2-12	
9.	- Nhà ăn	KT-NA-01 – KT-NA-10	
10.	- Nhà nồi hơi	KT-NH-01 – KT-NH-13	
11.	- Khu xử lý nước thải	KT-XLNT-01 – KT-XLNT-24	
12.	- Trạm điện 1	KT-TĐ1-01 – KT-TĐ1-06	
13.	- Trạm điện 2	KT-TĐ2-01 – KT-TĐ2-05	
14.	- Phòng máy nén khí	KT-MNK-01 – KT-MNK-05	
15.	- Nhà bảo vệ 1	KT-BV1-01 – KT-BV1-04	
16.	- Nhà bảo vệ 2	KT-BV2-01 – KT-BV2-04	
17.	- Nhà xe 2 bánh	KT-NX2B-01 – KT-NX2B-02	
18.	- Nhà xe hơi	KT-NX4B-01 – KT-NX4B-02	
19.	- Bể nước sạch	KC-BNS-01 – KC-BNS-02	
20.	- Khu phế thải	KT-KPT-01 – KT-KPT-03	
21.	- Bể sinh thái	KT-BST-01 – KT-BST-02	
22.	- Trạm bơm PCCC	KT-TB-01 – KT-TB-02	
23.	- Mái nối 1	KC-MN1-01 – KC-MN1-02	
24.	- Mái nối 2	KC-MN2-01– KC-MN2-02	
25.	- Mái nối 3	KC-MN3-01– KC-MN3-02	
26.	- Hệ thống báo cháy tự động	BVTK	
27.	- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà	BVTK	
28.	- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà	BVTK	
29.	- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler	BVTK	
30.	- Hệ thống màn ngăn nước Drencher	BVTK	
31.	- Hệ thống chống sét	BVTK	

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 03 tháng 06 năm 2020

BIÊN BẢN
KIỂM TRA CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Công trình: Công ty TNHH Lian Ta - Hsing KTY

2. Địa điểm: Đường N.15 KCN Phước Đông Xã Phước Đông H. Gò Dầu Tỉnh Tây Ninh

3. Thành phần kiểm tra gồm có:

a. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh:

+ Ông: Vương Trọng Nghĩa – Chức vụ : P.TP QH-XD

+ Ông: Đỗ Xuân Vinh – Chức vụ : CV

+ Ông: Lê Thị Mỹ Hiền – Chức vụ : CV

b. Đại diện chủ đầu tư : Công ty TNHH Lian Ta - Hsing (VN)

+ Ông (Bà): ..... – Chức vụ : .....

+ Ông (Bà): ..... – Chức vụ : .....

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH XD-TM Lộc Phát

+ Ông (Bà): Vũ Thị Thuy Vân – Chức vụ : ply cty

+ Ông (Bà): ..... – Chức vụ : .....

d. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: .....

+ Ông (Bà): ..... – Chức vụ : .....

+ Ông (Bà): ..... – Chức vụ : .....

e. Đại diện đơn vị Quản lý dự án: .....

+ Ông (Bà): ..... – Chức vụ : .....

+ Ông (Bà): ..... – Chức vụ : .....

f. Đại diện đơn vị mời tham gia phối hợp: Cty C.P ĐT Sài Gòn VRG

+ Ông (Bà): Võ Quang Trung – Chức vụ : BAH Cty

+ Ông (Bà): ..... – Chức vụ : .....

4. Thời gian kiểm tra:

Bắt đầu, lúc 13 giờ.....phút, ngày 03 tháng 06 năm 2020 tại Công ty TNHH Liên Tá Hồng (VN)

I/ Nội dung kiểm tra:

Căn cứ Thông báo số: 228/TB-BQLKKT ngày 18/05/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế về kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về xây dựng tại Khu công nghiệp Phước Đông, Khu công nghiệp Chà Là, Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát Đợt I năm 2020.

Tại thời điểm kiểm tra đoàn kiểm tra ghi nhận như sau:

1) Hồ sơ pháp lý

Giấy phép xây dựng số 17.016/GPXD ngày 20 tháng 9 năm 2017 do ban quản lý KKT Tây Ninh cấp

2) Hiện trạng công trình đang xây dựng

Theo giấy phép xây dựng, các hạng mục thay đổi tại đợt này với giấy phép:

Xưởng phôi; Xưởng phôi vải; Xưởng nhuộm 1 Xưởng dệt kim; nhà kho 1 bể nước ngầm (20m x 30m); kho thành phẩm; khu xử lý nước thải:

Hạng mục không xây dựng: máy nồi 1, máy nồi 2 máy nồi 3

Hạng mục phát sinh thuận so với giấy phép đã cấp: máy nồi 1 máy nồi 2 máy nồi 3; văn phòng; nhà nghỉ giữa ca 1;2; nhà ăn; trạm điện 1, 2, phòng báo cháy nhà nồi hơi, khu phế thải bể sinh thái, trạm bơm PCCC nhà vệ sinh, bể khử trùng phòng quan trắc 1 kênh đo lưu lượng..

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II/ Ý kiến của chủ đầu tư:

Thống nhất nội dung làm việc.....

.....

.....

.....

III/ Kết luận và kiến nghị:

Đề nghị chủ đầu tư và đơn vị Thi công thực hiện các nội dung sau:.....

1. Khẩn trương lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép Xây dựng trước khi đưa công trình vào sử dụng.....

2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công lập hồ sơ nghiệm thu công trình đối có quan chiếu năng lượng đạt theo quy định trước khi đưa công trình vào sử dụng (Theo Thông tư 26/2016/TT-BXD và Thông tư 04/2019/TT-BXD sửa đổi bổ sung thủ 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016

.....

.....

- Biên bản kết thúc vào lúc 14 giờ 00 phút cùng ngày và được lập thành 03 bản, đã đọc cho các thành viên tham gia nghe rõ cùng thống nhất đồng ý ký tên./.

Đại diện chủ đầu tư

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) M.S.D.N: 3901229591 - C.T.N.H.H - H.GÒ DẦU - T. TÂY NINH

người phiên dịch

Vũ Thị Thúy Vân

Đại diện Ban Quản lý
Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh

Đại diện: Công ty Đầu tư Xây dựng VRG

Võ Quang Trung.

Đại diện đơn vị thi công

CÔNG AN TỈNH TÂY NINH
PHÒNG CS.PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /PC07-CTPC
V/v nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Tây Ninh, ngày 08 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Lian - Ta - Hsing (Việt Nam).

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 120/TD-PCCC ngày 26/6/2017, số 118/TD-PCCC ngày 06/11/2018 và văn bản điều chỉnh thiết kế số 1083/PCCC&CNCH-CPTC ngày 21/8/2020 và 2087/PCCC&CNCH-CTPC, ngày 18/12/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Tây Ninh.

- Xét hồ sơ và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH Lian - Ta - Hsing (Việt Nam); Người đại diện là ông: Tsai Ying Nan; Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Căn cứ hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Lian - Ta - Hsing (Việt Nam);

- Căn cứ biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Tây Ninh lập ngày 07/01/2021;

- Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Tây Ninh chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH Lian - Ta - Hsing (Việt Nam) với các nội dung sau:

I. Thông tin chung về công trình:

1. Tên công trình: Nhà máy dệt vải Lian – Ta - Hsing.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Lian - Ta - Hsing (Việt Nam).

3. Địa điểm xây dựng: Đường N14, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Đơn vị thi công:

- Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH TM DV XD Ức Phát.

- Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH MTV Nguyên Vũ Corp.

II. Các nội dung nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

1. Bậc chịu lửa.
2. Lối thoát nạn.
3. Giao thông và khoảng cách an toàn PCCC.
4. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan.
5. Hệ thống báo cháy tự động.
6. Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà.
7. Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà.
8. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler.
9. Hệ thống màn ngăn Drencher.
10. Hệ thống chống sét.
11. Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn lối thoát nạn.
12. Phương tiện chữa cháy.

III. Quy mô công trình:

Xưởng phôi - phối vải diện tích 22.320m^2 (90m x 248m), 1 tầng, cao 7,2m – 11,1m; Xưởng nhuộm – định hình diện tích 14.400m^2 (90m x 160m), 1 tầng, cao 11,5m – 15,6m; Kho thành phẩm diện tích 7.200m^2 (80m x 90m), 1 tầng, cao 7,2m – 11,1m; Nhà kho hóa chất – dung môi diện tích 1.225m^2, 1 tầng, cao 6,2m – 9,2m; Văn phòng diện tích 961,2m^2 (27m x 35,6m), 2 tầng, cao 9,6m; Nhà nghỉ giữa ca 1 diện tích 335,12m^2 (14,2m x 23,6m), 2 tầng, cao 8,2m; Nhà nghỉ giữa ca 2 diện tích 335,12m^2 (14,2m x 23,6m), 2 tầng, cao 8,2m; Nhà ăn diện tích 525m^2 (15m x 35m), 1 tầng, cao 4,45m – 8,55m; Nhà nồi hơi diện tích 3.162m^2 (46,5m x 68m), 1 tầng, cao 13,2m – 15,6m; Khu xử lý nước thải diện tích 9.285m^2 (Trong đó có: Trạm xử lý nước diện tích 791m^2, 1 tầng, cao 5,5m – 11m; Trạm bơm 1 diện tích 80m^2, 1 tầng, cao 4m – 5,1m; Trạm bơm 2 diện tích 70m^2, 1 tầng, cao 4m – 5,1m; Trạm máy phát diện tích 139,5m^2, cao 3m – 7,4m); Trạm điện 1 diện tích 370m^2 (20m x 37m), 1 tầng, cao 6m; Trạm điện 2 diện tích 90m^2 (6m x 15m), 1 tầng, cao 6m; Phòng bảo trì 236m^2 (20m x 11,8m), 1 tầng, cao 4m – 5m; Nhà bảo vệ 1 diện tích 20m^2 (4m x 5m), 1 tầng, cao 3m – 4,85m; Nhà bảo vệ 2 diện tích 20m^2 (4m x 5m), 1 tầng, cao 3m – 4,85m; Nhà xe 2 bánh diện tích 1.040m^2 (13m x 80m), 1 tầng, cao 2,1m – 2,7m; Nhà xe 4 bánh diện tích 144m^2 (6m x 24m), 1 tầng, cao 4,05m; Bể nước sạch diện tích 1.500m^2; Bể khử trùng diện tích diện tích 52,5m^2; Mái nối 1 diện tích 2.168,25m^2 (15m x 144,55m), cao 6m – 8m; Mái nối 2 diện tích 126m^2 (8,4m x 15m), cao 6m – 8m; Mái nối 3 diện tích 720m^2 (8m x 90m), cao 6m – 8m; Khu phế thải diện tích 300m^2 (10m x 30m), 1 tầng, cao 3,2m – 4,7m; Bể sinh thái diện tích 100m^2 (10m x 10m); Trạm bơm PCCC diện tích 32m^2 (4m x 8m), 1 tầng, cao 3,2m – 3,8m; Phòng quan trắc và kênh đo lưu lượng diện tích 21m^2, 1 tầng, cao 3m – 3,8m; Nhà bấm thẻ diện tích 63m^2, 1 tầng, cao 3,15m – 4,85m.

IV. Một số yêu cầu kèm theo:

Để bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy cho công trình, hạng mục công trình trong suốt quá trình sử dụng theo tuổi thọ, đề nghị Công ty TNHH Lian - Ta -

Hsing (Việt Nam), đơn vị quản lý sử dụng và các đơn vị có liên quan thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sữa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH để thẩm duyệt theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Cục C07 - BCA;
- Lưu: PC07 (CTPC).

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Đức Trọng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SAIGON VRG

HỢP ĐỒNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 227 /2020/HĐ-SVI

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG – CHI NHÁNH TÂY NINH

Và

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số 227/2020/HĐ-SVI.

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015.

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014;

Căn cứ vào khả năng cung cấp và nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại Văn phòng Nhà điều hành Khu công nghiệp Phước Đông, chúng tôi gồm:

BÊN THUÊ XỬ LÝ (Bên A): CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 45-6 đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại : Fax:
- Mã số thuế : 3 9 0 1 2 2 9 5 9 1
- Người đại diện : **Ông TSAI YING NAN,** Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**

BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG – CHI NHÁNH TÂY NINH

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 15 đường ĐT 782, ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại : 0276.3888 666 Fax: 0276.3888 997
- Mã số thuế : 0 3 0 5 2 6 8 8 1 2 – 0 0 1
- Người đại diện : **Ông TRẦN MẠNH HÙNG** Chức vụ:

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng xử lý nước thải với những điều khoản cụ thể sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên B nhận xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt từ Bên A.

1.2 Bên B có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý nước thải của Bên A (Bên A được tự xây dựng hệ thống xử lý nước thải và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn doanh nghiệp xả thải trong Khu công nghiệp Phước Đông, tiêu chuẩn cụ thể được quy định trong phụ lục hợp đồng đính kèm).

1.3 Điểm đấu nối nước thải từ nhà máy Bên A đến hệ thống tiếp nhận phải phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật điểm đấu nối và hệ thống tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp.

1.4 Khối lượng nước thải dự kiến của công trình Bên A là: 4.000 m^3/ngày.

ĐIỀU 2. PHÍ XỬ LÝ, KHỐI LƯỢNG TÍNH PHÍ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

2.1 Phí xử lý nước thải (chưa bao gồm VAT): 2.322 VNĐ/m3 (tương đương 0,1 USD/m^3).

Chu kỳ điều chỉnh giá của KCN Phước Đông được thực hiện mỗi 03 (ba) năm một lần, mỗi lần điều chỉnh không vượt quá mười lăm phần trăm (15%).

Tỷ giá tại ngày ký Hợp đồng này là: 23.220 VNĐ/USD.

2.2 Khối lượng tính phí: Lượng nước thải được tính toán bằng 80% tổng lượng nước sử dụng thực tế hàng tháng của Bên A.

Hàng tháng, căn cứ vào lượng nước sử dụng thực tế của Bên A theo các kỳ ghi chỉ số tương ứng, Bên B sẽ phát hành giấy báo thanh toán chi phí xử lý nước thải cho Bên A, phương thức thanh toán bằng tiền mặt hay chuyển khoản.

2.3 Thanh toán

a. Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày Bên B phát hành Giấy báo thanh toán cho Bên A, Bên A có trách nhiệm thanh toán một lần cho Bên B. Trường hợp chậm từ tám (08) ngày đến mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra thông báo, thì Bên A sẽ phải trả tiền lãi trên khoản tiền trả chậm cho Bên B. Lãi suất của khoản tiền trả chậm là lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM tại thời điểm thanh toán.

b. Các khoản thanh toán sẽ được điều chỉnh tại mỗi đợt thanh toán nếu tỷ giá bán ra của VNĐ/USD của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hồ Chí Minh (VCB – HCM) công bố vào ngày thanh toán có chênh lệch tăng hoặc giảm so với tỷ giá tại ngày ký Hợp đồng này. Giá trị phải thanh toán được điều chỉnh vào ngày thanh toán được xác định cụ thể là bằng giá trị thanh toán của các khoản phải thanh toán chia cho Tỷ giá vào ngày ký Hợp đồng này và nhân với Tỷ giá bán ra của VNĐ/USD tại ngày thanh toán do VCB – HCM công bố.

c. Nếu quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bên B phát hành giấy báo, mà Bên A chưa thanh toán thì Bên B sẽ ngừng tiếp nhận nước thải của Bên A và sẽ không chịu bất

cứ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên A, đến khi Bên A trả hết khoản phí chưa thanh toán.

d. Bên A chuyển tiền thanh toán cho Bên B theo thông tin tài khoản sau đây:

Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG

Số tài khoản (VNĐ): 117000062814

Tại Ngân hàng: Vietinbank – Đông Sài Gòn, Tp.HCM.

2.4 Nếu nhà nước Việt Nam có quy định, nước thải đạt chuẩn A (k_q=0,9; k_f=0,9) khi xả thải phải đóng phí bảo vệ môi trường và các chi phí có liên quan đến việc xả thải ra ngoài môi trường thì bên A sẽ chấp hành theo quy định của Nhà nước, Bên B không được thu thêm bất kỳ các khoản phí nào khác ngoài qui định.

ĐIỀU 3. ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI

3.1 Bên A cam kết có biện pháp và chịu trách nhiệm về kiểm soát tính chất nước thải khi thải ra hệ thống Khu công nghiệp phải phù hợp với tiêu chuẩn được quy định trong phụ lục Hợp đồng này (gọi tắt là Quy định xả thải).

3.2 Nếu chất lượng nước thải của Bên A xả vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp không đúng với Quy định xả thải thì Bên A phải ngừng xả thải đồng thời có biện pháp khắc phục ngay khi nhận được Thông báo của Bên B.

3.3 Nếu Bên A không ngừng xả thải và không có biện pháp khắc phục như Điều 3.2 thì Bên B có quyền ngừng tiếp nhận nước thải, ngừng cung cấp nước sạch, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật. Đồng thời Bên A có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Bên B.

3.4 Khi vi phạm các quy định tại khoản 3.1, 3.2, 3.3 Điều này, Bên A phải trả cho Bên B chi phí xử lý nước thải vượt chuẩn theo quy định trước khi Bên B xả thải ra môi trường và bồi thường thiệt hại mà Bên A gây ra (nếu có). Mức bồi thường căn cứ vào kết quả xác định thiệt hại thực tế tại thời điểm xảy ra có sự xác nhận của hai Bên.

3.5 Bên B chỉ tiếp nhận nước thải của Bên A khi hệ thống thoát nước thải từ Nhà máy Bên A được đấu nối đúng vị trí vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đã được xác định trong Biên bản thỏa thuận vị trí đấu nối thoát nước thải.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

4.1 Bên A có nghĩa vụ

a. Thực hiện các cam kết ghi trong Hợp đồng thuê đất và Hợp đồng này;

b. Thanh toán đủ phí xử lý nước thải theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này;

c. Tách riêng hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa. Đảm bảo hệ thống thu gom nước thải phải kín, không để nước mưa chảy tràn hoặc lẫn vào trong hệ thống thu gom nước thải và ngược lại;

d. Trong trường hợp các thông số nước thải tại hố ga đấu nối của KCN không phù hợp các Quy định xả thải (tiêu chuẩn cụ thể trong phụ lục hợp đồng), Bên A có trách nhiệm xử lý kịp thời để không gây ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp;

e. Xây dựng hệ thống quan trắc tự động nhằm đảm bảo kiểm soát chất lượng nước thải trước khi thải vào hệ thống Khu công nghiệp và truyền dữ liệu về Ban điều hành Khu công nghiệp.

4.2 Bên A có quyền

a. Yêu cầu Bên B đảm bảo hệ thống đấu nối, hệ thống xử lý nước thải, hồ sinh thái trong khu và hệ thống đường ống, kênh liên quan thuộc cơ sở hạ tầng thiết bị xử lý, thoát nước hoạt động liên tục;

b. Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ thanh toán chi phí xử lý nước thải.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

5.1 Bên B có quyền

a. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các chỉ tiêu nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Phước Đông. Nếu qua kiểm tra phát hiện nước thải không đạt tiêu chuẩn, Bên A phải trả chi phí kiểm tra xét nghiệm và bồi thường các thiệt hại gây ra, mức bồi thường được xác định căn cứ vào kết quả xác định thiệt hại thực tế tại thời điểm xảy ra có xác nhận của hai Bên;

b. Vào khu vực quản lý của Bên A để kiểm tra đường ống đấu nối nước thải mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, ngoại trừ các trường hợp khẩn cấp;

c. Nhắc nhở Bên A khắc phục trong thời gian theo thông báo của Bên B khi nước thải của Bên A có nồng độ vượt quá Quy định, gây ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của Nhà máy xử lý nước thải KCN Phước Đông. Nếu Bên A từ chối hoặc không kịp thời khắc phục, Bên B có quyền tạm thời đóng van đấu nối nước thải, đến khi Bên A khắc phục xong. Trong trường hợp Bên A gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho Khu công nghiệp, Bên B sẽ tiến hành cắt điện, nước cho đến khi Bên A khắc phục và bồi thường thiệt hại gây ra, mức bồi thường được xác định căn cứ vào kết quả xác định thiệt hại thực tế tại thời điểm xảy ra có xác nhận của hai Bên.

5.2 Bên B có nghĩa vụ.

a. Chịu trách nhiệm thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất và sinh hoạt của Bên A;

b. Cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ thanh toán phí xử lý nước thải cho Bên A;

c. Đảm bảo cơ sở hạ tầng, thiết bị xử lý, thoát nước của hệ thống đấu nối, hệ thống xử lý và thoát nước thải hoạt động liên tục, đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải thực tế của Bên A;

d. Phát hành Giấy báo thanh toán cho Bên A và đảm bảo tính đủ lượng nước phải xử lý của Bên A.

ĐIỀU 6. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

Thời hạn của Hợp đồng này tính từ ngày biên bản nghiệm thu nước thải Bên A thải vào hệ thống tiếp nhận nước thải của Bên B đến hết thời hạn của Hợp đồng thuê đất.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KIỆN SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG

7.1 Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai Bên yêu cầu sửa đổi hay bổ sung nội dung đã ký thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia, hai Bên thương lượng quyết định.

7.2 Bên thuê xử lý của Hợp đồng này và Bên thuê đất trong Hợp đồng thuê đất là một, nếu Bên thuê đất trong Hợp đồng thuê đất có thay đổi chủ thể, thì Bên thuê xử lý của Hợp đồng này sẽ tự động thay đổi tương ứng, quyền lợi và nghĩa vụ của Hợp đồng được chuyển nhượng; nếu cần thiết, Bên B đồng ý ký lại hợp đồng mới với chủ thể pháp nhân mới.

ĐIỀU 8. ĐIỀU KIỆN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

8.1 Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

a. Khi hết thời hạn như quy định tại Điều 6.

b. Hai Bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

Trừ các trường hợp nêu trên, Hợp đồng không được chấm dứt.

8.2 Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên B các khoản chi phí xử lý chưa thanh toán, và Bên A tự chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

9.1 Hợp đồng này được vận dụng theo Luật pháp Việt Nam. Hai Bên đảm bảo thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong Hợp đồng. Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, bất kỳ bên nào vi phạm Hợp đồng hoặc xảy ra vấn đề, hai Bên thương lượng giải quyết trên nguyên tắc bình đẳng, hai Bên cùng có lợi. Nếu hai Bên không thể tự giải quyết, hai Bên đều có quyền đưa sự việc lên trung tâm trọng tài quốc tế Singapore, quyết định của trung tâm này là quyết định cuối cùng.

9.2 Trong thời gian tranh chấp, Bên B vẫn tiếp tục cung cấp dịch vụ xử lý nước thải, Bên A vẫn phải thanh toán hóa đơn xử lý nước thải cho Bên B.

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

10.1 Hai Bên cam kết thực hiện đúng các khoản thỏa thuận ghi trong Hợp đồng trên tinh thần hiểu biết và hợp tác.

10.2 Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà không quy định cụ thể trong Hợp đồng, do hai Bên thương lượng giải quyết, thương lượng không thành sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

10.3 Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

10.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN A	BÊN B
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)	**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU SÀI GÒN VRG - CN TÂY NINH**
TSAI YING NAN	**TRẦN MẠNH HÙNG**

TIÊU CHUẨN XẢ THẢI ĐỐI VỚI NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) TẠI KCN PHƯỚC ĐÔNG (QCVN 40, CỘT A, HỆ SỐ K_q=0,9; K_f=0,9)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C
			A
1	Nhiệt độ	oC	40
2	Màu	Pt/Co	40,5
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	24,3
5	COD	mg/l	60,75
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5
7	Asen	mg/l	0,04
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,04
11	Crom (VI)	mg/l	0,04
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	0,81
18	Tổng xianua	mg/l	0,057
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Sunfua	mg/l	0,162
22	Florua	mg/l	4,05
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05
24	Tổng nitơ	mg/l	16,2
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24
26	Clorua	mg/l	405
27	Clo dư	mg/l	0,81
28	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	4,05
29	Tổng PCB	mg/l	0,002
30	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	3000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vietnam Rubber Group

SAIGON VRG

HỢP ĐỒNG

THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: .57../2021/HĐ-SVI

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG - CHI NHÁNH TÂY NINH

Và

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: ...57.../2021/HĐ-SVI

Căn cứ **Bộ luật Dân sự** số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ **Luật Bảo vệ Môi trường** số 55/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014;

Căn cứ vào khả năng cung cấp và nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Văn phòng Khu Công nghiệp Phước Đông, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG – CN TÂY NINH

- Địa chỉ : Tổ 15, đường ĐT782, ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại : 0276.3888 666 Fax: 0276.3888 997
- Mã số thuế : 0 3 0 5 2 6 8 8 1 2 – 0 0 1
- Người đại diện: **ÔNG TRẦN MẠNH HÙNG** Chức vụ: **Chủ tịch công ty.**

BÊN B: CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

- Địa chỉ : Lô 45-6, đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại : Fax:
- Mã số thuế : 3 9 0 1 2 2 9 5 9 1
- Người đại diện: **Ông TSAI YING NAN,** Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết **Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt** (sau đây gọi tắc là Hợp đồng) với những điều khoản cụ thể sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên B giao cho Bên A thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động tại khu vực Nhà máy của Bên B. Bên A có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý rác thải sinh hoạt và chuyển giao rác thải sinh hoạt của Bên B cho đơn vị có chức năng xử lý.

1.2 Bên B chịu trách nhiệm tập kết rác thải sinh hoạt vào thùng chứa 240 lít đặt tại điểm nhất định theo thoả thuận giữa hai Bên để Bên A thuận tiện lấy và vận chuyển rác.

1.3 Thời gian thu gom: rác được thu gom hai (02) ngày một lần trừ ngày lễ và Chủ Nhật.

1.4 Phương tiện vận chuyển: xe chuyên dụng vận chuyển rác thải sinh hoạt.

ĐIỀU 2. ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Đơn giá:

- Chi phí cho việc thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt là: **276.000 VNĐ/m^3** ($1m^3$ rác tương đương 4 thùng 240 lít).

- Khi có sự thay đổi về đơn giá, Bên A sẽ thông báo trực tiếp đến Bên B biểu giá mới và thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới.

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

2.2 Hình thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bên A sẽ tiến hành chốt khối lượng rác vào ngày 25 hàng tháng. Và chậm nhất vào đầu tháng sau, Bên A sẽ phát hành Giấy báo thanh toán cho Bên B. Bên B sẽ phải thanh toán một lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, theo thông tin sau:

+ Tên thụ hưởng: Công ty Cổ Phần Đầu tư Sài Gòn VRG

+ Tài khoản số: 117000062814

+ Tên Ngân hàng: Vietinbank –Đông Sài Gòn, Tp.HCM.

+ Đồng tiền thanh toán: đồng tiền thanh toán là tiền đồng Việt Nam.

- Thời hạn thanh toán: Trong thời gian năm (05) ngày kể từ ngày Bên A phát hành giấy báo thanh toán cho Bên B, Bên B có trách nhiệm thanh toán một lần cho Bên A. Trường hợp chậm từ sáu (06) ngày đến mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra thông báo, thì Bên B sẽ phải trả tiền lãi trên khoản tiền trả chậm cho bên A. Lãi suất của khoản tiền trả chậm là lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại thời điểm thanh toán.

Nếu chậm quá 15 ngày, Bên A sẽ ngưng cung cấp dịch vụ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt cho đến khi việc thanh toán được giải quyết xong, đồng thời Bên A tính thêm tiền lãi phạt theo lãi suất bằng 150% của lãi suất tiền cho vay ngắn hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh TP.HCM tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1 Trách nhiệm của Bên A

a. Chịu trách nhiệm thu gom và vận chuyển chất thải sinh hoạt theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam;

b. Đảm bảo an toàn vệ sinh khi vận chuyển rác, không để rơi vãi và không gây ảnh hưởng đến mỹ quan chung;

c. Tuân thủ các quy định của nhà nước Việt Nam, chính quyền địa phương về quản lý chất thải rắn và bảo vệ môi trường;

d. Xuất hóa đơn tài chính cho Bên B.

3.2 Trách nhiệm của Bên B

a. Thu gom rác thải sinh hoạt tại các vị trí khác nhau về thùng chứa;

b. Lưu trữ đúng quy định và tránh nước mưa chảy tràn vào, gây ô nhiễm đến môi trường đất, nước và không khí;

c. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong việc thu gom rác;

d. Thanh toán đúng thời hạn cho Bên A.

ĐIỀU 4. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Thời hạn của Hợp đồng bắt đầu từ ngày 15/4/21 đến 15/4/2026.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KIỆN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

a. Khi hết thời hạn như quy định tại Điều 4.

b. Bên B không thực hiện đầy đủ trách nhiệm ghi trong Hợp đồng.

c. Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

5.2 Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên A các khoản chi phí chưa thanh toán.

5.3 Hợp đồng được khôi phục hoặc ký lại sau khi hai Bên giải quyết xong các vướng mắc và thỏa thuận đồng ý khôi phục và ký lại Hợp đồng.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

6.1 Hai Bên cam kết thực hiện đúng các khoản thỏa thuận ghi trong Hợp đồng trên tinh thần hiểu biết và hợp tác.

6.2 Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà không quy định cụ thể trong Hợp đồng sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3 Hợp đồng được lập thành 04 (Bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

6.4 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN A	**BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG – CN TÂY NINH	**CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)**
Tên: TRẦN MẠNH HÙNG	**Tên: TSAI YING NAN**
Chức vụ: Chủ tịch công ty	**Chức vụ: Tổng Giám đốc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness
---oOo---

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

CONTRACT OF COLLECTION, TRANSPORT AND TREATMENT FOR HAZARDOUS WASTE

Số/ No.: 1872023/HĐXL.CL-LIAN

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017.
  Pursuant to Civil Code of Socialist Republic of Vietnam No. 91/2015/QH13 with implementation validity from 01/01/2017.
- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
  Pursuant to Trading Law No. 36/2005/QH11 dated June 14th, 2005 of Socialist Republic of Vietnam.
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020.
  Pursuant to the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14 promulgated by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 17, 2020.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
  Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT issued by the Ministry of Natural Resources and Environment on January 10, 2022 detailing the implementation of a number of articles of the Law on Environmental Protection.
- Căn Cứ Giấy Phép Hành Nghề Quản Lý Chất Thải Nguy Hại số 3-4-5-6.049.VX do Tổng Cục Môi Trường - Bộ TNMT ký cấp cho Công Ty TNHH Môi Trường Chân Lý, ngày 31 tháng 12 năm 2021 (cấp lần ba).
  Pursuant to the Hazardous Waste Management Practice License No. 3-4-5-6.049.VX signed by the General Department of Environment - MONRE to Truth Environment Company Limited, December 31, 2021 (third time).
- Căn cứ vào khả năng điều kiện và nhu cầu của hai bên.
  Pursuant to abilities, conditions and needs of two parties.

Hôm nay, ngày 21 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm đại diện của hai bên:
Today, dated on 21/12/2023, we are including:

<u>BÊN A</u> : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ
PARTY A: VERITAS ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Địa chỉ	: Lô G, CCN Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	
Address	*:Lot G, Hoang Gia Industrial group, My Hanh Nam Commune, Duc Hoa District, Long An Province.*	
Điện thoại	: 0272 3753 646 - 028 3773 2023	Fax: 028 38731399
Telephone No.	*: 0272 3753 646 - 028 3773 2023*	*Fax: 028 38731399*
Mã số thuế	: 1100 789 943	
Tax code	*: 1100 789 943*	
Số Tài Khoản	: 0600 2877 4349 tại ngân hàng Sacombank – CN Tân thuận – TP.HCM	
Account No.	*: 0600 2877 4349 at Sacombank – Tan Thuan Branch – HCMC.*	
Đại diện	: Bà **Lê Thị Thanh Thúy**	Chức vụ: **Giám Đốc**
Representative	*: Mrs **Le Thi Thanh Thuy***	*Position: **Director***

BÊN B : CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING (VIỆT NAM)
PARTY B:LIAN TA HSING VIET NAM LTD;

Địa chỉ : Lô 45-1,Đường N14,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,Huyện Gò Dầu,Tây Ninh
Address :
Điện thoại : *Fax:*
Telephone No. : Fax:
Mã số thuế : 3901229591
Tax code :
Đại diện : TSAI YING NAN Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Representative : Mr.Tsai Ying Nan Position: General director

Nay, trên cơ sở các qui định chung nêu trong hợp đồng, các bên thỏa thuận như sau:
Now, in consideration of the mutual provisions herein contained, both parties agree as follows:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN / *AGREEMENT*

Bên B đồng ý thuê bên A làm đối tác trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại – chất thải công nghiệp phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên B. - / *Party B agreed to hire party A as a contractor to collect, transfer and treat hazardous waste – industrial waste during the manufacturing process.*

ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN CHẤT THẢI / *WASTE RECEIVING CONDITION*

2.1 Nơi thu gom chất thải / *Collection area*

Bên A sẽ thu gom chất thải tại kho chứa của bên B /*Party A will collect the waste at Party B's sites.*

2.2 Thời gian thu gom chất thải / *Collection time*

Việc thu gom chất thải được thực hiện theo yêu cầu của bên B. Sau khi nhận được yêu cầu trong vòng 03 ngày làm việc, bên A sẽ tiến hành đến thu gom, vận chuyển chất thải về nhà máy của bên A để xử lý / *The collection time is carried out as the request of Party B. After receiving the request within 03 business days, party A will collect and transfer the waste to the factory for treatment.*

2.3 Điều kiện lưu chứa chất thải / *Waste storage conditions*

Chất thải được thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường. Nếu là chất thải nguy hại phải có dán nhãn CTNH theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che / *Waste are collected, classified, and stored in bags or containers aim to esure the safety condition avoiding leakage to the environment. If the waste is hazardous, it must be labeled as local regulation and focused on in the house with canopies.*

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ XỬ LÝ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN / *TREATMENT PRICE LIST AND PAYMENT METHOD*

3.1 Đơn giá xử lý / *Treatment price list*

STT *No.*	**Tên hàng** / *Product's name*	**Mã CTNH/** *Code of hazardous waste*	**ĐVT** *Unit*	**Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT)** *Treatment price (VND/Unit)*
1	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	**3.000**
2	Phẩm màu và chất nhuộm thải có chứa TPNH	10 02 02	Kg	**3.000**
3	Bùn thải có chứa TPNH từ quá trình xử lý nước thải	10 02 03	Kg	**3.000**
4	Dung dịch thải có TPNH từ quá trình nhuộm	10 02 04	Kg	**3.000**
5	Chất thải lấy nhiễm	13 01 01	Kg	**3.000**
6	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Kg	**3.000**
7	Các loại dầu động cơ ,hợp số và bôi trơn thải	17 02 04	Kg	**3.000**
8	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg	**3.000**
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	**3.000**

STT *No.*	Tên hàng / *Product's name*	Mã CTNH/ *Code of hazardous waste*	ĐVT *Unit*	Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT) *Treatment price (VND/Unit)*
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	**3.000**
11	Chất hấp thụ,giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	Kg	**3.000**
12	Pin,ắc qui chì thải	19 06 01	Kg	**3.000**
13	Các loại chất thải khác có các TPNH, hữu cơ	19 12 02	Kg	**3.000**

Ghi Chú/ **Note:**

- Đơn giá trên đã bao gồm phí thu gom, vận chuyển và xử lý.

The above unit price is included with costs of collecting, transporting and treating.

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

The above unit price does not include VAT.

Khối lượng vận chuyển ≥ 3.000kg/ chuyến.Nếu khối lượng < 3000kg thì tính thêm chi phí vận chuyển là : ***4.000.000đ/chuyến***

Transport volume ≥ 3,000kg/trip. If the volume is <3000kg, the additional shipping cost is: 4,000,000 VND/trip.

3.2 Hình thức thanh toán / ***Payment***

- Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do Bên B chi trả).

Party B makes payment to Party A in cash or by transfer (transfer cost is paid by Party B).

- Bên B thanh toán cho Bên A trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Bên A phát hành hóa đơn GTGT.

Party B makes payment to Party A no later than 15 days since the date Party A issues VAT invoice.

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản. Nếu Bên B không thông báo thì Bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

When having change of information on invoice, Party B has to inform to Party A in written. If Party B does not inform this, Party A will not take responsibility after issuing the invoice.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN / ***RESPONSIBILITIES OF TWO PARTIES***

4.1 Trách nhiệm bên A / ***Party A's responsibilities***

- Đảm bảo việc tiếp nhận chất thải đúng như điều 02 / *Ensure to collect the waste as Article 2 mentioned.*
- Giữ an toàn, vệ sinh trong quá trình thu gom và vận chuyển / *Keep safety and clean during the process of waste collecting and transferring.*
- Đảm bảo thực hiện việc vận chuyển và xử lý an toàn lượng chất thải mà bên B đã bàn giao đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường Việt Nam / *Ensure to collect and handle the waste safely in compliance with the current Viet Nam's regulation about protecting environment.*
- Sau khi chất thải được bên B giao cho bên A, nếu có bất kì sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu trữ và xử lý thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ *After waste receiving, Part A takes full responsibilities for any problem arise during transport, treatment in associated with the Viet Nam's laws.*

4.2 Trách nhiệm của bên B / ***Party B's responsibilities***

- Thực hiện nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng / *Comply strictly with the term mentioned in the contract*
- Cung cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho bên A trước khi tiến hành hợp đồng / *Send the paper license of hazardous waste generator to party A before preparing the contract*

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên A có nhu cầu / *Ensure party A to collect the waste conveniently and quickly. Provide the necessary information related to hazardous waste when party A requests.*
- Phối hợp với bên A trong việc giao nhận chứng từ CTNH theo quy đinh pháp luật. Chứng từ CTNH theo mẫu của Tổng Cục Môi trường do bên A cung cấp / *Cooperate with party A in delivering and receiving the record forms in compliance with the legal regulations. Form samples of Vietnam Environment Administration must be used and provided by party A.*

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG / *CONTRACT'S VALIDITY*

Hợp đồng này có giá trị trong vòng 01 năm kể từ ngày ký. Hợp đồng này đương nhiên được thanh lý sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng / *This contract is valid in 01 year from the date of signing. This agreement is certainly obsoleted after two parties complete the responsibilities mentioned in the contract.*

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG / GENERAL PROVISIONS

- Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại / *Two parties are responsible to undertake the articles that mutually agreed in the contract, no any party can intentionally change the content or terminate the contract without the agreement by document of two parties. Any party breaks the agreement, is responsible to compensate the loss caused by their action.*
- Nếu bên B để chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, rác y tế và rác sinh hoạt lẫn vào nhau thì bên A sẽ từ chối tiếp nhận lô hàng để lẫn đó. Hai bên sẽ căn cứ vào chứng từ CTNH để báo cáo các cơ quan chức năng liên quan / *If party B does not classify the industrial waste, hazardous and non-hazardous waste together, party A will not collect this lot of waste. Both parties will use the hazardous record forms to report to authorized government.*
- Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực hợp đồng này / *The annexes, agreement documents are attached which is valid with this contract and can not be seperated.*
- Trong trường hợp phát sinh tranh chấp về bất cứ vấn đề nào từ hoặc có liên quan đến hợp đồng này hay đến các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ trong hợp đồng này, hai bên sẽ cố gắng tối đa giải quyết (những) vấn đề này một cách công bằng và thân thiện. Nếu các bên không giải quyết được tranh chấp đó trong vòng 03 tháng kể từ ngày tranh chấp được thông báo bằng văn bản bởi một bên cho bên kia, thì mọi tranh chấp hợp đồng sẽ được phân xử bởi tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam, và phán quyết của tòa án sẽ là chung thẩm và có hiệu lực ràng buộc đối với các bên. / *In the event of any dispute arising with respect to any matter or issue arising out of or relating to this contract or to any rights, duties or obligations herein, the two parties shall make their best efforts to resolve such matters amicably and fairly. If the parties fail to resolve such dispute within 03 months after the date or written notice of such dispute being given by one party to the other, all contractual disputes will be judged by authorised court in Viet Nam and the award of the court shall be the final and binding on the parties.*
- Hợp đồng trên được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau để làm căn cứ thực hiện *The contract is made into 04 original sets, each party keeps 02 sets of equal legal value.*

ĐẠI DIỆN BÊN A / PART A	**ĐẠI DIỆN BÊN B / PART B**
By / Bởi: **LÊ THỊ THANH THÚY**	By / Bởi: **TSAI YING NAN**
Title: Director	*Title: General Director*
Chức vụ: Giám Đốc	Chức vụ: Tổng Giám Đốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

Socialist Republic of Viet Nam

Independence – Freedom - Happiness

Bình Phước, ngày 11 tháng 04 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

ECONOMIC CONTRACT

Về việc thu gom và xử lý chất thải nguy hại
Hazardous wastes collection and treatment

Số/No: 1104-2024/ LIAN TA HSING-*KTP/HĐXL*

- Căn cứ vào Bộ Luật Thương mại đã được Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/06/2005.
  Pursuant to the Civil Code and Commercial Law passed and came to effect by 11th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam since 14 June 2005
- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự đã được Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015
  Based on the Civil Code passed and came to effect by 10th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam since November 24 2015
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
  Pursuant to The Law on Environmental Protection no 72/2020/QH14 dated 17/11/2020
- Căn cứ vào Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính Phủ.
  Pursuant to Decree No. 08/2022/ND-CP Detailing a Number of Articles of the Law on Environmental Protection.
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 10/01/2022.
  Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT on Implementation Rules for a Number of Articles of the Law on Environmental Protection.
- Căn cứ vào nhu cầu **CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING (VIỆT NAM)**
  *Based on the demand of **LIAN TA HSING (VIETNAM) CO., LTD***
- Căn cứ vào Giấy phép Môi trường của công ty TNHH TM DV xử lý môi trường Khải Tiến Phát số 343/GPMT-BTNMT do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp (lần 01) ngày 09 tháng 10 năm 2022

Pursuant to the Environmental License of Khai Tien Phat Environmental Treatment Service Trading Co., Ltd. No. 343/GPMT-BTNMT issued by the Ministry of Natural Resources and Environment (1st time) on October 09, 2022.

Hôm nay, ngày 11/03/2024 đại diện hai bên gồm có:
Today, 11/03/2024 representatives of two parties include:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG KHẢI TIẾN PHÁT
PARTY A: ENVIRONMENTAL TREATMENT SERVICES TRADING CO., LTD KHAI TIEN PHAT

* Địa chỉ: Lô CN-2605 Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
Address: Lot CN-2605, Hoa Lu border gate economic zone, Loc Thanh commune, Loc Ninh district, Binh Phuoc province
* Điện thoại/Tel: 0271.6262.999 Fax: 0271.6262.777
* Mã số thuế/Tax code: 3801156935
* Tài khoản: 111002642048 tại Ngân hàng Vietinbank CN Bình Dương
Bank Account: 111002642048 at Vietinbank Binh Duong Branch
* Đại diện: Ông. **NGUYỄN VĂN CHÍ** Chức vụ: Giám đốc.
*Representative: Mr. **NGUYEN VAN CHI*** *Position: Director.*

BÊN B: CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING (VIỆT NAM)
PARTY B: LIAN TA HSING (VIETNAM) CO., LTD

* Địa chỉ: Lô 45-1,Đường N14,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,Huyện Gò Dầu,Tây Ninh
* *Address: Lot 45-1, N14 Road, Phuoc Dong Industrial Park, Phuoc Dong Commune, Go Dau District, Tay Ninh*
* Điện thoại/*Tel*:
* Mã số thuế/Tax code: 3901229591
* Đại diện: **TSAI YING NAN** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
* *Representative : Mr.**TSAI YING NAN*** *Position: General director*

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG
ARTICLE 1: CONTENT OF CONTRACT

Bên B đồng ý chọn Bên A thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải nguy hại (gọi tắt là chất thải) được thải ra trong quá trình sản xuất tại nhà máy của Bên B tại địa chỉ: Lô 45-1,Đường N14,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,Huyện Gò Dầu,Tây Ninh theo đúng chức năng hành nghề của Bên A đã được cấp phép. Danh mục chất thải được ghi rõ tại điều khoản 3.2 của hợp đồng.

Party B agrees to choose party A for implementing hazardous wastes collection, transportation and treatment are emitted during production process at Party B's plant, address: Lot 45-1, N14 Road, Phuoc Dong Industrial Park, Phuoc Dong Commune, Go Dau District, Tay Ninh in accordance with practice function of party A. Hazardous wastes list is clearly written in article 3.2 of the contract.

1.1. Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM DV XLMT KHẢI TIẾN PHÁT tại Lô CN-2605 Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

All waste is transported and treated at the hazardous waste treatment plant of Khai Tien Phat Construction Service Trading Co., Ltd. at Lot CN-2605, Hoa Lu border gate economic zone, Loc Thanh commune, Loc Ninh district, Binh Phuoc province

1.2. Phương thức xác định khối lượng:

Method for quantity determination:

- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho Bên B có xác nhận của bên A. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của Bên B thì xác định bằng trạm cân bên ngoài được bên B chỉ định và có sự giám sát bên A

The quantity of hazardous waste is weighed by Party B' balance and at Party B' warehouse with party A' confirmation. In case, the quantity of hazardous waste cannot be determined at Party B's warehouse, the quantity of hazardous waste will be weighted by party A's electrical scales.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

ARTICLE 2: RESPONSIBILITIES OF TWO PARTIES

2.1.Trách nhiệm của Bên A:

Party A's responsibilities:

- Khi Bên B đã thông báo cho Bên A vào thu gom chất thải, thì ngày hôm sau bên A sắp xếp xe vào vận chuyển (trừ ngày lễ, chủ nhật).
  Party A shall arrange trucks to collect and transport wastes when Party B inform (except for holidays and Sunday)
- Bên A có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên B để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm các loại chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính Phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Các chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý CTNH đã được cấp của Bên A.
  Party A is responsible for ensuring no waste remain in warehouse, ensuring wastes treated and recycled, reused in accordance with Environmental

Protection Law regulated by The Vietnam Government. Hazardous wastes are treated by method registered in practice license granted.

- Bên A có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của công ty khi xe và công nhân của Bên A ra/vào nhà máy.
  Party A is responsible for presenting necessary procedure and implementing Party B's regulation when vehicle and workers of party A enter or get out the plant.
- Sau khi chất thải của Bên B được giao cho Bên A, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
  After handing over hazardous waste for party A, if there is an issue arising during transportation, store and treatment, party A is completely responsible for these issues.
- Phải chuyển chất thải ra khỏi nhà máy khi đủ chuyến và chỉ chở loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.
  Party A has to transport wastes out of plant when full shipment and only transport wastes registered in this contract.
- Bên A phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.
  Party A has to equip specialised vehicles when collecting wastes. Party A has to comply with the regulation of waste management in accordance with rule of Laws about hazardous waste collection, transportation and treatment.
- Bên A phải cung cấp các tài liệu liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên B để Bên B có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên B yêu cầu.
  Party B has to provide documents related to hazardous waste collection and treatment for Party B so that Party B has base to sign contract as Party B requests.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:
Party B's responsibilities:

- Toàn bộ chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên B phải được tập kết, phân loại, dán nhãn và lưu giữ an toàn trong kho chứa theo quy định của Pháp luật Việt Nam về Quản lý chất thải nguy hại, trong khi chờ tiến hành bàn giao cho Bên B thu gom xử lý. Nếu Bên B để chất thải nguy hại, công nghiệp, y tế và sinh hoạt lẫn vào nhau thì Bên A có quyền từ chối tiếp nhận lô hàng đó.
  All kinds of hazardous wastes are emitted from Party B' production process, have to be gathered, classified, labeled and safety stored in warehouse in accordance with Viet Nam Regulation of Hazardous Waste Management, pending the collection and treatment of party B. If Party B mixes hazardous waste, industrial wastes, medical wastes and normal wastes together, party A has right to refuse to collect that package of wastes.
- Khi có phát sinh về số lượng chất thải, Bên B thông báo bằng Fax hoặc điện thoại cho Bên A về số lượng chất thải cần thu gom và xử lý trước 24 giờ.
  When having hazardous wastes arising, Party B will inform by fax or phone for party B about the quantity of hazardous wastes to collect before 24 hours

Stt	Email	Số điện thoại	Nội dung phụ trách
01	infor@khaitienphat.vn	Ms Thảo (033 852 7487)	Tiếp nhận thông tin

02	Sale-1@khaitienphat.vn	Ms Tiên (0982 655 975)	Hợp đồng
03	Acct2@khaitienphat.vn	Ms Yến (0937 442 892)	Đối chiếu công nợ
04	booking@khaitienphat.vn	Ms Tịnh (0923 636 685)	Đặt lịch thu gom

- Bên B tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A như đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên A có yêu cầu.
  Party B creates favorable condition for party A in packaging, assigning Party B' supervisor in collecting process or providing material taking out/in request form and necessary information about hazardous wastes when party A requires
- Khi giao chất thải, Bên B phải phối hợp với Bên A làm biên bản giao nhận chất thải và chứng từ CTNH theo quy định
  Party B has to support party A in preparing hazardous waste delivery records and document following the regulation.
- Cung cấp thông tin liên hệ cho bên A/ Provide information contact for party A:

Stt/No	Email	Số điện thoại Phone	Phụ trách In charge
1	Nicol.loc@gmail.com	0982052249	Đặt lịch thu gom, đối chiếu công nợ, thanh toán
2	Phanlenhutduy@gmail.com	0824979957	

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ
ARTICLE 3: QUANTITY AND PRICE

3.1. Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên B giao cho Bên A thông qua Biên Bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.
The quantity of waste is determined based on the real quantity that party B assigns for party A through waste delivery record confirmed by two parties.

3.2. Danh mục chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường được thể hiện trong phụ lục đính kèm
The list of hazardous waste and ordinary industrial waste is shown in the attached annex.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

ARTICLE 4: PAYMENT METHOD

4.1. Hàng tháng căn cứ trên biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên A phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên B về chi phí xử lý chất thải.

Monthly, party A will issue VAT invoice about hazardous waste treatment fees for Party B based on waste delivery record confirmed by two parties.

4.2. Phương thức thanh toán: bằng hình thức chuyển khoản.Thời gian thanh toán 30 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn tài chính.

Payment method: by bank transfer. Payment period: 30 days from the date Party B receives the financial invoice.

4.3. Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn, Hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản. Nếu Bên B (hoặc bên A) không thông báo thì Bên A (hoặc Bên B) sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

When changing information presented on VAT invoice, two parties have to notify each other by document. If Party B (or party A) does not notify, party A (or Party B) will not be responsible for issued invoice.

4.4. Trong trường hợp Nhà nước có thay đổi thuế suất VAT hai bên được quyền điều chỉnh theo quy định.

In case, the Government changes VAT tax rate, two parties have right to modify following with regulation.

4.5. Nếu Bên B thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì Bên B sẽ phải nộp phạt cho Bên A theo lãi suất ngân hàng Công thương Việt Nam (tính theo thời điểm Bên A phát hành hóa đơn VAT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.

For late payment than deadline agreed in the contract, Party B must pay late penalty for party A in accordance to Viettinbank's interest rate (based on the date party A issues VAT invoice) on the total late payment amount.

4.6. Trong trường hợp Bên B tạm ngưng giao chất thải cho Bên A xử lý theo điều 5 thì Bên B phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.

According to article 5, in case Party B pauses assigning wastes for party A treats, Party B must to complete debt settlement for party A within 15 days since pause day.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 5: GENERAL TERMS

5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Nếu muốn hủy hợp đồng thì phải thông báo trước cho đối phương 30 ngày.

Two parties undertake to accurately and adequately comply with the agreed terms. No party can change the content or unilaterally terminate the contract without the written agreement of two parties. If party breaches a contract, that party will compensate for total damages of another party due to that party's breach of contract causes. In case, party wants to cancel the contract, that party has to notify another party before 30 days.

5.2. Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì vấn đề sẽ được đưa ra giải quyết theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hoặc Tòa Án kinh tế có thẩm quyền và phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

The priority is to solve any dispute arising by co-operation and negotiation. If in case dispute arising cannot be settled, the dispute will be solved in accordance with the rule of Law and as decided by People's court at Binh Duong Province or the Economic Court of competence jurisdiction and the court's decision is the final resolution. Losing party is subject for all adjudication fee.

5.3 Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.

The appendix contract, written agreement is attached as an inseparable part and takes effect along with the validity of this contract.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

ARTICLE 6: THE VALIDITY OF CONTRACT

6.1 Hợp đồng này *có* giá trị hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký
This contract is valid for 01 (one) year from the date of signing

6.2 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách:

Amending, supplementing the terms of contract only takes effect by:

Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới trước thời hạn của hợp đồng. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính.

Two parties agree to sign appendix contract or a new contract before expiration date. Appendix contract is an inseparable part of the contract and takes effect along with the validity of main contract.

Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản đã được thống nhất khác với những điều khoản trong hợp đồng thì các điều khoản trong phụ lục hợp đồng bổ sung có giá trị thực hiện

If there are some terms in the appendix contract that are agreed with other terms in the contract, such terms in the appendix shall be valid for implementing.

6.3 Hợp đồng này bao gồm 07 (bảy) trang, được lập thành 02 (hai) bản song ngữ Việt-Anh có đầy đủ chữ ký và con dấu của hai bên. Mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

This contract includes 07 (seven) pages, is made into 01 (one) bilingual originals in Vietnamese and English with full sign and stamp of both parties. Each party keeps 02 (two) copies with the same legitimacy.

ĐẠI DIỆN BÊN A ***ON BEHALF OF PARTY A***	**ĐẠI DIỆN BÊN B** ***ON BEHALF OF PARTY B***
NGUYỄN VĂN CHÍ ***Director***	

PHỤ LỤC 01

HỢP ĐỒNG KINH TẾ SỐ 1104-2024/ LIAN TA HSING-KTP/HĐXL

VỀ VIỆC THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

APPENDIX 01

ECONOMIC CONTRACTS NO. 1104-2024/ LIAN TA HSING-KTP/HĐXL

ON THE COLLECTION, TRANSPORTATION AND DISPOSAL OF HAZARDOUS WASTE

STT *No.*	Tên chất thải *Name of waste*	Đvt *Units*	Mã CTNH *Hazardous waste codes*	Đơn giá xử lý (vnđ) *Unit price (VND)*	PPXL *Processing methods*
1	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04	3.000	TĐ
2	Phẩm màu và chất nhuộm thải có chứa TPNH	Kg	10 02 02	3.000	TĐ
3	Bùn thải có chứa TPNH từ quá trình xử lý nước thải	Kg	12 06 05	3.000	TĐ
4	Dung dịch thải có TPNH từ quá trình nhuộm	Kg	10 02 04	3.000	TĐ
5	Chất thải lấy nhiễm	Kg	13 01 01	3.000	TĐ
6	Bóng đèn huỳnh quang	Kg	16 01 06	3.000	SC-TC
7	Các loại dầu động cơ ,hợp số và bôi trơn thải	Kg	17 02 04	3.000	TC
8	Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01	3.000	TĐ
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Kg	18 01 02	3.000	TC
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Kg	18 01 03	3.000	TC
11	Chất hấp thụ,giẻ lau nhiễm TPNH	Kg	18 02 01	3.000	TĐ
12	Pin,ắc qui chì thải	Kg	19 06 01	3.000	SC-TC
13	Các loại chất thải khác có các TPNH, hữu cơ	Kg	19 12 02	3.000	TĐ

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý chưa bao gồm thuế VAT. *The processing unit price does not include VAT.*

ĐẠI DIỆN BÊN A
ON BEHALF OF PARTY A

NGUYỄN VĂN CHÍ
Director

ĐẠI DIỆN BÊN B
ON BEHALF OF PARTY B

CÔNG TY TNHH THÀNH THIÊN PHÚC
36/7 Đường số 2, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. HCM
Hotline: 0911 276 976

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

SERVICE CONTRACT

Số: 01 / HĐ/LT.HSING-TTP.24
V/v vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại

Re: transportation and treatment of un-hazardous industrial waste

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Pursuant to the Civil Code No.: 91/2015/QH13 approved by National Assembly of The Socialist Republic Of Vietnam on November 24th 2015;

Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

Pursuant to Environment Protection Law No. 72/2020/QH14 approved by the Congress of Vietnam Socialist Republic on Nov 17th, 2020.

Căn cứ Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Pursuant to Decree No.: 08/2022/ND-CP on 10/01/2022 of the Government on Planning in environment protection, strategic environment assessment and environmental protection planning;

Căn cứ theo chức năng thu gom,vận chuyển của Công Ty TNHH THÀNH THIÊN PHÚC;

Pursuant on collection and transportation functions THANH THIEN PHUC Ltd;

Theo nhu cầu của Công ty TNHH LIAN TA HSING VIỆT NAM về việc xử lý Chất thải công nghiệp không nguy hại;

Pursuant to the needs of Lian Ta Hsing Viet Nam Ltd. of treatment of industrial non-hazardous wastes

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của các bên;

Pursuant to functions, duties, needs and implementation capacities of the parties;

Hôm nay ngày 01/04/2024 đại diện hai bên gồm có:

Today, dated on 01/04/2024, Representatives of the parties are follows:

BÊN A : CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING (VIỆT NAM)

- Địa chỉ (Address) : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại (Telephone) : 0276.373 7666 - Fax:
- Mã số thuế (Tax code) : 3901229591
- Đại diện (Representative) : **TSAI YING NAN** - Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

BÊN B : CÔNG TY TNHH THÀNH THIÊN PHÚC

- Địa chỉ (Address) : 36/7 Đường số 2, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. HCM
- Điện thoại (Telephone) : 0911.276.976 - Fax:
- Mã số thuế (Tax code) : 0313929375
- Đại diện (Representative) : **NGUYỄN HOÀNG NHƯ Ý** - Chức vụ: **Giám Đốc**
- Tài khoản số (Bank Account): 368 0139 445 tại ngân hàng BIDV – Chi nhánh Tân Bình, TP.HCM

Sau khi trao đổi, hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau :

After discussing, the two parties agree to sign the contract with the following terms as follows:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG :

ARTICLE 1: CONTRACT CONTENT:

1.1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải: ***(Unit price of Waste transportation and treatment)***

Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (không chứa thành phần nguy hại) cho bên A với đơn giá:

Party A agrees to assign Party B to collect, transport and treat the solid waste sludge from waste treatment system (not containing hazardous ingredients) for party A with unit prices:

STT *No*	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC *(Items of work)*	Trạng thái tồn tại *(Existing status)*	ĐVT	Đơn giá (VNĐ/Kg)
1	Thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải công nghiệp (không chứa thành phần nguy hại) *(Collection, transportation and treatment of industrial sludge (not containing hazardous ingredients)*	Rắn *(Solid)*	**Kg**	**1.700**

Ghi chú (note) :

- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT
- *Price excluding VAT*

- Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- *The above unit price includes costs of collecting, transporting and treating of wastes.*
- Đã bao gồm chi phí đóng gói và bao đựng.
- *Included in the cost of packaging and packaging*
- Địa điểm thu gom : Lô 45-1, Đường N14, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

1.2. Phương thức nghiệm thu, thanh toán: (*Method of checking, taking over and payment)*

Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam Đồng. *Currency of payment: Vietnam Dong*
Thanh toán chậm nhất trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn và hồ sơ yêu cầu thanh toán của bên B bằng hình thức chuyển khoản theo tài khoản của bên B.
Will pay by bank transfer to Part B's account within 30 days after receipt day of invoices and payment request.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN *(PARTIES' RESPONSIBILITIES)*

2.1. Trách nhiệm bên A: *(PARTY A'S RESPONSIBILITIES)*

Cam kết thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình như được nêu trong Hợp đồng này;

Commit to fulfill exactly their obligations as stated in this contract;

Phối hợp với bên B trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký nhận vào các biên bản giao nhận;

Coordinate with Party B in confirming the volume of waste and signing in the delivery Minutes

Thanh toán cho Bên B phí xử lý theo đúng Điều 1 của Hợp đồng này.

Pay the treating fees to Party B in accordance with Article 1 of this contract

Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải. Không được để lẫn các chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng.

Waste storage location must be convenient for vehicles to get waste. Do not mix other wastes other than the list out of contract

Thông bảo cho bên B trước trong trường hợp khối lượng chất thải tăng để bên B có kế hoạch điều động thu gom, thêm chuyến thêm xe để giải quyết.

Notify in advance to Party B in case of waste volume increasing so that Party B can plan to collect, add more times, more vehicles to settle.

2.2. Trách nhiệm bên B: *(PARTY B'S RESPONSIBILITIES)*

Tuyệt đối chấp hành các quy định, nội quy của bên A tại địa điểm giao nhận. Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận có liên quan của bên A. Không được tự do đi vào các khu vực khác nếu không có nhiệm vụ. Chịu trách nhiệm giải quyết những thiệt hại về tài sản, con

người và môi trường phát sinh do hành động của bên B gây ra trong quá trình thực hiện công việc tại Công ty của bên A.

Obey strictly the regulations on the storage of Party A. Incorporate with Party A's related departments. Not allowed to enter other areas freely without a mission. Take responsibilities for resolving damage about property, people and environment which was arising from the action of Party B during working time at Party A's storage.

Bảo đảm vận chuyển toàn bộ lượng chất thải đúng như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Ensure to transport the whole waste volume as provided in contract signed by the two parties.

Bên B đảm bảo thu gom, vận chuyển chất thải của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Party B ensures to collect and transport Party A's wastes as provided in accordance with current law provisions

Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B phải chủ động thông báo cho Bên A và sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom chất thải trong thời gian sớm nhất (24 giờ).

In case vehicles are broken, Party B must initiatively inform Party A and arrange (manage) with replaced means to collect wastes soonest (24 hours)

Sau khi có xác nhận về khối lượng vận chuyển trong tháng, xuất hóa đơn tài chính và các giấy tờ liên quan khác (nếu có) cho bên A.

After confirmation of the transportation volume in a month, issue finance invoices and other relevant documents (if any) to Party A

Đảm bảo vệ sinh cho kho chứa của bên A trong mỗi lần thu gom, không được để rác thải rơi vãi hoặc tràn đổ trong khuôn viên của bên A, tránh làm ảnh hưởng đến môi trường.

Ensure hygiene for Party A's storage in each collection, keep the waste out of leaking or spilling on the campus of Party A, to avoid affecting the environment.

Toàn bộ chất thải sau khi được thu gom vận chuyển ra khỏi nhà máy bên A, bên B có trách nhiệm xử lý triệt để đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật; Bên A sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào nếu bên B không tuân thủ mà gây ra tác hại về môi trường, vi phạm pháp luật.

All waste after being collected from Party A, Party B is responsible for thorough treatment to meet environmental standards as prescribed by law; Party A will not bear any responsibility if Party B does not comply and causes harm to the environment.

Cung cấp cho bên A biên bản xác nhận khối lượng tiếp nhận xử lý giữa bên B và đơn vị xử lý của bên B cho bên A làm căn cứ xác nhận sự tuân thủ.

Provide Party A with a written confirmation of the volume received and processed between Party B and Party B's treatment company for Party A as a basis for confirming compliance

ĐIỀU 3: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG *(CONTRACT DURATION)*

Hợp đồng này có giá trị trong vòng 1 năm kể từ ngày ký. Hợp đồng đương nhiên được thanh lý sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng ;

This contract is valid in 01 year from the date of signing.This agreement is certainly obsoleted after tow parties complete the responsibilities mentioned in the contract

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG *(GENERAL TERM)*

Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến hợp đồng thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải.

The two parties are obliged to comply all terms agreed in the contract. If there is any dispute between the parties relating to the contract, it shall be settled through negotiation and conciliation

Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực,nếu các bên muốn đơn phương chấp dứt hợp đồng thì phải thông báo trước cho bên A hoặc B thời gian là 1 tháng

During the validity of the contract, if the parties want to unilaterally terminate the contract, they mustInform notify party A or B within 1 months.

Hợp đồng này có hiệu lực một năm kể từ ngày ký và được lập thành bốn (04) bản song ngữ Việt-Anh, mỗi bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự xung đột, không tương thích, khác nhau giữa tiếng Việt và tiếng Anh trong hợp đồng này, bản Tiếng Việt sẽ là ngôn ngữ chính làm cơ sở để giải quyết tranh chấp.

This contract is valid for one year from the date of signing and is made into four (04) Vietnamese-English bilingual copies, each party keeps two (02) copies with the same legal validity. In case of any conflict, incompatibility or difference between Vietnamese and English in this contract, the Vietnamese version will be the primary language used as the basis for dispute resolution.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
TỔNG GIÁM ĐỐC	**GIÁM ĐỐC**
TSAI YING NAN	**NGUYỄN HOÀNG NHƯ Ý**

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

原则合同

Số/编号: 052024/HĐKT/LTH-THE-AHT

V/v: thu gom, vận chuyển tái sử dụng tro, xỉ than không nguy hại làm vật liệu xây dựng

关于: 回收、运输或直接使用无危害煤灰和煤渣作为建筑原料的合同

Hôm nay, ngày 18 tháng 05 năm 2024, tại Tp.Hồ Chí Minh. Chúng tôi gồm:

胡志明市，2024 年 05 月 18 日，各方包括：

BÊN A (chủ nguồn tro, xỉ than): CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

甲方 (廢物產生主): 連大興 (越南) 責任有限公司

- Mã số doanh nghiệp/稅號: 3901229591
- Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
  地址: 西寧省鵝油縣福東社福東工業區 N15 路 45 之 1 號
- Điện thoại/電話: 0276-3837666
- Đại diện: **Ông TSAI YING NAN** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
  代表: **蔡英男 先生** 職務: **總經理**

(Theo Giấy ủy quyền của Công ty TNHH Lian-ta-hsing (Việt Nam) được ký ngày 01/04/2022)

(根据联大兴（越南）有限公司 2022 年 4 月 1 日签署的授权委托书)

BÊN B (đơn vị thu gom, vận chuyển): CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY

乙方 (运输单位)：顺海能源股份公司

- Mã số doanh nghiệp/稅號: 0316812495
- Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà Thuận Hải, Lô Vb.20a2, Đường 24, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. HCM.
  地址: 胡志明市, 第七郡，新顺东坊, 新顺出口加工区, 24 号路, Vb.20a2 块
- Điện thoại /电话: 028 36226 880 Fax/传真: 028 36227 880
- Đại diện: **Ông NGUYỄN HỮU NAM** Chức vụ: **Giám đốc Điều hành**
  代表: 阮有南 职务: 經理

(Theo Giấy ủy quyền số 34/2023/GUQ-TGĐ/THE ký ngày 01/11/2023)

（根据 2023 年 11 月 01 日签署的第 34/2023/GUQ-TGĐ/THE 号授权委托书）

BÊN C (đơn vị tiếp nhận, tái sử dụng tro, xỉ than): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN AN HƯNG THÀNH

丙方 (接收煤灰和煤渣单位): 安兴成有限公司

- Mã số doanh nghiệp/税号: 3901118972
- Địa chỉ: Tổ 3, Ấp Long Chẩn, Xã Long Vĩnh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.
  地址：西宁省，周城县，龙永社，龙準邑，第三组
- Điện thoại/电话: 0913 884 442
- Đại diện: **Bà NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH** Chức vụ: **Giám đốc**
  代表: **阮氏美幸 女士** 职务: **经理**

Sau khi thảo luận, các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng thu gom, vận chuyển và tiếp nhận tro, xỉ than không nguy hại (sau đây gọi tắt là "**tro, xỉ than**") làm nguyên vật liệu xây dựng với các điều khoản và điều kiện sau:

经协商，各方同意签订本合同关于回收、运输与处理无危害煤灰和煤渣 (简称"煤灰和煤渣") 做建筑原材料，根据以下各项条款和条件:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

第一条: 合同内容

Bên B đồng ý giao và Bên C đồng ý tiếp nhận, tái sử dụng tro, xỉ than của Bên A đến Nhà máy sản xuất gạch của Bên C để Bên C sử dụng làm vật liệu xây dựng (gạch nung) theo đúng quy định.

乙方同意运输，丙方同意接收从甲方所收集的煤灰和煤渣到丙方的生产烧砖工厂，让丙方按照规定用作建筑材料 (烧砖).

- Phương tiện vận chuyển: Do xe Bên B chuyên chở, đảm bảo các yêu cầu về môi trường trong vận chuyển tro, xỉ than.
  运输设备: 由乙方车辆运输，运输无危害煤灰和煤渣时要确保环境要求.
- Địa điểm thu gom: Công Ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam) tại Lô 45-1 Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
  取煤渣地点: 西寧省鵝油縣福東社福東工業區 N15 路 45 之 1 號.
- Địa điểm tiếp nhận tro, xỉ than làm vật liệu xây dựng: Tổ 3, Ấp Long Chẩn, Xã Long Vĩnh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.
  接收、处理煤灰和煤渣地点: 西宁省，周城县，龙永社，龙準邑，第三组.

ĐIỀU 2. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

第二条：各方的责任

Biên bản giao nhận khối lượng tro, xỉ than trên mỗi chuyến sẽ được Bên A, Bên B, Bên C cùng ký xác nhận. Vào ngày 25 hàng tháng, Bên A, Bên B và Bên C tiến hành thống kê, tổng kết khối lượng tro, xỉ than đã chuyển giao trong tháng và lập Biên bản đối chiếu khối lượng giữa các Bên. Số liệu được ghi nhận tại trạm cân của Bên A sẽ được dùng làm cơ sở thanh toán.

每趟灰煤渣量交收记录由乙方和丙方签字证明. 每月25日，甲、乙、丙三方对当月转灰、煤渣量进行统计汇总, 并形成甲、乙、丙三方量比记录. 甲方称重站记录的数据将作为付款依据.

2.1. Bên A/ 甲方

1) Bên A hỗ trợ Bên B cho xe ra vào cổng tiếp nhận, vận chuyển tro, xỉ than.
甲方协助乙方让车辆进出工厂收集和运输无害的煤灰煤渣.

2) Chuyển giao tro, xỉ than và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình tiếp nhận chuyển giao, vận chuyển tro, xỉ than ra khỏi địa điểm thu gom.
转移无危害煤灰煤渣, 并协助乙方在接收、转移、运输过程中顺利进行.

3) Phối hợp cùng Bên B, Bên C đối chiếu, xác nhận khối lượng tro, xỉ than chuyển giao, xử lý trong tháng và ký xác nhận Biên bản đối chiếu khối lượng làm căn cứ cho việc thanh toán.
與乙丙方協調, 比對確認上月轉運處理的灰煤渣量, 並簽訂量比記錄作為付款依據.

4) Không tiết lộ bất kỳ thông tin nào trong Hợp đồng này cho bất cứ Bên không liên quan nào biết.
对与有关的所有信息和文件需要保密, 不能披露有关信息给没有相关的单位.

2.2. Bên B/ 乙方

1) Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển tro, xỉ than của Bên A đến Nhà máy sản xuất gạch của Bên C để Bên C tái chế, tái sử dụng làm vật liệu xây dựng.
乙方负责将乙方客户的煤灰和煤渣运至丙方的生产免烧砖工厂, 让丙方回收和再利用作为建筑材料.

2) Bên B chịu trách nhiệm thanh toán chi phí tiếp nhận, xử lý tro, xỉ than cho Bên C. Đơn giá sẽ được Bên B và Bên C thống nhất dựa trên Hợp đồng nguyên tắc giữa Bên B và Bên C.

乙方負責為丙方支付接收和處理灰渣和煤渣的費用，單價由乙丙雙方根據乙丙雙方的本合同約定.

3) Bên B xác nhận số lượng, khối lượng tro, xỉ than vận chuyển, chuyển giao bằng cách ký vào Biên bản giao nhận theo đúng quy định.

乙方通过签署无危害煤渣移交记录表来确认运输数量以及重量.

4) Phối hợp cùng với Bên A, Bên C đối chiếu, xác nhận khối lượng tro, xỉ than tiếp nhận, vận chuyển trong tháng và ký xác nhận Biên bản đối chiếu khối lượng làm căn cứ cho việc thanh toán.

與甲方、丙方協調比對確認上月灰煤渣收運量，並簽訂比量記錄作為付款依據.

5) Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm về mặt pháp luật khi để phát sinh các sự cố trong quá trình vận chuyển tro, xỉ than.

在运输无危害煤渣的过程中若出现任何问题，乙方承担全部有关法律责任.

6) Không tiết lộ bất kỳ thông tin nào trong Hợp đồng này cho bất cứ Bên không liên quan nào biết.

对与有关的所有信息和文件需要保密，不能披露有关信息给没有相关的单位.

2.3. Bên C/ 丙方

1) Đảm bảo tiếp nhận toàn bộ tro, xỉ than và bố trí khu vực thích hợp để tái chế, tái sử dụng tro, xỉ than do Bên B vận chuyển đến.

确保接收全部的煤渣以及安排适合的区域以便处理由乙方运来的煤渣.

2) Bên C phải cung cấp cho Bên A và Bên B các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A, Bên B yêu cầu. Bên C đảm bảo các hồ sơ, giấy phép liên quan đến việc sử dụng tro xỉ than làm vật liệu xây dựng có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Trong trường hợp các giấy phép/hồ sơ nói trên bị thu hồi hoặc hết hiệu lực thì Bên C có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên A, Bên B. Nếu Bên C không bổ sung, gia hạn được các giấy phép/hồ sơ nêu trên, các Bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho các công việc đã thực hiện bởi Bên C.

甲方与乙方有需求时，丙方应提供有关接收和处理的相关法律文件. 丙方要保证有关处理和接收无危害煤渣做建筑材料的相关法律文件在此合同实施期间有效. 如果许可证或有关文件被收回或无效力，丙方必需及时通知甲方和乙方. 若丙方未能补充或延长上述许可证/文件，其余各方有权利在丙方完成所执行工作的财务义务后立即单方面终止合同.

3) Chịu trách nhiệm tái chế, tái sử dụng toàn bộ tro, xỉ than làm vật liệu xây dựng đúng theo quy định pháp luật về môi trường, các quy định pháp luật liên quan và không chuyển giao tro, xỉ than của Bên A cho Bên nào khác khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A và Bên B.
丙方确保按照环境法律进行回收和再利用对所有无害煤灰和煤渣作为建筑材料，并且若未经甲方和乙方同意，不能将甲方的无害煤灰和煤渣转移给第三方.

4) Bên C xác nhận số lượng, khối lượng tro, xỉ than tiếp nhận, tái chế, tái sử dụng bằng cách ký vào Biên bản giao nhận theo đúng quy định.
丙方通过签署无危害煤渣移交记录表来确认接收数量以及重量.

5) Bên C đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và chịu toàn bộ trách nhiệm về mặt pháp luật khi để phát sinh các sự cố trong việc sử dụng tro, xỉ than làm vật liệu xây dựng, kể từ thời điểm Bên B bàn giao tro, xỉ than cho Bên C tại địa điểm tiếp nhận tro, xỉ than.
自乙方将甲方的煤渣移交给丙方的接收无害煤渣场地后，丙方确保遵守法律并承担全部法律责任，若在处理煤灰和煤渣作为建筑材料时出现任何问题则丙方全权负责承担责任.

6) Phối hợp cùng với Bên A, Bên B đối chiếu, xác nhận khối lượng tro, xỉ than tiếp nhận, tái chế, tái sử dụng trong tháng và ký xác nhận Biên bản đối chiếu khối lượng làm căn cứ cho việc thanh toán.
與甲、乙方協調比對確認上月接收、回收、再利用的灰渣量，並簽署量比對記錄作為付款依據.

7) Không tiết lộ bất kỳ thông tin nào trong Hợp đồng này cho bất cứ Bên không liên quan nào biết.
对与有关的所有信息和文件需要保密，不能披露有关信息给没有相关的单位.

ĐIỀU 3. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

第三条. 合同纠纷以及解决纠纷

3.1. Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
在落实合同过程中若有任何问题，各方应尽全力协助，商量解决.

3.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương nhân Việt Nam (VTA) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm giải quyết tranh chấp tại Tp. Hồ Chí Minh.
因本合同引起或与本合同相关的任何争议将根据越南商人仲裁中心（VTA）的仲裁规则解决。争议解决地点将在胡志明市实行.

3.3. Hợp đồng này được lập, giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
本合同依照越南主义社会共和国法律来成立，解释及调整.

ĐIỀU 4. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第四条. 共同条款

4.1. Các Bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, các Bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng cách thương lượng trên tinh thần hợp tác và các Bên cùng có lợi. Nếu một trong các Bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo cho các Bên còn lại bằng văn bản trước một tháng.
各方同意落实合同的所有条款. 在落实合同过程中，若有任何困难，阻碍发生，各方应以三方互利的精神上协商解决. 若其中任何一方希望在合同期满前单方终止合同，应提前一个月以书面形式通知对方.

4.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ kết thúc ngày **31/12/2025.** Khi Hợp đồng hết hạn nếu các Bên đã hoàn thành hết nghĩa vụ của mình như được quy định tại Hợp đồng này thì Hợp đồng xem như tự thanh lý. Nếu có nhu cầu tiếp tục hợp tác, các Bên sẽ cùng bàn bạc, thảo luận việc ký kết Hợp đồng mới.
本合同有效期自签订之日起开始生效至 2025 年 12 月 31 日结束. 在合同结束时若各方均已全部完成自身在本合同中规定的任务则此合同将视为自动清理. 如各方有继续合作的需求便讨论商量并签订新合同.

4.3. Toàn bộ những sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng này chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản và được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký kết.

若有补充条款，要书面形式三方代表签字生效.

4.4. Không Bên nào có quyền chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho một Bên khác mà không có sự đồng ý bằng văn bản của các Bên còn lại.
在没得到另外两方书面同意，任何一方不得将本合同权利和义务转交其他单位或个人.

4.5. Hợp đồng này được lập thành 06 bản (song ngữ). Mỗi Bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Hoa, thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên xem xét.
此合同立为 06 份 (双语) 各方执 02 份，具有相同的法律价值. 若中越文翻译之间有任何差异，则越文的优先考虑.

ĐẠI DIỆN BÊN A 甲方代表	ĐẠI DIỆN BÊN B 阮有南	ĐẠI DIỆN BÊN C 丙方代表
TSAI YING NAN	NGUYỄN HỮU NAM	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

1. Tên chủ xử lý: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ**
   Địa chỉ văn phòng: 12 đường số 6, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
   Địa chỉ cơ sở: Lô G, CCN Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa,Tỉnh Long An
   Điện thoại: 028. 3893 8283 - 0272. 3753 646 Fax: 028. 38731399
   Email: chanly@chanly.com.vn
   Website: www.chanly.com.vn
   Đại diện: TRẦN THỊ CẨM TÚ Chức vụ: Nhân viên
2. Tên chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)**
   Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh
   Điện thoại: .....
   Đại diện: .....Chức vụ: .....
3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Ghi chú
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Phẩm màu và chất thải có dính TPNH		x		10 02 02	230	
2	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	6440	
3	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	30	
4	Dầu thải		x		17 02 04	100	
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	260	
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	240	
7	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	60	
8							
9							
10							
11							
	TỔNG CỘNG					7.360	

4. Xe vận chuyển chất thải BKS: 62C-06886

ĐẠI DIỆN CHỦ NGUỒN THẢI
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ XỬ LÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Cẩm Tú

Liên 1: Màu trắng (Bản gốc) Liên 2: Màu hồng (Giao khách hàng) Liên 3: Màu xanh (Nội bộ)

TỈNH/THÀNH PHỐ
LONG AN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:...../2023/ 3-4-5-6.049.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049.VX
Địa chỉ văn phòng : 12 đường số 6, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.38938283
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An ĐT: 027.23753646

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: .....Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : .....ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở :.....ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)** Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở : : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Phẩm màu và chất thải có dính TPNH	x			10 02 02	**230**	Phối trộn, TĐ, HR
2	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	**6.440**	Phối trộn, TĐ, HR
3	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	**30**	Nghiền, PT, HR
4	Dầu thải		x		17 02 04	**100**	TC, TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	**260**	Súc rửa, TC, XLNT, TĐ, HR
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	**240**	Súc rửa, TC, XLNT, TĐ, HR
7	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	**60**	Phối trộn, TĐ, HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện : ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 62C-06886

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Thị Cẩm Tú Ký: ..... Ngày: 28/9/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tây Ninh, ngày 28 tháng 9 năm 2023

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) M.S.D.N: 3901229599 C.T.T.N.H.H H.GÒ DẦU T. TÂY NINH

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 10 tháng 10 năm 2023

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ M.S.D.N: 1101788881 C.T.T.N.H.H HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

P. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Trân

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐
Ghi chú : ..... (Ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Ban hành theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT

TỈNH/THÀNH PHỐ
LONG AN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 09.1.../2023/ 3-4-5-6.049.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049.VX
Địa chỉ văn phòng : 12 đường số 6, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.38938283
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An ĐT: 027.23753646

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: .....Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : .....ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở :.....ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)** Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở : : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Phẩm màu và chất thải có dính TPNH	x			10 02 02	**230**	Phối trộn, TĐ, HR
2	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	**6.440**	Phối trộn, TĐ, HR
3	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	**30**	Nghiền, PT, HR
4	Dầu thải		x		17 02 04	**100**	TC, TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	**260**	Súc rửa, TC, XLNT, TĐ, HR
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	**240**	Súc rửa, TC, XLNT, TĐ, HR
7	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	**60**	Phối trộn, TĐ, HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện : ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 62C-06886

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Thị Cẩm Tú Ký: ..... Ngày: 28/9/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tây Ninh, ngày 28 tháng 9 năm 2023

M.S.D.N: 3900[illegible] - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) - H.GÒ DẦU - T. TÂY NINH

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 10 tháng 10 năm 2023

P. GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1100789943 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ - HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

Nguyễn Thị Ngọc Trân

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐
Ghi chú : ..... (Ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Ban hành theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT

Veritas ENVIRONMENT

PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 25 tháng 3 năm 23

Mẫu: GNCT - 3L

Số:.....

1. Tên chủ xử lý: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ**

Địa chỉ văn phòng: 60 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM

Địa chỉ cơ sở: Lô G, CCN Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Long An

Điện thoại: 028. 3893 8283 - 0272. 3753 646 Fax: 028. 38731399

Email: chanly@chanly.com.vn

Website: www.chanly.com.vn

Đại diện: Nguyễn Minh Thuy Chức vụ: TX

2. Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Liên Tá - HSMG

Địa chỉ: Lô 11 Phước Đông - Gò Dầu Tây Ninh

Điện thoại:.....

Đại diện:..... Chức vụ:.....

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Khối lượng (Kg)	Ghi chú
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Rác Thải (NH)					5330	
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
	Tổng cộng					5330	

4. Xe vận chuyển chất thải BKS: 62C-068.86

ĐẠI DIỆN CHỦ NGUỒN THẢI
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngô Tấn Lộc 3/25

ĐẠI DIỆN CHỦ XỬ LÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Minh Thuy

Liên 1: màu trắng (Bản gốc) Liên 2: màu hồng (Giao khách hàng) Liên 3: màu xanh (Nội bộ)

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
230324002

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 2 **Ngày in** *(Date)*: 01 - 25/03/2023 14:37:42

***Khách hàng** *(Customer)*:*	CHÂN LÝ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:*	62C-06886	**Cân vào** *(Weight in)*:	6,770 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:*	CHẤT THẢI NGUY HẠI	**Cân ra** *(Weight out)*:	12,100 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	25/03/23 09:36:17	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	25/03/23 14:37:42	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**5,330 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Thủ Kho *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Nguyễn Minh Phụng	Nguyễn Bửu Lộc	Ngô Tấn Lộc 3/25.

TỈNH/THÀNH PHỐ
LONG AN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 03.169/2023/ 3-4-5-6.049.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049.VX
Địa chỉ văn phòng : 12 đường số 6, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.38938283
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An ĐT: 027.23753646

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: .....Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : .....ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở :.....ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)** Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở : : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	**5.160**	Phối trộn, TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	**5**	Nghiền, PT, HR
3	Phẩm màu và chất thải có dính TPNH		x		10 02 02	**120**	Phối trộn, TĐ, HR
4	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	**45**	Phối trộn, TĐ, HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện : ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 62C-06886

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Thị Cẩm Tú Ký: ..... Ngày: 25/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tây Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2023

M.S.D.N: 3901229591 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) - H.GÒ DẦU - T. TÂY NINH

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 04 tháng 04 năm 2023

M.S.D.N: 1100789943 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ - HUYỆN ĐỨC HÒA-TỈNH LONG AN

P. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Trân

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú : ..... (Ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Ban hành theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT

TỈNH/THÀNH PHỐ
LONG AN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 03.169/2023/ 3-4-5-6.049.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049.VX
Địa chỉ văn phòng : 12 đường số 6, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.38938283
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An ĐT: 027.23753646

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: .....Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : .....ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở :.....ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)** Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở : : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	**5.160**	Phối trộn, TĐ, HR
2	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	**5**	Nghiền, PT, HR
3	Phẩm màu và chất thải có dính TPNH		x		10 02 02	**120**	Phối trộn, TĐ, HR
4	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	**45**	Phối trộn, TĐ, HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện : ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 62C-06886

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Thị Cẩm Tú Ký: ..... Ngày: 25/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tây Ninh, ngày 25 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM) M.S.D.N: 3901229581 C.T.T.N.H.H H.GÒ DẦU - T.TÂY NINH

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 04 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ M.S.D.N: 1100789943 C.T.T.N.H.H HUYỆN ĐỨC HÒA-TỈNH LONG AN

P. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Trân

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐
Ghi chú : ..... (Ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Ban hành theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT

PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 25 tháng 03 năm 2023

1. Tên chủ xử lý: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ**
   Địa chỉ văn phòng: 12 đường số 6, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
   Địa chỉ cơ sở: Lô G, CCN Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa,Tỉnh Long An
   Điện thoại: 028. 3893 8283 - 0272. 3753 646 Fax: 028. 38731399
   Email: chanly@chanly.com.vn
   Website: www.chanly.com.vn
   Đại diện: TRẦN THỊ CẨM TÚ Chức vụ: Nhân viên
2. Tên chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)**
   Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh
   Điện thoại: .....
   Đại diện: .....Chức vụ: .....
3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Ghi chú
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	**5.160**	
2	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	**5**	
3	Phẩm màu và chất thải có dính TPNH		x		10 02 02	**120**	
4	Giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	**45**	
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
	TỔNG CỘNG					**5.330**	

4. Xe vận chuyển chất thải BKS: 62C-06886

ĐẠI DIỆN CHỦ NGUỒN THẢI
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

ĐẠI DIỆN CHỦ XỬ LÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Cẩm Tú

Liên 1: Màu trắng (Bản gốc) Liên 2: Màu hồng (Giao khách hàng) Liên 3: Màu xanh (Nội bộ)

TỈNH/THÀNH PHỐ
LONG AN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01.99./2024/ 3-4-5-6.049.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049.VX
Địa chỉ văn phòng : 12 đường số 6, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.38938283
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An ĐT: 027.23753646

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: .....Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : .....ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở :.....ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)** Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở : : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Phẩm màu và chất thải có dính TPNH	x			10 02 02	**100**	Phối trộn, TĐ, HR
2	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	**7.800**	Phối trộn, TĐ, HR
3	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	**20**	Nghiền, PT, HR
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	**80**	Súc rửa, TC, XLNT, TĐ, HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện : ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 62C-06886

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Thị Cẩm Tú Ký: ..... Ngày: 17/01/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tây Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 23 tháng 1 năm 2024

Giám Đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ

Lê Thị Thanh Thúy

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐
Ghi chú : ..... (Ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Ban hành theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT

TỈNH/THÀNH PHỐ
LONG AN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01.99./2024/ 3-4-5-6.049.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.049.VX
Địa chỉ văn phòng : 12 đường số 6, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.38938283
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô G, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An ĐT: 027.23753646

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: .....Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : .....ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở :.....ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)** Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở : : Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Phẩm màu và chất thải có dính TPNH	x			10 02 02	**100**	Phối trộn, TĐ, HR
2	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	**7.800**	Phối trộn, TĐ, HR
3	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	**20**	Nghiền, PT, HR
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	**80**	Súc rửa, TC, XLNT, TĐ, HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện : ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 62C-06886

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Thị Cẩm Tú Ký: ..... Ngày: 17/01/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tây Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Long An, ngày 23 tháng 1 năm 2024

Giám Đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ

Lê Thị Thanh Thúy

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú : ..... (Ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Ban hành theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT

PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Ngày 17 tháng 01 năm 2024

1. Tên chủ xử lý: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ**
   Địa chỉ văn phòng: 12 đường số 6, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
   Địa chỉ cơ sở: Lô G, CCN Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa,Tỉnh Long An
   Điện thoại: 028. 3893 8283 - 0272. 3753 646 Fax: 028. 38731399
   Email: chanly@chanly.com.vn
   Website: www.chanly.com.vn
   Đại diện: TRẦN THỊ CẨM TÚ Chức vụ: Nhân viên
2. Tên chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)**
   Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, X.Phước Đông, H.Gò Dầu, T.Tây Ninh
   Điện thoại: .....
   Đại diện: .....Chức vụ: .....
3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Ghi chú
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Phẩm màu và chất thải có dính TPNH	x			10 02 02	**100**	
2	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	**7.800**	
3	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	**20**	
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	**80**	
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
	TỔNG CỘNG					**8.000**	

4. Xe vận chuyển chất thải BKS: 62C-06886

ĐẠI DIỆN CHỦ NGUỒN THẢI
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ XỬ LÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Cẩm Tú

Liên 1: Màu trắng (Bản gốc) Liên 2: Màu hồng (Giao khách hàng) Liên 3: Màu xanh (Nội bộ)

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240117007

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 2 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 17/01/2024 15:36:48

***Khách hàng** *(Customer)*:	CHÂN LÝ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	62C-06886	**Cân vào** *(Weight in)*:	6,760 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	CHẤT THẢI NGUY HẠI	**Cân ra** *(Weight out)*:	14,760 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	17/01/24 09:42:53	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	17/01/24 15:36:48	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**8,000 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Tài xế ~~**Thủ Kho** *(Stocker)*~~	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Nguyễn minh Thuận		01/17.

Veritas ENVIRONMENT

PHIẾU GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Mẫu: GNCT - 3L

Ngày 17 tháng 1 năm 24

Số:.....

1. Tên chủ xử lý: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ**

Địa chỉ văn phòng: 12 Đường Số 6, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM

Địa chỉ cơ sở: Lô G, CCN Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Long An

Điện thoại: 028. 3893 8283 - 0272. 3753 646 Fax: 028. 38731399

Email: chanly@chanly.com.vn

Website: www.chanly.com.vn

Đại diện: Nguyễn Minh Thuận Chức vụ: TX

2. Tên chủ nguồn thải: CTy TNHH Xiang Ta Hsing

Địa chỉ: 2045 1 Đường N15 KCN Thuận Đông H. Cần Đước T.N

Điện thoại:.....

Đại diện:.....Chức vụ:.....

3. Nội dung giao nhận chất thải giữa hai bên:

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Khối lượng (Kg)	Ghi chú
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Rác (TH)					8000	
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
	Tổng cộng					8000	

4. Xe vận chuyển chất thải BKS: 62C-068.26

ĐẠI DIỆN CHỦ NGUỒN THẢI
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngô Tấn Lộc

ĐẠI DIỆN CHỦ XỬ LÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Minh Thuận

Liên 1: Màu trắng (Bản gốc) Liên 2: Màu hồng (Giao khách hàng) Liên 3: Màu xanh (Nội bộ)

CÔNG TY TNHH TM DV XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG KHẢI TIẾN PHÁT
Địa chỉ: Lô CN.2605, KKT Cửa Khẩu Hoa Lư, x Lộc Thạnh, H Lộc Ninh, T Bình Phước
MST: 3801156935
Điện thoại: 0271.6262.999/777
Email: khaitienphat.vn

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Hôm nay, Ngày 3 *Tháng* 7 *Năm* 2024

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING (VIỆT NAM)

Đại diện: Ngô Tấn Lộc Chức vụ: Tổng Vụ

Địa chỉ: Lô 45-1, Đường N14, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tây Ninh.

2. Đơn vị tiếp nhận xử lý: **CÔNG TY TNHH TM DV XLMT KHẢI TIẾN PHÁT**

Đại diện: Bùi Văn Duy Chức vụ: TX

Số xe: 61H-133.31

3. Kê khai chất thải giao nhận giữa hai bên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)
		Rắn	Lỏng	Bùn		
1	Hộp mực in thải	x			08 02 04	
2	Phẩm màu và chất nhuộm thải có chứa TPNH	x			10 02 02	100
3	Bùn thải có chứa TPNH từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05	
4	Dung dịch thải có TPNH từ quá trình nhuộm		x		10 02 04	
5	Chất thải lây nhiễm		x		13 01 01	
6	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	10
7	Các loại dầu động cơ, hợp số và bôi trơn thải		x		17 02 04	
8	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	7900
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	
11	Chất hấp thụ, giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	50
12	Pin, ắc quy chì thải				19 06 01	
13	Các loại chất thải khác có các TPNH, hữu cơ		x		19 12 02	
TỔNG KHỐI LƯỢNG						8060

Biên bản này được lập thành 02 bản. Bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị như nhau.
Ghi chú: .....

Đại diện chủ nguồn thải	Đại diện tiếp nhận, xử lý
Ngô Tấn Lộc	Bùi Văn Duy

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240703006

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 2 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 03/07/2024 15:19:44

***Khách hàng** *(Customer)*:	KHẢI TIẾN PHÁT	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	61H-13331	**Cân vào** *(Weight in)*:	12,670 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	CHẤT THẢI NGUY HẠI	**Cân ra** *(Weight out)*:	20,730 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	03/07/24 08:58:52	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	03/07/24 15:19:44	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**8,060 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Tài xế *(Driver)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Bùi văn Duy		

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 01-LTH /2024/ 343/GPMT-BTNMT

1. Chủ xử lý CTNH 1: **CÔNG TY TNHH TM DV XLMT KHẢI TIẾN PHÁT** Mã số GPMT: 343/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Lô CN.2605, khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Điện thoại: 0271.6262.999/777
Địa chỉ cơ sở/đại lý:.....ĐT: .....

2. Chủ xử lý CTNH 2 :.....Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:.....ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING (VI ỆT NAM)** Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng: Lô 45-1, Đường N14, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tây Ninh.
ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương ph xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in thải	x			08 02 04		T Đ
2	Phẩm màu và chất nhuộm thải có chứa TPNH	x	x		10 02 02	100	T Đ
3	Bùn thải có chứa TPNH từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		
4	Dung dịch thải có TPNH từ quá trình nhuộm		x		10 02 04		T Đ
5	Chất thải lây nhiễm	x	x		13 01 01		T Đ
6	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	20	SC - TC
7	Các loại dầu động cơ, hợp số và bôi trơn thải		x		17 02 04	100	TC
8	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	8060	T Đ
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại(phuy)	x			18 01 02	36	TC
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	64	TC
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa(phuy)	x			18 01 03		TC
12	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	100	TC
13	Chất hấp thụ, giẻ lau nhiễm TPNH				18 02 01	100	T Đ
14	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		SC – TC
15	Các loại chất thải khác có TPNH, hữu cơ	x	x	x	19 12 02		T Đ

TỔNG KHỐI LƯỢNG	8580	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/ kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 61C-427.0

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Lê Thế Hùng Ký: Hùng Ngày: 25/4/20

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tây Ninh , ngày 25 tháng 4 năm 2024

Chức danh người ký

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

M.S.D.N: 3901229591 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
H. GÒ DẦU - T. TÂY NINH

8. Chủ CS DVXL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã ho thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phươn pháp như kê khai ở mục 4

Bình Phước , ngày.....tháng..... năm.....

Chức danh người ký

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

NGUYỄN VĂN CHÍ

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☑ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 01-LTH/2024/343/GPMT-BTNMT

1. Chủ xử lý CTNH 1: **CÔNG TY TNHH TM DV XLMT KHẢI TIẾN PHÁT** Mã số GPMT: 343/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Lô CN.2605, khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
Điện thoại: 0271.6262.999/777
Địa chỉ cơ sở/đại lý:.....ĐT: .....

2. Chủ xử lý CTNH 2 :.....Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:.....ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING (VI ỆT NAM)** Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng: Lô 45-1, Đường N14, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tây Ninh.
ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương ph xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in thải	x			08 02 04		T Đ
2	Phẩm màu và chất nhuộm thải có chứa TPNH	x	x		10 02 02	100	T Đ
3	Bùn thải có chứa TPNH từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		
4	Dung dịch thải có TPNH từ quá trình nhuộm		x		10 02 04		T Đ
5	Chất thải lây nhiễm	x	x		13 01 01		T Đ
6	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	20	SC - TC
7	Các loại dầu động cơ, hợp số và bôi trơn thải		x		17 02 04	100	TC
8	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	8060	T Đ
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại(phuy)	x			18 01 02	36	TC
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	64	TC
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa(phuy)	x			18 01 03		TC
12	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	100	TC
13	Chất hấp thụ, giẻ lau nhiễm TPNH				18 02 01	100	T Đ
14	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		SC – TC
15	Các loại chất thải khác có TPNH, hữu cơ	x	x	x	19 12 02		T Đ

TỔNG KHỐI LƯỢNG	8580	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 61C-427.(

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Lê Thị Hưng Ký: Hưng Ngày: 25/4/20

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Tây Ninh , ngày 25 tháng 4 năm 2024

Chức danh người ký

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

M.S.D.N: 3901229591 - C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TNHH LIAN-TA HSING (VIỆT NAM) ★ H.GÒ DẦU - T.TÂY NINH

8. Chủ CS DVXL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bình Phước , ngày 13 tháng 05 năm 2024

Chức danh người ký

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

M.S.D.N: 3801[illegible]-C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG KHẢI TIẾN PHÁT ★ H.LỘC NINH-T.BÌNH PHƯỚC

NGUYỄN VĂN CHÍ

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240424001

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 1 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 25/04/2024 13:47:21

***Khách hàng** *(Customer)*:	KHAI TIEN PHAT	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	61C-42700	**Cân vào** *(Weight in)*:	7,350 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	CHẤT THẢI NGUY HAI	**Cân ra** *(Weight out)*:	15,930 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	25/04/24 08:42:49	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	25/04/24 13:47:21	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**8,580 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Tài xế *(Driver)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Lê Thế Hùng		

CÔNG TY TNHH TM DV XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG KHẢI TIẾN PHÁT
Địa chỉ: Lô CN.2605, KKT Cửa Khẩu Hoa Lư, x Lộc Thạnh, H Lộc Ninh, T Bình Phước
MST: 3801156935
Điện thoại: 0271.6262.999/777
Email: khaitienphat.vn

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Hôm nay, Ngày 25 *Tháng* 4 *Năm* 2024

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING (VIỆT NAM)

Đại diện: Ngô Tấn Lợi Chức vụ: .....

Địa chỉ: Lô 45-1, Đường N14, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tây Ninh.

2. Đơn vị tiếp nhận xử lý: CÔNG TY TNHH TM DV XLMT KHẢI TIẾN PHÁT

Đại diện: Lê Thế Hưng Chức vụ: TX

Số xe: 61C- 427.00

3. Kê khai chất thải giao nhận giữa hai bên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)
		Rắn	Lỏng	Bùn		
1	Hộp mực in thải	x			08 02 04	
2	Phẩm màu và chất nhuộm thải có chứa TPNH	x			10 02 02	100
3	Bùn thải có chứa TPNH từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05	
4	Dung dịch thải có TPNH từ quá trình nhuộm		x		10 02 04	
5	Chất thải lây nhiễm		x		13 01 01	
6	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	20
7	Các loại dầu động cơ, hợp số và bôi trơn thải		x		17 02 04	100
8	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	8060
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại(phuy)	x			18 01 02	36
10	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	64
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa(phuy)	x			18 01 03	
12	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	100
13	Chất hấp thụ, giẻ lau nhiễm TPNH	x			18 02 01	100
14	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	
15	Các loại chất thải khác có các TPNH, hữu cơ		x		19 12 02	
TỔNG KHỐI LƯỢNG						8580

CÔNG TY TNHH TM DV XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG KHẢI TIẾN PHÁT
Địa chỉ: Lô CN.2605, KKT Cửa Khẩu Hoa Lư, x Lộc Thạnh, H Lộc Ninh, T Bình Phước
MST: 3801156935
Điện thoại: 0271.6262.999/777
Email: khaitienphat.vn

Biên bản này được lập thành 02 bản. Bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị như nhau.
Ghi chú: .....

Đại diện chủ nguồn thải	**Đại diện tiếp nhận, xử lý**
Ngô Tấn Lộc	Lê Thế Hưng

KHAI TIEN PHAT

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 02-LTH.../2024/ 343/GPMT-BTNMT

Chủ xử lý CTNH 1: **CÔNG TY TNHH TM DV XLMT KHẢI TIẾN PHÁT** Mã số GPMT: 343/GPMT-BTNMT
chỉ văn phòng: Lô CN.2605, khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
n thoại: 0271.6262.999/777
chỉ cơ sở/đại lý:.....ĐT: .....

Chủ xử lý CTNH 2 :.....Mã số QLCTNH: .....
chỉ văn phòng:.....ĐT: .....
chỉ cơ sở:.....ĐT: .....

Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING (VI ỆT NAM)** Mã số QLCTNH:.....
chỉ văn phòng: Lô 45-1, Đường N14, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tây Ninh.
.....
chỉ cơ sở:..... ĐT: .....

ê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
	Rắn	Lỏng	Bùn			
Hộp mực in thải	x			08 02 04		T Đ
Phẩm màu và chất nhuộm thải có chứa TPNH	x	x		10 02 02	100	T Đ
Bùn thải có chứa TPNH từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05		
Dung dịch thải có TPNH từ quá trình nhuộm		x		10 02 04		T Đ
Chất thải lây nhiễm	x	x		13 01 01		T Đ
Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	10	SC - TC
Các loại dầu động cơ, hợp số và bôi trơn thải		x		17 02 04		
Bao bì mềm thải	x			18 01 01	7900	T Đ
Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		
Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03		
Chất hấp thụ, giẻ lau nhiễm TPNH				18 02 01	50	T Đ
Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		SC – TC
Các loại chất thải khác có TPNH, hữu cơ	x	x	x	19 12 02		T Đ
TỔNG KHỐI LƯỢNG					8060	

lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT
n tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô
đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: CHH-13331

. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Bùi Văn Duy Ký: Duy Ngày: 31/7/2024

. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính
c các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Tây Ninh , ngày 3 tháng 7 năm 2024
Chức danh người ký
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

M.S.D.N: 3901239591 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)
H.GÒ DẦU - T.TÂY NINH

8. Chủ CS DVXL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước , ngày 31 tháng 08 năm 2024
Chức danh người ký
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

M.S.D.N: 3801156935 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG KHẢI TIẾN PHÁT
H.LỘC NINH-T.BÌNH PHƯỚC

NGUYỄN VĂN CHÍ

ên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240219003

Địa điểm *(Local):* CAU CAN 1 **Ca** *(Shift):* 2 **Ngày In** *(Date):* 01 - 19/02/2024 16:37:44

***Khách hàng** *(Customer):*	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out):*	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number):*	51D-48009	**Cân vào** *(Weight in):*	14,420 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo):*	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out):*	30,570 Kg
Giờ cân vào *(Time in):*	19/02/24 14:58:54	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight):*	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out):*	19/02/24 16:37:44	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight):*	**16,150 Kg**

Ghi chú *(Remark):*

Thủ Kho *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*







02/19.

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

CÔNG TY CỔ PHẦN ANH PHỐ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 19../02-2/BBBG

1. **Bên giao** (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

.....Công ty TNHH Liam-Ta-T/S(V.N).....

Địa chỉ văn phòng :....KCN Phước Đông - Gò Dầu - Tây Ninh..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. **Bên nhận**: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bùn Thải.....	16150	51D - 48009	
2	.....			
	Tổng khối lượng	16150		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 19 Tháng 02 Năm 2024	....., Ngày 19 Tháng 02 Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Tấn Lộc	Phạm Thị Thanh

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240219002

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 2 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 19/02/2024 14:54:51

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D-63290	**Cân vào** *(Weight in)*:	13,890 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	27,670 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	19/02/24 13:35:27	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	19/02/24 14:54:51	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**13,780 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Thủ Kho *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Hoàng Văn Thiết		19/02.

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 19../02-1./BBBG

1. **Bên giao** (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

.....Công ty TNHH Liam - Ka - Hsing (VN).....

Địa chỉ văn phòng :.....KCN Phước Đông - Gò Dầu - Tây Ninh..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. **Bên nhận**: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bùn thải	13780	51D - 63290	
2	.....			
	Tổng khối lượng	13780.		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 19.. Tháng 02.. Năm 2024	....., Ngày 19.. Tháng 02.. Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Văn Lộc	Hoàng Văn Thuận

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240219001

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 1 **Ngày In** *(Date)*: 02 - 19/02/2024 10:51:45

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D44788	**Cân vào** *(Weight in)*:	15,010 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	30,470 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	19/02/24 09:27:41	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	19/02/24 10:49:33	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**15,460 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Thủ Kho *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Luân		19/02.
Nguyễn Thanh Luân		

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 19../02../BBBG

1. **Bên giao** (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :
   ..... Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (VN) .....
   Địa chỉ văn phòng : KCN Phước Đông - Gò Dầu - Tây Ninh ĐT:.....
   Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. **Bên nhận**: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :
   CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ
   Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM
   Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bùn thải	15460	B	
2	.....		51D. 44788	bao
	Tổng khối lượng	15460		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3
Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.
Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.
Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 19. Tháng 02.. Năm 2024	....., Ngày 19 Tháng 2.. Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Tấn Lộc	Nguyễn Thành Luân

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240221008

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 2 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 21/02/2024 15:13:58

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D63290	**Cân vào** *(Weight in)*:	13,990 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	27,470 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	21/02/24 08:38:11	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	21/02/24 15:13:58	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**13,480 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Tài xế ~~Thủ Kho *(Stocker)*~~	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Hoàng Văn Thảo		02/21.

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 21../02-1./BBBG

1. **Bên giao** (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :
.....Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (VN).....
Địa chỉ văn phòng: KCN Phước Đông - Gò Dầu - Tây Ninh..... ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. **Bên nhận**: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ
Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM
Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bùn thải	13480	51C63290	
2	.....			
	Tổng khối lượng	13480		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3
Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.
Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.
Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 21 Tháng 02 Năm 2024	....., Ngày 21 Tháng 02 Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Tấn Lộc	Hoàng Văn Thuận

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240221005

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 1 **Ngày in** *(Date)*: 01 - 21/02/2024 10:21:00

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D48009	**Cân vào** *(Weight in)*:	13,990 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	29,950 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	21/02/24 10:20:45	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	21/02/24 10:21:00	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**15,960 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Thủ Kho *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 21./02../BBBG

1. **Bên giao** (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

Công ty TNHH JIAN TA MS JNG

Địa chỉ văn phòng :..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. **Bên nhận**: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Đèn thải.....	15960	51D - 48009	
2	.....			
	Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 21 Tháng 02 Năm 2024	....., Ngày 21 Tháng 02 Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Phan Lê Nhật Duy	Phạm Đăng Thanh

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240226002

Địa điểm *(Local):* CAU CAN 1 **Ca** *(Shift):* 1 **Ngày In** *(Date):* 01 - 26/02/2024 10:51:49

***Khách hàng** *(Customer):*	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out):*	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number):*	51D-44788	**Cân vào** *(Weight in):*	15,000 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo):*	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out):*	29,870 Kg
Giờ cân vào *(Time in):*	26/02/24 09:11:17	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight):*	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out):*	26/02/24 10:51:49	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight):*	**14,870 Kg**

Ghi chú *(Remark):*

Tài xế

~~Thủ Kho~~ *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
luân Nguyễn Thành Luân		

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 26../..02../BBBG

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

.....Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (VN).....

Địa chỉ văn phòng :..KCN Phước Đông - Gò Dầu - Tây Ninh..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. Bên nhận: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	...Bùn...Thải.....	14870	51D 44788	bao
2	.....			
	Tổng khối lượng	14870		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 26 Tháng 02 Năm 2024	....., Ngày 26 Tháng 2 Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Tấn Lộc	Nguyễn Thanh Luân

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240227001

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 2 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 27/02/2024 14:57:56

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D63290	**Cân vào** *(Weight in)*:	13,600 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	28,130 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	27/02/24 13:21:01	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	27/02/24 14:57:56	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**14,530 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Thủ Kho *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Hoàng văn thuận		02/27

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH THÀNH PHỐ	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT Số: 27./02./BBBG

1. **Bên giao** (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

Công ty TNHH Liam - Ta - H/Sing (VN)

Địa chỉ văn phòng : KCN Phước Đông - Gò Dầu - Tây Ninh ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. **Bên nhận**: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bùn thải	14530	51D 63290	
2	.....			
	Tổng khối lượng	14530		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 27 Tháng 02 Năm 2024	....., Ngày 27 Tháng 02 Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Tấn Lợi	Hoàng Văn Thiện

CÔNG TY TNHH
CÔNG NGHỆ SINH HỌC
SÀI GÒN XANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----o0o-----

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BIÊN BẢN XÁC NHẬN XỬ LÝ

V/v: Tiếp nhận và xử lý bùn thải không nguy hại phát sinh từ Công ty Lian- Ta- Hsing (Việt Nam) do Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Thuận Thiên Hà, thu gom vận chuyển.

Hôm nay, tại địa chỉ trụ sở văn phòng Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh 127 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận, hai Bên cùng tiến hành xác nhận khối lượng như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

Đại diện đơn vị tiếp nhận: Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh
Ông/Bà: Vũ Đình Hạnh Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh

Đại diện đơn vị bàn giao: Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Thuận Thiên Hà
Ông/Bà: Trần Văn Quang Chức vụ: Giám đốc

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN

Hai bên lập biên bản và xem xét các phiếu cân xác định khối lượng bùn thải chuyển giao cho Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh.

1. Thời gian thực hiện: Tháng 02 năm 2024

2. Khối lượng thực hiện:

STT	Ngày giao - nhận	Biển số xe	Khối lượng (Tấn)	Ghi chú
1	19/02/2024	51D-44788	15,46	
2	19/02/2024	51D-63290	13,78	
3	19/02/2024	51D-48009	16,15	
4	21/02/2024	51D-48009	15,96	
5	21/02/2024	51D-63290	13,48	
6	26/02/2024	51D-44788	14,87	
7	27/02/2024	51D-63290	14,53	
Tổng cộng			**104,23**	

3. Kết luận:

Hai bên thống nhất xác nhận khối lượng bùn thải của Công ty Lian- Ta- Hsing (Việt Nam) do Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Thuận Thiên Hà thu gom và vận chuyển được chuyển về Nhà Máy XLBT Sài Gòn Xanh trong tháng 02 năm 2024 là **104,23 tấn./.**

CÔNG TY CỔ PHẦN TM DV	**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC**
THUẬN THIÊN HÀ	**SÀI GÒN XANH**
Giám Đốc	**Trưởng phòng Kinh doanh**
Trần Văn Quang	**Vũ Đình Hạnh**

Email : thuanthienha.env@gmail.com
Hotline : 0938 668 217 -0988 088 571

BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG

"V/v Thu gom, vận chuyển và xử lý Bùn thải Công nghiệp"

- Căn cứ Hợp đồng số: 310-2024/HĐ.XLCT giữa CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING(VIỆT NAM) và Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thuận Thiên Hà.
- Căn cứ phiếu cân và Biên bản giao nhận.

Hôm nay, ngày 29 tháng 02 năm 2024. Công ty chúng tôi xin gửi khối lượng giao nhận Bùn thải như sau :

STT	Ngày tháng năm	Biển kiểm soát xe	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	19/02/2024	51D-44788	15.460	
2	19/02/2024	51D-63290	13.780	
3	19/02/2024	51D-48009	16.150	
4	21/02/2024	51D-48009	15.960	
5	21/02/2024	51D-63290	13.480	
6	26/02/2024	51D-44788	14.870	
7	27/02/2024	51D-63290	14.530	
	Tổng cộng		**104.230**	

Bằng chữ: ***Một trăm lẻ bốn ngàn hai trăm ba mươi kilogam.***

Đại diện bên nhận

Công ty Cổ Phần TM DV Thuận Thiên Hà

Giám Đốc

M.S.D.N: 0311085824 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ - Q.BÌNH TÂN - TP HỒ CHÍ MINH

Trần Văn Quang

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240314001

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 1 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 14/03/2024 11:20:33

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D-48009	**Cân vào** *(Weight in)*:	13,950 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	27,640 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	14/03/24 09:06:47	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	14/03/24 11:20:33	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**13,690 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Tài xế
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)

Thủ Kho *(Stocker)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)

Bảo Vệ *(Security*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)

Nhân viên cân *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 14./.03-1./BBBG

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

.....Công ty TNHH Liam-Ta-Hsing (VN).....

Địa chỉ văn phòng :..KCN Phước Đông - Gò Dầu - Tây Ninh.. ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. Bên nhận: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	...Bùn thải.....	13690	51D - 48009	
2	.....			
	Tổng khối lượng	13690		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 14 Tháng 03 Năm 2024	....., Ngày 14 Tháng 3 Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Tấn Lộc	Liêu Quang Trung

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240313002

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 1 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 14/03/2024 11:18:10

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D-63290	**Cân vào** *(Weight in)*:	13,700 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	28,140 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	14/03/24 08:59:13	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	14/03/24 11:18:09	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**14,440 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Tài xế

~~Thủ Kho~~ *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Hoàng Văn Thịnh		

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ ..... CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 14./.03../BBBG

1. **Bên giao** (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

.....Công ty TNHH Lian-Ta-Hong (VN).....

Địa chỉ văn phòng :.....KCN Phước Đông - Gò Dầu - Tây Ninh..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. **Bên nhận**: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	.....Bùn thải.....	14440.	51D63290	
2	.....			
	Tổng khối lượng	14440.		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 14 Tháng 3 Năm 2024	....., Ngày 14 Tháng 3 Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Trần Lộc	Hoàng Văn Thiện

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240321002

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 1 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 21/03/2024 11:03:38

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D48009	**Cân vào** *(Weight in)*:	13,920 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	28,800 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	21/03/24 08:49:09	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	21/03/24 11:03:38	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**14,880 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Thủ Kho *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Trần Kế		
Lâm Quang Thắng		

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240321001

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 1 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 21/03/2024 11:02:46

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D63290	**Cân vào** *(Weight in)*:	13,810 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	25,560 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	21/03/24 09:45:41	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	21/03/24 11:02:46	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**11,750 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Thủ Kho *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Hoàng Văn Thật		

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT Số: 21/03../BBBG

1. **Bên giao** (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

Công ty TNHH Liam-Ta-Hsing (VN)

Địa chỉ văn phòng :..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. **Bên nhận**: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bùn thải	11750	51063290	
2	.....			
	Tổng khối lượng			

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 21 Tháng 3 Năm 2024	....., Ngày 21 Tháng 3 Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Tấn Lộc	Hoàng Văn Thiện

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 21./03-1/BBBG

1. **Bên giao** (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

Công ty TNHH Liam - Tia - Hsuy (VN)

Địa chỉ văn phòng :..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. **Bên nhận**: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bùn Thải	14880	51D-148009	Đóc Bao Lời
2	.....			
	Tổng khối lượng	14880.		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 21.. Tháng 03.. Năm 2024	....., Ngày 21.. Tháng 3.... Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Tấn Lộc	Liu Quang Trung

CÔNG TY TNHH
CÔNG NGHỆ SINH HỌC
SÀI GÒN XANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----o0o-----

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

BIÊN BẢN XÁC NHẬN XỬ LÝ

V/v: Tiếp nhận và xử lý bùn thải không nguy hại phát sinh từ Công ty Lian- Ta- Hsing (Việt Nam) do Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Thuận Thiên Hà, thu gom vận chuyển.

Hôm nay, tại địa chỉ trụ sở văn phòng Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh 127 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận, hai Bên cùng tiến hành xác nhận khối lượng như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

Đại diện đơn vị tiếp nhận: Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh

Ông/Bà: Vũ Đình Hạnh — Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh

Đại diện đơn vị bàn giao: Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Thuận Thiên Hà

Ông/Bà: Trần Văn Quang — Chức vụ: Giám đốc

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN

Hai bên lập biên bản và xem xét các phiếu cân xác định khối lượng bùn thải chuyển giao cho Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh.

1. Thời gian thực hiện: Tháng 03 năm 2024

2. Khối lượng thực hiện:

STT	Ngày giao - nhận	Biển số xe	Khối lượng (Tấn)	Ghi chú
1	14/03/2024	51D-48009	13,69	
2	14/03/2024	51D-63290	14,44	
3	21/03/2024	51D-48009	14,88	
4	21/03/2024	51D-63290	11,75	
Tổng cộng			**54,76**	

3. Kết luận:

Hai bên thống nhất xác nhận khối lượng bùn thải của Công ty Lian- Ta- Hsing (Việt Nam) do Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Thuận Thiên Hà thu gom và vận chuyển được chuyển về Nhà Máy XLBT Sài Gòn Xanh trong tháng 03 năm 2024 là **54,76 tấn./.**

CÔNG TY CỔ PHẦN TM DV THUẬN THIÊN HÀ	**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC SÀI GÒN XANH**
Giám Đốc	**Trưởng phòng Kinh doanh**
Trần Văn Quang	**Vũ Đình Hạnh**

Email : thuanthienha.env@gmail.com
Hotline : 0938 668 217 -0988 088 571

BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG

"V/v Thu gom, vận chuyển và xử lý Bùn thải Công nghiệp"

- Căn cứ Hợp đồng số: 310-2024/HĐ.XLCT giữa CÔNG TY TNHH LIAN TA HSING(VIỆT NAM) và Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thuận Thiên Hà.
- Căn cứ phiếu cân và Biên bản giao nhận.

Hôm nay, ngày 30 tháng 01 năm 2024. Công ty chúng tôi xin gửi khối lượng giao nhận Bùn thải như sau :

STT	Ngày tháng năm	Biển kiểm soát xe	Số lượng (kg)	Ghi chú
1	19/01/2024	51D-44788	12.030	
2	19/01/2024	51D-48009	13.970	
	Tổng cộng		**26.000**	

Bằng chữ: ***Hai mươi sáu ngàn kilogam.***

Đại diện bên nhận

Công ty Cổ Phần TM DV Thuận Thiên Hà

Giám Đốc

M.S.D.N:0311085824 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ
Q.BÌNH TÂN - TP.HỒ CHÍ MINH

Trần Văn Quang

CÔNG TY TNHH
CÔNG NGHỆ SINH HỌC
SÀI GÒN XANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----o0o-----

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01năm 2024

BIÊN BẢN XÁC NHẬN XỬ LÝ

V/v: Tiếp nhận và xử lý bùn thải không nguy hại phát sinh từ Công ty Lian- Ta- Hsing (Việt Nam) do Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Thuận Thiên Hà, thu gom vận chuyển.

Hôm nay, tại địa chỉ trụ sở văn phòng Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh 127 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận, hai Bên cùng tiến hành xác nhận khối lượng như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

Đại diện đơn vị tiếp nhận: Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh

Ông/Bà: Lê Thanh Huy Chức vụ: Giám đốc

Đại diện đơn vị bàn giao: Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Thuận Thiên Hà

Ông/Bà: Trần Văn Quang Chức vụ: Giám đốc

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN

Hai bên lập biên bản và xem xét các phiếu cân xác định khối lượng bùn thải chuyển giao cho Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh.

1. Thời gian thực hiện: Tháng 01 năm 2024

2. Khối lượng thực hiện:

STT	Ngày giao - nhận	Biển số xe	Khối lượng (Tấn)	Ghi chú
1	19/01/2024	51D-44788	12,03	
2	19/01/2024	51D-48009	13,97	
Tổng cộng			**26,00**	

3. Kết luận:

Hai bên thống nhất xác nhận khối lượng bùn thải của Công ty Lian- Ta- Hsing (Việt Nam) do Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Thuận Thiên Hà thu gom và vận chuyển được chuyển về Nhà Máy XLBT Sài Gòn Xanh trong tháng 01 năm 2024 là **26,00 tấn./.**

CÔNG TY CỔ PHẦN TM DV THUẬN THIÊN HÀ	**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC SÀI GÒN XANH**
Giám Đốc	**Giám đốc**
Trần Văn Quang	**Lê Thanh Huy**

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240119001

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 1 **Ngày In** *(Date)*: 02 - 19/01/2024 11:24:20

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D-44788	**Cân vào** *(Weight in)*:	15,090 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	27,120 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	19/01/24 09:13:09	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	19/01/24 11:23:11	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**12,030 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Tài xế ~~Thủ Kho~~ *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
luân		
Vũ Thành Luân		01/19.

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ ..... CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 19./.01.../BBBG

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

..... Công ty TNHH Liam - Ta - Hsing (VN) .....

Địa chỉ văn phòng : KCN Phước Đông - Gò Dầu - Tây Ninh ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. Bên nhận: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bùn thải	12030.	51D 44788	bao
2	.....			
	Tổng khối lượng	12030		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., Ngày 19. Tháng 01. Năm 2024	....., Ngày 19. Tháng 1. Năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Tấn Lộc	Nguyễn Thành Luân

CÔNG TY TNHH LIA TA HSING
ĐC:Lô 45-1,Đường N15,KCN Phước Đông,Xã Phước Đông,H.Gò Dầu,Tây Ninh
ĐT: 0276.383.7666-667

PHIẾU CÂN HÀNG

Số phiếu *(Serial)*
240119002

Địa điểm *(Local)*: CAU CAN 1 **Ca** *(Shift)*: 1 **Ngày In** *(Date)*: 01 - 19/01/2024 11:25:29

***Khách hàng** *(Customer)*:	THUẬN THIÊN HÀ	**Xuất / Nhập** *(In/Out)*:	XUẤT
***Số xe** *(Truck Number)*:	51D-48009	**Cân vào** *(Weight in)*:	13,900 Kg
***Hàng hóa** *(Cargo)*:	BÙN THẢI	**Cân ra** *(Weight out)*:	27,870 Kg
Giờ cân vào *(Time in)*:	19/01/24 09:17:23	**Trọng lượng bì** *(Tare Weight)*:	0 Kg
Giờ cân ra *(Time out)*:	19/01/24 11:25:29	**Trọng lượng hàng** *(Net Weight)*:	**13,970 Kg**

Ghi chú *(Remark)*:

Tài xế / ~~Thủ Kho~~ *(Stocker)*	**Bảo Vệ** *(Security*	**Nhân viên cân** *(Staff)*
Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*	*Ký, Họ & Tên (Sign & Full name)*
Phạm Quốc Thanh		01/19.

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT

TỈNH/THÀNH PHỐ ..... CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH, CTRCNTT** Số: 19./01-1./BBBG

1. Bên giao (Chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển) :

.....Công ty TNHH Lian - Ta - Hsing (VN).....

Địa chỉ văn phòng :..KCN Phước Đông - Gò Dầu - Tây Ninh..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

2. Bên nhận: (Chủ thu gom , vận chuyển, hoặc chủ xử lý) :

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THUẬN THIÊN HÀ

Địa chỉ văn phòng: 25/20/09 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TPHCM

Địa chỉ cơ sở xử lý: .....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH, CTRCNTT chuyển giao (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bùn thải	13970	51D-48009	
2	.....			
	Tổng khối lượng	13970.		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1->3

Bên giao chịu hoàn toàn trách nhiệm về nguồn gốc xuất xứ của chất thải theo quy định.

Đại diện hai bên nhất trí số lượng giao nhận trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản và có pháp lý như nhau.

....., *Ngày* 19. *Tháng* 01. *Năm* 2024	....., *Ngày* 19. *Tháng* 01. *Năm* 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Ngô Tấn Lộc	Hoàng Quí Thanh

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 170323/1838:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)**
3. Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
4. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT27.170323	0317/NT/H-SGX-HSI/1: Đầu ra sau hệ thống xử lý

5. Ngày lấy mẫu: 17/03/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/BTNMT, CỘT A
1	pH (a)(b)(c)	--	TCVN 6492:2011	7,41	6 - 9
2	Nhiệt độ (a)(b)(c)	^{0}C	SMEWW 2550B:2017	30,2	40
3	Độ màu (a)(b)	Pt-Co	TCVN 6185 : 2015	KPH (MDL=5,0)	50
4	BOD_5 (a)(b)	mg/L	SMEWW 5210.B:2017	14	30
5	TSS (a)(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	18,5	50
6	COD (a)(b)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	36	75
7	Clo dư (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2017	KPH (MDL=0,3)	1
8	Tổng N (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,81	20
9	Tổng P (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,67	4
10	Fe tổng (a)(b)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	KPH (MDL=0,04)	1
11	CN^- (a)(b)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,008)	0,07
12	Chất hoạt động bề mặt (a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	KPH (MDL=0,05)	--
13	Cr(IV) (a)(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr^{6+}.B:2017	KPH (MDL=0,005)	0,05
14	Cr(III) (c1)	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr,B:2017	KPH (MDL=0,003)	0,2
15	Cu (c1)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,003)	2
16	Coliform (c1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	425	3.000

Ghi chú: *Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện*

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts 303 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 170323/1837:6/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)**
3. Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
4. Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 06 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KT15.170323	0317/KT/H-SGX-HSI/001: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 1
2	KT16.170323	0317/KT/H-SGX-HSI/002: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 2
3	KT17.170323	0317/KT/H-SGX-HSI/003: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 3
4	KT18.170323	0317/KT/H-SGX-HSI/004: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 4
5	KT19.170323	0317/KT/H-SGX-HSI/005: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 5
6	KT20.170323	0317/KT/H-SGX-HSI/006: Sau HTXL khí thải từ công đoạn pha hóa chất

5. Ngày lấy mẫu: 17/03/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT
I	**KT15.170323**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	61,5	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 02	11.950	--
II	**KT16.170323**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	59,7	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 02	15.575	--

III	**KT17.170323**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	60,1	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 02	13.653	--
IV	**KT18.170323**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	57,4	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 02	14.421	--
V	**KT19.170323**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	56,2	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 02	11.644	--
VI	**KT20.170323**				
1.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 02	9.596	--

- ***Ghí chú:*** *Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện*

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

Giám đốc

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts 303 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 170323/1839:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)**
3. Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
4. Tên mẫu: Bùn thải Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	B1.170323	0317/B/H-SGX-HSI/1: Tại bãi thu gom bùn thải sau HTXL

5. Ngày lấy mẫu: 17/03/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 50:2013/BTNMT
				B1.170323	Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H_{tc}, T = 0,253
1.	Tổng Xyanua (d)	mg/kg	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014	KPH (LOD = 3,0)	171
2.	Tổng Dầu (d)	mg/L	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017	< 16,67	50*
3.	Crom (VI) (d)	mg/kg	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A	KPH (LOD= 3,0)	29,0
4.	As (d)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B;2017	KPH (LOD=0,36)	11,6
5.	Cd (d)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,18)	2,9
6.	Pb (d)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,23)	87,1
7.	Zn (d)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	28,5	1452
8.	Hg (d)	mg/kg	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,11)	1,2
9.	Bari (d)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111D:2017	KPH (LOD=6,61)	580

10.	Bạc (d)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH	**29,0**
11.	Coban (d)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=5,79)	**465**
12.	Niken (d)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	< 11,77	**407**
13.	Selen (d)	mg/kg	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,20)	**5,8**
14.	Phenol (d)	mg/kg	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A	KPH (LOD= 3,0)	**5807**
15.	Benzen (d)	mg/kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D	KPH (LOD=0,4)	**2,9**
16.	Clobenzen (d)	mg/kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D	KPH (LOD=0,4)	**407**

- ***Ghi chú:*** *Dấu (*): Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/l); KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện*
  - T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải
  - QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, áp dụng Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts số 039 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 230331/0054:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 07 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa chỉ: Số 145 Đường 786, Khu Phố 5, Phường 1, Thành Phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
3. Đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING VIỆT NAM**
4. Địa chỉ: Lô 45-6, Đường N15, KCN Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
5. Tên mẫu: Nước sạch Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NS6.230331	0331/NS/H-SGX-HSI/1: Tại vòi nước khu vực căn tin

6. Ngày nhận mẫu: 31/03/2023
7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 01-1:2018/BYT
1.	$COD_{(KmnO4)}$ (b)	mgO_2/L	TCVN 6186 - 1996	KPH (MDL= 0,5)	**2**
2.	pH(b)	--	TCVN 6492:2011	7,78	**6,0 - 8,5**
3.	TDS(b)	mg/L	PPNB01/HDHT/REC (2021)	54,2	**1000**
4.	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$(b)	mg $CaCO_3$/L	SMEWW 2340C:2017	15,8	**300**
5.	Hàm lượng Clorua (Cl^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl^-.B:2017	< 15	**250**
6.	Hàm lượng Sunphat (SO_4^{2-})(b)	mg/L	SMEWW 4500-SO_4^{2-}.E:2017	KPH (MDL= 2,0)	**250**
7.	Hàm lượng Sắt tổng số (Fe) (b)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	KPH (MDL=0,03)	**0,3**
8.	Hàm lượng Mangan tổng số (Mn) (b)	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2017	KPH (MDL=0,03)	**0,1**

9.	Hàm lượng Amoni (b)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.F:2017	KPH (MDL=0,04)	**0,3**
10.	Hàm lượng Asen (d)	mg/L	SMEWW 3030A-B-E &SMEWW 3114C:2017	KPH (MDL=0,0003)	**0,01**
11.	Coliform tổng số(d)	CFU/ 250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	**< 3**
12.	E.coli(d)	CFU/ 250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	**< 1**

Ghi chú: *Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL&LOD: Giới hạn phát hiện.*

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

Giám Đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận;
3. Dấu (d): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có số VLAT-1.0525 thực hiện
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 200623/5608:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)**
3. Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
4. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT49.200623	0620/NT/H-SGX-HSI/1: Đầu ra sau hệ thống xử lý

5. Ngày lấy mẫu: 20/06/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/BTNMT, CỘT A
1	pH (a)(b)(c)	--	TCVN 6492:2011	7,33	6 - 9
2	Nhiệt độ(a)(b)(c)	^{0}C	SMEWW 2550B:2017	28,5	40
3	Độ màu(a)(b)	Pt-Co	TCVN 6185 : 2015	KPH (MDL=5,0)	50
4	BOD_5 (a)(b)	mg/L	SMEWW 5210.B:2017	16	30
5	TSS (a)(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	21	50
6	COD (a)(b)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	32	75
7	Clo dư(a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2017	KPH (MDL=0,3)	1
8	Tổng N(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	11,5	20
9	Tổng P(a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,62	4
10	Fe tổng(a)(b)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	KPH (MDL=0,04)	1
11	CN^-(a)(b)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,008)	0,07
12	Chất hoạt động bề mặt(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	KPH (MDL=0,05)	--
13	Cr(IV) (a)(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr^{6+}.B:2017	KPH (MDL=0,005)	0,05
14	Cr(III) (c1)	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr,B:2017	KPH (MDL=0,003)	0,2
15	Cu (c1)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	2
16	Coliform (c1)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	550	3.000

Ghi chú: *Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện*

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts 303 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 280623/6392:5/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 05 tháng 07 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)**
3. Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
4. Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 05 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KT13.280623	0628/KT/H-SGX-HSI/1: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 1
2	KT14.280623	0628/KT/H-SGX-HSI/2: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 2
3	KT15.280623	0628/KT/H-SGX-HSI/3: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 3
4	KT16.280623	0628/KT/H-SGX-HSI/4: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 4
5	KT17.280623	0628/KT/H-SGX-HSI/5: Sau HTXL khí thải từ công đoạn pha hóa chất

5. Ngày lấy mẫu: 28/06/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT
I	**KT13.280623**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	61	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 2	11.495	--
II	**KT14.280623**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	58	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 2	15.171	--

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT
III	**KT15.280623**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	52	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 2	13.812	--
IV	**KT16.280623**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	56	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 2	14.204	--
V	**KT17.280623**				
1.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 2	9.314	--

- ***Ghí chú:*** *Dấu (--): Không quy định;*

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

Giám đốc

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG
QUẬN 10-T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts 039 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 200623/5609:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)**
3. Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
4. Tên mẫu: Bùn thải Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	BT2.200623	0620/B/H-SGX-HSI/1: Tại bãi thu gom bùn thải sau HTXL

5. Ngày lấy mẫu: 20/06/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 50:2013/BTNMT
1.	T	--	TCVN 6648:2000	0,206	--
2.	Tổng Xyanua (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 9013A US EPA Method 9010C US EPA Method 9014	KPH (LOD = 3,0)	**171**
3.	Tổng Dầu (d)	mg/L	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017	< 16,67	**50***
4.	Crom (VI) (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A	KPH (LOD= 3,0)	**24,6**
5.	As (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,36)	**9,8**
6.	Cd (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,18)	**2,5**
7.	Pb (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,23)	**73,7**
8.	Zn (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	31,2	**1229**
9.	Hg (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,11)	**1,0**
10.	Bari (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111D:2017	KPH (LOD=6,61)	**491**
11.	Bạc (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,16)	**24,6**

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 50:2013/BTNMT
12.	Coban (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=5,79)	**393**
13.	Niken (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	< 11,77	**344**
14.	Selen (d)	ppm (mg/kg)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,20)	**4,9**
15.	Phenol (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A	KPH (LOD= 3,0)	**4914**
16.	Benzen (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D	KPH (LOD=0,4)	**2,5**
17.	Clobenzen (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D	KPH (LOD=0,4)	**344**

- ***Ghi chú:*** *Dấu (*): Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/l); KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện*
  - T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải
  - QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, áp dụng Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

Giám đốc

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG QUẬN 10-T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts số 039 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Mã số: 120923/8791:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 19 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)**
3. Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
4. Tên mẫu: Bùn thải Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	BT1.120923	0912/B/H-SGX-HSI/1: Tại bãi thu gom bùn thải sau HTXL

5. Ngày lấy mẫu: 12/09/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT1.120923	Htc
1.	T	--	TCVN 6648:2000	0,284	--
2.	Tổng Xyanua (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 9013A US EPA Method 9010C US EPA Method 9014	KPH (LOD = 3,0)	**189**
3.	Tổng Dầu (d)	mg/L	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017	< 16,67	**50 (*)**
4.	Crom (VI) (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A	KPH (LOD= 3,0)	**32,0**
5.	As (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,36)	**12,8**
6.	Cd (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,18)	**3,2**
7.	Pb (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	9,5	**95,9**
8.	Zn (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	124	**1599**
9.	Hg (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,11)	**1,3**
10.	Bari (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111D:2017	KPH (LOD=6,61)	**639**
11.	Bạc (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,16)	**32,0**

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT1.120923	Htc
12.	Coban (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=5,79)	**512**
13.	Niken (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	45,2	**448**
14.	Selen (d)	ppm (mg/kg)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,20)	**6,4**
15.	Phenol (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A	KPH (LOD= 3,0)	**6396**
16.	Benzen (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D	KPH (LOD=0,4)	**3,2**
17.	Clobenzen (d)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D	KPH (LOD=0,4)	**448**

- ***Ghí chú:*** *Dấu (*): Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/l); KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện*
  - T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải
  - QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước,

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

P. Giám đốc

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG * QUẬN 10-T. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thúy Hạ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts số 039 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 120923/8790:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 19 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)**
3. Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
4. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT14.120923	0912/NT/H-SGX-HSI/1: Đầu ra sau hệ thống xử lý

5. Ngày lấy mẫu: 12/09/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 40:2011/BTNMT, CỘT A
				NT14.120923	
1	pH [(a)(c)]	--	TCVN 6492:2011	6,73	6 - 9
2	Nhiệt độ[(a)(c)]	^{0}C	SMEWW 2550B:2017	32,0	40
3	Độ màu[(a)(b)]	Pt-Co	TCVN 6185 : 2015	KPH (MDL=5,0)	50
4	BOD_5 [(a)(b)]	mg/L	SMEWW 5210.B:2017	21	30
5	TSS [(a)(b)]	mg/L	TCVN 6625:2000	38,8	50
6	COD [(a)(b)]	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	47	75
7	Clo dư[(a)(b)]	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2017	KPH (MDL=0,3)	1
8	Tổng N[(a)]	mg/L	TCVN 6638:2000	13,4	20
9	Tổng P[(a)(b)]	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,88	4
10	Fe tổng[(a)(b)]	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	KPH (MDL=0,04)	1
11	CN^-[(a)(b)]	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (MDL=0,008)	0,07
12	Chất hoạt động bề mặt[(a)]	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	KPH (MDL=0,05)	--
13	Cr(IV) [(a)(b)]	mg/L	SMEWW 3500-Cr^{6+}.B:2017	KPH (MDL=0,005)	0,05
14	Cr(III) [(c1)]	mg/L	SMEWW 3500.Cr.B:2017	KPH (LOD=0,003)	0,2
15	Cu [(c1)]	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	2
16	Coliform [(c1)]	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	$7,0x10^2$	3.000

Ghi chú: *Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện*

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

P. Giám đốc

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Thúy Hạ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts 039 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 120923/8789:5/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 19 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)**
3. Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
4. Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 05 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KT1.120923	0912/KT/H-SGX-HSI/1: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 1
2	KT2.120923	0912/KT/H-SGX-HSI/2: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 2
3	KT3.120923	0912/KT/H-SGX-HSI/3: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 3
4	KT4.120923	0912/KT/H-SGX-HSI/4: Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 4
5	KT5.120923	0912/KT/H-SGX-HSI/5: Sau HTXL khí thải từ công đoạn pha hóa chất

5. Ngày lấy mẫu: 12/09/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT (CỘT B)
I	**KT1.120923**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	53,7	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 2	12.307	--
II	**KT2.120923**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	75,1	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 2	15.284	--

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT (CỘT B)
III	**KT3.120923**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	70,0	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 2	13.630	--
IV	**KT4.120923**				
1.	Bụi tổng (d1)	mg/Nm^3	US EPA Method 5	52,6	**200**
2.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 2	10.880	--
V	**KT5.120923**				
1.	Lưu lượng (d1)	m^3/h	US EPA Method 2	11.356	--

- ***Ghí chú:*** *Dấu (--): Không quy định;*

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

P. Giám đốc

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thúy Hạ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts 241 thực hiện;
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com
REC 101

Mã số: 150923/0812:1/QTMT/REC *Tp. HCM, ngày 22 tháng 09 năm 2023*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa chỉ: Số 145 Đường 786, Khu Phố 5, Phường 1, Thành Phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
3. Đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING VIỆT NAM**
4. Địa chỉ: Lô 45-6, Đường N15, KCN Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
5. Tên mẫu: Nước sạch Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NS2.150923	0915/NS/H-SGX-HSI/1: Tại vòi nước khu vực căn tin

6. Ngày nhận mẫu: 15/09/2023
7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 01-1:2018/BYT
				NS2.150923	
1.	$COD_{(KMnO4)}$ (b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL= 0,5)	**2**
2.	pH(b)	--	TCVN 6492:2011	7,63	**6,0 - 8,5**
3.	TDS(b)	mg/L	PPNB01/HDHT/REC (2021)	50,5	**1000**
4.	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$(b)	mg $CaCO_3$/L	SMEWW 2340C:2017	13,7	**300**
5.	Hàm lượng Clorua (Cl^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl^-.B:2017	< 15	**250**
6.	Hàm lượng Sunphat (SO_4^{2-})(b)	mg/L	SMEWW 4500-SO_4^{2-}.E:2017	KPH (MDL= 2,0)	**250**
7.	Hàm lượng Sắt tổng số (Fe) (b)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	KPH (MDL=0,03)	**0,3**
8.	Hàm lượng Mangan tổng số (Mn) (b)	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2017	KPH (MDL=0,03)	**0,1**

9.	Hàm lượng Amoni (b)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.F:2017	KPH (MDL=0,04)	**0,3**
10.	Hàm lượng Asen (d)	mg/L	SMEWW 3030A-B-E &SMEWW 3114C:2017	KPH (MDL=0,0003)	**0,01**
11.	Coliform tổng số(d)	CFU/ 250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	**< 3**
12.	E.coli(d)	CFU/ 250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	**< 1**

- ***Ghi chú:*** *Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL&LOD: Giới hạn phát hiện.*

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

P. Giám Đốc

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG
QUẬN 10-T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thúy Hạ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận;
3. Dấu (d): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có số VLAT-1.0525 thực hiện
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC
Địa chỉ: 88 Đồng Nai, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com

Mã số: 271123/12565:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 06 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)**
3. Địa chỉ: Lô số 45-1, Đường N15, KCN Phước Đông, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.
4. Tên mẫu: Bùn thải Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	BT1.271123	1127/B/H-SGX-HSI/1: Tại bãi thu gom bùn thải sau HTXL

5. Ngày lấy mẫu: 27/11/2023
6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT1.271123	Hàm lượng tuyệt đối H_{tc}, T=1
1.	Tổng Xyanua (d1)	mg/kg	US EPA Method 9013A US EPA Method 9010C US EPA Method 9014	KPH (MDL = 0,5)	**590**(1)
2.	Tổng Dầu (d1)	mg/kg	US EPA Method 9071B	< 30	**1.000**(1)
3.	Crom (VI) (d1)	mg/kg	US EPA Method 3060A+ US EPA Method 7196A	KPH (MDL= 1)	**100**(1)
4.	As (d1)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 0,27	**40**(1)
5.	Cd (d2)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 6010D	KPH (MDL=1,11)	**10**
6.	Pb (d2)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 6010D	7,07	**300**
7.	Zn (d1)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	28,8	**250**(2)
8.	Hg (d2)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 6010D	KPH (MDL=1,10)	**4**
9.	Bari (d1)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=3,21)	**100**(2)

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT1.271123	Hàm lượng tuyệt đối H_{tc}, T=1
10.	Bạc (d1)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=2,15)	5(2)
11.	Coban (d1)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=1,73)	80(2)
12.	Niken (d1)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=2,45)	70(2)
13.	Selen (d2)	ppm (mg/kg)	US EPA Method 6010D	KPH (MDL=0,17)	20
14.	Phenol (d1)	µg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 3510C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL= 1)	1.000.000(3)
15.	Benzen (d1)	µg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 3510C + US EPA method 7000B	KPH (MDL=3,77)	500(3)
16.	Clobenzen (d1)	µg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 3510C + US EPA method 7000B	KPH (MDL=2,44)	70.000(3)

Ghi chú:

- *Dấu (1): Hàm lượng tuyệt đối cơ sở (ppm);*
- *Dấu (2): Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/L);*
- *Dấu (3): Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/L), Đổi đơn vị ra µg/L*
- *T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải*
- *QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, áp dụng Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)*

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

P. Giám đốc

TỔ CHỨC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG QUẬN

Nguyễn Thị Thúy Hạ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
3. Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts số 292 thực hiện; Dấu (d2): Chỉ tiêu do NTP – Vimcerts số 197 thực hiện
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

Số/No: 23.12.10334/5-4	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*09/12/2023* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)

Địa chỉ/ *Address* : Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NT.120104 – Đầu ra sau hệ thống xử lý

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 01/12/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 02/12/2023 – 08/12/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ *Sampling method* : TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 40:2011/ BTNMT, CỘT A
1	pH	--	TCVN 6492:2011(*)	7,17	6 – 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017(*)	30,2	40
3	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2017(*)	KPH (MDL=5)	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000(*)	21	50
5	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008(*)	18	30
6	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017(*)	46	75
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008(*)	0,53	4
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000(*)	11,0	20
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011(*)	KPH (MDL=0,2)	1
10	CN^-	mg/L	SMEWW 4500 CN^-.C&E:2017(*)	KPH (MDL=0,005)	0,07
11	Fe	mg/L	SMEWW 3500Fe.B:2017(*)	KPH (MDL=0,04)	1
12	Cr^{6+}	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2017(*)	KPH (MDL=0,005)	0,05
13	Cr^{3+}	mg/L	SMEWW 3111.B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023(**)	KPH (MDL=0,015)	0,2
14	Cu	mg/L	SMEWW 3111.B:2023(**)	KPH (MDL=0,015)	2
15	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6336:1998(*)	KPH (MDL=0,023)	-
16	*Coliforms*	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017(*)	930	3.000

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ./ Subcontracted test.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy. Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.12.10334/5-5	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*09/12/2023* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)

Địa chỉ/ *Address* : Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Loại mẫu/ *Type of sample* : Nước sạch

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : NS.120101 – Tại vòi nước khu vực văn phòng

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 01/12/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 02/12/2023 – 08/12/2023

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	pH	--	TCVN 6492:2011(c)	7,37	6,0 – 8,5
2	TDS	mg/L	SMEWW 2540C:2017(c)	69,0	1.000
3	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	SMEWW 2340C:2017(c)	20,4	300
4	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996(c)	KPH (MDL=0,4)	2
5	NH_4^+ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996(c)	KPH (MDL=0,04)	0,3
6	SO_4^{2-}	mg/L	SMEWW 4500-SO_4^{2-}.E:2017(c)	KPH (MDL=4,2)	250
7	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996(c)	17,0	250
8	Fe	mg/L	SMEWW 3500Fe.B:2017(c)	KPH (MDL=0,04)	0,3
9	Mn	mg/L	SMEWW 3030A,E:2017 + SMEWW 3111B:2017(c)	KPH (MDL=0,03)	0,1
10	As	mg/L	TCVN 6626:2000 (ISO 11969:1996)(**)	KPH (MDL=0,0021)	0,01
11	*E. Coli*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)(c)	KPH (MDL=1)	<1
12	*Coliform*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)(c)	KPH (MDL=1)	<3

Ghi chú/ *Note:*
(c): Phương pháp đã được Vlat công nhận (VLAT-1.0596).
(**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ./ Subcontracted test.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy. Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.12.10334/5-3	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	*09/12/2023* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)

Địa chỉ/ *Address* : Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.120109 – Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 5

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 01/12/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 02/12/2023 – 08/12/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT ***No***	**Thông số** ***Parameters***	**Đơn vị tính** ***Unit***	**Phương pháp lấy mẫu** ***Sampling method***	**Phương pháp thử** ***Test method***	**Kết quả** ***Result***	**QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B**
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	12.023	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	59,7	**200**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy. Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn



Số/No: 23.12.10334/5-2	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	*09/12/2023* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)

Địa chỉ/ *Address* : Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.120107 – Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 3
KT.120108 – Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 4

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 01/12/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 02/12/2023 – 08/12/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*		QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
					KT.120107	KT.120108	
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	13.905	14.860	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	66,4	69,2	**200**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy. Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

Số/No: 23.12.10334/5-1	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	*09/12/2023* *Trang/Page:1/1*

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐO ĐẠC SÀI GÒN XANH**

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)

Địa chỉ/ *Address* : Lô số 45-1, đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Loại mẫu/ *Type of sample* : Khí thải

Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KT.120105 – Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 1
KT.120106 – Sau HTXL khí thải bụi bằng túi vải ống thải 2

Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 01/12/2023

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 02/12/2023 – 08/12/2023

Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT *No*	Thông số *Parameters*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp lấy mẫu *Sampling method*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả *Result*		QCVN 19:2009/ BTNMT, CỘT B
					KT.120105	KT.120106	
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2(*)	12.399	16.130	-
2	Bụi	mg/Nm^3	US EPA Method 5	US EPA Method 5(*)	60,4	62,8	**200**

Ghi chú/ *Note:*
(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accreditated by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./*Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..*
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./*This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

TRỤ SỞ CHÍNH
528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN
Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy. Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

BACH VIET
VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.
Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388
Email: bachvietdongnai2021@gmail.com

VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0061-23-KT-3

Đồng Nai, ngày 03 tháng 03 năm 2023

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY

2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING VIỆT NAM

3. Địa chỉ : Đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

4. Ngày lấy mẫu : 24/02/2023, trời nắng

5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn

6. Thời gian thử nghiệm : 25/02/2023 – 03/03/2023

7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ống khói lò hơi 15 tấn/giờ và lò dầu 5 triệu kcal/giờ (240223-07 (01-KT))

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B Kv=1; Kp=0,9
1	Lưu lượng (1)	US EPA Method 02	m^3/h	23.524	-
2	Nhiệt độ (1)	HDCV-QTKT-01	^oC	52,5	-
3	Bụi tổng (1)	US EPA Method 05	mg/Nm^3	161,6	180
4	CO (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	335	900
5	NO_x (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	51	765
6	SO_2 (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	<1	450

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận.

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3602407038 C.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

VÕ LÊ DUY KHÁNH

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.
Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388
Email: bachvietdongnai2021@gmail.com
VIMCERTS 045
VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0224-23-KT-18

Đồng Nai, ngày 02 tháng 06 năm 2023

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY

2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING VIỆT NAM

3. Địa chỉ : Đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

4. Ngày lấy mẫu : 25/05/2023, trời nắng

5. Loại mẫu : Khí thải tại nguồn

6. Thời gian thử nghiệm : 26/05/2023 – 01/06/2023

7. Kết quả thử nghiệm :

Bảng 1: Ống khói lò hơi 15 tấn/giờ và lò dầu 5 triệu kcal/giờ (250523-15 (01-KT))

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B Kv=1; Kp=0,9
1	Lưu lượng (1)	US EPA Method 02	m^3/h	24.972	-
2	Nhiệt độ (1)	HDCV-QTKT-01	^oC	67,4	-
3	Bụi tổng (1)	US EPA Method 05	mg/Nm^3	142,1	180
4	CO (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	308	900
5	NO_x (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	36	765
6	SO_2 (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	<1	450

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận.

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VÕ LÊ DUY KHÁNH

BACH VIET
VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI
VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.
Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388
Email: bachvietdongnai2021@gmail.com

VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0495-23-KT-3

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2023

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING VIỆT NAM
3. **Địa chỉ** : Đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
4. **Ngày lấy mẫu** : 18/08/2023, trời nắng
5. **Loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
6. **Thời gian thử nghiệm** : 19/08/2023 – 25/08/2023
7. **Kết quả thử nghiệm** :

Bảng 1: Ống khói lò hơi 15 tấn và lò dầu 6 triệu kcal/giờ (180823-05 (01-KT))

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B Kv=1; Kp=0,9
1	Lưu lượng (1)	US EPA Method 02	m^3/h	25.722	-
2	Nhiệt độ (1)	HDCV-QTKT-01	^oC	86,3	-
3	Bụi tổng (1)	US EPA Method 05	mg/Nm^3	156,3	180
4	CO (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	86	900
5	NO_x (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	143	765
6	SO_2 (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	102	450

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận.

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3602407039 - C.T.N.H.H.H - CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

VÕ LÊ DUY KHÁNH

BACH VIET
VIMCERTS 045

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VP&PTN: Số 27, Tổ 6, Khu phố 6, P. Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa, ĐN.
Điện thoại: (0251).8822.789 Fax: (0251).8822.388
Email: bachvietdongnai2021@gmail.com

VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 0911-23-KT

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2023

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI ENERGY
2. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING VIỆT NAM
3. **Địa chỉ** : Đường N15, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
4. **Ngày lấy mẫu** : 23/11/2023, trời nắng
5. **Loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
6. **Thời gian thử nghiệm** : 24/11/2023 – 30/11/2023
7. **Kết quả thử nghiệm** :

Bảng 1: Ống khói lò hơi 15 tấn và lò dầu 6 triệu kcal/giờ (231123-03 (01-KT))

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B Kv=1; Kp=0,9
1	Lưu lượng (1)	US EPA Method 02	m^3/h	22.202	-
2	Nhiệt độ (1)	HDCV-QTKT-01	^oC	99,37	-
3	Bụi tổng (1)	US EPA Method 05	mg/Nm^3	83,5	180
4	CO (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	584	900
5	NO_x (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	48	765
6	SO_2 (1)	HDCV-QTKT-01	mg/Nm^3	4	450

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo.

(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận.

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH BÁCH VIỆT ĐỒNG NAI

VÕ LÊ DUY KHÁNH

UBND TỈNH TÂY NINH **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4066/TB-STNMT	*Tây Ninh, ngày 9 tháng 6 năm 2023*

THÔNG BÁO
Kết quả kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing VN

Kính gửi: Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing VN.

Thực hiện Thông báo số 6596/TB-STNMT ngày 04/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Ngày 09/11/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với Nhà máy dệt vải Lian-Ta-Hsing của Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing VN (viết tắt là Công ty), địa chỉ Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 25/5/2017. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra đối với Công ty như sau:

1. Kết quả thực hiện

Bên cạnh những mặt làm được, Công ty vẫn còn một số tồn tại về công tác bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty tiếp tục khắc phục những nội dung như sau:

- Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường gửi cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
- Cung cấp biên bản giao nhận, chứng từ xử lý, hồ sơ năng lực các đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Công khai kết quả quan trắc môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

2. Kết luận, kiến nghị

Yêu cầu Công ty khắc phục các tồn tại nêu trên trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo này ký ban hành, báo cáo kết quả khắc phục bằng văn bản (kèm theo giấy tờ, hình ảnh) về Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu sau thời hạn nêu trên Công ty chưa thực hiện các biện pháp khắc phục thì Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ phúc tra, xử lý nghiêm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến Công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ Sở;
- Ban quản lý KKT tỉnh;
- Lưu: VT, PBVMT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trần Minh Sơn

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(VIỆT NAM)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2106/2023/BC-LTH	Phước Đông, ngày 21 tháng 06 năm 2023.

BÁO CÁO

V/v : Khắc phục một số tồn tại về công tác bảo vệ môi trường theo thông báo số 4066/TB-STNMT ngày 09 tháng 06 năm 2023.

Kính gửi : Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Tây Ninh

Vào ngày 20 tháng 06 năm 2023 công ty chúng tôi có nhận được thông báo số 4066/TB-STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh về việc khắc phục một số tồn tại về công tác bảo vệ môi trường của công ty. Sau khi nhận được thông báo, công ty chúng tôi đã tiến hành tự kiểm tra và xin được giải trình một số vấn đề như sau:

1. Về vấn đề: "Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường gửi cơ quan chức năm thẩm định, phê duyệt theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2022, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)"

   Công ty chúng tôi xin được phép giải trình như sau :

   Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), địa chỉ Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 25/05/2017. Công ty đã được cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 536/GXN-STMNT ngày 20/01/2022.

   Tại phụ lục kèm theo giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường có ghi như sau :

   " Căn cứ Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường; Điểm d Khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định thời điểm cấp giấy phép môi trường: "*Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung,...quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường,... (sau đây gọi chung*

là giấy phép môi trường thành phần). Giấy phép môi trường thành phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn. **".** Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty sau khi hết thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022, Công ty phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020 gửi về cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép theo quy định/."

Vì vậy kính trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét lại, công ty chúng tôi xin phép được thực hiện việc lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường gửi cơ quan chức năm thẩm định, phê duyệt theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2022, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường năm 2020(Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) sau khi hết thời hạn quy định của giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

2. Về vấn đề: "Cung cấp biên bản giao nhận, chứng từ xử lý, hồ sơ năng lực các đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020"

Công ty chúng tôi xin gửi bổ sung biên bản giao nhận, chứng từ xử lý, hồ sơ năng lực các đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại kèm theo báo cáo này.

3. Về vấn đề: "Công khai kết quả quan trắc môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty."

Do công ty chúng tôi hiện không có trang thông tin điện tử riêng vì vậy chúng tôi chưa thể thực hiện việc công khai kết quả quan trắc môi trường trên trang thông tin điện tử của công ty như yêu cầu. Hiện tại, công ty chúng tôi có thực hiện việc niêm yết kết quả quan trắc môi trường hàng quý lên trên bảng thông tin nội bộ trong công ty (công ty xin được gửi các hình ảnh bảng thông tin nội bộ của công ty kèm theo). Kính trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, hướng dẫn công ty các biện pháp thực hiện việc công khai kết quả quan trắc môi trường theo quy định.

4. Về vấn đề: "Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường."

Công ty chúng tôi đã tiến hành lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và đã gửi 1 (một) bộ hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đã được xác nhận ngày

29/12/2022. Công ty xin được phép gửi 1 bản sao kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường kèm theo báo cáo này để Quý cơ quan tham khảo.

Trên đây là báo cáo thực trạng về công tác bảo vệ môi trường tại nhà máy theo thông báo số 4066/TB-STNMT ngày 09/06/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kính trình Quý cơ quan kiểm tra và xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

TSAI YING NAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Thực hiện Thông báo số 177/TB-BQLKKT ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh về việc kiểm soát chất lượng môi trường Khu công nghiệp, Khu kinh tế quý 2 năm 2023.

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 6 năm 2023 Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gò Dầu, Công ty CP ĐT Sài Gòn VRG tiến hành lấy mẫu nước thải đầu ra, sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Lian - Ta- Hsing (Việt Nam) thuộc Khu công nghiệp Phước Đông như sau:

I. Thành phần tham dự gồm có:

*** Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh:**

Ông Nguyễn Xuân Quí – Chuyên viên BQL KKT tỉnh Tây Ninh.

*** Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gò Dầu:**

Ông Mai Anh Tuấn – Chuyên viên.

*** Đại diện Công ty CP ĐT Sài Gòn VRG (đơn vị kinh doanh hạ tầng):**

Ông Nguyễn Hoàng Phương – Quản đốc NMXLNT.

*** Đại diện Công ty TNHH Lian – Ta- Hsing (Việt Nam) gồm:**

1. Bà Wu Pi Chu – Giám đốc Hành chính
2. Ông Ngô Tấn Lộc – Tổng vụ.

II. Nội dung làm việc:

- Công ty TNHH Lian – Ta- Hsing (Việt Nam) được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 25/05/2017 của Dự án Nhà máy dệt vải Lian – Ta – Hsing Việt Nam do Công ty TNHH Lian – Ta- Hsing (Việt Nam) làm chủ đầu dự án; được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận việc đã thực hiện hoàn thành công trình Bảo vệ môi trường theo giấy xác nhận số 536/GXN-STNMT ngày 20/01/2022.

Công suất đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 10.000 tấn vải/ năm.

Công suất đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt: 10.000 tấn vải/ năm.

Công suất sản xuất thực tế (theo thống kê 6 tháng đầu năm 2022): 122 tấn vải/ tháng, tương đương 1.475,64 tấn vải/ năm.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung Công ty TNHH Lian - Ta- Hsing (Việt Nam) thuộc Khu công nghiệp Phước Đông có công suất thiết kế: 4.000 m^3/ngày. Chất lượng nước thải đầu ra đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT (kq=0,9, kf=0,9).

Theo số liệu thống kê tại sổ nhật ký vận hành hệ thống từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/6/2023, lưu lượng xả thải vào nguồn tiếp nhận (Hồ sinh thái nhà máy xử lý nước thải số 3 Khu công nghiệp Phước Đông) trung bìnhtương đương 460,87 m^3/ngày. Phương thức xả thải: bơm; cách thức xả thải: xả thải theo chu kỳ.

- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh tiến hành lấy 01 (một) mẫu nước thải đầu ra, sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Lian - Ta- Hsing (Việt Nam). Chỉ tiêu phân tích pH, nhiệt độ, COD, BOD_5, độ màu, chất rắn lơ lửng, N tổng, P tổng, coliform, Hg, Pb, As, Cd *(Biên bản lấy mẫu kèm theo)*. Công ty uỷ quyền cho đơn vị phân tích mở niêm phong trước khi tiến hành thử nghiệm.

- Tại thời điểm lấy mẫu, hệ thống xử lý hoạt động bình thường, không xả thải. (Thời gian vận hành hệ thống trung bình 8 giờ/ngày).

III. Yêu cầu:

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nước thải theo đúng đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt và theo các quy định hiện hành. Trong trường hợp có sự cố phải phải triển khai thực hiện ngay biện pháp ứng phó và báo cáo về chính quyền địa phương, Ban quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh và các cơ quan chức năng có liên quan để phối hợp xử lý, giải quyết.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành về lĩnh vực bảo vệ môi trường. Vận hành công trình xử lý nước thải, thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

IV. Ý kiến của Công ty Công ty TNHH Lian - Ta- Hsing (Việt Nam):

Thống nhất các nội dung làm việc và lấy mẫu nêu trên.

V. Kết luận:

Biên bản này được lập xong vào hồi 16 giờ 30 phút, cùng ngày, được lập thành 04 bản, đã đọc cho mọi người cùng nghe và nhất trí thông qua./.

Công ty TNHH Lian - Ta- Hsing (Việt Nam)	**Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh**
WU PI CHU	**Nguyễn Xuân Quí**
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gò Dầu	**Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG**
Mai Anh Tuấn	**Nguyễn Hoàng Phương**

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 14 tháng 6 năm 2024

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-BQLKKT ngày 26/02/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh về Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Quy hoạch, Xây dựng, Lao động tại các Khu công nghiệp, Khu kinh tế năm 2024.

Căn cứ Thông báo số 105/TB-BQLKKT ngày 23/4/2024 về Kiểm tra, giám sát dự án đầu tư tại Khu Công nghiệp Phước Đông, KCN Chà Là, KKTCK Mộc Bài, năm 2024.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 ngày 14/6/2024 tại trụ sở Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam), địa điểm: Lô 45-1, 45-2, 45-3, 45-4, 45-5, 45-6, 45-7, 45-9-1 đường N15, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

I. Thành phần tham dự

1. Đại diện Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh:

- Ông Tô Huệ Tri - Trưởng phòng Quản lý Lao động;
- Ông Nguyễn Phạm Trí Quang - Phó Trưởng phòng Quy hoạch Xây dựng;
- Bà Nguyễn Thị Diệu - Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư;
- Bà Nguyễn Thị Hòa - Chuyên viên Phòng Quản lý Lao động;
- Ông Nguyễn Xuân Quí - Chuyên viên Phòng Quản lý Tài nguyên Môi trường.

2. Đại diện Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam). (Sau đây gọi là Công ty)

- Ông YING NAN TSAI - Giám đốc được uỷ quyền
- Bà . Dương Thị Trúc Linh - Nhân sự

3. Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG – Chi nhánh Tây Ninh

- Ông Lê Quốc Tấn – Trợ lý Ban điều hành

II. Kết quả kiểm tra, giám sát

1. Mặt được

- Về quản lý đầu tư: Dự án Nhà máy Dệt vải Lian-Ta-Hsing Việt Nam được Ban Quản lý Khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 7622344186, cấp lần đầu

ngày 22/8/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 10/8/2023. Quy mô đăng ký sản xuất: Sản xuất vải dệt kim với quy mô 10.000 tấn/năm; Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hoá với mã HS như sau: 52052400, 52061200, 54052300, 54023300, 54024700, 55095100, 60011000, 60041090, 60062100, 60069000 với doanh thu hoạt động thương mại: 2.000.000 USD/năm.

- Vốn góp: Đã góp đủ 39 triệu USD, đạt 100%. Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 39/50 triệu USD, đạt 78%. Thực hiện đúng mục tiêu, chưa vượt công suất.

- Về quản lý Tài nguyên và Môi trường:

+ Hồ sơ môi trường: Đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1115/QĐ-UBND ngày 25/5/2017; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 536/GXN-STNMT ngày 20 tháng 01 năm 2022, của sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Tây Ninh.

++ Về quản lý chất thải:

+++ Về chất thải rắn sinh hoạt: Công ty ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG số 57/2021/HĐ-SVI, ngày 15/4/2021, hiệu lực đến 15/4/2026.

+++ Về chất thải rắn công nghiệp: Hợp đồng thu gom rác thải công nghiệp số 37/HĐPL/2023 với công ty TNHH Tư vấn Môi trường và Đo đạc Sài Gòn Xanh, hiệu lực đến tháng 7/2024; Hợp đồng thu gom bùn thải không nguy hại số 01/HĐ/LT.HSING-TTP với công ty TNHH Thành Thiên Phúc ký ngày 01/4/2024.

+++ Về quản lý chất thải rắn nguy hại: Công ty ký Hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xử lý Môi trường Khải Tiến Phát số 1104-2024/LIAN TA HSING-KTP/HĐXL ngày 11/3/2024.

+++ Về kho chứa giữ chất thải: Có bố trí kho lưu giữ chất thải.

+++ Có thực hiện biên bản bàn giao trong quá trình chuyển giao chất thải nhưng chưa đầy đủ.

++ Về khí thải, hơi dung môi: Khí thải phát sinh từ lò hơi, lò dầu, tải nhiệt.

++ Về xử lý nước thải: Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 4000 m^3/ngày. Sau đó dẫn về hồ sinh thái nhà máy xử lý nước thải số 3 của KCN Phước Đông.

- Về quản lý lao động: Tổng số lao động trong nước của Công ty là 239 người, đã ký HĐLĐ: 239 người; Lao động nước ngoài là 23 người đã cấp 19 Giấy phép lao động và ký Hợp đồng lao động, 01 người được miễn Giấy phép lao động, 02 người chưa có Giấy phép lao động, 01 người không thuộc đối tượng cấp Giấy phép lao động (làm việc dưới 90 ngày/năm). Doanh nghiệp có Đăng ký Nội quy lao động, gửi Thỏa ước lao động; Có ban hành quy chế dân chủ cơ sở; báo cáo tình hình lao động.

- Về Quy hoạch và xây dựng: Được cấp giấy xác phép xây dựng số 17.016/GPXD ngày 20/9/2017 do BQLKKT cấp và đã được nghiệm thu công trình (giai đoạn 1).

2. Hạn chế

- Về quản lý đầu tư: Chưa thực hiện báo cáo tình hình thực hiện dự án.

- Về tài nguyên môi trường: Các biên bản bàn giao chất thải chưa đầy đủ.

III. Kết luận và kiến nghị

1. Về quản lý đầu tư: Đề nghị Công ty thực hiện báo cáo tình hình thực hiện dự án quí 1/2024 đầy đủ thông tin trước ngày 20/6/2024. Đề nghị Công ty có văn bản giải trình về kế hoạch sử dụng đất trong thời gian tới.

2. Về quản lý tài nguyên môi trường: Khẩn trương lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng phê duyệt trước 31/12/2024. Trong quá trình chuyển giao chất thải, đảm bảo đầy đủ các biên bản bàn giao trong quá trình chuyển giao chất thải.

3. Về xây dựng: Trong quá trình hoạt động sản xuất nếu có sửa chữa cải tạo hoặc xây dựng mới công trình trên khu đất, đề nghị Công ty lập hồ sơ và liên hệ cơ quan thẩm quyền để xin phép xây dựng theo quy định. Yêu cầu chủ đầu tư lưu trữ hồ sơ theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Về lao động: Khẩn trương lập hồ sơ đề nghị Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài và ký hợp đồng làm việc theo quy định.

5. Bổ sung hoàn chỉnh các thông tin trong Báo cáo tình hình thực hiện dự án và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo Mẫu số 02 gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế theo quy định chậm nhất ngày 30/6/2024 *(Phòng Quản lý Lao động)*.

6. Đề nghị Công ty nghiêm túc chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực: Đầu tư, Môi trường, Lao động, Xây dựng trong suốt quá trình thực hiện dự án.

IV. Ý kiến của Công ty

Thống nhất nội dung biên bản.

Buổi làm việc kết thúc vào lúc 9 giờ 30 cùng ngày.

ĐD. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh	**Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam)**
Tô Huệ Tri	
ĐD. Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG – Chi nhánh Tây Ninh	
Lê Quốc Tân	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 430 /GPMT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2151/CV-SVI ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG, địa chỉ tại lô TT2-1, đường D4, Khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Khu liên hợp Công nghiệp – Đô thị - Dịch vụ Phước Đông – Bời Lời" tại các xã Phước Đông và xã Bàu Đồn thuộc huyện Gò Dầu; xã Đôn Thuận, phường Gia Lộc và phường Lộc Hưng thuộc thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu liên hợp Công nghiệp – Đô thị - Dịch vụ Phước Đông – Bời Lời.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Phước Đông và xã Bàu Đồn thuộc huyện Gò Dầu; xã Đôn Thuận, phường Gia Lộc và phường Lộc Hưng thuộc thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305268812 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 09/12/2022. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1752161265 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29/12/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 10/8/2021. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2122840770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 30/06/2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 12/06/2020.

1.4. Mã số thuế: 0305268812.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khu liên hợp công nghiệp – đô thị - dịch vụ; ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào Khu liên hợp Công nghiệp – Đô thị - Dịch vụ Phước Đông – Bời Lời (Khu liên hợp) được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	26
2	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	21
3	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	325
4	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	29
5	Sản xuất phương tiện vận tải khác	30
6	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	28
7	Sản xuất thiết bị điện	27
8	Sản xuất đồ uống	11
9	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	12
10	Sản xuất, chế biến thực phẩm (trừ ngành sản xuất và chế biến tinh bột)	10 trừ 10620
11	Sản xuất trang phục	14
12	Dệt (trong hoàn thiện sản phẩm dệt, công đoạn nhuộm chiếm tỉ lệ nhỏ trong dây chuyền sản xuất và sử dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường).	13
13	Sản xuất sản phẩm từ cao su (trừ chế biến mủ cao su) và plastic	22
14	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	16
15	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	52
16	Bưu chính và chuyển phát	53
17	Viễn thông	61
18	Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	62
19	Hoạt động dịch vụ thông tin	63
20	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (trừ sản xuất bột giấy)	17
21	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	23
22	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (trừ thuộc da và sơ chế da)	15 trừ 15110
23	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (không sản xuất thuốc trừ sâu hóa học)	20
24	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị; trừ sản xuất vũ khí và đạn dược)	25 trừ 25200
25	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	31
26	Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan	321
27	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	323
28	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	324
29	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	329
30	Sản xuất kim loại	24
31	Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu: chỉ tiếp	38

	nhận 01 dự án thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất rắn phát sinh trong khu công nghiệp Phước Đông với công nghệ xử lý hiện đại, khép kín đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.	

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 2.837,11 ha; trong đó diện tích đã hoàn thành thi công san nền là 1.401,26 ha.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này. Nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước của các doanh nghiệp được miễn trừ đấu nối không bao gồm trong nội dung cấp phép của Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.
(từ ngày *31*... tháng *10* ..... năm 2023 đến ngày ..... *30* tháng *10* ..... năm 2030).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Tây Ninh (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Tây Ninh;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG;
- Lưu: VT, KSONMT, Đ.12

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Khu công nghiệp

1.1.1. Lưu vực 1

- Nguồn số 01: nước thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp trong lưu vực 1 – khu B được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đấu nối Khu liên hợp trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối theo quy định trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, được tự xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_f = K_q = 0,9$, đấu nối về hồ chứa nước thải lưu vực 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 của Khu liên hợp. Nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước của doanh nghiệp được miễn trừ đấu nối không bao gồm trong nội dung cấp phép của Giấy phép này.

- Nguồn số 03: nước thải từ quá trình hoạt động của nhà máy xử lý nước thải số 01 (nhà vệ sinh, phòng thí nghiệm, máy ép bùn…) được đấu nối trực tiếp vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 04: nước thải sinh hoạt từ các cơ sở hạ tầng trong lưu vực 1 – khu B được dẫn qua bể tự hoại trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom của Khu liên hợp, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 của Khu liên hợp.

1.1.2. Lưu vực 3

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp trong lưu vực 3 – khu A được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đấu nối Khu liên hợp trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 3 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 06: nước thải từ hoạt động của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối theo quy định trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, được tự xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_f = K_q = 0,9$, đấu nối về hồ chứa nước thải lưu vực 3 của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 3 của Khu liên hợp. Nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước của doanh nghiệp được miễn trừ đấu nối không bao gồm trong nội dung cấp phép của Giấy phép này.

- Nguồn số 07: nước thải từ quá trình hoạt động của nhà máy xử lý nước thải số 03 (nhà vệ sinh, phòng thí nghiệm, máy ép bùn…) được đấu nối trực tiếp vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 3 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 08: nước thải sinh hoạt từ các cơ sở hạ tầng trong lưu vực 3 – khu A được dẫn qua bể tự hoại trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom của Khu liên hợp, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 3 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 09: nước thải phát sinh từ hoạt động của bể lắng, rửa lọc của nhà máy nước

cấp số 1, được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_f = K_q = 0,9$ sau đó xả ra suối Bà Tươi.

1.1.3. Lưu vực 4

- Nguồn số 10: nước thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp trong lưu vực 4 – khu A được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đấu nối Khu liên hợp trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 4 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 11: nước thải từ hoạt động của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối theo quy định trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, được tự xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_f = K_q = 0,9$, đấu nối về hồ chứa nước thải lưu vực 4 của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 4 của Khu liên hợp. Nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước của doanh nghiệp được miễn trừ đấu nối không bao gồm trong nội dung cấp phép của Giấy phép này.

- Nguồn số 12: nước thải từ quá trình hoạt động của nhà máy xử lý nước thải số 4 (nhà vệ sinh, phòng thí nghiệm, máy ép bùn…) được đấu nối trực tiếp vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 4 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 13: nước rỉ rác phát sinh từ trạm trung chuyển chất thải rắn của Khu liên hợp được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 14: nước thải y tế phát sinh từ phòng khám đa khoa được xử lý sơ bộ để đạt tiêu chuẩn đấu nối nước thải trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 4 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 15: nước thải phát sinh từ Trung tâm dịch vụ Phước Đông được dẫn qua bể tự hoại trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 4 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 16: nước thải sinh hoạt từ các cơ sở hạ tầng trong lưu vực 4 – khu A được dẫn qua bể tự hoại trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 4 của Khu liên hợp.

1.2. Khu đô thị - dịch vụ

- Nguồn số 17: nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu đô thị - dịch vụ (khu A) qua bể tự hoại ra hệ thống thu gom nước thải về bể gom tập trung, sau đó được bơm trung chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 4 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 18: nước thải phát sinh từ hoạt động của bể lắng, rửa lọc của nhà máy nước cấp số 2 được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_f = K_q = 0,9$ sau đó xả ra kênh Xáng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng số 1

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Cầu Ngang và dẫn vào sông Sài Gòn tại xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2.1.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý từ nhà máy xử lý nước thải tập trung số 1 và nước thải sau xử lý của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối được dẫn vào hồ chứa nước thải sau xử lý trên lưu vực số 1 sau đó chảy qua đường cống bê tông cốt thép xả ra suối Cầu Ngang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1237595; Y = 592862 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105º30', múi chiếu 3º).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: bao gồm tối đa 5.000 m^3/ngày đêm nước thải sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải số 1 và còn lại là lượng nước thải sau xử lý của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối (thực hiện theo quy định hiện hành).

2.1.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được quan trắc tự động, liên tục trước khi tự chảy ra suối Cầu Ngang.

- Hình thức xả: xả mặt, ven bờ.

2.1.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.2. Dòng số 2

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Bà Tươi và đổ vào sông Vàm Cỏ Đông tại xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2.2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ nhà máy xử lý nước thải tập trung số 3 và nước thải sau xử lý của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối được dẫn vào hồ chứa nước thải sau xử lý trên lưu vực số 3 sau đó chảy qua đường cống bê tông cốt thép ra suối Bà Tươi.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1230627; Y =591905 (theo hệ tọa độ (VN 2000, kinh tuyến trục 105º30', múi chiếu 3º).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: bao gồm tối đa 4.900 m^3/ngày đêm nước thải sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải số 3 và còn lại là lượng nước thải sau xử lý của các doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối (thực hiện theo quy định hiện hành).

2.2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được quan trắc tự động, liên tục trước khi tự chảy ra suối Bà Tươi.

- Hình thức xả: xả mặt, ven bờ.

2.2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3. Dòng số 3

2.3.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Cầu Đúc và đổ vào sông Vàm Cỏ Đông tại xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2.3.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ nhà máy xử lý nước thải tập trung số 4 và nước thải sau xử lý của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối được dẫn vào hồ chứa nước thải sau xử lý trên lưu vực số 4 sau đó chảy qua đường cống bê tông cốt thép xả ra suối Cầu Đúc.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1233396; Y = 589601 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105º30', múi chiếu 3º).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: bao gồm tối đa 5.000 m^3/ngày đêm nước thải sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải số 4 và còn lại là lượng nước thải sau xử lý của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối (thực hiện theo quy định hiện hành).

2.3.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được quan trắc tự động, liên tục trước khi tự chảy ra suối Cầu Đúc.

- Hình thức xả: xả mặt, ven bờ.

2.3.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.4. Dòng số 4

2.4.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Bà Tươi và đổ vào sông Vàm Cỏ Đông tại xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2.4.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải từ nhà máy nước cấp số 1 sau khi được xử lý sẽ theo đường ống PVC, chảy ra suối Bà Tươi.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1230904; Y = 592425 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105º30', múi chiếu 3º).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m^3/ngày đêm.

2.4.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý tự chảy ra suối Bà Tươi.

- Hình thức xả: xả mặt, ven bờ.

2.4.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.5. Dòng số 5

2.5.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Xáng và đổ vào sông Vàm Cỏ Đông tại xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2.5.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải từ nhà máy nước cấp số 2 sau khi được xử lý sẽ theo đường ống bê tông cốt thép chảy ra kênh Xáng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1233339; Y= 591159 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105º30', múi chiếu 3º).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.5.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m^3/ngày đêm.

2.5.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được chảy ra kênh Xáng.

- Hình thức xả: xả mặt, ven bờ.

2.5.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 0,9 và K_f = 0,9), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	^0C	40	03 tháng/lần	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	pH	-	6-9		
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	40,5		
4	COD	mgO_2/l	60,75		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05		
6	BOD_5 (20^0C)	mgO_2/l	24,3		Không thuộc đối tượng
7	Độ màu	Pt-Co	50		
8	Asen	mg/l	0,0405		
9	Thủy ngân	mg/l	0,00405		
10	Chì	mg/l	0,081		
11	Cadimi	mg/l	0,0405		
12	Crom VI	mg/l	0,0405		
13	Crom III	mg/l	0,162		
14	Đồng	mg/l	1,62		
15	Kẽm	mg/l	2,43		
16	Niken	mg/l	0,162		
17	Mangan	mg/l	0,405		
18	Sắt	mg/l	0,81		
19	Tổng xianua	mg/l	0,0567		
20	Tổng phenol	mg/l	0,081		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
22	Sunfua	mg/l	0,162		
23	Florua	mg/l	4,05		
24	Nitơ tổng	mg/l	16,2		
25	Photpho tổng (tính theo P)	mg/l	3,24		
26	Clorua	mg/l	405		
27	Clo dư	mg/l	0,81		
28	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	3.000		
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405	01 năm/lần	
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243		
31	Tổng PCB	mg/l	0,00243		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Khu công nghiệp

1.1.1.1. Lưu vực 1

- Nguồn số 01: nước thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp trong lưu vực 1 – khu B được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đấu nối Khu liên hợp trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 02: nước thải từ hoạt động của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối theo quy định trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực, được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_f = K_q = 0,9$, đấu nối về hồ chứa nước thải lưu vực 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 03: nước thải từ quá trình hoạt động của nhà máy xử lý nước thải số 01 (nhà vệ sinh, phòng thí nghiệm, máy ép bùn…) được đấu nối trực tiếp vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 04: nước thải sinh hoạt từ các cơ sở hạ tầng trong lưu vực 1 – khu B được dẫn qua bể tự hoại trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom của Khu liên hợp, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 của Khu liên hợp.

1.1.1.2. Lưu vực 3

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp trong lưu vực 3 – khu A được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đấu nối Khu liên hợp trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 3 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 06: nước thải từ hoạt động của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối theo quy định trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực, được tự xử lý đạt QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A, $K_f = K_q = 0,9$, đấu nối về hồ chứa nước thải lưu vực 3 của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 03 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 07: nước thải từ quá trình hoạt động của nhà máy xử lý nước thải số 03 (nhà vệ sinh, phòng thí nghiệm, máy ép bùn…) được đấu nối trực tiếp vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 03 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 08: nước thải sinh hoạt từ các cơ sở hạ tầng trong lưu vực 3 – khu A được dẫn qua bể tự hoại trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom của Khu liên hợp, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 03 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 09: nước thải phát sinh từ hoạt động của bể lắng, rửa lọc của nhà máy nước cấp số 1 được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_f = K_q = 0,9$ sau đó xả ra suối Bà Tươi.

1.1.1.3. Lưu vực 4

- Nguồn số 10: nước thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp trong lưu vực 4 – khu A được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đấu nối Khu liên hợp trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 11: nước thải từ hoạt động của doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối theo

quy định trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực, được tự xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_f = K_q = 0,9$, đấu nối về hồ chứa nước thải lưu vực 4 của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 12: Nước thải từ quá trình hoạt động của nhà máy xử lý nước thải số 04 (nhà vệ sinh, phòng thí nghiệm, máy ép bùn…) được đấu nối trực tiếp vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 13: Nước rỉ rác phát sinh từ trạm trung chuyển chất thải rắn của khu liên hợp được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải, về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 14: Nước thải y tế phát sinh từ phòng khám đa khoa được xử lý sơ bộ để đạt tiêu chuẩn đấu nối nước thải trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 15: Nước thải phát sinh từ Trung tâm dịch vụ Phước Đông được dẫn qua bể tự hoại trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải, về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 16: Nước thải sinh hoạt từ các cơ sở hạ tầng trong lưu vực 4 – khu A được dẫn qua bể tự hoại trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải, về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu liên hợp.

1.1.2. Khu đô thị - dịch vụ

- Nguồn số 17: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu đô thị - dịch vụ (khu A) qua bể tự hoại ra hệ thống thu gom nước thải về bể gom tập trung, sau đó được bơm trung chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 18: Nước thải phát sinh từ hoạt động của bể lắng, rửa lọc của nhà máy nước cấp số 2 được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_f = K_q = 0,9$ sau đó xả ra kênh Xáng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 1:

+ Quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Hầm bơm → Lược rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH 1 → Bể phản ứng 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH 2 → Bể phản ứng 2,3 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải → Suối Cầu Ngang.

+ Công suất thiết kế: 5.000 m^3/ngày đêm (24 giờ).

+ Hóa chất sử dụng: mật rỉ, methanol, PAC, polymer anion, polymer cation, clorine, H_2O_2, phèn sắt, khử màu, soda, axit, xút (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 3 phần A của Phụ lục này).

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 3:

+ Quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Bể gom → Lược rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể khử màu → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Hồ chứa nước thải → Suối Bà Tươi.

+ Công suất thiết kế: 4.900 m^3/ngày đêm (24 giờ).

+ Hóa chất sử dụng: mật rỉ, methanol, PAC, polymer anion, polymer cation, clorine, khử màu, soda, axit, xút (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 3 phần A của Phụ lục này).

- ***Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 4:***

+ Quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Bể gom → Lược rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể đệm → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải → Suối Cầu Đúc.

+ Công suất thiết kế: 5.000 m^3/ngày đêm (24 giờ).

+ Hóa chất sử dụng: mật rỉ, methanol, PAC, polymer anion, polymer cation, clorine, khử màu, soda, axit, xút (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 3 phần A của Phụ lục này).

- Công trình xử lý nước thải của nhà máy nước cấp số 1:

+ Quy trình công nghệ: Nước từ quá trình hoạt động của bể lắng, rửa lọc → Hồ lắng bùn → Nước sau lắng → Suối Bà Tươi.

+ Công suất thiết kế: 300 m^3/ngày đêm (24 giờ).

+ Hóa chất sử dụng: không.

- Công trình xử lý nước thải của nhà máy nước cấp số 2:

+ Quy trình công nghệ: Nước từ quá trình hoạt động của bể lắng, rửa lọc → Hồ lắng bùn → Sân phơi bùn → Nước sau lắng → Kênh Xáng.

+ Công suất thiết kế: 300 m^3/ngày đêm (24 giờ).

+ Hóa chất sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 06 trạm (đã lắp đặt).

- Vị trí và thông số lắp đặt:

Đối với nhà máy xử lý nước thải số 1, gồm 02 trạm:

+ Sau bể khử trùng trước khi xả vào cống dẫn nước thải về hồ chứa nước thải sau xử lý trên lưu vực số 1; các thông số quan trắc bao gồm: pH, nhiệt độ, amoni, TSS, độ màu, COD, lưu lượng đầu vào và đầu ra.

+ Tại cửa xả nước thải từ hồ chứa nước thải sau xử lý trên lưu vực số 1 trước khi xả ra suối Cầu Ngang; các thông số quan trắc bao gồm: pH, nhiệt độ, amoni, TSS, độ màu, COD, lưu lượng đầu ra.

Đối với nhà máy xử lý nước thải số 3, gồm 02 trạm

+ Sau bể khử trùng trước khi xả vào cống dẫn nước thải về hồ chứa nước thải sau xử lý trên lưu vực số 3; các thông số quan trắc bao gồm: pH, nhiệt độ, amoni, TSS, độ màu, COD, lưu lượng đầu vào và đầu ra.

+ Tại cửa xả nước thải từ hồ chứa nước thải sau xử lý trên lưu vực số 3 trước khi xả ra suối Bà Tươi; các thông số quan trắc bao gồm: pH, nhiệt độ, amoni, TSS, độ màu, COD, lưu lượng đầu ra.

Đối với nhà máy xử lý nước thải số 4, gồm 02 trạm

+ Vị trí sau bể khử trùng trước khi xả vào cống dẫn nước thải về hồ chứa nước thải sau xử lý trên lưu vực số 4; các thông số quan trắc bao gồm: pH, nhiệt độ, amoni, TSS, độ màu, COD, lưu lượng đầu vào và đầu ra.

+ Tại cửa xả nước thải từ hồ chứa nước thải sau xử lý trên lưu vực số 4 trước khi xả ra suối Cầu Đúc; các thông số quan trắc bao gồm: pH, nhiệt độ, amoni, TSS, độ màu, COD, lưu lượng đầu ra.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: có.

- Camera giám sát: đã lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Công ty đã lắp đặt và truyền số liệu quan trắc nước thải tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: đã xây dựng 03 hồ sự cố để ứng phó khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố:

- Hồ sự cố lưu vực 1: 12.000 m^3.

- Hồ sự cố lưu vực 3: 25.000 m^3.

- Hồ sự cố lưu vực 4: 13.050 m^3.

Thành bể được lót màng HDPE; phía trên được kè bê tông đè màng HDPE; đáy được lót bằng màng HDPE, dưới lớp HDPE có ống nhựa PVD tạo thành mạng lưới để rút nước ngầm và thoát hơi.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với nước thải đầu vào các nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu liên hợp:

+ Phân tích chỉ tiêu độ màu 4-6 giờ/lần.

+ Lấy mẫu hằng ngày để phân tích theo kế hoạch kiểm soát chất lượng nước thải của Khu liên hợp.

- Đối với các doanh nghiệp xả thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu liên hợp:

+ Lấy mẫu nước thải đầu ra của mỗi doanh nghiệp tại vị trí đấu nối vào hệ thống thu gom của Khu liên hợp với tần suất 1 lần/tuần.

+ Phân tích mẫu nước thải theo kế hoạch kiểm soát chất lượng nước thải của Khu liên hợp.

- Đối với các doanh nghiệp miễn trừ đấu nối:

+ Lấy mẫu với tần suất 1 lần/ngày tại vị trí đấu nối của từng doanh nghiệp.

+ Phân tích mẫu nước thải theo kế hoạch kiểm soát chất lượng nước thải của Khu liên hợp.

+ Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để lấy mẫu nước thải sau xử lý của các doanh nghiệp miễn trừ đấu nối với tần suất 3 tháng/lần để phân tích các chỉ tiêu.

+ Mỗi doanh nghiệp đã được miễn trừ đấu nối phải lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục để quan trắc nước thải sau xử lý trước khi xả về hồ chứa nước của Khu liên hợp với các chỉ tiêu pH, nhiệt độ, amoni, TSS, độ màu, COD, lưu lượng đầu vào và đầu ra.

+ Dữ liệu phải truyền song song về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh và Ban điều hành Khu liên hợp để theo dõi, giám sát.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Trường hợp doanh nghiệp miễn trừ đấu nối xả thải về hồ chứa nước thải bị sự cố

Quy trình ứng phó sự cố loại 1: nước thải tại hồ chứa nước thải chưa vượt quy chuẩn

+ Khi xảy ra sự cố, Ban điều hành Khu liên hợp sẽ lập biên bản và khóa van xả thải của doanh nghiệp bị vượt quy chuẩn. Nhà máy xử lý nước thải tập trung và các doanh nghiệp miễn trừ đấu nối không bị vượt quy chuẩn vẫn tiếp tục xả thải bình thường, không ảnh hưởng đến quá trình hoạt động.

+ Sau khi doanh nghiệp bị vượt quy chuẩn khắc phục sự cố xong, Ban điều hành Khu liên hợp sẽ kiểm tra thực tế và lấy mẫu nước thải sau xử lý của doanh nghiệp này để phân tích. Nếu kết quả thí nghiệm đạt quy chuẩn thì Ban điều hành Khu liên hợp sẽ lập biên bản mở khóa, cho xả thải lại bình thường.

Quy trình ứng phó sự cố loại 2: nước thải tại hồ chứa nước thải vượt quy chuẩn

+ Khi xảy ra sự cố, Ban điều hành Khu liên hợp sẽ lập biên bản và khóa van xả thải của doanh nghiệp bị vượt quy chuẩn. Nhà máy xử lý nước thải tập trung và các doanh nghiệp miễn trừ đấu nối không bị vượt quy chuẩn vẫn tiếp tục xả thải bình thường, không ảnh hưởng đến quá trình hoạt động.

+ Khóa van xả thải từ hồ chứa nước thải ra nguồn tiếp nhận; Sử dụng 03 bơm dự phòng có tổng công suất 900 m^3/h rút nước từ hồ chứa nước thải sang hồ sự cố.

+ Lượng nước thải chứa trong hồ sự cố sẽ được bơm về bể điều hòa của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lại (tùy theo tình hình tiếp nhận của nhà máy).

+ Sau khi doanh nghiệp bị vượt quy chuẩn khắc phục sự cố xong, Ban điều hành Khu liên hợp sẽ kiểm tra thực tế và lấy mẫu nước thải sau xử lý của doanh nghiệp này để phân tích. Nếu kết quả thí nghiệm đạt quy chuẩn thì Ban điều hành Khu liên hợp sẽ lập biên bản mở khóa, cho xả thải lại bình thường.

- Trường hợp nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu liên hợp bị sự cố

Quy trình xử lý sự cố loại 1: chất lượng nước đầu ra nhà máy xử lý nước thải tập trung vượt quy chuẩn.

+ Khi xảy ra sự cố, nhà máy xử lý nước thải tập trung sẽ ngưng xả thải ra hồ chứa nước thải, khóa van xả thải từ hồ chứa nước thải ra nguồn tiếp nhận. Các doanh nghiệp miễn trừ đấu nối vẫn tiếp tục xả thải bình thường, không ảnh hưởng đến quá trình hoạt động.

+ Lấy mẫu các vị trí khác nhau trong hồ chứa nước thải để phân tích: nếu nước thải tại hồ chứa nước thải chưa bị vượt quy chuẩn thì mở van xả thải từ hồ chứa nước thải ra nguồn tiếp nhận; nếu nước thải tại hồ chứa nước thải bị vượt quy chuẩn thì sử dụng 03 bơm dự phòng có tổng công suất 900 m^3/h rút nước thải từ hồ chứa nước thải sang hồ sự cố.

+ Lượng nước thải chứa trong hồ sự cố sẽ được bơm về bể điều hòa của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

Quy trình xử lý sự cố loại 2: chất lượng nước thải đầu vào vượt tiêu chuẩn thiết kế của nhà máy xử lý nước thải tập trung

+ Khi xảy ra sự cố, Ban điều hành Khu liên hợp sẽ kiểm tra, lập biên bản và khóa van xả thải của doanh nghiệp bị vượt quy chuẩn. Các doanh nghiệp không bị vượt chuẩn vẫn xả thải bình thường.

+ Bơm toàn bộ nước thải đầu vào bị vượt tiêu chuẩn ra hồ sự cố để lưu chứa cho đến khi nước thải đầu vào đạt tiêu chuẩn thiết kế của nhà máy xử lý nước thải tập trung thì vận

hành lại hệ thống bình thường.

+ Lượng nước thải chứa trong hồ sự cố sẽ được bơm về bể điều hòa của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

Quy trình xử lý sự cố loại 3: lưu lượng nước thải đầu vào thay đổi đột ngột cao hơn lưu lượng thiết kế của nhà máy xử lý nước thải tập trung.

+ Khi xảy ra sự cố, bơm nước thải đầu vào ra hồ sự cố.

+ Ban điều hành Khu liên hợp sẽ kiểm tra, làm việc với doanh nghiệp xả thải vượt lưu lượng được phê duyệt để tránh diễn ra tình trạng tương tự.

+ Lượng nước thải chứa trong hồ sự cố sẽ được bơm về bể điều hòa của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lạ.

Quy trình xử lý sự cố loại 4: thiết bị của nhà máy xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng

+ Khi thiết bị bị hư hỏng, bơm nước đầu vào ra hồ sự cố để lưu chứa tạm thời. Nhanh chóng huy động lực lượng để thay thế thiết bị dự phòng. Sau khi thay thế xong, vận hành hệ thống lại bình thường.

+ Lượng nước thải chứa trong hồ sự cố sẽ được bơm về bể điều hòa của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

Quy trình xử lý sự cố loại 5: nhà máy xử lý nước thải tập trung bị cúp điện

+ Cấp 2 nguồn điện dự phòng cho quá trình hoạt động của các nhà máy xử lý nước thải tập trung.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	^oC	**40**
2	pH	-	**5,5-9**
3	Màu	Pt-Co	**70**
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	**150**
5	COD	mg/l	**250**
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	**150**
7	Asen	mg/l	**0,05**
8	Thủy ngân	mg/l	**0,005**
9	Chì	mg/l	**0,1**
10	Cadimi	mg/l	**0,05**
11	Crom (VI)	mg/l	**0,05**
12	Crom (III)	mg/l	**1**
13	Đồng	mg/l	**2**
14	Kẽm	mg/l	**3**
15	Niken	mg/l	**0,5**
16	Mangan	mg/l	**1**
17	Sắt	mg/l	**5**
18	Xianua	mg/l	**0,07**
19	Phenol	mg/l	**0,5**
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	**10**
21	Sunfua	mg/l	**0,5**

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
22	Florua	mg/l	**10**
23	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	**10**
24	Tổng nitơ	mg/l	**40**
25	Tổng phôtpho	mg/l	**6**
26	Clorua	mg/l	**600**
27	Clo dư	mg/l	**2**
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật: Clo hữu cơ	mg/l	**0,1**
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật: Photpho hữu cơ	mg/l	**1**
30	Tổng PCB	mg/l	**0,01**
31	Coliform	MPN/100ml	**5.000**

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 1, công suất thiết kế 5.000 m^3/ngày (24 giờ).

- Xử lý nước thải từ nhà máy xử lý nước cấp số 2, công suất 300 m^3/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 1:

+ Nước thải đầu vào: điểm lấy mẫu tại hầm bơm.

+ Nước thải đầu ra: điểm lấy mẫu tại hồ chứa nước thải.

- Công trình xử lý nước thải từ nhà máy xử lý nước cấp số 2:

+ Nước thải đầu vào: điểm lấy mẫu tại mương dẫn vào hồ lắng bùn.

+ Nước thải đầu ra: điểm lấy mẫu tại hố ga thu nước sau xử lý, trước khi xả ra kênh Xáng.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại mục 3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải vận hành thử nghiệm) trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải vận hành thử nghiệm) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở và các cơ sở thứ cấp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; có biện pháp giám sát, đảm bảo nước

thải phát sinh từ các cơ sở được miễn trừ đấu nối đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu liên hợp.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung trong quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của Khu liên hợp. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm ổn định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động liên tục.

3.7. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.8. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu liên hợp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đảm bảo nước thải phát sinh từ các cơ sở được miễn trừ đấu nối đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: máy thổi khí trong giai đoạn vận hành tại nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 02: máy thổi khí trong giai đoạn vận hành tại nhà máy xử lý nước thải tập trung số 03 của Khu liên hợp.

- Nguồn số 03: máy thổi khí trong giai đoạn vận hành tại nhà máy xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu liên hợp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°).

Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 1:

- Nguồn số 1: X = 1237618; Y = 592802 (máy thổi khí bể điều hòa)

- Nguồn số 2: X = 1237623; Y = 592807 (máy thổi khí bể hiếu khí)

Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 3:

- Nguồn số 3: X = 1230611; Y = 592093 (máy thổi khí bể điều hòa)

- Nguồn số 4: X = 1230629; Y = 592092 (máy thổi khí bể hiếu khí)

Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 4:

- Nguồn số 5: X = 1233439; Y = 589724 (máy thổi khí bể điều hòa)

- Nguồn số 6: X = 1233415; Y= 589699 (máy thổi khí bể hiếu khí)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26: 2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27: 2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và độ ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	*Khu vực thông thường*

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Sáp và mỡ đã qua sử dụng	07 03 06	40
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	50
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	10
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	150
Tổng khối lượng			**250**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp	12 10 02	300.000
Tổng khối lượng			**300.000**

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ quá trình xử lý hóa lý và sinh học từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	12 06 05	350.000
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	1.400
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 02	50
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	350
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị	18 02 01	100

	nhiễm các thành phần nguy hại		
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại.	19 05 02	550
Tổng khối lượng			**352.450**

Việc phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát phải được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	4.300
Tổng khối lượng		**4.300**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho chứa CTNH tại nhà máy xử lý nước thải số 1: 23 m².

- Kho chứa CTNH tại nhà máy xử lý nước thải số 3: 26 m².

- Kho chứa CTNH tại nhà máy xử lý nước thải số 4: 27 m².

- Thiết bị lưu chứa: đã trang bị thùng, phuy, can.

- Kho chất thải nguy hại được xây dựng khép kín với tường gạch bao quanh, nền bê tông chống thấm, có gờ bao, rãnh thu gom và thiết bị phòng chống sự cố do CTNH gây ra, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Trạm trung chuyển chất thải rắn (sinh hoạt và công nghiệp thông thường) với diện tích 1.560 m².

- Kho lưu giữ bùn thải tại nhà máy cấp nước số 1: bùn được lưu giữ ở nhà ép bùn mái tôn, nền bê tông, rãnh thoát nước; có diện tích 188 m².

- Kho lưu giữ bùn thải tại nhà máy cấp nước số 2: bùn được lưu giữ ở sân phơi bùn: nền và tường bê tông, rãnh thoát nước, mái tôn sáng; có diện tích 462 m².

- Kho lưu giữ bùn thải tại nhà máy xử lý nước thải số 1: mái tôn; gờ bao xung quanh bằng gạch, sơn chống thấm 2 mặt; nền bê tông, rãnh thu gom nước thải về hố thu gom; có diện tích 80 m².

- Kho lưu giữ bùn thải tại nhà máy xử lý nước thải số 3: mái tôn, gờ bao xung quanh bằng gạch, sơn chống thấm 2 mặt; nền bê tông, lát gạch men, rãnh thu gom nước thải về hố thu gom; có diện tích 87 m².

- Kho lưu giữ bùn thải tại nhà máy xử lý nước thải số 4: mái tôn, gờ bao xung quanh bằng gạch, sơn chống thấm 2 mặt; nền bê tông, rãnh thu gom nước thải về hố thu gom; có diện tích 80 m².

- Thiết bị lưu chứa: bao Jumbo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Trạm trung chuyển chất thải rắn (sinh hoạt và công nghiệp thông thường) với diện tích 1.560 m².

- Thiết bị lưu chứa: Thùng composite dung tích 240 lít, 660 lít.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại điều 122, điều 124, điều 125 và điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Theo Quyết định số 667/QĐ-BTNMT ngày 02/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu liên hợp Công nghiệp đô thị dịch vụ Phước Đông Bời Lời", các hạng mục, công trình của dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường bao gồm:

- San lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng; xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải phục vụ cho phần diện tích đất còn lại của dự án.

- Thi công xây dựng hướng tuyến thoát nước mưa một phần diện tích (140 ha) từ khu B - Khu công nghiệp Phước Đông đấu nối vào kênh tiêu Cá Chúc theo Công văn 4610/STNMT-PBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ngày 29/06/2023.

- Công trình xử lý nước cấp: tiếp tục nâng công suất và xây mới các nhà máy nước cấp để đạt tổng công suất là 220.000 m^3/ngày.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu liên hợp: tiếp tục nâng công suất và xây mới các nhà máy xử lý nước thải để đạt tổng công suất theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 667/QĐ-BTNMT ngày 02/03/2018, cụ thể như sau:

+ Lưu vực 2: Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung số 2 công suất 4.000 m^3/ngày, hồ sự cố dung tích 5.000 m^3;

+ Lưu vực số 4: Nâng công suất trạm xử lý nước thải tập trung số 4 từ 5.000 m^3/ngày lên 12.300 m^3/ngày.

Trường hợp có nhu cầu thay đổi công suất của các hệ thống xử lý nước thải tập trung do các yêu cầu liên quan đến quy định về việc thu gom, đấu nối nước thải của các dự án đầu tư thứ cấp vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định của Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG phải thực hiện đầy đủ các quy định có liên quan.

- Xây dựng các công trình phụ trợ bao gồm: hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy chữa cháy; các công trình cây xanh, cảnh quan theo quy định.

2. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình bảo vệ môi trường tiếp theo, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, cấp giấy phép môi

trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

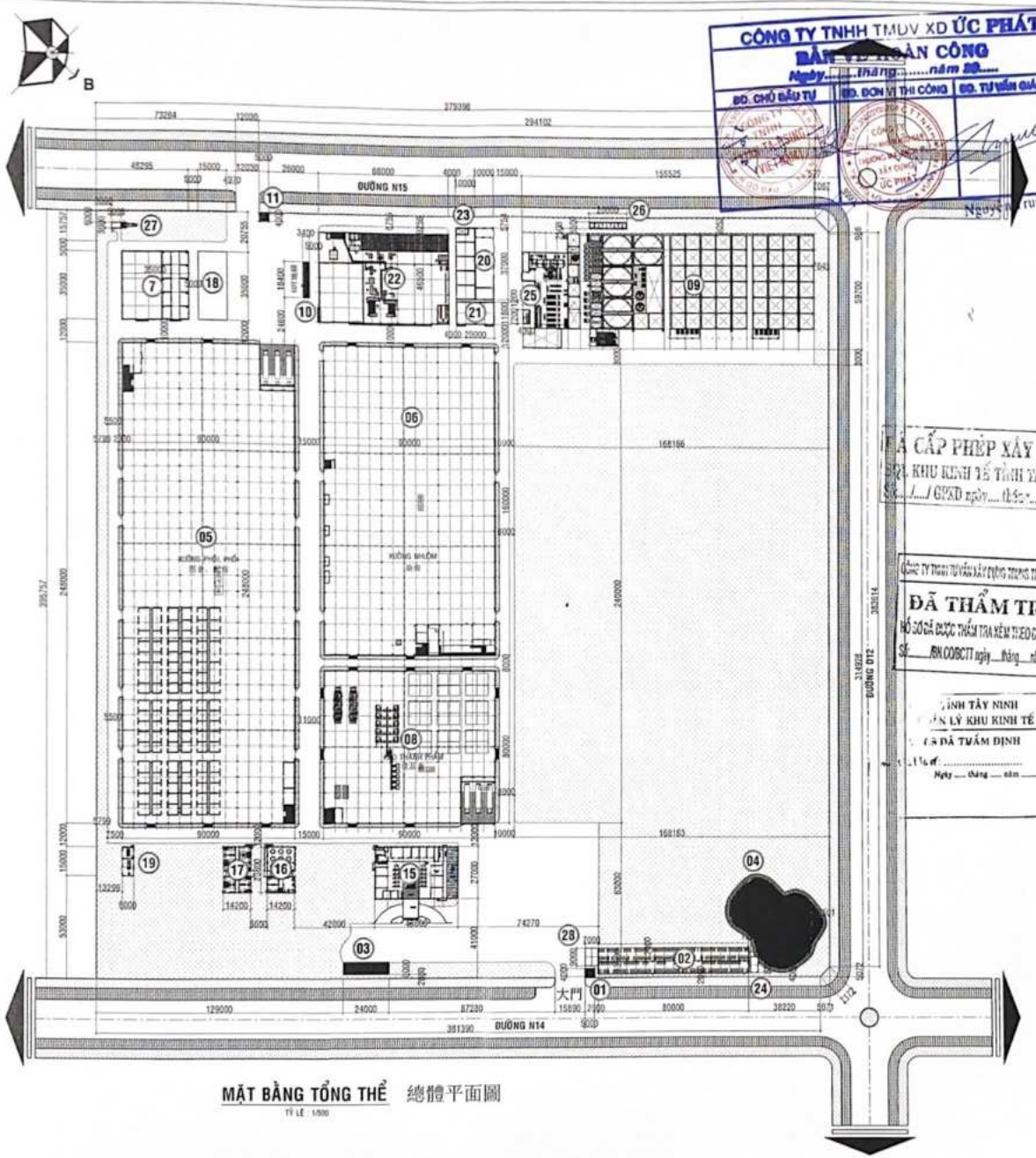
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu liên hợp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

6. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.



MẶT BẰNG TỔNG THỂ 總體平面圖

TỶ LỆ : 1/500

CÔNG TY TNHH TMDV XD ỨC PHÁT
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày ... tháng ... năm 20...
BD. CHỦ ĐẦU TƯ | BD. ĐƠN VỊ THI CÔNG | BD. TƯ VẤN GIÁM SÁT

ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG
BQL KHU KINH TẾ TỈNH TÂY NINH
Số: .../GPXD ngày ... tháng ... năm ...

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG THÔNG THÔNG ĐẠT
ĐÃ THẨM TRA
HỒ SƠ ĐÃ ĐƯỢC THẨM TRA KÈM THEO CÁO CÁO
Số: .../BN CO&CTT ngày ... tháng ... năm 20...

TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Ngày ... tháng ... năm ...

BẢNG THỐNG KÊ CÁC HẠNG MỤC

STT	I / CÁC HẠNG MỤC ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	DT. XÂY DỰNG (m²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO (m) SO VỚI cốt 000
1	(01) NHÀ BẢO VỆ 1	28	1	4.05
2	(02) NHÀ XE HỞI	144	1	3.65
3	(04) BỂ NƯỚC SẠCH	1.000	1	3.3
4	(10) TRẠM CÂN XE	62.56	1	
5	(11) NHÀ BẢO VỆ 2 (5× 2)m²	20	1	4.05
STT	II / CÁC HẠNG MỤC ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	DT. XÂY DỰNG (m²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO (m) SO VỚI cốt 000
1	(03) NHÀ XE 2 BÁNH	1.248	1	2.7
2	(05) XƯỞNG PHƠI - PHỐI SẤY	32.320	1	11.1
3	(06) XƯỞNG NHUỘM - XƯỞNG ĐỊNH HÌNH	14.400	1T+GÁC LỬNG	10.8
4	(07) NHÀ KHO HÓA CHẤT - DUNG MÔI	1.225	1	10.2
5	(08) KHO THÀNH PHẨM	7.200	1	11.1
6	(09) KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI	7.469,74	1	11.4
7	(12) MÁI NỐI 1	2.160,25	1	8.6
8	(13) MÁI NỐI 2	120	1	8.3
9	(14) MÁI NỐI 3 + 720m²	720	1	7.5
STT	III / CÁC HẠNG MỤC XIN CẤP PHÉP XÂY DỰNG	DT. XÂY DỰNG (m²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO (m) SO VỚI cốt 000
10	(15) VĂN PHÒNG	1.288,8	2T+1 TUM	12.8
11	(16) NHÀ NGHỈ GIỮA CA 2	344,7	2T+1 TUM	11.2
12	(17) NHÀ NGHỈ GIỮA CA 1	344,7	2T+1 TUM	11.2
13	(18) NHÀ ĂN	525	1	6.35
14	(19) TRẠM ĐIỆN 2	88	1	6.2
15	(20) TRẠM ĐIỆN 1	370	1	6.2
16	(21) PHÒNG BẢO TRÌ	336	1	6.2
17	(22) NHÀ NỐI HỞI	3.162	1	17.1
18	(23) KHU PHẾ THẢI	270	1	6.2
19	(24) TRẠM BƠM PCCC	32	1	2.9
20	(25) NHÀ VỆ SINH	28,8	1	6.1
21	(26) BỂ KHỬ TRÙNG	70	1	1
22	(27) PHÒNG QUAN TRẮC & KIỂM SOÁT LƯỢNG	21,14	1	3.8
23	(28) NHÀ KIỂM THỬ	93	1	4.35

BẢNG CÂN ĐỐI ĐẤT 佔地比例表

STT	HẠNG MỤC 項目	m²	%
I	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT 土地總面積	152.903,80	100
II	TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 建築面積	65.371,49	42,75
III	CÂY XANH + ĐẤT PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI 發展用地及綠地	63.879,81	41,78
IV	ĐƯỜNG GIAO THÔNG , SÂN BÃI 道路面積	23.651,70	15,47

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

NGÀY THÁNG	MÔ TẢ	CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ THI CÔNG
⚠1			
⚠2			
⚠3			
⚠4			

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

CÔNG TY TNHH TM - DV XÂY DỰNG
ỨC PHÁT

ĐC : KHU PHỐ PHƯỚC LỢI - PHƯỜNG HIỆP HÒA - THỊ XÃ HÒA THÀNH - TỈNH TÂY NINH

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VÂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

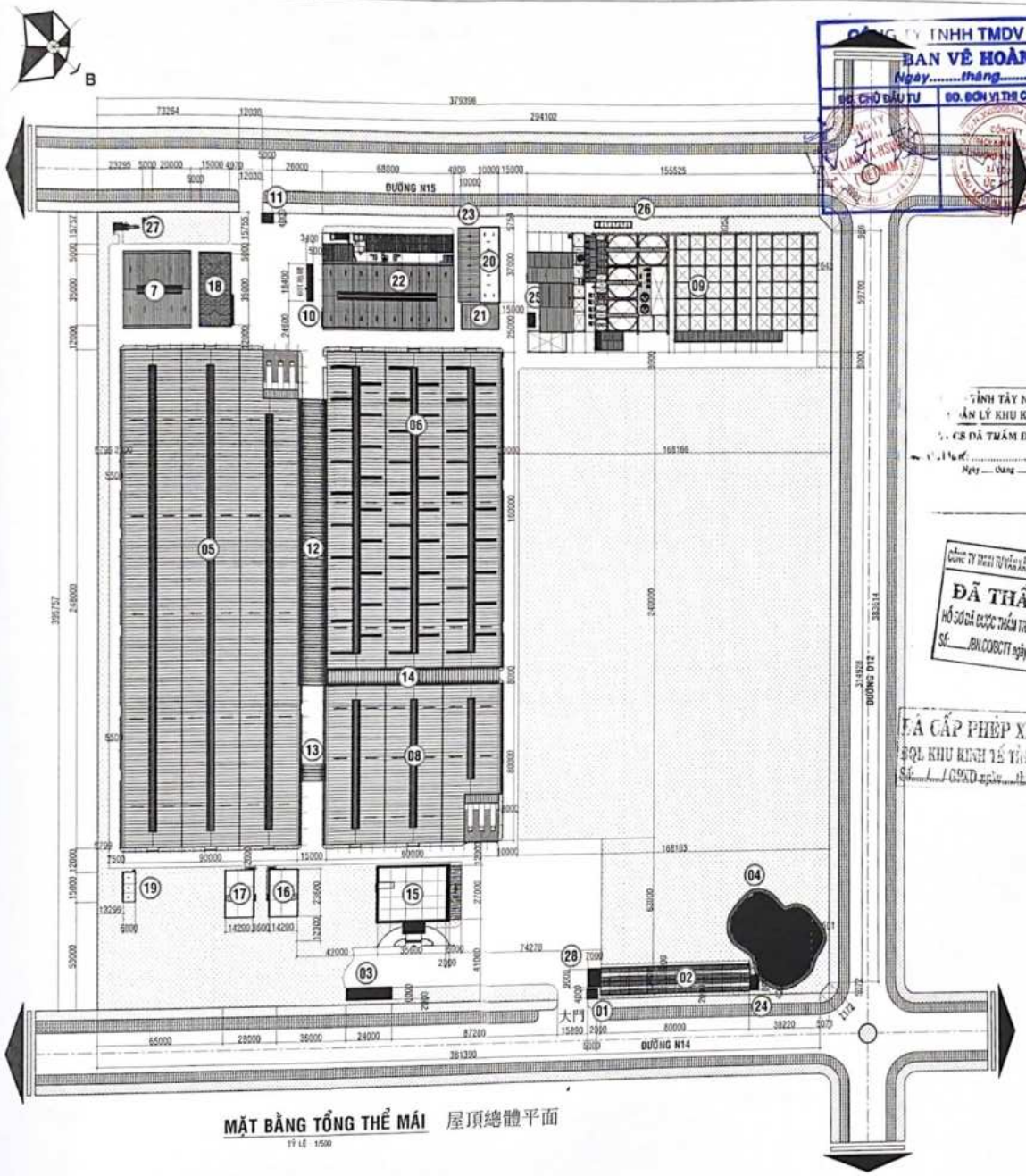
HẠNG MỤC - ITEM:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
總體平面圖

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
☐ - THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
☐ - THẨM KHẢO (For consult)
☐ - THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
☐ - THI CÔNG (For Construction)
☐ - TRÌNH DUYỆT (For approval)
☐ - HOÀN CÔNG (As-built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
總體平面圖

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: M377-01 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 10-2020



MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÁI 屋頂總體平面

TỶ LỆ 1/500

CÔNG TY TNHH TMDV XD ỨC PHÁT
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20...
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ | ĐƠN VỊ THI CÔNG | ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT

TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
V/v CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Ngày ... tháng ... năm ...

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG ỨC PHÁT
ĐÃ THẨM TRA
HỒ SƠ ĐÃ ĐƯỢC THẨM TRA KÈM THEO CÔNG VĂN
Số: .../BQLKKTCDCTT ngày ... tháng ... năm 20...

ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG
BQL KHU KINH TẾ TỈNH TÂY NINH
Số: .../ GPXD ngày ... tháng ... năm 20...

BẢNG THỐNG KÊ CÁC HẠNG MỤC

STT	I / CÁC HẠNG MỤC ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG	DT. XÂY DỰNG (m²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO (m) SO VỚI ±0.000
1	(01) NHÀ BẢO VỆ	38	1	4.00
2	(02) NHÀ XE HỘI	144	1	3.00
3	(03) TRẠM BƠM	1.500	1	8.3
4	(19) TRẠM CÂN ĐỐT	62.50	1	
5	(20) NHÀ ĂN	23	1	4.20

STT	II / CÁC HẠNG MỤC ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	DT. XÂY DỰNG (m²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO (m) SO VỚI ±0.000
1	(04) NHÀ XE 2 BÁNH	1.340	1	2.7
2	(05) XƯỞNG PHƠI - PHỐI LIỆU	22.320	1	11.1
3	(06) XƯỞNG NHUỘM - XƯỞNG ĐỊNH HÌNH	14.400	1T+LẦN LỬNG	15.8
4	(07) NHÀ KHO HOÁ CHẤT - DUNG MÔI	1.220	1	10.3
5	(08) KHO THÀNH PHẨM	7.200	1	11.1
6	(09) KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI	7.488,74	1	11.4
7	(12) MÁI NỐI 1	2.160,25	1	8.8
8	(13) MÁI NỐI 2	126	1	8.8
9	(14) MÁI NỐI 3 + 720m²	720	1	7.6

STT	III / CÁC HẠNG MỤC KHI CẤP PHÉP XÂY DỰNG	DT. XÂY DỰNG (m²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO (m) SO VỚI ±0.000
1	(15) VĂN PHÒNG	1.399,8	2T+1 TUM	12.8
2	(16) NHÀ NGHỈ GIỮA CA 2	344.7	2T+1 TUM	11.2
3	(17) NHÀ NGHỈ GIỮA CA 1	344.7	2T+1 TUM	11.2
4	(18) NHÀ ĂN	525	1	6.55
5	(21) TRẠM ĐIỆN 2	90	1	6.2
6	(22) TRẠM ĐIỆN 1	570	1	6.2
7	(23) PHÒNG BẢO VỆ	256	1	6.2
8	(24) NHÀ NỐI KHO	3.162	1	12.1
9	(25) KHU PHẾ THẢI	370	1	9.2
10	(26) TRẠM BƠM PCCC	32	1	2.8
11	(27) NHÀ VỆ SINH	29.8	1	3.1
12	(28) BỂ KHỬ TRÙNG	70	1	1
13	(17) PHÒNG BAN THẦU & KÉNH SỬ DỤNG	31.14	1	4.8
14	(29) NHÀ MẪU THỬ	63	1	4.80

BẢNG CÂN ĐỐI ĐẤT 佔地比例表

STT	HẠNG MỤC 項目	m²	%
I	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT 土地總面積	152.903,00	100
II	TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 建築面積	65.371,49	42,75
III	CÂY XANH + ĐẤT PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI 發展用地及綠地	63.879,81	41,78
IV	ĐƯỜNG GIAO THÔNG , SÂN BÃI 道路面積	23.651,70	15,47

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

NGÀY	MÔ TẢ	GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

CÔNG TY TNHH TM - DV XÂY DỰNG
ỨC PHÁT

ĐC : KHU PHỐ PHƯỚC LỘC, PHƯỜNG MỸ XUÂN, THỊ XÃ PHÚ MỸ, T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRÍ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N12, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

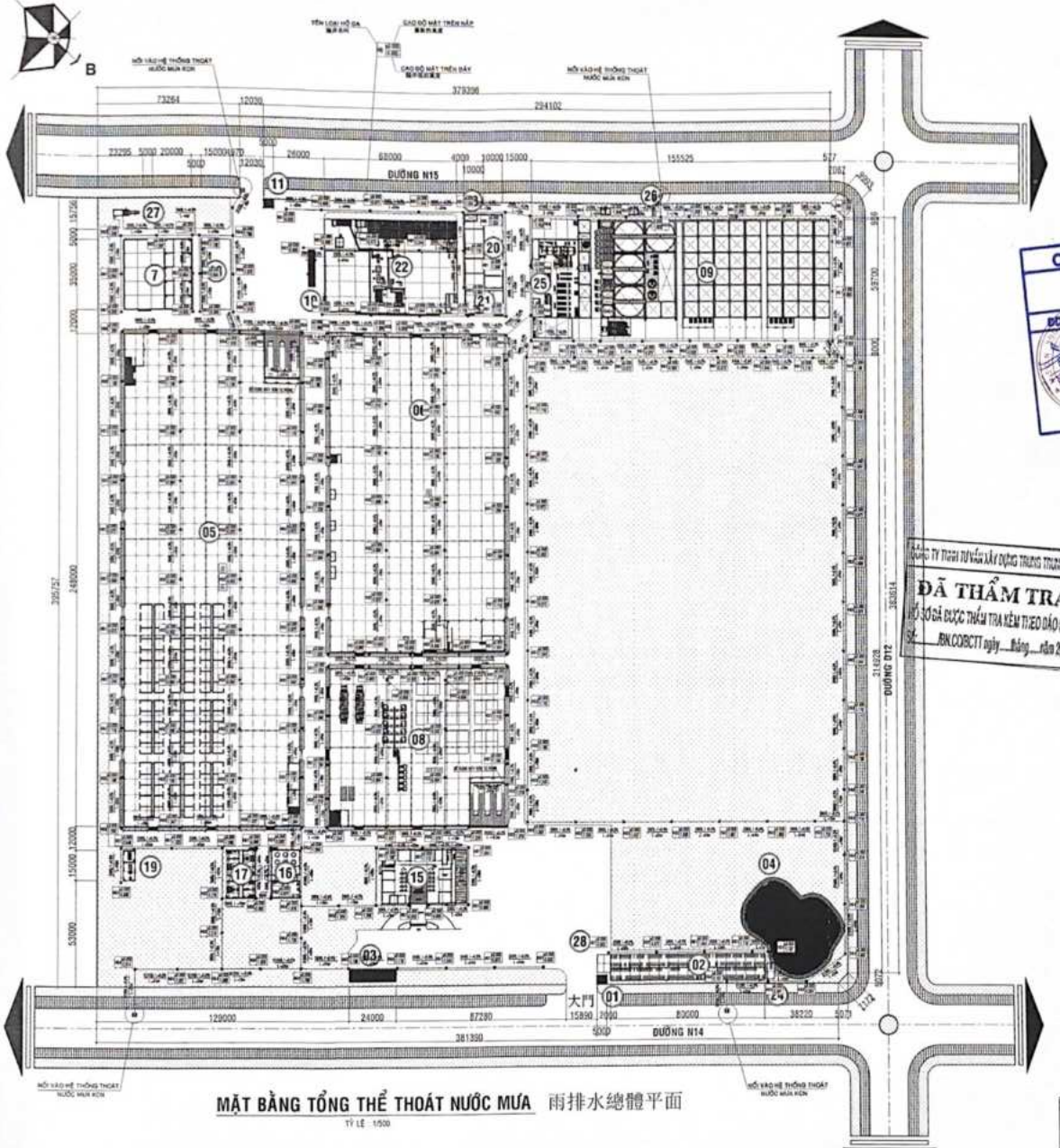
HẠNG MỤC - ITEM:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
總體平面圖

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
☐ - THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
☐ - THẨM ĐỊNH (For consult)
☐ - THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
☐ - THI CÔNG (For Construction)
☐ - TRÌNH DUYỆT (For approval)
☐ - HOÀN CÔNG (As Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÁI
屋頂總體平面

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: MBTT-02 | TỈ LỆ - SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 10-2020



MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA 雨排水總體平面

TỶ LỆ : 1/500

CÔNG TY TNHH TMDV XD ỨC PHÁT
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....
BD. CHỦ ĐẦU TƯ | BD. ĐƠN VỊ THI CÔNG | BD. TƯ VẤN GIÁM SÁT
Nguyễn Trung Tín

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG ỨC PHÁT

CÔNG TY TNHH TUYẾN XÂY DỰNG TRUNG TRUNG NAM
ĐÃ THẨM TRA
HỒ SƠ ĐÃ ĐƯỢC THẨM TRA KÈM THEO ĐÁO CÁO
Số: ...BN.CCBCTT ngày...tháng...năm 20...

LÀ CẤP PHÉP XÂY DỰNG
BQL KHU KINH TẾ TỈNH TÂY NINH
Số: ...1696... ngày ... tháng ... năm ...

...TỈNH TÂY NINH
...QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
...CS ĐÃ THẨM ĐỊNH
Số: .....
Ngày — tháng — năm —

GHI CHÚ:
- ▭ HƯỚNG HỒ (GẤP THÉP LẠI)
- ○ ---------- TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC
- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA TRÊN MÁI ĐƯỢC DẪN TỪ MÁI XUỐNG HỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NỘI BỘ
- H VỊ TRÍ HỐ GA KHU CÔNG NGHIỆP

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV KÝ HIỆU	DATE NGÀY	DESCRIPTION DIỄN GIẢI	DRAWN VẼ BỞI	CHECK KIỂM	APPROV DUYỆT
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)

CÔNG TY TNHH TM - DV XÂY DỰNG
ỨC PHÁT
ĐC : KHU PHỐ 1, PHƯỜNG MỸ XUÂN, THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR
VĂN KIM YÊN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

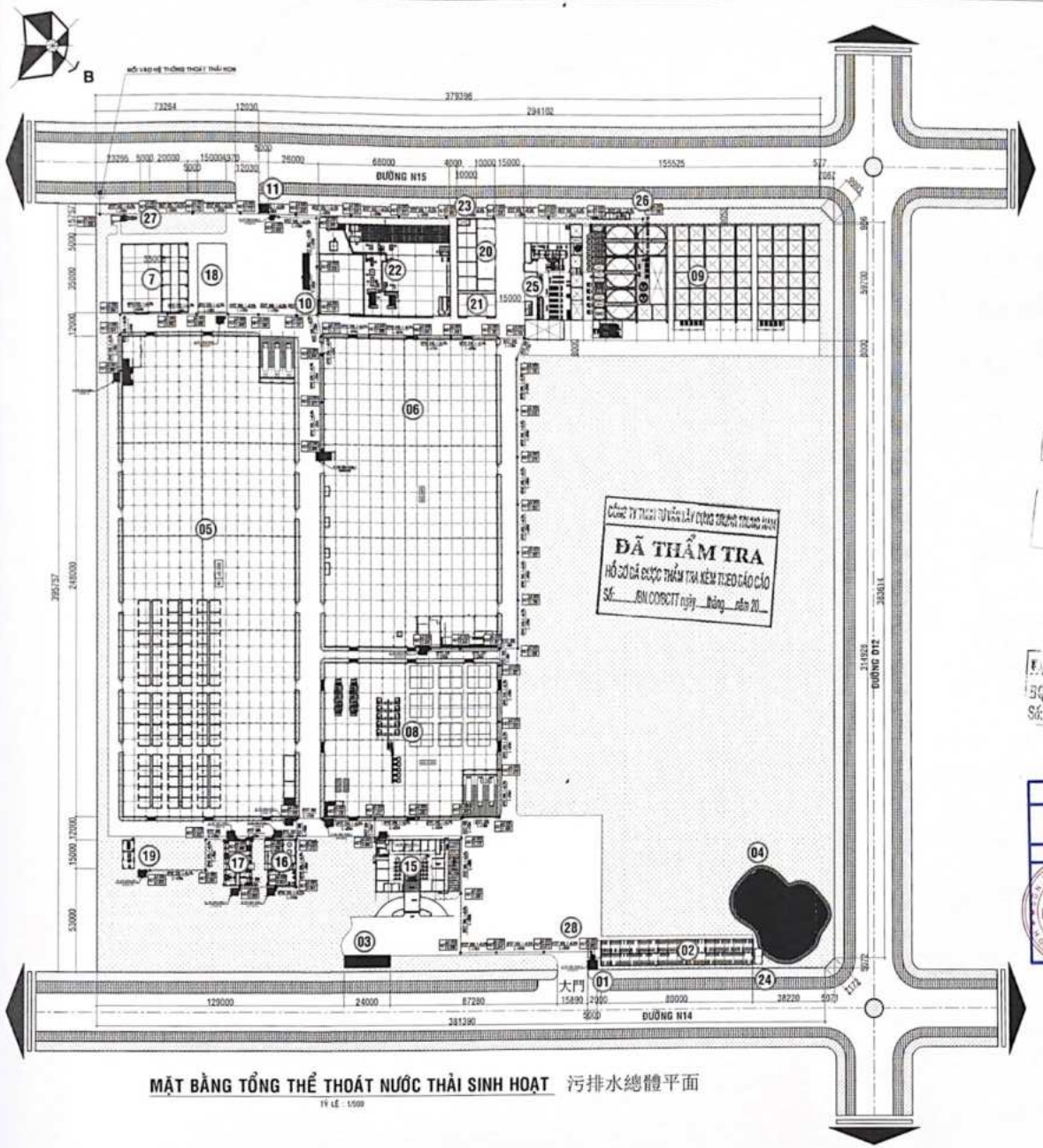
HẠNG MỤC - ITEM:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
總體平面圖

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ - THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ - THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ - TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☐ - THAM KHẢO (For consult)
- ☐ - THI CÔNG (For Construction)
- ☐ - HOÀN CÔNG (As-Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MBTT THOÁT NƯỚC MƯA
雨排水總體平面

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: MBTT-03 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 10-2019



MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT 污排水總體平面

TỶ LỆ : 1/500

ĐÃ THẨM TRA
HỒ SƠ ĐÃ ĐƯỢC THẨM TRA KÈM THEO GIẤY CẤP PHÉP XÂY DỰNG

ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG

CÔNG TY TNHH TMDV XD ỨC PHÁT
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ	ĐD. ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐD. TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG TY TNHH LIAN-TA-HSING (VIỆT NAM)	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG ỨC PHÁT	Nguyễn Trung Tín

GHI CHÚ:
- VỊ TRÍ HỐ GA THU NƯỚC THẢI
- TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT UPVC
- TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT BÊ TÔNG
- HỐ GA NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV	DATE	DESCRIPTION	DRAW	CHECK	APPR.
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

CÔNG TY TNHH TM - DV XÂY DỰNG
ỨC PHÁT

ĐC : KHU PHỐ PHƯỚC LẬP / PHƯỜNG MỸ KHÁNH / THỊ XÃ PHÚ MỸ / TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N14, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM.

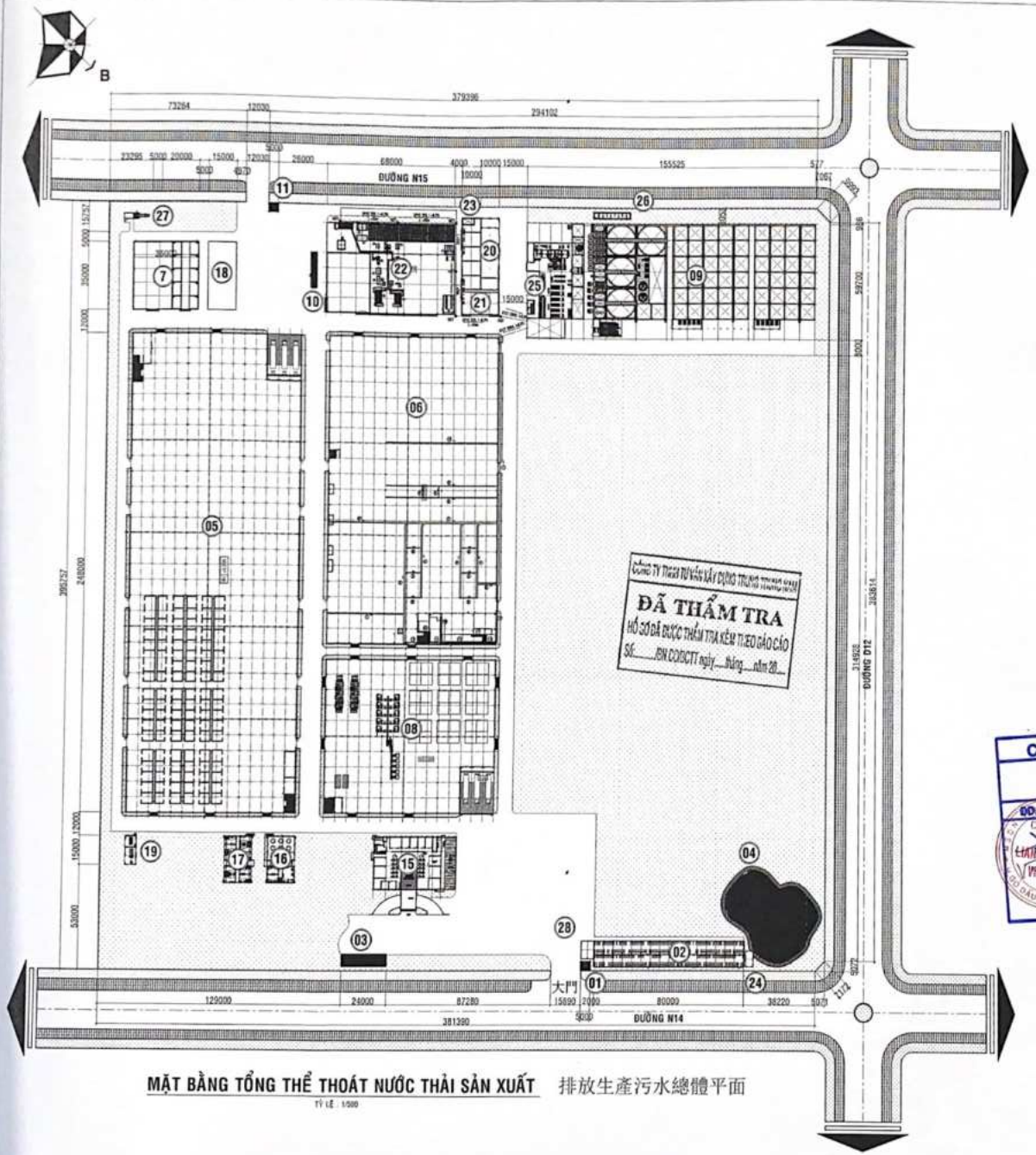
HẠNG MỤC - ITEM:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
總體平面圖

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ - THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ - THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ - TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☐ - THAM KHẢO (For consult)
- ☐ - THI CÔNG (For Construction)
- ☐ - HOÀN CÔNG (As-Built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MBTT NƯỚC THẢI SINH HOẠT
污排水總體平面

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: MBTT-10 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE: 10-2020



MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT 排放生產污水總體平面

TỶ LỆ : 1/500

ĐÃ THẨM TRA
HỒ SƠ ĐÃ ĐƯỢC THẨM TRA KÈM THEO GIẤY CHỨNG NHẬN SỐ: ... BIN CCSCTT ngày ... tháng ... năm 20...

ĐÃ CẤP PHÉP XÂY DỰNG
BQL KHU KINH TẾ TỈNH TÂY NINH
Số: ... / GPXD ngày ... tháng ... năm ...

CÔNG TY TNHH TMDV XD ỨC PHÁT
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....
ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ | ĐD. ĐƠN VỊ THI CÔNG | ĐD. TƯ VẤN GIÁM SÁT
Nguyễn Trung Tín

GHI CHÚ:
- VỊ TRÍ HỐ GA THU NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
- TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT BÊ TÔNG

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

HIỆU CHỈNH - REVISION

REV.	DATE	DESCRIPTION	DRAWN	CHECK	APPR.
1					
2					
3					
4					

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

CÔNG TY TNHH TM - DV XÂY DỰNG
ỨC PHÁT

ĐC : KHU PHỐ PHƯỚC LẬP, PHƯỜNG HÒA THÀNH, THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
VĂN KIM YẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PRESIDED BY
KTS. LÊ TẤN THÀNH

KIỂM TRA - CHECK BY
KS. LÊ THANH HẢI

THIẾT KẾ - DESIGNER
KTS. NGUYỄN HỮU TRỤ

CÔNG TRÌNH - PROJECT :
LIAN-TA-HSING INTERNATIONAL CO., LTD.

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
ĐƯỜNG N15, KCN PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM

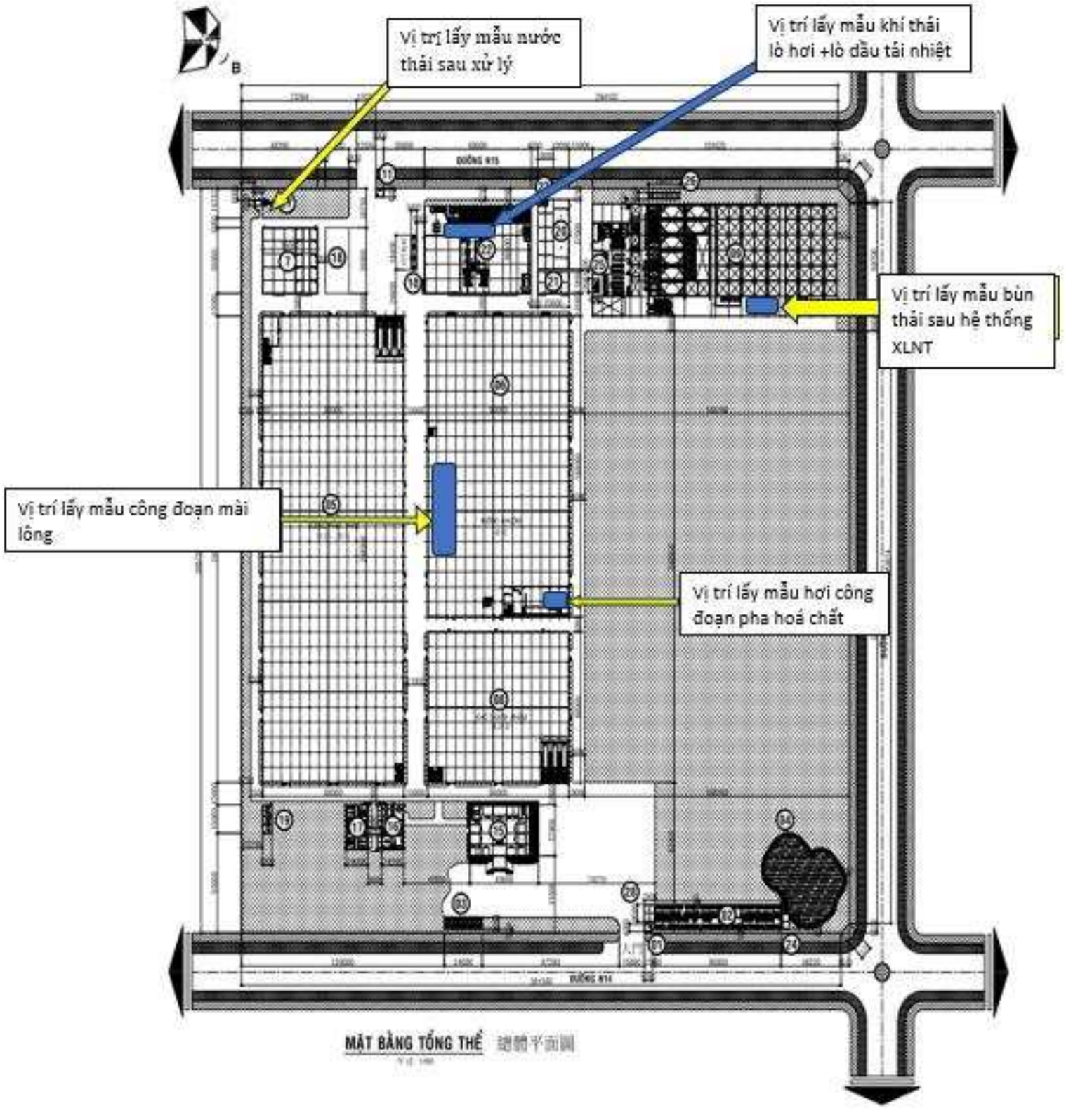
HẠNG MỤC - ITEM:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
總體平面圖

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR):
- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ (For Preliminary)
- ☐ THIẾT KẾ XIN PHÉP (For permission)
- ☐ TRÌNH DUYỆT (For approval)
- ☐ THAM KHẢO (For consult)
- ☐ THI CÔNG (For Construction)
- ☐ HOÀN CÔNG (As- built)

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE :
MBTT THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
排放生產污水總體平面

KH-BẢN VẼ-DRAWING NO: MBTT-14 | TỈ LỆ- SCALE: 1/100

NG. HOÀN THÀNH- COMPLECTION DATE : 10-2020



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU

NHÀ MÁY DỆT VẢI LIAN – TA – HSING VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG N15, KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH LIAN – TA – HSING (VIỆT NAM)